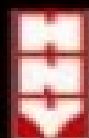


Virginia Woolf

TỐI NGỌN HẢI ĐĂNG



Nhà xuất bản
Hội Nhà Văn



Thông tin sách

Tên sách: **Tối ngọn hải đăng**

Nguyên tác: **To the Lighthouse**

Tác giả: **Virginia Woolf**

Người dịch: **Nguyễn Thành Nhân**

Nhà phát hành: **Hà Thế**

Nhà xuất bản: **NXB Hội Nhà Văn**

Khối lượng: **300g**

Kích thước: **14 x 20,5 cm**

Ngày phát hành: **12/2010**

Số trang: **276**

Giá bìa: **46.000đ**

Thể loại: **Kinh điển**

Thông tin ebook

Nguồn: **tve-4u.org**

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **28/10/2016**

Dự án ebook #261 thuộc Tủ sách BOOKBT



Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Giới thiệu

“Tới ngọn hải đăng” của Virginia Woolf được Tạp chí Time xếp hạng là một trong số 100 cuốn tiểu thuyết tiếng Anh hay nhất từ năm 1923-2005.

“Tới ngọn hải đăng” là câu chuyện kể về gia đình Ramsay trong kỳ nghỉ trên hòn đảo ở Scotland vào khoảng năm 1910 và 1920. Thông qua những điều bình dị, tác phẩm thể hiện được những tâm tư, suy nghĩ của Virginia Woolf về bản chất của cuộc sống và khát vọng tìm câu trả lời cho câu hỏi: Ý nghĩa của cuộc đời mỗi con người là gì? Tác phẩm cũng được coi là cuốn tiểu thuyết viết theo dòng ý thức thành công nhất của Virginia Woolf. Tuy nhiên đây không phải là một cuốn sách dễ đọc, như cách nói của nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình nổi tiếng người Canada Margaret Atwood: “*Có một số cuốn sách phải đợi cho tới lúc bạn đã sẵn sàng cho nó. Trong việc đọc, có rất nhiều điều phụ thuộc vào sự may mắn*”.

Những thành tựu của “Tới ngọn hải đăng”

- Tác phẩm Tới ngọn hải đăng được xuất bản lần đầu vào tháng 5/1927 với số lượng ba ngàn bản và bán hết trong vòng một thời gian ngắn, giúp vợ chồng Woolf mua được một chiếc xe hơi.

- Đoạt giải Heinemann Northcliffe và giải Femina Vie Heureuse (nay gọi là Prix Femina) dành cho tác phẩm nước ngoài năm 1928.
- Được dịch sang tiếng Pháp ba lần: dịch giả Maurice Lanoire (tựa tiếng Pháp Promenade au Phare - 1929); dịch giả Magadi Merle (tựa tiếng Pháp Voyage au Phare - 1993); dịch giả Francois Pellan (tựa tiếng Pháp Vers le Phare - 1996).
- Được tạp chí Time Magazine xếp hạng nằm trong số 100 cuốn tiểu thuyết tiếng Anh hay nhất từ 1923-2005.
- Được hãng thông tấn BBC chuyển thể thành phim (TV) vào năm 1983. Đạo diễn Colin Gregg, chuyển thể kịch bản phim Hugh Stoddart.
- Được chuyển thể thành kịch bởi kịch tác gia Adele Edling Shank, đạo diễn Les Waters, âm nhạc Paul Drescher, công diễn lần đầu tại nhà hát Roda ngày 23/3/2007.
- Nhạc sĩ Anh Patrick Wolf (sinh năm 1983) đã sáng tác ca khúc To the Lighthouse (trong album Lycanthropy - 2003) với cảm hứng từ cuốn tiểu thuyết.

GIỚI THIỆU

1. VỀ TÁC GIẢ



“Một người phụ nữ phải có tiền và một căn phòng riêng nếu muốn viết văn; và điều đó, như bạn sẽ thấy, khiến cho vấn đề lớn lao về bản chất đích thực của phụ nữ và bản chất đích thực của văn chương vẫn còn bỏ ngỏ chưa giải quyết.”

Câu nói trên trích từ Chương 1 của tập tiểu luận nhan đề *A Room of One's Own* (*Một căn phòng riêng*) của nữ tiểu thuyết gia, tiểu luận gia, nhà phê bình văn học người Anh Virginia Woolf (1882-1941). Câu trích dẫn này vẫn thường được mọi người nhắc đến khi đề cập tới Virginia, bởi lẽ tất cả những tác phẩm và chính cuộc đời đầy sóng gió và bi kịch của bà thật sự là những nỗ lực không ngừng để đạt tới mục đích bình dị vô song đó: Tiền và một căn phòng riêng để viết - hay nói cách khác, sự độc lập về mặt vật chất (và cả tinh thần) của một phụ nữ muốn sáng tạo văn chương nghệ thuật.

Nhũ danh của Virginia Woolf là Adeline Virginia Stephen. Bà là con gái của nhà biên tập và phê bình Leslie Stephen và Julia Prinsep Stephen (nhũ danh Jackson), một phụ nữ đẹp nổi tiếng từng là người mẫu cho các họa sĩ theo trào lưu Tiền-Raphael như Edward Burne-Jones. Cha mẹ bà đều đã từng kết hôn và con riêng, do đó gia đình bà bao gồm con cái của ba cuộc hôn nhân. Julia có ba con riêng là George, Stella và Gerald Duckworth. Leslie có một con gái với người vợ trước, tên là Laura Makepeace Stephen. Leslie và Julia có chung bốn người con: Vanessa Stephen, Thoby Stephen, Virginia và Adrian Stephen.

Leslie vốn là con rể của nhà văn William Thackeray (ông là chồng góa của con gái út của Thackeray), bên cạnh đó thân hữu của cả hai vợ chồng ông đều là những nhà văn, nghệ sĩ nổi tiếng của nước Anh vào thời bấy giờ. Do vậy con cái của ông được nuôi dạy trong một môi trường chịu nhiều ảnh hưởng của giới văn học nước Anh. Bổ sung cho những ảnh hưởng này là tòa thư viện rộng mênh mông ở nhà của Stephen, nơi mà Virginia và Vanessa được dạy các môn học như ngoại ngữ, triết học, văn chương, lịch sử, nghệ thuật và văn học Anh.

Theo Woolf, những hồi ức tuổi thơ mạnh mẽ nhất của bà không phải là ở London mà là ở thị trấn St. Ives thuộc hạt Cornwall, nơi gia đình bà dùng để nghỉ hè cho tới năm 1895. Ngôi nhà nghỉ hè của gia đình Stephen, Talland House, nhìn ra vịnh Porthminster, và vẫn còn cho tới ngày nay, dù đã thay đổi ít nhiều. Ký ức về những ngày nghỉ gia đình này và những ấn tượng về phong cảnh ở đó, đặc biệt là ngọn hải đăng Godvry, đã được thể hiện lại trong quyển tiểu thuyết được xem là hay nhất của Woolf vào những năm sau này, quyển *To the Lighthouse* (Tới ngọn hải đăng).

Trong thời gian nghiên cứu ở đại học đường King's College Cambridge và King's College London, bà quen biết với một số văn nghệ sĩ và trí thức cấp tiến như nhà kinh tế học John Maynard Keynes, thi sĩ E. M. Forster, nhà văn chuyên viết tiểu luận và tiểu sử Lytton Strachey và nhà văn, lý thuyết gia chính trị người Anh gốc Do Thái Leonard Woolf (1880-1969), người mà bà kết hôn vào năm 1912. Họ trở thành những thành viên sáng lập của *Bloomsbury Group*, một nhóm các bạn bè thân hữu sống và hoạt động gần khu Bloomsbury, London, thường xuyên có những buổi họp

mặt thảo luận về đủ mọi đề tài. Tác phẩm của Nhóm Bloomsbury đã có một ảnh hưởng sâu rộng tới các mặt văn chương, mỹ học, phê bình và kinh tế học, cũng như đưa ra những quan điểm hiện đại về thuyết nam nữ bình quyền, chủ nghĩa hòa bình và quan hệ tính dục.

Năm 1917, hai vợ chồng Woolfs mua lại một xưởng in thủ công nhỏ và sáng lập ấn quán Hogarth press, xuất bản những tác phẩm của nhóm Bloomsbury, của Katherine Mansfield cũng như bản dịch các tác phẩm của Freud. Virginia Woolf sống một cuộc đời sôi động giữa bằng hữu và gia đình, viết lách và diễn thuyết ở các trường đại học.

Cái chết của mẹ vào năm 1895 và của chị gái cùng mẹ khác cha Stella hai năm sau đó đã dẫn tới những cơn suy nhược thần kinh đầu tiên của Virginia Woolf. Và cái chết của cha bà vào năm 1914 đã khiến cho bà suy sụp hoàn toàn, phải vào bệnh viện để điều trị một thời gian ngắn. Các cơn suy nhược và những thời kỳ trầm cảm sau này cũng còn chịu ảnh hưởng bởi sự lạm dụng tình dục mà bà và Vanessa gánh chịu từ hai người anh cùng mẹ khác cha là George và Gerald Duckworth. Woolf đã nhắc lại chuyện này trong các tiểu luận *A sketch of the Past* (Một phác họa về quá khứ) và *22 Hyde Park Gate* (Nhà số 22 phố Hyde Park Gate). Trong suốt đời mình, Virginia Woolf luôn bị quấy rầy bởi những cơn trầm cảm và những chứng bệnh liên quan. Dù các cơn đau này thường gây ảnh hưởng tới hoạt động xã hội của mình, bà vẫn tiếp tục sáng tác với một vài thời kỳ gián đoạn cho tới khi qua đời do tự tử.

Càng về sau này, Virginia càng thường xuyên chịu đựng các cơn suy nhược thần kinh. Bà thẳng thắn tự nhận là mình “bị điên”, bảo rằng bà thường nghe thấy những tiếng nói và nhìn thấy những ảo ảnh: “Đối với tôi, bộ não của tôi là thứ thiết bị bất khả lý giải nhất - luôn luôn kêu vo ve, o o, vút lên, gầm rú, lao xuống, và rồi bị vùi chôn trong bùn. Và tại sao?...” (trích một lá thư đề ngày 28/12/1932) Sợ làm phiền đến chồng mình, bà đã tự tử một đôi lần nhưng thất bại. Trong lá thư cuối cùng gửi cho chồng, bà viết:

“Em cảm thấy chắc chắn rằng em sắp sửa điên trở lại. Em cảm thấy chúng ta sẽ không thể vượt qua những thời khắc kinh khủng đó thêm nữa.

Và lần này em không thể hồi phục lại. Em bắt đầu nghe thấy những giọng nói, và em không thể tập trung. Vì thế em sẽ thực hiện cái điều mà dường như là điều tốt nhất để làm. Anh đã cho em niềm hạnh phúc lớn nhất có thể có. Theo bất kỳ cách thức nào anh đã là tất cả những gì mà bất kỳ một người nào có thể là. Em không nghĩ rằng có thể có hai người nào từng hạnh phúc hơn (chúng ta) cho tới khi căn bệnh khủng khiếp này đến. Em không thể chiến đấu thêm được nữa. Em biết rằng em đang phá hỏng cuộc đời anh, rằng nếu không có em anh có thể làm việc được. Và anh sẽ làm được, em biết. Anh thấy đó, thậm chí em không thể viết được lá thư này cho hợp cách. Em không thể đọc. Điều em muốn nói là em mắc nợ anh về tất cả những hạnh phúc của đời mình. Anh đã hoàn toàn nhấn nạy với em và tốt đến không thể tin nổi. Em sẽ không tiếp tục phá hỏng đời anh nữa. Em không nghĩ rằng có thể có hai người nào lại từng hạnh phúc hơn chúng ta.”

Đêm 28/3/1941, Virginia Woolf nhét đầy đá vào những túi áo khoác rồi đi bộ tới con sông Ouse gần nhà và tự trầm mình. Cho tới ngày 18-4, thi thể hầu như chỉ còn xương của bà mới được phát hiện ra. Chồng bà chôn phần thi thể còn lại của bà dưới một gốc cây trong khu vườn nhà của họ tại Rodmell, Sussex.

Sau Thế chiến thứ hai, sự chú ý đối với các tác phẩm của bà giảm đi nhiều, nhưng từ đầu thập niên 1970 cho tới nay, do sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa nữ quyền ở phương Tây, ngày càng có nhiều công trình nghiên cứu về tác phẩm cũng như bản thân cuộc sống sáng tác và hoạt động của bà. Bộ môn văn chương Anh ở tất cả các trường đại học danh tiếng trên thế giới đều dành một học phần quan trọng để nghiên cứu về các tác phẩm của Virginia Woolf. Các trước tác của bà được tái bản nhiều lần và dịch ra nhiều thứ tiếng trên khắp thế giới. Hiện nay bà được đánh giá là một trong các tác giả vĩ đại nhất của thế kỷ 20, đồng thời cũng là một nhân vật trọng yếu trong lịch sử văn chương Anh ngữ với tư cách một người bênh vực nữ quyền và một người theo chủ nghĩa hiện đại; một trong những người sáng lập nên trào lưu Chủ nghĩa Hiện đại bao gồm T.S. Eliot, Ezra Pound, James Joyce và Gertrude Stein.

Trong quãng đời ngắn ngủi và chiến đấu thường xuyên với căn bệnh thần kinh của mình, Virginia Woolf đã trước tác một lượng khổng lồ các tác phẩm với đủ thể loại: 8 tiểu thuyết (*The Voyage Out* - 1915; *Night and Day* - 1919; *Jacob's Room* - 1922; *Mrs. Dalloway* - 1925; *To The Lighthouse* - 1927; *The Waves* - 1931; *The Years* - 1937; *Between The Acts* - 1941); 14 tập tiểu luận, trong đó nổi bật nhất là *A Room of One's Own* (1929) và *Three Guineas* (1938); sáu tập truyện ngắn; ba tập tiểu sử, trong đó nổi bật nhất là quyển *Orlando: A Biography* (1928), thường được xem như một tác phẩm tiểu thuyết, lấy cảm hứng từ nhà thơ nữ Vita Sackville-West, người tình đồng tính của bà; sáu tiểu sử tự thuật và nhật ký; và một vở kịch (*Freshwater: A Comedy* - công diễn 1923; xuất bản 1976). Ngoài ra còn có vô số thư từ liên quan tới cuộc sống và công việc của bà đã được xuất bản bao gồm ba quyển *Congenial Spirits: The Selected Letters* (1993), *The Letters of Virginia Woolf 1888-1941* (sáu tập, 1975-1980) và *Paper Darts: The Illustrated Letters of Virginia Woolf* (1991).

Cuộc đời và sự nghiệp phong phú, phức tạp của Virginia Woolf cũng đã được nghiên cứu rộng và sâu bởi gần ba mươi tác giả khác nhau dưới hình thức các tác phẩm tiểu sử và phân tích phê bình.

2. VỀ TÁC PHẨM “TỚI NGỌN HẢI ĐĂNG”

Nhìn chung, những phê bình/nhận xét của độc giả trên những website văn học hoặc có liên quan tới văn học và liên quan tới tiểu thuyết *Tới ngọn hải đăng* như amazon, sparknote, librarything, goodreads, britannica, search.barnesandnoble, v.v... đã hình thành nên hai quan điểm cực kỳ đối lập với nhau. Quan điểm thứ nhất khen ngợi và đánh giá rất cao *Tới ngọn hải đăng*, đại khái là nhận định rằng những chi tiết trong truyện rất gần gũi với tâm lý, cảm xúc của người đọc, với những trải nghiệm trong đời sống thật của họ; rằng văn phong của Virginia thật du dương, toàn tác phẩm là một bài thơ văn xuôi đậm chất nhân văn và là một bước cách tân lớn về mặt nghệ thuật cả đối với bản thân tác giả lẫn nền văn học Anh

ngữ hiện đại nói chung. Quan điểm còn lại (may thay chỉ là thiểu số) lại cho rằng văn phong của tác giả quá rườm rà, câu cú dài lê thê, đầy những phần mở rộng, khai triển quá nhiều ý phụ khiến cho người đọc khó lòng theo dõi nắm bắt nội dung ý chính, hành động (actions) - nếu có thể gọi chúng là hành động - thì đa phần diễn ra trong dòng ý thức của các nhân vật, với một nhịp điệu quá là chậm chạp, nói tóm lại một câu, như nhận xét của một độc giả, là: “Chẳng hơi đâu phí thì giờ để đọc một cuốn như cuốn này!”

Và cả hai quan điểm trên đều đúng!

Nếu nhìn từ góc độ của một bạn đọc thích loại truyện thiên về giải trí, có cốt truyện ly kỳ, đầy ắp những hành động diễn tiến với tốc độ cực nhanh, thì rõ ràng là cuốn tiểu thuyết này quá đáng chán, quá nặng nề. Nhiều khi không thể hiểu ý chính của tác giả là gì nếu không đọc đi đọc lại, đọc tới đọc lui một câu văn có khi dài tới cả trang giấy.

Nhưng đối với dạng bạn đọc khác, chấp nhận tác phẩm như nó vốn có, như nó là vậy, dành thời gian cho nó, bình thần và chậm rãi đi vào nó, khám phá nó, rung động với từng câu chữ, từng nhịp điệu, các bạn này sẽ dần quên đi ngoại vật, dần chìm đắm vào những diễn biến tâm lý của nhân vật, cùng buồn, vui, kinh ngạc, chán chường, bức tức, lo âu... với những buồn vui của họ.

Lý do của hai quan điểm trên đều xuất phát từ chính văn phong đặc biệt và độc đáo mà tác giả sử dụng ở tác phẩm này: sự khai thác “Dòng Ý thức” (Stream of Consciousness) của nhân vật.

Thuật ngữ “Dòng Ý thức” bắt nguồn từ các văn bản Phật giáo sơ kỳ (theo chữ Pali là *viññāna-sota*), sau đó được phát triển mở rộng bởi hệ phái Yogachara (Du già tông) của Phật giáo Đại thừa thành một lý thuyết về tinh thần. Theo Đại đức người Sri Lanka Hammalawa Saddhatissa Maha Thera (1914-1990) thì: “Dòng ý thức, chảy qua nhiều kiếp sống, cũng thay đổi y như dòng nước. Đây là học thuyết *anatta* (vô ngã) của Phật giáo liên quan tới cá thể con người.”

Triết gia, tâm lý học gia người Mỹ William James (1842-1910) là người đầu tiên vận dụng thuật ngữ *Dòng Ý thức* trong tác phẩm *Principles of Psychology* (Các nguyên tắc của Tâm lý học - 1890). Ngay lập tức, khái niệm này đã có một ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới nền văn học nghệ thuật hiện đại *avant-garde* thời bấy giờ, hình thành nên bút pháp *Dòng Ý thức*. Bút pháp *Dòng Ý thức* có nghĩa là người thuật chuyện thể hiện lại dòng ý thức của nhân vật bao gồm những ý nghĩ, liên tưởng, cảm xúc liên tục đan xen vào nhau và chuyển động liên miên tiếp nối như một dòng nước chảy.

Dù *Dòng ý thức* có phần tương tự với *Độc thoại nội tâm* (Interior monologue) và người ta thường hay nhầm lẫn giữa hai thủ pháp này, thật ra *Độc thoại nội tâm* có một điểm hoàn toàn khác biệt, do cú pháp tương đối có cấu trúc của nó và khả năng cho phép người độc thoại trực tiếp nói với chính bản thân mình (thường ở thì hiện tại). Còn ở *Dòng ý thức*, người thuật chuyện thường đứng ở vị trí kẻ quan sát thứ ba, cấu trúc cú pháp và trình tự thời gian bị đẩy tới một mức độ hoàn toàn hỗn loạn. Nói cách khác, theo quyển *150 thuật ngữ văn học* do Lại Nguyên Ân biên soạn, *Dòng Ý thức* là “mức tới hạn, là dạng cực đoan của độc thoại nội tâm.”

Có rất nhiều nhà văn khai thác bút pháp *Dòng Ý thức* trong tác phẩm của mình, chẳng hạn Dostoievsky, Leon Tolstoi, Knut Hamsun, Marcel Proust, James Joice, T.S, Eliot, vv..., nhưng với Virginia Woolf, đặc biệt, ở tác phẩm *Tới ngọn hải đăng*, bút pháp khai thác *Dòng Ý thức* đã được sử dụng ở một cấp độ đậm đặc nhất, nhuần nhuyễn nhất, tuyệt diệu nhất.

Mrs. Dalloway (Bà Dalloway) là tác phẩm đầu tiên mà trong đó Virginia Woolf sử dụng thủ pháp *Dòng Ý thức*. Tác phẩm này đã ngay lập tức đạt được thành công và có một ý nghĩa rất quan trọng trong bước phát triển về bút pháp của bà. Tuy nhiên, dù ở *Tới ngọn hải đăng* bạn đọc một lần nữa gặp lại thủ pháp này, nó đã vươn lên một tầm cao khác. *Dòng Ý thức* đã được giải phóng khỏi sự hỗn loạn thông thường của nó thông qua sự chọn lọc và ý thức về trình tự để đạt tới một độ cô nén tối đa.

Trong *Mrs. Dalloway*, nhân vật chính Clarissa Dalloway chiếm vị trí trung tâm trong mối quan hệ với chính bản thân mình, với gia đình, bằng hữu, người hầu, hoàn cảnh của mình. Trái lại, *Tối ngọn hải đăng* là một tác phẩm thể hiện những quan hệ tương tác giữa mọi người, và dù vẫn có những nhân vật chủ yếu và thứ yếu, những nhân vật chính không choán chỗ từ đầu tới cuối tác phẩm, mà đúng hơn chỉ là những phương tiện để mang lại cho câu chuyện sự hòa hợp và thống nhất của nó, những tiêu điểm trọng tâm của nó.

Với công cụ này, Virginia đã tạo tác nên một tác phẩm mang tính tự truyện cao độ, gắn bó mật thiết với những hồi ức của mình về cha, mẹ, các anh chị em, và ngôi nhà nghỉ hè ở thị trấn St. Ives. Tuy nhiên, tác phẩm đã vượt cao khỏi tầm vóc của một cuốn tự truyện bình thường để vươn tới một chiều cao khác, thể hiện được các chủ đề quán xuyến toàn tác phẩm, như tính chất phù du vô thường của phận người, sự vật; như nghệ thuật là một phương tiện bảo tồn; như bản chất khách quan của thực tại; như những tác động mang tính phục hồi của cái đẹp, vv...

Được đặt trong bối cảnh thời gian khoảng từ năm 1910 đến 1920, *Tối ngọn hải đăng* gián tiếp đề cập tới sự can thiệp mang tính hủy diệt của Thế Chiến thứ nhất. Cuộc chiến tranh không được thể hiện một cách trực tiếp mà chỉ qua những chi tiết nhỏ như việc Andrew, con trai cả của ông bà Ramsay bị giết chết bởi một mảnh đạn pháo ở Pháp. Andrew là một thanh niên có rất nhiều triển vọng, có khả năng trở thành một nhà toán học lớn. Anh tiêu biểu cho niềm hy vọng vào thế hệ tương lai, niềm hy vọng con cái mình sẽ tiếp tục hoàn thành con đường dang dở của mình của ông Ramsay. Nhưng chiến tranh đã phật ngang niềm hy vọng đó, cắt đứt nó bằng một nhát chém vô tình ngọt lịm. Chiến tranh cũng được gián tiếp nhắc đến như một tai ương không thể tránh khỏi qua những suy nghĩ của bà McNab, một bà lão giúp việc coi sóc ngôi nhà của gia đình Ramsay:

“Có những đôi giày và ủng; một cái bàn chải và một cây lược còn nằm lại trên bàn trang điểm, như thể bà ấy từng mong đợi sẽ trở về ngay trong ngày mai. (Bà ấy đã chết rất đột ngột, họ bảo thế.) Có lần lẽ ra họ

đã tới nhưng phải hoãn lại, do chiến tranh, và việc đi lại thời buổi này rất khó khăn.”

Hoặc, “Nhưng, than ôi, đã có nhiều thay đổi kể từ dạo ấy (bà đóng ngăn kéo lại); nhiều gia đình đã mất đi người thân yêu nhất của mình. Thế là bà ấy đã chết; và cậu Andrew bị giết; cả cô Prue cũng đã chết, họ bảo thế, với đứa con đầu lòng của cô ấy; nhưng mọi người đều mất mát một ai đó trong những tháng năm này. Giá cả tăng vọt một cách đáng xấu hổ, và cũng chưa hề hạ xuống.”

Hoặc một cách gián tiếp hơn nữa thông qua những chi tiết miêu tả cảnh hoang tàn đổ nát của một ngôi nhà vắng chủ:

“Ngôi nhà đã bị bỏ lại; ngôi nhà đã trở nên hoang vắng không người. Nó bị bỏ lại như chiếc vỏ sò trên một đồi cát và bị những hạt cát khô vùi lấp khi giờ đây cuộc sống đã từ bỏ nó. Đường như đêm dài đã chập chùng chặn nẻo; Đường như những làn gió lẻ vi vu, những hơi thở lạnh mò, lạnh và ẩm ướt, đã chiến thắng. Những cái chảo han rỉ, và những tấm thảm mục nát. Lũ cóc mò mẫm vào nhà. Tấm khăn choàng đang đưa phấp phới lại qua một cách lười nhát vô mục đích. Một cây kẻ đâm rễ vào những ô ngăn trong tủ chạn. Lũ chim én làm tổ trong phòng khách; nền nhà vương vãi những cọng rơm; vữa trát tường rơi từng mảng lớn; những chiếc rui nhà nằm trần trụi; lũ chuột tha dần món này món nọ để gặm nhấm phía sau những tấm ván ốp tường. Những con nhộng nở thành bướm đốm nâu và bò lổm ngổm phía ngoài kính cửa sổ. Cây anh túc nảy mầm giữa những lùm hoa thược dược; bãi cỏ nhấp nhô gợn sóng với những lớp cỏ cao; những cây atisô to lớn nhô cao giữa những bụi hoa hồng; một cây thược dược nở hoa giữa luống cải bắp; vào những đêm đông, tiếng gõ khe khẽ vào cửa sổ của một loài cỏ dại trở thành một tiếng lộp độp đều đều từ những thân cây cứng cáp và những cụm thạch nam gai vốn đã từng biến toàn bộ căn phòng thành một màu xanh vào mùa hạ.”

Xuyên suốt câu chuyện Woolf luôn sử dụng những hình ảnh biểu tượng lung linh đa tầng ý nghĩa như: khung cửa sổ - vị trí trung tâm của ngôi nhà, vị trí trung tâm của người mẹ, người vợ trong gia đình; ngọn hải đăng (trên thực tế và trong tâm tưởng của bà Ramsay, của Lily Briscoe, của James) - một hình ảnh tượng trưng cho cấu trúc bền vững của gia

đình, một sự soi rọi, một cái gì đó tràn đầy an ủi, một cái gì đó tuyệt diệu của tuổi ấu thơ giàu tưởng tượng; con gà mái và bầy con - mái ấm và cuộc sống gia đình; cái xương sọ lợn lòi - một sự nhắc nhở tới cái chết luôn hiện diện xung quanh; biển - luôn thay đổi trạng thái, có lúc xinh đẹp, thanh bình với những lượn sóng vỗ bờ êm ả, nhưng cũng có lúc đầy bạo lực, đầy đe dọa chết chóc với những cơn bão tố; nhắc tới sự mong manh của kiếp người; những lượn sóng - luôn chuyển dịch, đổi thay, trôi qua như chính bản thân thời gian, giống hệt nhau nhưng không phải là cùng một lượn sóng đó; bức tranh của Lily Briscoe - sự tranh đấu để đạt được nam nữ bình quyền trong sáng tạo, để đưa những sự vật tách rời nhau tới sự hòa hợp, và ý nghĩa cuối cùng của một tác phẩm; vv... Bạn đọc có thể tự mình phát hiện ra nhiều biểu tượng khác gắn liền với bản thể của riêng mình.

Bên cạnh đó, được sáng tác dưới ảnh hưởng lớn lao của các học thuyết quan trọng ra đời trước đó hoặc mới ra đời như học thuyết Tiến hóa (với tác phẩm *Nguồn gốc các loài* - 1859) của Charles Darwin, Phân tâm học (với tác phẩm đánh dấu *The Interpretation of Dreams* - Diễn giải các giấc mơ - 1900) của Sigmund Freud, *Tới ngọn hải đăng* cũng đã khai thác những phát hiện khoa học mới mẻ này trong các tình tiết của câu chuyện. Ví dụ: sự căm ghét cha của James; những suy tưởng đậm chất triết học của ông Ramsay, những suy nghĩ của bà Ramsay về đức Chúa.

Tới ngọn hải đăng gồm có ba phần: Khung cửa sổ, Thời gian qua và Ngọn hải đăng, đặt trên nền bối cảnh ngôi nhà nghỉ hè của gia đình Ramsay bên bờ biển trên hòn đảo Skye thuộc quần đảo Hebrides, Tô Cách Lan. Phần Một - gồm 19 chương - chiếm hơn phân nửa độ dài tác phẩm, thuật lại những diễn biến từ sau bữa ăn trưa cho tới khi kết thúc bữa tiệc tối. Phần Hai - gồm 10 chương - mô tả những diễn biến suốt quãng thời gian mười năm. Phần Ba - gồm 13 chương - kể lại hành trình ra ngọn hải đăng của ông Ramsay, Cam và James, diễn biến tâm lý của ba cha con; và quá trình diễn biến tâm lý của Lily Briscoe khi tiếp tục thực hiện bức tranh bỏ dở mười năm trước.

Phần Một - Khung cửa sổ đặt trong bối cảnh một buổi chiều tại ngôi nhà nghỉ hè của gia đình Ramsay. Hai vợ chồng Ramsay, dù rất khác nhau,

vẫn thật sự yêu nhau. Bà Ramsay, đã năm mươi tuổi, là một phụ nữ xinh đẹp, thông minh, quyến rũ, thông hiểu; bà hay nhúng tay vào việc của người khác, muốn được người khác ưa thích mình, muốn duy trì những ảo tưởng của mình và muốn những người khác duy trì các ảo tưởng của họ. Ông Ramsay khó hiểu hơn. Trong nhiều phương diện ông là một nhân vật khá thú vị, thông minh xuất chúng nhưng hướng nội, trung thực một cách cứng nhắc. Ông là một triết gia siêu hình học, một nhà tư tưởng, trong khi vợ ông chỉ là một người phụ nữ bình thường, với bản năng yêu thương và chăm sóc, quan tâm tới chồng con, bạn hữu và những người nghèo khổ. Hai vợ chồng họ có thể hiểu nhau mà không cần phải nói bằng lời.

Quanh ông bà Ramsay là tám đứa con: Andrew (con trai cả), một thanh niên thông minh và có nhiều triển vọng; Prue, (con gái) xinh đẹp dịu dàng; Nancy, (con gái); Rose (con gái), rất khéo tay; Roger (con gái); Jasper (con trai); Cam (con gái) nghịch ngợm và mơ mộng; và James (con trai út) hay cau có, gắt gỏng, có một thái độ mang tính phức cảm Oedip với cha nó.

Các nhân vật còn lại là những bằng hữu của gia đình Ramsay đến đó nghỉ hè, những người giúp việc hoặc những người quen biết khác như Lily Briscoe, cô gái già họa sĩ không muốn kết hôn mà quyết định hiến mình cho nghệ thuật; Charles Tansley, chàng thanh niên ngạo mạn, ích kỷ và mang chứng tự thương thân, một sản phẩm thật sự của môi trường thuở ấu thơ; William Bankes, một nhà thực vật học chính trực thông minh nhưng cũng có những điểm tính cách buồn cười; ông già Carmichael, thi sĩ, một người nghiêm khắc, có phần mâu thuẫn về tính cách; đôi bạn trẻ Paul và Minta, vân vân.

Hầu hết tất cả bọn họ đều di động về các hướng khác nhau, thế nhưng lại di động, ít ra là một cách gián đoạn, dưới ảnh hưởng của bà Ramsay. Dù có một khả năng chi phối đối với mọi người, bà Ramsay cũng đồng thời đánh mất đi một phần bản thân mình. Do áp lực phát sinh từ sự hiện diện của mọi người xung quanh, bà không thể tìm ra cơ hội để sống trọn vẹn đời sống nội tâm của chính mình.

Câu chuyện mở ra với việc thằng bé James, sáu tuổi, muốn đi qua vịnh tới ngọn hải đăng. Dù biết thời tiết xấu, mẹ nó vẫn không muốn dập tắt niềm hy vọng của nó, nhưng ông Ramsay cứ khẳng khẳng rằng thời tiết sẽ rất tồi tệ. Charles Tansley cũng hùa theo ý kiến của ông.

Nhiều diễn biến nho nhỏ khác xảy ra. Chẳng hạn, sau bữa ăn trưa, bà Ramsay thấy thương hại Tansley nên đề nghị anh ta cùng đi với bà ra thị trấn. Trên đường đi, Tansley cảm thấy yêu người phụ nữ lớn tuổi hơn mình nhưng vẫn còn xinh đẹp. Sau đó, bà Ramsay vừa ngồi bên cửa sổ đọc truyện cho James nghe vừa suy ngẫm miên man.

Lily Briscoe đứng vẽ tranh ở rìa bãi cỏ, William Bankes tới gần cô, sau đó cả hai cùng đi ra phía hàng giậu của khu vườn để tránh chạm mặt với ông Ramsay đang vừa đi qua đi lại vừa đọc to những câu thơ trong một trạng thái hưng phấn lạ lùng. Họ trao đổi về ông Ramsay. Lily nghĩ tới ông Ramsay cùng sự thông thái của ông ta với lòng kính trọng. Còn ông Bankes thì nghĩ về tình bạn giữa mình và ông Ramsay. Trong lúc đó ông Ramsay vẫn đi quanh bãi cỏ, suy ngẫm về sự khả tử của con người và tự hỏi các tác phẩm của ông sẽ tồn tại được bao lâu, tiếp tục hành trình tư tưởng của mình, được ẩn dụ như là một bảng chữ cái ABC mà bản thân ông chỉ mới đi tới mẫu tự Q. Ông không thể vươn tới chữ R, cảm thấy thất vọng và tìm tới sự an ủi của bà Ramsay. Bà Ramsay cùng ông đi dạo trong vườn, rồi bắt đầu thấy lo âu về Paul, Minta, Nancy và Andrew. Họ đã đi ra bãi biển và chưa quay lại.

Minta, Paul, Andrew và Nancy cùng dạo chơi trên bãi biển. Paul cầu hôn Minta. Sau đó Minta đánh mất chiếc trâm cài đầu của bà cô. Họ trở về nhà muộn.

Trong bữa tiệc tối, tất cả các nhân vật đều thể hiện cái tôi của họ thông qua những diễn biến nội tâm của mỗi người về mối quan hệ tương tác giữa họ với nhau. Bữa tiệc kết thúc với sự hài lòng của bà Ramsay. Những khó chịu bức dọc xảy ra đã được hòa giải. Bà Ramsay lên phòng Cam và James để dỗ chúng ngủ rồi ghé qua chỗ chồng mình đang ngồi đọc sách. Họ trò chuyện vài câu và bà biết rằng ông Ramsay muốn bà nói rằng bà yêu ông ấy. Nhưng bà chỉ mỉm cười và nói rằng ông đúng - ngày

mai thời tiết sẽ xấu và họ không thể đi ra ngọn hải đăng. Và bà biết rằng ông ấy biết bà yêu ông ấy.

Rải rác trong Phần Một có rất nhiều ý tưởng sâu sắc, chẳng hạn như ý nghĩ của bà Ramsay khi đột nhiên tiếng trò chuyện của mấy người đàn ông im bật, và bà chợt nghe thấy tiếng sóng biển nổi lên, không còn dịu êm nữa mà trở nên một mối đe dọa vô cùng đáng sợ (một ẩn dụ về tính chất mong manh của sự an bình/hạnh phúc/đời người?):

“Nhưng trong khi bà lật trang giấy, việc tìm kiếm một bức hình đột ngột bị cắt ngang. Tiếng thì thầm cộc lốc thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi tiếng ống tẩu phì phèo khiến cho bà yên tâm rằng những người đàn ông đang trò chuyện vui vẻ, dù bà không nghe thấy họ nói gì (vì bà ngồi phía trong cửa sổ mở ra mái hiên), cái âm thanh kéo dài suốt nửa giờ qua và diễn ra êm ả trong những tiếng ồn ào phía trên đầu bà, như tiếng bóng chạm vào vợt, tiếng hét chói tai thỉnh thoảng nổi lên, “Cú đó thế nào? Cú đó thế nào” của lũ trẻ đang chơi crikê, đã tắt hẳn; tiếng sóng vỗ đều đều ngoài bãi biển thường khi vẫn điểnh nhịp cho những ý nghĩ của bà và hình như lặp đi lặp lại một cách đầy an ủi khi bà đang ngồi với lũ trẻ những lời an ủi thì thầm của thiên nhiên như một bài hát ru xa xưa nào đó, “Mẹ trông nom con.. mẹ che chở cho con,” nhưng có đôi lúc, đột ngột và bất ngờ, chúng lại không có ý nghĩa tốt lành như thế mà giống như một hồi trống ma quái dần nhịp cho cuộc sống một cách không thương xót, khiến cho người ta nghĩ tới sự hủy diệt của hòn đảo và việc nó bị nhấn chìm vào lòng biển, và cảnh báo với bà, kể mà tuổi thanh xuân đã trôi về thời quá vãng, rằng tất cả đều phù du như một dải cầu vồng. Âm thanh vốn đã bị nhòa đi và bị che lấp dưới những âm thanh khác này đột nhiên lại vang rền trong tai bà và khiến cho bà ngẩng lên nhìn với niềm kinh hãi”

Hoặc ý nghĩ của Lily về tài năng và công việc vẽ tranh của mình:

“Phía sau lớp màu sắc là hình dáng. Cô có thể nhìn thấy rõ ràng mọi thứ. Chính lúc cô cầm chiếc cọ trên tay toàn bộ mọi sự vật chợt đổi thay. Ngay trong cái khoảnh khắc phiêu diêu giữa cảnh quan và khung vẽ này lũ quỷ đã ám vào cô. Chúng thường khiến cho cô muốn rơi nước mắt và biến quá trình chuyển từ ý niệm sang thực hiện trở nên đáng sợ như việc đi xuống một hành lang tăm tối đối với một đứa trẻ con. Cô thường có

cảm giác như thế - khi đang đấu tranh chống lại những điều lạ lùng kinh khủng và duy trì lòng can đảm - và cô thốt lên: “Nhưng đây là những gì tôi thấy; đây là những gì tôi thấy,” và cố níu kéo lại một ít tàn dư khôn khổ nào đó trong viễn tượng của mình, có tới cả ngàn trở lực cố hết sức giật chúng ra khỏi cô. Và cũng chính lúc đó, trên con đường lạnh lẽo lẫm lẫm phong ba này, khi cô bắt đầu vẽ, những trở lực đó tác động lên những thứ khác của cô, tài năng chưa chín tới của cô, sự tầm thường của cô, và cô cố gắng kềm nén cảm giác thôi thúc muốn sụp xuống dưới chân của bà Ramsay...”

Hoặc ý nghĩ của ông Ramsay về sự hữu hạn của kiếp người và những gì do con người tạo tác:

“Ông đứng bất động, cạnh chậu hoa phong lữ thảo tỏa nhánh um tùm. Rốt cuộc, có bao nhiêu người trong một tỷ người, ông tự hỏi, đã chạm tới chữ R?”

Chắc chắn là một người lãnh đạo với niềm hy vọng chớ vợ có thể tự hỏi mình điều đó, và trả lời mà không phản bội lại đoàn thám hiểm phía sau ông ta, “Có lẽ là một người.” Một người trong cả một thế hệ. Ông có đáng trách không nếu ông không phải là người đó? Miễn là ông đã lao khổ một cách chân thành, cố gắng với hết khả năng, cho tới khi ông không còn gì để cho đi nữa? Và tên tuổi của ông sẽ tồn tại bao lâu? Ngay cả một vị anh hùng đang hấp hối cũng được phép suy nghĩ trước khi ông ta chết rằng người ta sẽ nói về mình như thế nào sau đó. Có lẽ tên tuổi của ông sẽ tồn tại được hai ngàn năm. Và hai ngàn năm là cái quái gì? (ông Ramsay tự hỏi một cách mỉa mai, nhìn đăm đăm vào hàng giậu). Là cái quái gì, thật thế, khi bạn nhìn từ một đỉnh núi xuống bãi sa mạc thời gian dài vô tận? Ngay cả một hòn cuội mà người ta giơ chân đá văng xuống cũng sẽ tồn tại lâu hơn Shakespeare.

Ánh sáng bé nhỏ của ông sẽ tỏa ra, không rực rỡ lắm, trong một hoặc hai năm, rồi sẽ chìm vào một ánh sáng lớn hơn, và ánh sáng đó lại chìm vào một ánh sáng khác lớn hơn nữa.”

Và còn nhiều, rất nhiều những đoạn như thế, tôi xin phép để các bạn đọc tự khám phá khi bước vào tác phẩm.

Phần Hai - Thời gian qua rất cô đọng, gói gọn quãng thời gian mười năm trong vòng vài mươi trang sách. Nhưng có thể nói đây cũng là phần ấn tượng nhất, nơi tài năng điều luyện của Virginia Woolf đã được khai thác tối đa. Những đoạn văn xuôi đẹp như thơ diễn tả một cách sâu xa và hàm súc sự tàn lụi của ngôi nhà, tác động của cuộc chiến tranh, sự trôi chảy không ngừng của thời gian và tính chất phù du của vạn vật. Chẳng hạn như các đoạn sau đây:

“Nhưng dù mùa hè có vẻ như triền miên trong giấc ngủ, muộn hơn sau đó cũng xuất hiện những âm thanh đáng ngại giống như những tiếng búa gõ nhịp nhàng lên lớp nỉ, mà với sự chấn động lặp đi lặp lại của chúng tấmkhẩn choàng càng trở nên lỏng lẻo hơn và những cái tách uống trà rạn vỡ. Thỉnh thoảng một cái ly kêu leng keng trong tủ chạn như thể một gã khổng lồ nào đó vừa hét to lên giận dữ đến nỗi những cái cốc vại nằm bên trong một cái tủ cũng rung lên. Rồi sự im lặng lại buông xuống; và rồi, đêm nối tiếp đêm, và đôi khi vào đúng giữa trưa khi những đóa hoa hồng đẹp rạng rỡ và ánh sáng rọi lên bức tường hình dáng rõ ràng của nó, dường như có tiếng của một vật gì đó rơi đánh sầm xuống sự im lặng này, sự lạnh đạm này, sự vụn nguyên này.

[Một quả đạn đại bác nổ. Hai mươi hoặc ba mươi chàng trai tan xác ở Pháp, Andrew Ramsay nằm trong số đó. Trời đất thương tình, anh chết ngay lập tức.]”

Hoặc, *“Bây giờ, ngày nối tiếp ngày, ánh sáng biến chuyển hình ảnh sắc nét của nó trên bức tường đối diện, như một bông hoa phản chiếu trên mặt nước. Chỉ có bóng của những hàng cây ngả nghiêng trong gió đang rập người trên tường, và trong khoảnh khắc làm tối đi cái vũng ánh sáng phản quang; hoặc chỉ những bóng chim bay ngang, tạo thành một vệt nhòa chậm chạp lướt qua nền phòng ngủ.”*

Hoặc, *“Đêm nối tiếp đêm, hè qua đông đến, sự hoành hành của những cơn bão, sự tĩnh lặng như tờ của ngày trời đẹp (đã từng có ai đó lắng nghe không), từ những căn phòng bên trên của ngôi nhà trống chỉ có thể nghe thấy tiếng giăng giật của những tia chớp lóe khổng lồ, khi những cơn gió và những lượn sóng nô đùa và cưỡi lên nhau như những bầy thủy quái phi lý trí luôn thay hình đổi dạng, và lao sầm vào bóng đêm hay ánh*

sáng ban ngày (vì đêm và ngày, tháng và năm cùng lướt bên nhau một cách phi hình thức) trong những trò chơi ngốc nghếch cho tới khi đường như vũ trụ cũng vật vã đổ nhào trong sự hỗn mang bạo tàn và khát vọng vô mục đích của chính nó.”

Hoặc, “Rồi mái nhà hắt cũng sẽ sụp đổ xuống; những bụi thạch nam và độc cần sẽ phủ kín những lối đi, bậc thềm và cửa sổ; sẽ đâm chồi nảy lộc, không đồng đều nhưng mạnh mẽ trên ụ đất, cho tới khi một kẻ xâm phạm nào đó, bị lạc đường, chỉ có thể được kể cho nghe câu chuyện bởi một cây loa kèn duốc nằm giữa những bụi tầm ma, hoặc một mảnh đồ sứ trong bụi độc cần, rằng nơi đây trước kia đã có người từng sống; nơi đây từng có một ngôi nhà.”

Tất cả những thông tin quan trọng về các nhân vật đều nằm trong hai dấu ngoặc ôm. Ví dụ: việc kết hôn của Prue Ramsay, cái chết của bà Ramsay, cái chết của Prue, cái chết của Andrew, việc ông Carmichael xuất bản thành công tập thơ.

Phần Ba - Ngọn hải đăng thuật lại hành trình đi ra ngọn hải đăng của ông Ramsay, Cam và James. Hai đứa trẻ không muốn đi nhưng phải miễn cưỡng phục tùng ý muốn của cha chúng. Diễn biến tâm lý của hai đứa trẻ ngày càng để lộ ra một thực chất rằng thật ra chúng không ghét cha chúng mà là căm ghét tính cách độc đoán chuyên chế của ông. Như cảm nghĩ của James:

“... không phải là ông ta, cái người đang đọc ấy, là người mà nó muốn giết, mà là cái đã bất ngờ tấn công nó - có lẽ ông ấy cũng không biết: cái con yêu quái cánh đen dữ tợn bất ngờ xuất hiện đó, với cái mỏ và bộ móng vuốt cứng và lạnh lẽo, cứ bầu sâu, bầu sâu vào bạn (nó có thể cảm thấy cái mỏ trên đôi chân trần của nó, nơi con quái thú đó đã tấn công khi nó còn là một đứa bé) rồi biến đi, và ông ấy lại hiện ra, một ông già, rất buồn, đang đọc sách. Nó sẽ giết cái đó, nó sẽ đâm vào tim cái đó. Bất cứ điều gì nó làm - (và nó sẽ làm bất cứ điều gì, nó cảm thấy, nhìn vào ngọn hải đăng và bờ biển phía xa) dù nó là thương gia, làm trong một nhà băng, một luật sư, một lãnh đạo công ty, nó sẽ chiến đấu với cái đó, nó sẽ truy lùng và nghiền nát cái đó - sự bạo ngược, sự chuyên chế, nó gọi cái đó như thế - việc buộc mọi người làm điều mà họ không muốn làm,

tước đoạt quyền được nói của họ. Làm sao bất kỳ ai trong số chúng có thể nói, Nhưng tôi sẽ không đi, khi ông ấy nói, Hãy ra ngọn hải đăng. Hãy làm điều này. Hãy lấy cho tôi cái đó...”

Và của Cam:

“Chẳng bao lâu nữa họ sẽ rời khỏi cuộc đời, ông Ramsay đang nói với già Macalister, nhưng con cái họ sẽ nhìn thấy những điều kỳ lạ. Macalister bảo ông tròn bảy mươi lăm vào tháng Ba vừa rồi; ông Ramsay thì bảy mươi một. Macalister bảo ông chưa từng đi bác sĩ lần nào; ông chưa rụng một cái răng nào. Và đó là cái cách mà tôi thích con cái tôi sống - Cam chắc chắn đó là điều mà cha nó đang thầm nghĩ vì ông đã ngăn nó đừng ném một cái bánh sandwich xuống biển và bảo nó, như thể ông đang nghĩ về những người ngư dân và cách sống của họ, rằng nếu nó không muốn ăn nữa thì nên cất cái bánh lại vào gói. Nó đừng nên lãng phí. Ông nói điều đó một cách minh nhiên, như thể ông biết rõ những điều xảy ra trên thế gian đến nỗi nó cất cái bánh vào ngay, thế rồi ông lấy từ gói của mình ra một cái bánh gừng và trao cho nó, như thể ông là một ông lớn Tây Ban Nha đang trao cho một phu nhân bên cửa sổ một đóa hoa (cử chỉ của ông hào hoa phong nhã làm sao). Ông ăn mặc xoàng xĩnh, giản dị, đang ăn bánh mì và pho mát; thế nhưng ông đang chỉ huy chúng trong một cuộc viễn chinh mà họ có thể sẽ chết chìm, đó là tất cả những gì nó biết.”

Cuối cùng, khi họ sắp đặt chân lên bờ ở chỗ ngọn hải đăng, mỗi xung đột giữa người cha và hai đứa con đã được hóa giải một cách tuyệt vời, hai đứa trẻ không còn căm ghét cha chúng nữa.

Trong khi đó, trên bãi cỏ tại ngôi nhà, Lily Briscoe bắt đầu vẽ tiếp bức tranh bỏ dở mười năm trước. Hình ảnh ông Ramsay van xin sự cảm thông của cô trước lúc lên đường, những hồi ức về bà Ramsay, về Charles Tansley, về William Bankes, về đôi vợ chồng Paul và Minta, cuối cùng cũng đã hóa giải trong lòng cô nỗi thống khổ vì câu nói vẫn luôn ám ảnh cô: “Đàn bà không thể vẽ, đàn bà không thể viết” của Tansley. Cuối cùng cô cũng nhận ra ý nghĩa đích thực của công việc sáng tạo của mình và hạ nét cọ cuối hoàn tất bức tranh.

Tuy có phần hơi gượng ép trong cách xử lý những mối xung đột, phần này vẫn rất xuất sắc khi lần theo đường dây tâm lý của các nhân vật, với những trang văn thật sự rung cảm lòng người.

3. MỘT SỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC

- Tác phẩm *Tới ngọn hải đăng* được xuất bản lần đầu vào tháng 5-1927 với số lượng ba ngàn bản và bán hết trong vòng một thời gian ngắn, giúp vợ chồng Woolf mua được một chiếc xe hơi.
- Đoạt giải Heinemann Northcliffe và Femina Vie Heureuse (nay gọi là Prix Femina) dành cho tác phẩm nước ngoài năm 1928.
- Được dịch sang tiếng Pháp ba lần: dịch giả Maurice Lanoire (tựa tiếng Pháp *Promenade au Phare* - 1929); dịch giả Magadi Merle (tựa tiếng Pháp *Voyage au Phare* - 1993); dịch giả Francois Pellan (tựa tiếng Pháp *Vers le Phare* - 1996).
- Được tạp chí Time Magazine xếp hạng nằm trong số 100 cuốn tiểu thuyết tiếng Anh hay nhất từ 1923-2005.
- Được hãng thông tấn BBC chuyển thể thành phim (TV) vào năm 1983. Đạo diễn Colin Gregg, chuyển thể kịch bản phim Hugh Stoddart.
- Được chuyển thể thành kịch bởi kịch tác gia Adele Edling Shank. đạo diễn Les Waters, âm nhạc Paul Drescher, công diễn lần đầu tại nhà hát Roda ngày 23/3/2007.
- Nhạc sĩ Anh Patrick Wolf (sinh năm 1983) đã sáng tác ca khúc *To the Lighthouse* (trong album *Lycanthropy* - 2003) với cảm hứng từ cuốn tiểu thuyết.
- Như phần giới thiệu về tác phẩm đã nói bên trên, cách nhìn nhận của độc giả đối với *Tới ngọn hải đăng* rất khác biệt, có thể nói là đối lập

hắn với nhau. Để có thể hiểu sâu cũng như lý giải thêm về hiện tượng này, tôi xin kèm theo ở phần này một bài viết của nữ văn sĩ, thi sĩ, nhà phê bình nổi tiếng người Canada Margaret Atwood (sinh năm 1939) đăng trên tờ The Guardian ngày thứ Bảy 7/9/2002 nói về sự sai lầm của mình trong cách đánh giá *Tối ngọan hải* đăng:

Người phụ nữ không thể tẩy gột khỏi ký ức

Tôi đọc quyển *Tối ngọan hải* đăng của Virginia Woolf lần đầu vào năm 19 tuổi. Đó là trong một khóa học - “Tiểu thuyết Thế kỷ Hai mươi,” hoặc đại loại thế.... Tôi tiếp thu rất ổn tiểu thuyết của thế kỷ 19 - các tác phẩm của Dickens, tôi cảm thấy, như những điều như vậy sẽ phải diễn ra, ít ra là ở Anh: đầy những người điên và sương mù. Tôi cũng không quá kém cỏi đối với một số cuốn tiểu thuyết nhất định của thế kỷ 20. Ít nhiều gì tôi cũng có thể đo lường được Hemmingway - tôi từng chơi trò chơi chiến tranh khi còn bé, tôi từng đi câu cá rất nhiều, tôi biết những nguyên tắc gần đúng của cả hai, tôi ý thức được rằng những tên con trai thì vẫn tất. Camus thì khá là đáng chán đối với lứa tuổi mới chớm trưởng thành của tôi, với cảm giác tội lỗi về sự tồn tại và thêm vào đó cái thứ tình dục táo tợn không chút gì thú vị. Faulkner là ý tưởng của tôi về cái có khả năng xảy ra đối với - vâng, đối với tôi, với tư cách một văn sĩ (tôi muốn trở thành một văn sĩ), chúng cuồng loạn bốc cao, những đầm lầy lúc nhúc sâu bọ là nhận thức của tôi về cái có vẻ có thật của nghệ thuật. (Tôi biết những con sâu bọ đó. Tôi biết những đầm lầy đó, hoặc những đầm lầy giống như chúng. Tôi biết chúng cuồng loạn đó.) Thực tế rằng Faulkner cũng có thể khôi hài kinh khủng - vào lứa tuổi của tôi lúc đó - lướt ngay qua tôi.

Nhưng Virginia Woolf bị gạt ra bên lề trong chừng mực lứa tuổi 19 của tôi. Nói cho cùng vì sao lại phải đi ra ngọan hải đăng, và tại sao cứ rối lên như thế về việc đi hay không đi? Cuốn sách này nói về cái gì? Vì sao mọi người cứ bám riết lấy bà Ramsay, người đi lòng vòng với một cái mũ vải mềm cũ trên đầu và lãng phí thời gian thơ thẩn trong khu vườn của bà ta, nuông chiều ông chồng của bà với những cử chỉ phục tùng khéo léo? Ai đó đã sai lầm, ông ta hét lên, nhưng điều này chẳng tác động đến tôi tí ti nào. Còn Lily Briscoe thì sao chứ, kẻ muốn trở thành một họa sĩ và đã cố công thực hiện ước vọng này, nhưng dường như không thể vẽ giỏi cho

lắm, hoặc chưa làm cho chính cô ta hài lòng cho lắm? Trong cõi miền của Woolf, mọi sự dường như đều mong manh. Chúng quá khó nắm bắt. Chúng quá lỏng lẻo không xác định. Chúng quá sâu thẳm khôn dò. Chúng giống như một dòng thơ của một thi sĩ râu tóc lưa thưa trong một truyện ngắn của Katherine Mansfield: “Vì sao nó phải luôn luôn là xúp cà chua?”

Mười chín tuổi, tôi chưa từng biết tới cái chết của bất kỳ một ai, ngoại trừ ông tôi, người đã già và xa khuất. Tôi chưa từng tới dự một lễ tang. Tôi không hiểu chút gì về loại trải nghiệm đó - về sự co rúm lại của mảnh vải vật chất của những cuộc đời đã sống, cái cung cách mà ý nghĩa của một nơi chốn có thể đổi thay vì những người đã từng ở trong nó nay không còn ở đó nữa. Tôi không biết chút gì về sự tuyệt vọng và sự cần thiết của việc cố nắm bắt lấy những cuộc đời như thế - để cứu vớt chúng, để ngăn chúng khỏi biến mất hoàn toàn.

Mặc dù tôi đã có nhiều lần lạc trong nghệ thuật, tôi chưa hề nhận ra sự non nớt đó của mình. Lily Briscoe đau khổ vì sự công kích của một gã đàn ông dễ dao động cứ bảo với cô rằng đàn bà không thể vẽ và đàn bà không thể viết, nhưng tôi không nhận ra lý do vì sao cô lại phải phiền muộn đến thế về việc đó: rõ ràng cái gã đó là một tên quấy rối, vì thế ai cần quan tâm tới những gì hắn nghĩ chứ? Dù sao đi nữa, chưa có người nào từng nói với tôi những câu như thế, chưa hề. (Tôi không biết rằng chẳng bao lâu sau chúng sẽ bắt đầu.) Tôi không nhận ra những phát ngôn như thế có thể có một sức nặng đến thế nào, ngay cả khi được thốt ra từ những tên ngu xuẩn, do nhiều thế kỷ của thẩm quyền được tôn trọng một cách nặng nề nằm phía sau chúng.

Mùa hè vừa rồi, 43 năm sau, tôi đọc lại Tới ngọn hải đăng. Không vì một lý do đặc biệt nào: tôi đang ở trong cái không gian rất mang tính cách Canada, “căn nhà thôn dã” đó, và cuốn sách cũng vậy, và tôi đã đọc hết tất cả những cuốn truyện trinh thám hình sự. Vì thế tôi nghĩ tôi sẽ thử lần nữa.

Sao mà lần này mọi thứ trong cuốn sách lại rơi vào đúng chỗ đến như vậy? Sao tôi lại có thể bỏ qua nó - trên tất cả là những khuôn mẫu, là nghệ thuật - trong lần đầu đọc nó? Sao tôi có thể bỏ qua sự vang vọng ở

câu trích dẫn Tennyson của ông Ramsay, đã đến như một tiên đoán về cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất? Sao tôi lại có thể không hiểu ra rằng kẻ vẽ tranh và kẻ viết văn rốt cuộc đều giống hết nhau? (Đàn bà không thể vẽ, đàn bà không thể viết..) Và cái cách thời gian trôi lướt qua mọi thứ như một đám mây, và những vật thể vững chắc chao động lung linh rồi biến mất? Và cái cách của bức tranh vẽ bà Ramsay của Lily Briscoe - không tròn vẹn, không đầy đủ, chịu số phận bị treo dăm dúi trong một căn phòng áp mái - trở thành, như khi cô thêm vào một nét nối kết tất cả lại với nhau vào lúc cuối, cuốn sách mà chúng ta vừa đọc?

Có một số cuốn sách phải đợi cho tới lúc bạn đã sẵn sàng cho nó. Trong việc đọc, có rất nhiều điều phụ thuộc vào sự may mắn. Và tôi vừa may mắn biết bao! (Hoặc tôi đã tự nhủ thầm với mình như thế khi đợi cái mũ vải mềm cũ lên đầu, bước ra ngoài để đi thơ thẩn lòng vòng trong khu vườn bất khả thâm dò của mình...)

Cuối cùng, tôi xin được khép lại phần giới thiệu này với niềm hy vọng các bạn đọc sẽ tìm thấy sự rung cảm mà tôi đã trải qua khi đọc tác phẩm và nhất là trong quá trình chuyển dịch nó sang tiếng Việt. Dịch một tác phẩm lớn với văn phong cực kỳ phức tạp như *Tới ngọn hải đăng* là một sự thử thách, một cuộc mạo hiểm đầy thú vị nhưng cũng gian khổ gay go. Một lần nữa, tôi rất hy vọng và mong mỗi các bạn đọc có thể tìm được những cảm giác tri âm tri kỷ cùng tác giả Virginia Woolf qua bản dịch này.

Sài Gòn, tháng 11/2009

Tư liệu tham khảo:

- www.wikipedia.en.com; www.goodreads.com; www.librarything.com; www.nytimes.com;
- www.guardian.co.uk; www.regencyfasion.org;
www.new.music.yahoo.com/patrick-wolf
- www.culture24.org.uk; www.berkeleyrep.org; www.sparknotes.com;
www.britannica.com

- www.amazon.com; www.search.barnesandnoble.com;
www.readysteadybook.com; www.smoop.com

KHUNG CỬA SỔ

1.

“Ừ, dĩ nhiên, nếu ngày mai trời đẹp,” bà Ramsay bảo. “Nhưng con phải dậy thật sớm,” bà nói thêm.

Những lời này mang lại cho con trai bà một niềm vui to lớn, như thể sự việc đã được ấn định, chuyến du hành sắp diễn ra, và điều tuyệt diệu mà nó từng mong mỏi, dường như đã suốt nhiều năm, sau một đêm ngon giấc và một ngày đi thuyền, sẽ nằm trong tầm tay với. Dù chỉ mới lên sáu, nó thuộc về một gia tộc lớn, nơi những người trong đó không thể kềm giữ được cảm giác này, mà phải để cho viễn cảnh tương lai với những vui buồn che khuất đi những gì thật sự diễn ra trước mắt, vì đối với họ, thậm chí khi đang còn thơ ấu, bất kỳ một biến chuyển nào trong cảm giác đều có khả năng kết tinh lại và xuyên thấu qua cái khoảnh khắc chứa đựng sự rục rở hay u ám đó. Trong khi mẹ nó nói, James Ramsay đang ngồi trên sàn, vừa cắt các bức tranh từ trong cuốn danh mục hàng hóa có minh họa của cửa hàng Quân đội và Hải quân vừa thả hồn vào bức ảnh một cái tủ lạnh với niềm hạnh phúc tuyệt trần. Bức ảnh được viền quanh với sự hân hoan. Chiếc xe cút kít, cái máy xén cỏ, tiếng reo của hàng cây dương, những chiếc lá trắng trước cơn mưa, những con quạ kêu quàng quạc, những cây chổi lê quền quẹt, những bộ váy sột soạt - tất cả những thứ này quá rục rở sắc màu và hiển hiện rõ ràng trong tâm trí nó. Như thể nó đã tạo ra thứ mật mã, ngôn ngữ bí mật riêng của nó. Nó có một vẻ ngoài nghiêm nghị và kiên quyết, với bộ trán cao và đôi mắt xanh lơ dữ dội, trong sáng và hoàn toàn thẳng thắn, lúc này hơi cau lại như đang nhìn thấy tình cảnh yếu đuối mong manh của con người, khiến cho mẹ nó, khi nhìn nó hướng mũi kéo một cách khéo léo quanh bức ảnh cái tủ lạnh, tưởng tượng rằng nó đang ngồi trên ghế quan tòa trong chiếc áo đồ hay đang chỉ đạo một công việc nghiêm túc và quan trọng trong một cuộc khủng hoảng về các vấn đề công chúng của công ty.

“Nhưng trời sẽ không đẹp.” Cha nó nói, ông đang ngồi trước cửa sổ phòng khách.

Giá mà có một cái rìu gần đó, một cái que cời than, hay bất kỳ thứ vũ khí nào có thể khoét một cái lỗ trên ngực của cha nó và giết chết ông ngay tại chỗ, hẳn là James sẽ vớ lấy ngay. Đó là những cảm xúc cực đoan mà ông Ramsay gây ra trong lòng những đứa con, chỉ đơn thuần do sự hiện diện của ông; lúc này ông đang đứng, gầy còm mỏng dính như một lưỡi dao, cười nhạt một cách mỉa mai, không chỉ với niềm vui đã phá tan ảo tưởng của thằng con và chế giễu vợ mình, người tốt hơn ông gấp hàng ngàn lần về mọi mặt (theo James nghĩ), mà còn với một niềm tự phụ kín đáo về sự xét đoán chính xác của chính ông. Những gì ông nói đều đúng. Luôn luôn đúng. Ông không có khả năng nói dối; không bao giờ bẻ cong sự thật; không bao giờ chữa lại một từ khó nghe để chiều lòng bất kỳ một người nào, nhất là đối với lũ trẻ của ông. Những đứa con cật ruột của ông phải ý thức được ngay từ thuở ấu thơ rằng cuộc sống thì khó khăn; những thực tế không hề nhân nhượng; và con đường đi tới mảnh đất hoang đường, nơi những hy vọng chói ngời nhất của chúng ta tiêu tan, những con thuyền mong manh của chúng ta chìm vào bóng tối, (nghĩ tới đây ông Ramsay uốn thẳng lưng lên và nheo đôi mắt nhỏ xanh lơ nhìn về phía chân trời) cần có, trên hết thấy mọi thứ, lòng dũng cảm, chân lý và sức mạnh để tồn tại.

“Nhưng trời có thể đẹp, tôi mong là trời sẽ đẹp.” Bà Ramsay nói với vẻ nhần nhện, quần vài vòng chỉ trên chiếc tất màu nâu đỏ mà bà đang đan. Nếu bà hoàn tất nó trong tối nay, nếu họ ra ngọn hải đăng, bà sẽ trao nó cho người gác hải đăng để cho đứa bé trai con ông ta dùng, thằng bé đang bị đe dọa bởi bệnh lao; và thêm một chồng tạp chí cũ, một ít thuốc lá, thật ra là bất cứ thứ gì mà bà có thể tìm thấy nằm quanh quất đâu đó, không thật sự cần dùng mà chỉ làm căn phòng thêm bừa bãi, để mang lại cho những con người tội nghiệp đó chút ít niềm vui. Hẳn họ phải chán đến chết được khi cứ ngồi suốt cả ngày mà chẳng có gì để làm ngoài việc lau chùi cái đèn, kê bấc đèn và cào xới quanh mảnh vườn nhỏ của họ. Bởi bạn làm sao thích được việc phải ngậm miệng suốt cả tháng trời, có thể còn lâu hơn, vào mùa mưa bão, trên một tảng đá chỉ to bằng

cái sân tennis? bà hỏi; và chẳng có thư từ hay báo chí gì hết, chẳng nhìn thấy một người nào hết; nếu bạn đã lấy vợ thì bạn sẽ không thể gặp vợ, không biết lũ con bạn ra sao... chúng có bị đau ốm không, chúng có bị té ngã và gãy chân gãy tay gì không; bạn chỉ nhìn thấy những lượn sóng ảm đạm vỗ tung hết tuần này sang tuần khác, rồi một cơn bão kinh khủng kéo tới, và những cánh cửa sổ phủ đầy bụi nước, những con chim lao vào chiếc đèn, toàn thể ngọn hải đăng rung chuyển, và bạn không thể ló đầu ra khỏi cửa vì sợ sẽ bị cuốn vào lòng biển. Làm sao các con thích được điều đó? bà hỏi, hướng về phía các đứa con gái. Vì thế - bà nói thêm, giọng hơi khác lạ - người ta phải mang tới cho họ bất kỳ sự an ủi nào có thể.

“Đúng ngay hướng tây,” cái gã vô thần Tansley bảo, mấy ngón tay gầy trơ xương của anh ta xòe rộng ra để cho cơn gió thổi qua chúng, vì anh ta đang chia sẻ cuộc đi bộ buổi tối cùng ông Ramsay, qua qua lại lại trước hiên nhà. Nói thế có nghĩa là gió thổi từ hướng bất lợi nhất cho việc đi ra ngọn hải đăng. Phải, anh ta đã nói những điều khó nghe, bà Ramsay thừa nhận; anh ta thật đáng ghét khi lặp lại chuyện này và khiến cho James thêm thất vọng; nhưng đồng thời, bà sẽ không để cho chúng cười nhạo anh ta. “Gã vô thần,” chúng gọi anh ta như thế, “gã vô thần bé nhỏ”. Rose chế nhạo anh ta; Prue chế nhạo anh ta; Andrew, Jasper, Roger chế nhạo anh ta; thậm chí cả con chó già Badger không còn cái răng nào cũng đã đớp anh ta vì (theo lời của Nancy) anh ta là gã trai trẻ thứ một trăm mười cứ bám theo chúng trong suốt quãng đường tới quần đảo Hebrides khi mà mọi thứ sẽ tuyệt diệu hơn nhiều nếu được yên thân.

“Vô lý,” bà Ramsay nói, với vẻ rất nghiêm khắc. Ngoài thói quen hay phóng đại mà chúng đã thừa hưởng từ bà, và ngoài hàm ý rằng (điều này đúng) bà đã mời quá nhiều người tới ở, và đã phải thu xếp để một số người có chỗ ngủ trong thị trấn, bà không thể chịu được thái độ bất lịch sự đối với những vị khách của bà, nhất là những người trẻ tuổi, nghèo như ăn mày, “có tài năng đặc biệt” này, theo lời của chồng bà, họ là những người rất ngưỡng mộ ông, và tới đó để hưởng một kỳ nghỉ lễ. Thật sự, bà đặt toàn bộ nam giới dưới sự bảo vệ của mình; vì những lý do mà bà không thể lý giải, vì phong cách hào hoa và dũng cảm của họ, vì thực tế rằng họ đã đàm phán những bản hiệp ước, đã thống trị Ấn Độ, đã

kiểm soát nền tài chính; cuối cùng là vì một thái độ cư xử mà không người phụ nữ nào lại không cảm thấy dễ chịu, một cái gì đó chân thật, ngây thơ, tôn kính, đối với chính bản thân bà; một thái độ mà một người phụ nữ lớn tuổi có thể tiếp nhận từ một chàng trai trẻ nhưng vẫn không đánh mất đi phẩm giá, và có thể gây ra đau khổ cho một cô gái - tạ ơn trời đất, đó không phải là một trong những đứa con gái của bà! - kẻ không cảm nhận được giá trị của nó, và tất cả những gì mà nó bao hàm, cho tới tận cùng xương tủy của cô ta!

Bà quay sang nghiêm khắc nhìn Nancy. Anh ta không bám theo chúng, bà nói. Anh ta đã được yêu cầu.

Họ phải tìm một cách để thoát ra khỏi tất cả những chuyện này. Có thể có một phương cách nào đó đơn giản hơn, ít nặng nề hơn, bà thở dài. Khi bà nhìn vào gương và trông thấy mái tóc điểm bạc, đôi má đã hơi phệ của mình, ở tuổi năm mươi, bà nghĩ, có lẽ bà có thể điều hành mọi sự tốt hơn - chồng bà; tiền bạc; những quyển sách của ông ấy. Nhưng về phần của chính bà, bà không bao giờ hối tiếc dù chỉ một giây về sự quyết định của mình, không bao giờ lẫn trốn những khó khăn, hay bỏ qua các bổn phận. Lúc này trông bà thật kinh khủng. Chỉ sau khi bà đã nói với vẻ rất nghiêm khắc về Charles Tansley, đám con gái của bà, Prue, Nancy, Rose, vẫn đang im lặng ngược nhìn lên từ đĩa thức ăn của chúng, mới có thể thả hồn theo những ý tưởng phi tín ngưỡng mà chúng đã ấp ủ cho chính chúng về một cuộc sống khác hẳn với cuộc sống của bà; ở Paris, có lẽ thế; một cuộc sống hoang đàng phóng túng hơn, không phải luôn luôn chăm sóc cho người đàn ông này hay người đàn ông nọ; vì trong tâm trí của tất cả bọn chúng có một câu hỏi không thoát thành lời về sự tôn kính và tác phong lịch thiệp, về ngân hàng nước Anh và vương quốc Ấn Độ, về những ngón tay đeo nhẫn và những dải ren, dù đối với cả bọn trong câu hỏi này có một cái gì đó về bản chất của cái đẹp đã gợi lên nam tính trong trái tim thiếu nữ của chúng, và khiến cho chúng, trong lúc đang ngồi quanh bàn dưới đôi mắt của mẹ chúng, phải tôn vinh sự nghiêm trang kỳ lạ của bà, về lịch sự tốt cùng của bà, bà giống như một bà hoàng đứng lên từ một bãi bùn để rửa bàn chân dơ bẩn của một gã ăn mày khi nghiêm khắc khiển trách chúng vì cái gã vô thần xấu xa đã nhùng nhằng bám theo

chúng - hay, nói một cách chính xác - đã được mời ở lại với chúng, trên đảo Skye.

‘Sẽ không có chuyến đi ra ngọn hải đăng nào cả vào ngày mai,’ Charles Tansley nói, vỗ hai bàn tay vào nhau khi anh ta đứng bên cửa sổ cùng chồng bà. Chắc chắn là anh ta đã nói quá đủ. Bà ước gì cả hai người bọn họ để cho bà và James yên thân và cứ tiếp tục chuyện trò. Bà nhìn anh ta. Anh ta là một mẫu người khốn khổ, lũ trẻ nói, chỉ toàn xương với da. Anh ta không thể chơi môn cri-kê; anh ta soi mói; anh ta hay dao động. Anh ta là một tên lỗ mãng hay châm chọc, Andrew nói. Chúng biết điều mà anh ta thích nhất: cứ đi mãi miết, qua lại, lại qua, cùng với ông Ramsay, và bảo rằng ai đã thắng cuộc này, ai đã thắng cuộc nọ, ai là “đệ nhất tài tử” về thơ tiếng Latin, ai là người “thông minh nhưng tôi nghĩ về cơ bản có khiếm khuyết”, ai mà không còn ngờ gì nữa là “người tài ba nhất ở Balliot,” kể đã tạm thời vui chôn ánh sáng của anh ta ở Bristol hay Belford, nhưng sẽ được biết tới về sau này khi Lời tựa sách của anh ta, nói về một phân ngành toán học hay triết học gì đó, được công bố - Tansley có vài trang đầu của nó để làm chứng cứ nếu ông Ramsay muốn xem qua. Đó là những điều mà họ nói với nhau.

Đôi khi bà không khỏi bật cười một mình. Một hôm, bà nói đôi điều gì đó về “những lượn sóng cao như núi”. Vâng, Charles Tansley nói, nó khá là dữ dội. “Anh không bị ướt như chuột lột đấy chứ?” bà hỏi. “Hơi bị ướt chút ít thôi,” Tansley vừa nói vừa vén tay áo lên và sờ sờ vào đôi vớ.

Nhưng đó không phải là điều mà chúng quan tâm tới, lũ trẻ bảo. Không phải ở gương mặt của anh ta; không phải ở những cung cách của anh ta. Mà ở chính anh ta - quan điểm của anh ta. Khi chúng nói về một điều thú vị, mọi người, âm nhạc, lịch sử các thứ, thậm chí nói là buổi tối khá đẹp trời thế nên vì sao lại không ra ngoài ngồi hóng mát, thế rồi điều mà chúng phàn nàn về con người của Charles Tansley là lúc anh ta xoay chuyển hoàn toàn tình thế và bằng cách nào đó biến câu chuyện thành ra một sự phản ánh về chính anh ta và làm ra vẻ khác biệt với chúng - anh ta không hài lòng. Và khi anh ta tới những phòng trưng bày tranh, chúng bảo, anh ta sẽ hỏi một ai đó rằng người đó có thích cái cà vạt của anh ta không. Có Chúa biết, Rose bảo, người đó chẳng thích chút nào.

Lén lút biến khỏi bàn ăn ngay sau khi bữa ăn kết thúc, tám đứa con trai và con gái của ông bà Ramsay chuẩn về phòng ngủ, thành trì của chúng trong một ngôi nhà nơi chẳng có một chút riêng tư nào để tranh cãi về bất cứ điều gì hay về mọi thứ: cái cà vạt của Tansley; việc thông qua đạo luật Cải cách; những con chim biển và bướm bướm; mọi người; trong khi đó mặt trời rọi nắng xuống những căn gác mái giống như một mảng ván tách rời khỏi các mảnh khác khiến cho người ta có thể nghe thấy mơ hồ tiếng mỗi bước chân và tiếng khóc của cô gái Thụy Sĩ nhớ thương người cha đang hấp hối vì bệnh ung thư trong một thung lũng ở Grisons và soi sáng những con dơi, những bộ quần áo bằng vải fla-nen, những chiếc nón rơm, những bình mực, những lon sơn, những con ong, và sọ của những con chim nhỏ, trong lúc nó cuốn lên từ những dải rong biển dính vào tường mùi của muối và cỏ dại, cái mùi có cả trong những chiếc khăn tắm còn lộn cộn những cát sau khi tắm.

Sự gây gổ, các phe phái, những khác biệt về ý kiến, những thành kiến bện vào từng thớ sợi của cuộc sống, ôi, chúng bắt đầu mấy thứ đó quá sớm, bà Ramsay xót xa. Chúng có đầu óc phê phán, lũ nhóc của bà. Nhưng chúng nói toàn những điều vớ vẩn. Bà rời khỏi phòng ăn, tay kéo theo James, vì nó không đi cùng với mấy đứa kia. Với bà, dường như đó là những điều vớ vẩn - khám phá ra những khác biệt, khi mọi người, có trời đất biết, đã quá khác biệt với nhau rồi. Những khác biệt thật sự là đã quá đủ, bà nghĩ khi đứng ở cửa sổ phòng khách, quá xá đủ. Vào khoảnh khắc đó, bà chìm vào suy ngẫm, về giàu và nghèo, về cao và thấp; về sự vĩ đại bẩm sinh thừa hưởng từ bà, với nửa phần là ác cảm, và nửa phần là lòng tôn kính, vì hẳn là trong huyết quản của bà đã không có dòng máu cao quý đó, nếu không có ngôi nhà Ý hơi nhuốm vẻ hoang đường, nơi các cô con gái tần mác trong những căn phòng khách kiểu Anh vào thế kỷ mười chín đã rù rì rủ rủ một cách đáng yêu, đã nổi cơn thịnh nộ một cách điên rồ, và toàn bộ trí thông minh, ngoại hình và tính nết của bà xuất phát từ đó chứ không phải từ người Anh uể oải hay người Tô Cách Lan lạnh lùng; nhưng bà còn suy ngẫm tới một vấn đề khác, sâu sắc hơn, về sự khác biệt giàu nghèo, và những điều mà bà tận mắt chứng kiến hàng tuần, hàng ngày, ở đây hay ở London, khi bà ghé thăm người quả phụ này hoặc người vợ đang chặt vật kia với một cái giũa trên tay, và một cuốn sổ với cây bút mà với chúng bà viết vào các cột được kẻ một cách cẩn thận

những khoản tiền công và chi tiêu, khi có việc làm và khi thất nghiệp, với niềm hy vọng rằng nhờ đó bà có thể thôi là một phụ nữ mà trong lòng từ thiện của người đó có nửa phần là nhằm xoa dịu lòng căm phẫn, còn nửa phần là để giảm bớt tính hiếu kỳ, để trở thành cái mà bà vô cùng ngưỡng mộ với bộ óc không được trui rèn của mình, một nhà nghiên cứu điều tra có thể lý giải các nan đề xã hội.

Đối với bà, dường như chúng là những vấn đề vô phương giải quyết, khi bà đứng đó, giữ James lại bằng một tay. Anh ta đã đi theo bà tới phòng khách, cái gã trẻ tuổi mà lũ trẻ đã chế nhạo; anh ta đang đứng kế cái bàn, bồn chồn vì một điều gì đó, có vẻ lúng túng, cảm thấy bản thân anh ta trở nên lạc lõng với mọi thứ, như bà biết mà không cần nhìn lại. Tất cả bọn họ đã đi khỏi - lũ trẻ; Minta Doyle và Paul Rapsey; Augustus Carmichael; chồng bà - tất cả bọn họ đã đi khỏi. Thế là bà quay sang với một tiếng thở dài và bảo, “Anh có thấy chán khi đi với tôi không, anh Tansley?”

Bà có đôi việc vặt tẻ nhạt trong thị trấn; bà có một hai lá thư cần viết; có lẽ bà cần khoảng mười phút; bà sẽ đội mũ vào. Rồi, với cái giỏ và cái dù, bà quay trở lại đó, mười phút sau, tỏ ra đã sẵn sàng, đã được trang bị cho một cuộc đi dạo. Tuy vậy, bà phải dừng lại một lúc, khi họ đi ngang sân tennis, để hỏi ông Carmichael - người đang nằm tắm nắng với đôi mắt vàng như mắt mèo mở hé, và cũng như đôi mắt của một con mèo, dường như chúng đang phản chiếu những nhánh cây lay động hay những đám mây lướt ngang qua, nhưng không hề gợi lên bất kỳ ý nghĩ hay tình cảm nào bên trong nội tâm - xem ông ta có cần một thứ gì đó hay không.

Vì họ đang thực hiện một chuyến thám hiểm lớn, bà bảo, cười to. Họ sẽ đi vào thị trấn. “Có cần tem, giấy viết, thuốc lá gì không? bà đề nghị, dừng lại bên cạnh ông ta. Nhưng không, ông ta không cần gì cả. Đôi bàn tay của ông ta đan vào nhau trên cái bụng phệ to tướng, đôi mắt ông ta nhấp nháy, như thể muốn thân ái đáp lại những lời tán tỉnh này (bà khá quyến rũ nhưng hơi nóng nảy chút ít) nhưng không thể, rồi lại chìm đắm, như lúc này, vào một trạng thái lơ mơ xanh-xám đang trùm lên tất cả bọn họ, không cần đến ngôn từ, trong một cơn mơ màng mê mông khoáng đãng; toàn bộ ngôi nhà, toàn bộ thế giới; toàn bộ mọi người trong đó, vì

trong bữa ăn trưa ông ta đã nhỏ vào ly của mình một vài giọt gì đó. Chúng lý giải cho, bọn trẻ nghĩ, cái vệt sáng màu vàng hoàng yến trên bộ ria mép và râu cằm bình thường trắng đục màu sữa. Không, không gì cả, ông ta lẩm bẩm.

Lẽ ra ông ta phải là một triết gia vĩ đại, bà Ramsay nói, khi họ đi xuôi xuống con đường dẫn tới làng chài, nhưng ông ta đã có một cuộc hôn nhân bất hạnh. Giữ rất thẳng cây dù, và di chuyển với một vẻ nôn nao mong chờ không thể tả, như thể bà sắp gặp một ai đó ở góc đường, bà kể lại câu chuyện; một mối tình ở Oxford với một cô gái nào đó; một cuộc hôn nhân sớm; sự nghèo khổ; sang Ấn Độ; dịch một ít thơ “rất diễm lệ, tôi tin là vậy,” sẵn lòng dạy cho bọn trẻ tiếng Ba Tư hay tiếng Ấn, nhưng những thứ đó có ích gì? - và rồi nằm đó, như họ thấy, trên sân tennis.

Câu chuyện làm cho anh ta thỏa dạ; một kẻ từng bị hắt hủi như anh ta, anh ta thấy an ủi vì bà Ramsay đã kể cho anh ta nghe chuyện này. Charles Tansley đã hồi sinh. Khi nói bóng gió xa xôi về trí tuệ vĩ đại của con người, ngay cả trong sự suy tàn của nó, về sự khuất phục của tất cả những bà vợ - không phải bà đổ lỗi cho cô gái đó, và cuộc hôn nhân cũng từng rất hạnh phúc, bà tin là thế - đối với công việc của các đảng phu quân của họ, bà khiến cho anh ta cảm thấy hài lòng hơn với bản thân, điều chưa từng xảy ra đối với anh ta, và anh ta muốn, nếu như họ bắt một cuốc taxi, chẳng hạn, anh ta sẽ trả tiền. Còn về phần cái giỏ nhỏ của bà, anh ta có thể xách hộ không? Không, không, bà bảo, bà luôn tự mình mang cái giỏ. Bà cũng đã làm như vậy. Vâng, anh ta cảm thấy điều đó ở bà. Anh ta cảm nhận được nhiều điều, đặc biệt là một điều khiến anh ta trở nên kích động và bất an vì những nguyên nhân mà anh ta không thể đưa ra. Anh ta thích được bà nhìn thấy mình đang khoác áo choàng và đội mũ giáo sư, bước đi trong một đám diễu hành. Một nghiên cứu sinh, một giáo sư, anh ta cảm thấy thừa khả năng về bất cứ điều gì và nhìn thấy chính mình. Nhưng bà đang nhìn ai thế? Nhìn một người đàn ông đang dán một tờ quảng cáo. Tờ giấy rộng tung bay phần phật, tự bung ra, và mỗi nhát cọ lại làm hé lộ ra những đôi chân mơn mớn, những vòng váy, những con ngựa, những màu đỏ chóa và xanh dương lấp lánh, mượt mà diễm lệ, cho tới khi phân nửa bức tường đã được che phủ bởi tấm

tranh quảng cáo về một gánh xiếc; một trăm ký sĩ, hai mươi con hải cẩu, sư tử và cọp đang biểu diễn... Nghênh cổ về phía trước, vì bà bị cận thị, bà đọc thành tiếng... “sẽ ghé thăm thị trấn này,” bà đọc. Đây là một công việc nguy hiểm kinh khủng đối với một người chỉ có một cánh tay, bà phàn nàn, khi đứng trên đầu một cái thang như thế - cánh tay trái của ông ta đã bị cắt lìa trong một cái máy gặt lúa hai năm trước.

“Chúng ta đi thôi!” bà kêu lên, tiếp tục bước, như thế tất cả những ký sĩ và những con ngựa đó đã trút đầy vào lòng bà niềm vui sướng trẻ con và khiến cho bà quên đi sự trắc ẩn của mình.

“Chúng ta đi thôi,” anh ta lặp bập lặp lại lời bà, tuy nhiên, với một vẻ e dè khiến cho bà nhăn mặt. “Chúng ta hãy đi tới chỗ gánh xiếc.” Không. Anh ta đã không thể nói đúng về việc đó. Anh ta đã không thể cảm nhận đúng về nó. Nhưng tại sao không? bà tự hỏi. Có gì trục trặc ở anh ta vậy? Ngay lúc này, bà thấy mến anh ta một cách ấm áp chân thành. Không phải họ đã từng được dắt tới những gánh xiếc khi còn bé hay sao? Không bao giờ, anh ta trả lời, như thế bà hỏi đúng ngay điều mà anh ta đã mong muốn, đã khao khát được nói ra trong suốt những ngày này, rằng vì sao anh ta đã không tới chỗ những gánh xiếc.

Đó là một gia đình đông con, chín anh chị em tất cả, và cha của anh ta là một người lao động. “Cha tôi là một người bán được phẩm. Ông coi sóc một cửa hàng.” Bản thân anh ta phải tự bươn chải từ năm lên mười ba tuổi. Thông thường anh ta ra khỏi nhà vào mùa đông mà chẳng có một cái áo khoác nào trên người. Anh ta không bao giờ có thể “phóng khoáng đáp lại” (đó là những lời ghen ngào khô khốc của anh ta) hồi ở trường đại học. Anh ta phải làm những việc kéo dài gấp đôi thời gian so với người khác; anh ta hút loại thuốc lá rẻ tiền nhất; thuốc rê; giống như loại thuốc mà những ông già hút trong các bến cảng. Anh ta làm việc vất vả - bảy giờ đồng hồ một ngày; đề tài của anh ta lúc này là ảnh hưởng của một điều gì đó lên một ai đó - họ đang tiếp tục đi và bà Ramsay không hoàn toàn hiểu ý nghĩa của những từ ở đoạn này đoạn khác... bài luận văn... nghiên cứu sinh... phó giáo sư... giảng viên. Bà không thể hiểu kịp những thuật ngữ hàn lâm đang liến thoắng tuôn ra đó, nhưng tự nhủ rằng bây giờ bà đã hiểu vì sao việc tới chỗ gánh xiếc đã lọt lưới anh ta, anh chàng

tội nghiệp, và vì sao lúc này anh ta đang dốc bầu tâm sự về tất cả những chuyện đó, về cha mẹ, anh chị em của anh ta, và bà thấy rằng các con bà không nên chế nhạo anh ta nữa; bà sẽ bảo với Prue về chuyện này. Chắc hẳn điều mà anh ta muốn, bà nghĩ, là nói ra lý do vì sao anh ta đã tìm tới không phải là gánh xiếc mà là Ibsen^[1] cùng với gia đình Ramsay. Anh ta là một gã hợm mình... Ồ, phải, một gã đáng chán không chịu nổi. Bởi lẽ, dù lúc này họ đã tới thị trấn và đang đi trên con lộ chính, với những cỗ xe ngựa lăn bánh trên mặt đường rải đá, anh ta vẫn tiếp tục nói, về những cuộc thỏa thuận, việc dạy học và những người lao động, về việc giúp đỡ giai cấp của chúng ta, và những bài giảng, cho tới khi bà đoán rằng anh ta đã hoàn toàn lấy lại được sự tự tin, đã hồi phục lại từ chuyện gánh xiếc, và sắp sửa (bây giờ bà lại cảm thấy yêu mến anh ta nồng nhiệt) kể cho bà nghe... nhưng tại đây, nơi những ngôi nhà khuất xa ở cả hai bên đường, họ đi ra phía bên cảng. Toàn cảnh cái vịnh trải ra trước mặt họ. Bà Ramsay kêu lên, “Ôi, đẹp quá!” Mặt nước xanh lơ mênh mông nằm trước mặt bà; xa xa, ngay chính giữa, là ngọn hải đăng cổ kính mộc mạc; và ở phía tay phải, trong chùng mực có thể nhìn thấy, những cồn cát xanh mềm mại phủ đầy cỏ dại, dường như luôn luôn chạy về phía một miền đất xa lạ không dân cư nào đó.

Đó là quang cảnh - bà nói, dừng lại, đôi mắt xám sẫm tối hơn - mà chồng bà yêu thích.

Bà ngưng một lúc. Nhưng bây giờ, bà nói, các họa sĩ đã tới đây. Thật sự, cách họ chùng vài bước, một người trong số họ đang đứng, đội một cái mũ Panama và mang một đôi ủng vàng, nghiêm trang, dịu dàng, tập trung, với một vẻ hài lòng sâu sắc trên gương mặt nâu đỏ chăm chú, và vì thế có khoảng mười đứa nhóc đang quan sát ông ta. Sau khi nhìn, ông ta nhúng đầu cọ vào lớp sơn mềm màu xanh lá hoặc màu hồng gì đó. Từ khi ông Paunceforte tới đây, ba năm trước, tất cả những bức tranh đều như thế cả, bà nói, xanh lá và xám, với những con thuyền buồm màu vàng chanh và những phụ nữ màu hồng trên bãi biển.

Nhưng những người bạn của bà nội bà, bà nói, kín đáo liếc mắt khi họ bước qua, đã phải vất vả hết sức; trước tiên họ phải tự trộn màu cho mình, rồi nghiền chúng ra, rồi phủ vải ướt lên trên để giữ ẩm.

Vì thế Tansley cho rằng bà có ý nói với anh rằng tranh của người đàn ông đó chưa đủ sắc độ, có phải người ta nói như thế không nhỉ? Màu sắc không đậm đà? Có phải người ta nói thế không? Dưới tác động của cảm xúc khác thường trong suốt cuộc đi bộ, bắt đầu từ trong khu vườn nơi anh muốn xách giùm cái giỏ của bà và đã gia tăng trong thị trấn nơi anh muốn kể cho bà nghe mọi chuyện về mình, anh đã nhìn thấy chính bản thân mình, và mọi điều mà anh từng biết đã hơi biến đổi. Đó là một điều rất đổi lạ lùng.

Anh đứng đó chờ bà, trong phòng khách của gian nhà nhỏ hẹp mà bà đã đưa anh tới. Trong lúc đó bà đi lên gác trên một lát để gặp một người phụ nữ. Anh nghe thấy tiếng bước chân nhanh nhẹn của bà bên trên, nghe giọng nói của bà cất cao vui vẻ rồi thấp xuống lại; nhìn những tấm thảm, những cái hộp đựng trà, những bóng phản chiếu trong tấm gương; nôn nao chờ đợi; nóng lòng mong chóng đến lúc trở về; quyết định sẽ mang giúp bà cái giỏ; rồi nghe thấy tiếng bà bước ra; đóng một cánh cửa; bảo rằng họ nên mở những cánh cửa sổ ra và đóng cửa ra vào lại, hỏi với vào nhà xem họ có cần gì hay không (hẳn là bà đang nói với một đứa bé), rồi, đột ngột, bà bước ra, đứng lặng im một lúc (như thể bà đã giả vờ đi lên đó, và bây giờ lại xuất hiện). Bà đứng bất động trong giây lát trước một bức tranh vẽ Nữ hoàng Victoria đeo dải ruy băng tước hiệu Garter; ngay lập tức anh nhận ra một điều: chính thế - bà là người đẹp nhất mà anh từng nhìn thấy.

Với những vì sao trong đôi mắt và tấm khăn choàng trên mái tóc, với những đóa hoa anh thảo và cúc tím dại... Có phải anh đang nghĩ tới một điều phi lý hay không? Ít nhất bà cũng đã năm mươi tuổi; bà đã có tám đứa con. Bước qua những cánh đồng hoa dại và cài lên ngực bà những nụ hoa đã rữa và ngây thơ đã mất; với những vì sao trong đôi mắt và ngọn gió trên mái tóc của bà... Anh đã xách giùm cái giỏ cho bà.

“Tạm biệt, Elsie,” bà nói, và họ bước dọc theo con đường. Bà giữ thẳng cây dù và bước đi như thể đang mong gặp ai đó ở một góc quanh, trong lúc lần đầu tiên trong đời mình Charles Tansley cảm thấy rất đổi tự hào. Một người đàn ông đang đào đất trong một rãnh nước ngưng lại và nhìn bà, buông thõng cánh tay xuống và nhìn bà; lần đầu tiên trong đời mình

Charles Tanley cảm thấy tự hào đến lạ; anh cảm nhận được ngọn gió, những đóa hoa anh thảo và hoa cúc tím vì anh đang đi bên cạnh một người đàn bà đẹp. Anh đã xách giùm cái giỏ cho bà.

2.

“Không ra ngọn hải đăng được, James ạ,” anh nói, với lòng kính trọng bà Ramsay, cố làm mềm đi giọng nói để ít ra nó có chút vẻ ân cần.

Cái gã bé nhỏ đáng ghét này, bà Ramsay nghĩ, vì sao cứ nói như thế chứ?

3.

“Có lẽ con sẽ thức giấc và thấy rằng mặt trời đang tỏa nắng và lũ chim đang hót líu lo,” bà nói với vẻ trắc ẩn, vuốt ve mái tóc cậu bé. Vì bà hiểu rằng chồng bà, với lời lẽ cay độc rằng trời sẽ không đẹp, đã làm cho nó tan nát cõi lòng. Việc đi ra ngọn hải đăng là niềm đam mê của nó, bà hiểu, và như thế chồng bà còn chưa nói đủ, với lời lẽ cay độc của ông, rằng ngày mai trời sẽ không đẹp, cái gã bé nhỏ đáng ghét này đi tới và xát muối lên nỗi đau của nó thêm lần nữa.

“Có lẽ ngày mai trời sẽ đẹp,” bà nói, vuốt nhẹ tóc nó.

Tất cả những gì bà có thể làm lúc này là ca ngợi cái tủ lạnh và lật những trang danh mục hàng hóa với hy vọng rằng bà có thể tìm ra một bức hình nào đó, một cái cào cỏ hay một cái máy cắt cỏ mà để cắt được những cái rãnh cào và tay cầm của nó cần phải có một kỹ năng điêu luyện. Tất cả những gã thanh niên này đều lặp lại như vệt lời của chồng bà, bà ngẫm nghĩ; ông ấy nói trời sẽ mưa; thế là họ nói không chừng còn có bão nữa ấy chứ.

Nhưng trong khi bà lật trang giấy, việc tìm kiếm một bức hình đột ngột bị cắt ngang. Tiếng thì thầm cộc lốc thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi tiếng ống

tấu phì phèo khiến cho bà yên tâm rằng những người đàn ông đang trò chuyện vui vẻ, dù bà không nghe thấy họ nói gì (vì bà ngồi phía trong cửa sổ mở ra mái hiên), cái âm thanh kéo dài suốt nửa giờ qua và diễn ra êm ả trong những tiếng ồn ào phía trên đầu bà, như tiếng bóng chạm vào vợt, tiếng hét chói tai thỉnh thoảng nổi lên, “Cú đó thế nào? Cú đó thế nào” của lũ trẻ đang chơi cri-kê, đã tắt hẳn; tiếng sóng vỗ đều đều ngoài bãi biển thường khi vẫn điểm nhịp cho những ý nghĩ của bà và hình như lặp đi lặp lại một cách đầy an ủi khi bà đang ngồi với lũ trẻ những lời an ủi thì thầm của thiên nhiên như một bài hát ru xa xưa nào đó, “Mẹ trông nom con.. mẹ che chở cho con,” nhưng có đôi lúc, đột ngột và bất ngờ, chúng lại không có ý nghĩa tốt lành như thế mà giống như một hồi trống ma quái dần nhịp cho cuộc sống một cách không thương xót, khiến cho người ta nghĩ tới sự hủy diệt của hòn đảo và việc nó bị nhấn chìm vào lòng biển, và cảnh báo với bà, kể mà tuổi thanh xuân đã trôi về thời quá vãng, rằng tất cả đều phù du như một dải cầu vồng. Âm thanh vốn đã bị nhòa đi và bị che lấp dưới những âm thanh khác này đột nhiên lại vang rền trong tai bà và khiến cho bà ngẩng lên nhìn với niềm kinh hãi.

Họ đã ngừng trò chuyện; đó là lời giải thích. Trong một giây, bà rơi từ sự căng thẳng đã nén chặt mình sang một cực đoan khác, điềm tĩnh trở lại, thích thú và thậm chí hơi thâm hiểm, như thể để bù đắp lại cho sự tiêu pha cảm xúc không cần thiết của bà, bà kết luận rằng cái gã Charles Tansley khốn khổ đó đã bị bỏ rơi. Nếu chồng bà đòi hỏi vật hiến tế (và thật sự ông ta đã làm thế) bà sẽ hân hoan giao cho ông ấy Charles Tansley, kẻ đã làm cho đứa con trai bé bỏng của bà buồn bã.

Một lần nữa, với mái đầu ngẩng cao, bà lắng nghe, như thể chờ đợi một âm thanh quen thuộc nào đó, một âm thanh có tính chất máy móc thông thường nào đó; và một lần nữa bà thấy an ủi, yên lòng rằng mọi thứ đều ổn thỏa, khi nghe thấy một âm thanh gì đó khá du dương, nửa phần tiếng nói, nửa phần ngâm nga, bắt đầu nổi lên trong vườn khi chồng bà bước qua lại hàng hiên. Khi nhìn xuống cuốn sách trên đầu gối, bà tìm thấy hình một con dao bỏ túi có sáu lưỡi mà James phải rất cẩn thận mới có thể cắt nó ra.

Đột nhiên một tiếng hét to, như của một người mộng du nửa mê nửa tỉnh, vang dội hết cỡ trong tai bà một điều gì đó về việc “Xông pha trong đạn pháo”^[2] khiến bà lo lắng quay nhìn xem có ai nghe thấy tiếng đọc thơ của chồng mình hay không. Bà vui mừng khi nhận thấy chỉ có Lily Briscoe; và điều đó không đáng ngại. Nhưng cảnh tượng cô gái đứng vẽ tranh ở rìa thảm cỏ đã nhắc cho bà nhớ; rằng bà phải giữ yên vị trí đầu mình cho bức tranh của Lily. Bức tranh của Lily! Bà Ramsay mỉm cười. Với đôi mắt Trung Quốc nhỏ xíu và gương mặt nhăn nheo đó, cô ta sẽ chẳng bao giờ lấy chồng; anh ta sẽ không xem trọng tranh của cô ta cho lắm; cô ta là một sinh vật độc lập bé nhỏ, và bà Ramsay thích cô ta vì điều đó; thế là, nhớ tới lời hứa của mình, bà cúi đầu xuống.

4.

Thật sự, suýt chút nữa ông ta đã xô đổ giá vẽ của cô. Ông ta đi thẳng về phía cô, hai bàn tay vung vẩy và hét lớn, “Chúng ta can trường cưỡi ngựa xông lên,”^[3] nhưng nhờ trời đất thương tình, ông ta quay ngoắt lại và đi xa dần, để chết một cách vinh quang trên những ngọn đồi Balaclava, cô cho là vậy. Chưa hề có người nào cùng một lúc vừa buồn cười vừa đáng ngại đến thế. Nhưng miễn là ông ta cứ hành động theo kiểu đó, vẩy tay, la hét, cô vẫn an toàn; miễn là ông ta đừng đứng yên nhìn vào tranh của cô. Đó là điều mà Lily Briscoe không thể chịu đựng được. Thậm chí trong lúc cô nhìn vào khối hình, vào nét vẽ, vào màu sắc, vào bà Ramsay đang ngồi bên cửa sổ với James, cô vẫn theo dõi xung quanh kẻ có ai đó len lén tới gần và cô đột ngột phát hiện ra rằng có kẻ nào đó đang nhìn vào tranh của mình. Nhưng giờ đây, với mọi giác quan nhạy bén như thường lệ, nhìn ngắm, căng lên, cho tới khi màu sắc của bức tường và bụi hoa jacmanna^[4] ở phía ngoài bùng cháy trong mắt cô, cô nhận thức được có ai đó đang bước ra khỏi ngôi nhà, tiến về phía cô; nhưng qua linh cảm, từ tiếng bước chân, đó là William Bankes, vì thế dù cọ của cô hơi run, cô vẫn không úp tấm tranh của mình lên mặt cỏ, như trong trường hợp đó là Tansley, Paul Rayley, Minta Doyle, mà vẫn để nó đứng yên. William Bankes đã đứng bên cạnh cô.

Họ có phòng trong làng. Và cứ thế, đi vào, đi ra, chia tay nhau muôn màng trên lớp thảm trải ở cửa ra vào, nói vu vơ về món xúp, về lũ trẻ, về chuyện nọ chuyện kia, những chuyện giúp cho họ trở thành đồng minh với nhau; thế nên lúc này, khi ông đứng bên cạnh cô theo cái kiểu cách quan tòa (ông lớn tuổi đủ để làm cha cô, một nhà thực vật học góa vợ, bốc mùi xà phòng, rất tỉ mỉ và sạch sẽ), cô chỉ đứng đó. Ông cũng chỉ đứng đó. Đôi giày của cô thật tuyệt, ông quan sát. Chúng cho phép những ngón chân cô duỗi ra một cách tự nhiên.

Cùng ở chung một nhà với cô, ông cũng đã nhận ra rằng cô sống rất ngăn nắp, thức giấc trước giờ điểm tâm và ra ngoài để vẽ tranh, một mình, ông tin là thế. Nghèo, có thể đoán thế, và không có nước da hay sức quyến rũ của cô Doyle, tất nhiên, nhưng có một thứ tri thức khiến cho đôi mắt cô vượt trội hơn hẳn mắt của cô gái trẻ kia. Chẳng hạn vào lúc này, khi Ramsay đang tiến tới gần chỗ họ, hét to, khoa tay múa chân, cô hiểu, ông cảm thấy chắc chắn điều đó.

Ai đó đã sai lầm^[5].

Ông Ramsay nhìn họ chòng chọc. Ông ta nhìn họ mà dường như không thấy họ. Điều đó khiến cho cả hai thấy hơi khó chịu. Họ vừa cùng nhìn thấy một điều mà họ không có ý định nhìn thấy, họ đã xâm phạm tới một cõi riêng tư. Có lẽ đó là lý do khiến ông Bankes muốn di chuyển ra khỏi tầm nghe, Lily nghĩ, vì gần như ngay lúc ấy ông nói gì đó về việc trời lạnh và đề nghị họ cùng đi tản bộ. Cô sẽ đi, vâng. Nhưng khó khăn lắm cô mới rời mắt được khỏi bức tranh.

Hoa jacmanna màu tím nhạt; còn bức tường thì trắng toát. Cô cảm thấy không trung thực lắm khi trộn lẫn màu tím nhạt và trắng toát để thấy mọi thứ đều nhợt nhạt, thanh lịch và có phần trong suốt chỉ vì trông thấy chúng như thế, dù chúng có vẻ đúng một kể từ khi ông Paunceforte ghé đến. Rồi phía sau lớp màu sắc là hình dáng. Cô có thể nhìn thấy rõ ràng mọi thứ. Chính lúc cô cầm chiếc cọ trên tay toàn bộ mọi sự vật chợt đổi thay. Ngay trong cái khoảnh khắc phiêu diêu giữa cảnh quan và khung vẽ này lũ quỷ đã ám vào cô. Chúng thường khiến cho cô muốn rơi nước mắt và biến quá trình chuyển từ ý niệm sang thực hiện trở nên đáng sợ như

việc đi xuống một hành lang tắm tối đối với một đứa trẻ con. Cô thường có cảm giác như thế - khi đang đấu tranh chống lại những điều lạ lùng kinh khủng và duy trì lòng can đảm - và cô thốt lên: “Nhưng đây là những gì tôi thấy; đây là những gì tôi thấy,” và cố níu kéo lại một ít tàn dư khốn khổ nào đó trong viễn tượng của mình, có tới cả ngàn trở lực cố hết sức giật chúng ra khỏi cô. Và cũng chính lúc đó, trên con đường lạnh lẽo lẫm lẫm phong ba này, khi cô bắt đầu vẽ, những trở lực đó tác động lên những thứ khác của cô, tài năng chưa chín tới của cô, sự tầm thường của cô, và cô cố gắng kềm nén cảm giác thôi thúc muốn sụp xuống dưới chân của bà Ramsay (Tạ ơn trời đất vì cho tới lúc này cô vẫn luôn cưỡng lại được việc đó) để nói với bà - nhưng người ta có thể nói gì với bà ấy nhỉ? - rằng “Tôi yêu bà?” Không, điều đó không đúng. “Tôi yêu tất cả những thứ này,” và vẫy tay hướng tới bờ giậu, tới ngôi nhà, tới lũ trẻ con. Việc đó thật ngớ ngẩn, việc đó là điều không thể có. Vì thế, lúc này cô đặt ngay ngắn những chiếc cọ vào trong hộp, cạnh bên nhau, rồi nói với William Bankes:

“Trời đột ngột trở lạnh. Hình như mặt trời đã giảm nhiệt độ,” cô nói và nhìn quanh quẩn. Trời còn khá sáng, thậm chí vẫn xanh ngấn ngắt, ngôi nhà nổi lên trên những cây cỏ điểm những bông hoa tím đỏ nồng nàn, và những con quạ đang thả xuống những tiếng kêu lạnh lùng từ bầu trời xanh cao vợi vợi. Nhưng có một cái gì đó đang di động, lóe sáng, xoay tròn cái cánh bạc trong không trung. Đã là tháng Chín, giữa tháng Chín, và đã qua sáu giờ chiều. Thế rồi họ đi chậm rãi xuống khu vườn theo hướng thường lệ, băng qua sân quần vợt, băng qua bãi cỏ bông bạc, hướng tới quãng không gian trống giữa hàng giậu dày, được canh giữ bởi những khóm hoa loa kèn đuốc như những hòn than đang cháy sáng, mà ở giữa là mặt nước xanh lơ trông càng xanh hơn bao giờ hết của cái vịnh.

Họ thường tới đó mỗi chiều, bị thôi thúc bởi một nhu cầu nào đó. Như thể mặt nước sẽ đẩy đưa và căng buồm cho những ý tưởng éo uột đã đâm chồi trên đất cạn, và mang lại cho thân thể họ một dạng nâng đỡ nào đó về vật chất. Thoạt tiên, màu xanh lơ tràn ngập cái vịnh, và con tim mở rộng cùng với nó, tiếp ngay sau đó là thân thể bơi trong nước, để cho những lượn sóng đen lặn tẩn kiểm tra và làm cho nó lạnh tái tê. Thế rồi từ phía sau tảng đá to màu đen, một vòi nước trắng chọt phun vọt lên. Vòi

nước này xuất hiện hầu như khá thất thường vào mỗi buổi chiều khiến cho người ta phải ngắm nhìn nó với niềm vui thích; và trong khi chờ đợi nó, người ta ngắm nhìn về phía bãi biển hình bán nguyệt xanh mờ nơi những lượn sóng êm ả nối tiếp nhau như một màng xà cừ mỏng.

Cả hai đứng đó, mỉm cười. Cả hai cùng cảm nhận một niềm hân hoan chung do những lượn sóng nhấp nhô gây ra, và do tốc độ nhanh như tên bắn của một chiếc thuyền buồm. Nó lượn một vòng trong vịnh, dừng lại; rùng mình; hạ những cánh buồm xuống; và rồi, với một bản năng nhằm hoàn tất bức tranh, sau chuyển động nhanh này, cả hai người nhìn ra những đụn cát phía xa, và thay vì niềm vui, họ thấy lòng tràn ngập một nỗi buồn - phần vì cảnh vật quá hoàn hảo, phần vì quang cảnh xa xa đó dường như đã tồn tại suốt một triệu năm rồi (Lily nghĩ). Dường như suốt một triệu năm qua kẻ ngắm nhìn vẫn đang chuyện trò với một bầu trời trải rộng trên một trái đất hoàn toàn ngời ngời.

Vừa nhìn ra những đồi cát xa, William Bankes vừa suy nghĩ về Ramsay: nghĩ về một con đường ở Westmorland, nghĩ về Ramsay đang một mình sải bước trên đường, vây quanh bởi sự cô độc lẻ loi mà dường như là cũng là vẻ ngoài tự nhiên của ông ấy. Nhưng điều này bị cắt ngang do một con gà mái, William Bankes nhớ (và chuyện này phải được xem là một sự cố thật sự). Nó đang dang rộng đôi cánh để che chở cho một đàn gà con. Ramsay dừng lại, chìa cây gậy ra và nói “Xinh xắn quá... xinh xắn quá,” một ánh sáng lạ lùng đã soi rọi con tim ông ấy, Bankes đã từng nghĩ thế, nó cho thấy sự chất phác của ông ấy, sự cảm thông của ông ấy đối với những sự vật bé mọn; nhưng dường như đối với ông tình bạn của họ cũng đã chấm dứt ở đó, trên con đường đó. Sau đó, Ramsay lấy vợ. Sau đó, do chuyện này chuyện nọ, tình bạn của họ đã nhạt nhẽo đi. Ông không thể nói đó là do lỗi của ai, chỉ có thể nói là sau một thời gian, sự lặp lại đã thay chỗ cho điều mới mẻ. Họ gặp nhau chỉ để lặp lại một thói quen. Nhưng trong cuộc chuyện trò câm lặng này với những đụn cát, ông xác nhận rằng lòng yêu mến Ramsay trong ông không hề suy giảm; tình bạn của ông vẫn còn đó, trong sự sâu sắc và thực tế của nó, như thân thể một chàng trai trẻ nằm trong lớp than bùn suốt một thế kỷ, với đôi môi đỏ thắm, nằm vắt người qua cái vịnh giữa những ngọn đồi cát trắng.

Ông rất băn khoăn vì tình bạn hữu này và có lẽ cũng vì để xóa sạch khỏi tâm trí mình ý nghĩ đổ lỗi cho việc ông đã trở nên già nua cần cỗi. Ramsay sống giữa một bầy con, trong khi Bankes không có con và góa vợ... Ông băn khoăn vì lẽ ra Lily không nên miệt thị Ramsay (một con người vĩ đại theo cung cách của ông ấy) mà nên thấu hiểu mọi điều nằm chắn ngang giữa họ. Bắt đầu từ trước đó rất nhiều năm, tình bạn của họ đã vơi cạn đi, trên một con đường ở Westmorland, nơi con gà mái đang đôi cánh che cho lũ gà con; sau đó Ramsay đã lấy vợ, và họ đã bước theo những con đường khác nhau. Hẳn là có một khuynh hướng nào đó, dĩ nhiên không phải do lỗi của ai, khi họ gặp lại, để lặp lại một thói quen.

Phải. Chuyện là như thế. Ông kết thúc. Ông quay lưng lại cảnh quang. Và bước trở về theo một con đường khác lên chỗ đậu xe, ông Bankes vẫn trầm ngâm với những điều mà lẽ ra ông sẽ chẳng bận tâm tới nếu như những ngọn đồi cát kia không hé lộ cho ông thấy thân thể của tình bằng hữu của mình đang nằm đó trong lớp than bùn với màu đỏ thẫm trên môi. Chẳng hạn như bé Cam, con gái út của Ramsay. Nó đang hái hoa *Sweet Alice* trên bờ biển. Nó hoang dã và hung dữ. Nó sẽ không “tặng một bông hoa cho quý ông này” như lời người bảo mẫu bảo nó. Không! Không! Không! Nó sẽ không làm thế! Nó nắm chặt nắm tay lại. Nó giậm chân. Ông Bankes cảm thấy già nua, buồn rầu và thấy bằng cách nào đó ông đã bị con bé làm cho nghĩ sai lầm về tình bạn của mình. Ông hẳn đã già nua cần cỗi thật rồi.

Gia đình Ramsays không giàu, và thật kỳ diệu khi họ đã tìm được cách xoay xở mọi thứ. Tám đứa con! Nuôi tám đứa con bằng triết học! Lại một đứa khác trong số chúng xuất hiện, lần này là Jasper. Nó lững thững đi qua, để bắt một con chim, nó nói, lúc lắc bàn tay của Lily trong một cái bắt tay thân tình khi đi ngang qua cô. Điều này khiến ông Bankes cay đắng thốt lên, Cô ấy mới được ưa chuộng làm sao. Bây giờ phải xét tới vấn đề giáo dục (đúng thế, có lẽ bà Ramsay cũng có chút gì đó của chính bà) bỏ qua những thứ ăn mặc hàng ngày, những đôi giày rách vớ rách mà những đứa nhóc “tuyệt vời” này đòi hỏi, cả bọn đều là các đứa bé đang tuổi lớn, gầy nhom, đầy yêu sách. Còn việc chắc chắn rằng đứa nào là đứa nào, hay thứ tự trong nhà của chúng, là nằm ngoài khả năng của Bankes. Ông gọi tên chúng một cách thân mật theo biệt danh của những

vị vua và hoàng hậu nước Anh. Cam xấu tính, James hay đòi hỏi, Andrew công minh, Prue xinh xắn - vì hẳn là Prue sẽ rất xinh, ông nghĩ, làm sao bà ấy có thể giúp nó nhỉ? Và Andrews là đứa có đầu óc. Trong lúc đi lên chỗ chiếc xe, với Lily nói vâng hoặc không đáp lại những lời nhận xét của ông (vì cô ấy yêu tất cả bọn chúng, yêu cả thế gian này) ông cân nhắc trường hợp của Ramsay, thương hại cho ông ấy, đổ kị với ông ấy, như thể ông đã nhìn thấy ông ấy tự tước bỏ khỏi mình mọi vinh quang của sự lễ loi và khổ hạnh đã đưa ông ấy lên ngôi báu hồi còn trẻ để tự ngăn trở mình một cách dứt khoát với những đôi cánh rung rung và những công việc gia đình bát nháo. Chúng đã cho ông ấy một thứ gì đó - William Bankes biết điều đó; hẳn ông sẽ rất vui nếu như Cam cài một bông hoa lên áo ông hay đu lên vai ông, như đu lên vai cha nó, để nhìn bức tranh ngọn Vesuvius^[6] đang phun lửa; nhưng chúng cũng đã hủy diệt đi một thứ gì đó, người bạn già của ông không thể không cảm thấy điều này. Lúc này đây, một người xa lạ sẽ nghĩ gì? Đây có phải là điều mà Lily Briscoe nghĩ hay không? Người ta có thể không nhận thấy những thói quen đã hình thành ở ông ấy hay không? Những kiểu cách lập dị, có lẽ là những sự yếu đuối nữa? Thật đáng kinh ngạc khi một người tài trí như ông ấy lại có thể khom xuống thấp đến thế - nhưng đó là một cụm từ quá khắc nghiệt - lại có thể phụ thuộc đến như thế vào lời ngợi khen tâng bốc của mọi người.

“Ồ, nhưng hãy nghĩ tới tác phẩm của ông ta!” Lily nói.

Bất kỳ lúc nào “nghĩ tới tác phẩm của ông ta” cô luôn luôn nhìn thấy rõ ràng phía trước cô một cái bàn nhà bếp lớn. Đó là cách nói của Andrew. Cô đã hỏi nó những cuốn sách của cha nó viết về điều gì. “Chủ thể và khách thể và bản chất của thực tại,” Andrew đáp. Và khi cô nói ôi Trời, cô không có chút ý niệm nào rằng những thứ đó có nghĩa là gì. “Hãy nghĩ tới một cái bàn nhà bếp,” nó bảo với cô, “khi chị không ở đó”.

Vì vậy, bây giờ mỗi khi nghĩ tới tác phẩm của ông Ramsay, cô luôn luôn nhìn thấy một cái bàn nhà bếp vô giá trị. Bây giờ nó đang nằm trên chạc hai của một cây lê, vì họ đã đi tới vườn cây ăn quả. Với một nỗ lực tập trung đau đớn, cô hướng tâm trí mình, không phải vào lớp vỏ óng bạc của cây lê, hay những chiếc lá giống hình con cá của nó, mà vào một cái bàn

hư ảo, một trong những cái bàn nhà bếp vô giá trị, đầy những thớ và mấu gỗ. Một cái bàn nhà bếp mà ưu điểm của nó dường như đã bị bóc trần bởi nhiều năm tháng. Nó nằm kẹt ở đó, bốn cái chân lơ lửng trong không khí. Theo lẽ tự nhiên, nếu những ngày tháng của người ta trôi qua trong việc nhìn thấy những bản chất đầy góc cạnh này, nhìn thấy những buổi chiều tà đáng yêu này - với tất cả những vầng mây màu hồng hạc, và xanh lơ và bạc của chúng - bỗng biến thành một cái bàn gỗ trắng bốn chân (và đó là một mục tiêu thực hiện của những bộ óc tốt đẹp nhất), tất nhiên người ta không thể bị xét đoán như một con người bình thường được.

Ông Bankes thấy thích cô vì đã đề nghị ông “nghĩ tới tác phẩm của ông ta”. Ông thường nghĩ về điều đó, rất thường. Vô số lần ông đã nói: “Ramsay là một trong những người thực hiện được tác phẩm hay nhất của mình trước tuổi bốn mươi.” Ông ta đã có một đóng góp nhất định cho triết học trong một cuốn sách nhỏ khi chỉ mới hai mươi lăm tuổi; những cuốn ra đời sau này ít hay nhiều chỉ là sự mở rộng hay lặp lại. Nhưng con số những người có một đóng góp nhất định cho bất kể cái gì thì rất nhỏ, ông nói, dừng lại bên cạnh cây lê. Đột nhiên, như thể cử động của bàn tay ông đã giải thoát cho nó, cái gánh nặng những ấn tượng về ông đã tích lũy từ lâu chợt dừng đứng lên rồi đổ ào xuống trong một trận tuyết lở long trời tất cả những gì cô cảm thấy về ông. Đó là một cảm giác. Rồi như một luồng khói bốc lên cao là cảm giác về bản chất sự tồn tại của ông. Đó là một cảm giác khác. Cô cảm thấy sững sờ trước sự mãnh liệt của nhận thức đó; chính là sự mộc mạc của ông, lòng tốt của ông. Tôi kính trọng ông hết mực (cô thầm lặng nói với ông trong lòng); ông không phù phiếm; ông hoàn toàn khách quan; ông tốt hơn ông Ramsay; ông là người tốt nhất mà tôi biết; ông không vợ không con (không hề có chút cảm giác nào về tính dục, cô mong mỗi được mền yêu sự cô đơn đó), ông sống vì khoa học (tình cờ mấy luống khoai hiện ra trước mắt cô); sự ca tụng với ông là một sự sỉ nhục; một con người phóng khoáng, thuần khiết, quả cảm! Nhưng đồng thời, cô cũng nhớ rằng ông đã mang theo một người hầu suốt con đường tới đây như thế nào; phản đối việc cho mấy con chó nằm trên ghế như thế nào; lải nhải suốt hàng giờ (cho tới khi ông Ramsay dùng dùng bỏ ra khỏi phòng) về muối trong rau củ và sự sai lầm của cách nấu ăn theo kiểu Anh như thế nào.

Vậy làm thế nào mà tất cả những thứ này lại xảy ra? Người ta phán xét mọi người, suy nghĩ về họ như thế nào đây? Làm thế nào người ta có thể cộng lại tất cả điều này chuyện nợ và rồi kết luận rằng người ta cảm thấy thích hay không thích? Và nói cho cùng, ý nghĩa nào gắn liền với những từ đó? Bây giờ đứng đó, cạnh cây lê, rõ ràng là đang rất sững sờ, đến nỗi dường như ngay cả những vết nứt và những cái bướu trên lớp vỏ của cây lê dường như cũng nằm cố định ở đó mãi mãi, những ấn tượng về hai người đàn ông đó ập vào đầu óc cô, và đuổi theo ý nghĩ của cô là một giọng nói nhanh đến mức khó mà ghi chép lại, và đó chính là giọng nói của cô, đang nói không ngừng những điều không thể bác bỏ, lặp đi lặp lại và đầy mâu thuẫn. Ông có lòng cao thượng, cô tiếp tục, nhưng ông Ramsay thì không hề có. Ông ta nhỏ mọn, ích kỷ, phù phiếm, tự cao tự đại; ông ta đã hỏng; ông ta là một bạo chúa; ông ta đầy ải bà Ramsay cho tới chết; nhưng ông ta có cái mà ông không có (cô nói với ông Bankes); một sự nồng nhiệt siêu phàm; ông ta không biết tí gì về những điều vật vãnh; ông ta yêu lũ chó và lũ con của mình. Ông ta có tám đứa con.

Ông Bankes chẳng có đứa con nào. Có phải đêm hôm nợ ông đã đi xuống đây, mặc cả hai chiếc áo bành tô trên người và để cho bà Ramsay cắt tỉa tóc ông vào một cái chậu đựng bánh pu-đinh? Tất cả những ý nghĩ này nhảy múa lẩn tẩn lên xuống, như một đàn muỗi mắt, mỗi ý nghĩ đều tách rời nhau nhưng tất cả đều được kiểm soát một cách kỳ diệu trong một tấm lưới đàn hồi vô hình - nhảy múa lên xuống lẩn tẩn trong tâm trí của Lily, giữa những nhánh lê, cái bàn nhà bếp vô giá trị, biểu tượng của lòng kính trọng sâu sắc của cô đối với ông Ramsay vẫn còn treo lơ lửng, cho tới khi ý nghĩ đang đảo lộn ngày càng nhanh hơn của cô nổ tung ra trong cường độ mãnh liệt của chính nó; cô cảm thấy nhẹ nhõm. Một phát đạn vút qua gần bên, và một đàn chim sáo bay tóa ra, hoảng hốt, ồn ào, nháo nhác.

“Jasper!” ông Bankes nói. Họ quay về hướng đàn chim sáo bay ở bên trên sân hiên. Họ bước qua khoảng trống giữa hàng giậu cao theo hướng những con chim đang bay tan tác trên bầu trời thẳng về phía ông Ramsay, người đang găm lên một cách bí hiểm, “Ai đó đã sai lầm!”

Đôi mắt ông ta, long lanh trong cơn cảm xúc, đầy thách thức, chạm phải mắt họ trong một giây; nhưng rồi ông ta đưa tay lên giữa mắt, như thể để ngăn chặn, để quét đi, trong một nỗi thống khổ tràn đầy hổ thẹn, cái nhìn bình thường của họ, như thể ông cầu xin họ hãy ngăn lại trong một khoảnh khắc điều mà ông biết là không thể tránh khỏi, như thể ông muốn gán lên họ sự oán giận như trẻ con của ông khi bị cắt ngang, thế nhưng ngay trong cái khoảnh khắc khám phá rằng không phải là ông ta bị quấy rầy mà là do ông ta đã quyết định nắm bắt nhanh lấy một điều gì đó trong cái cảm xúc ngọt ngào này, cái khúc cuồng ca không trong sáng này, điều mà ông thấy xấu hổ nhưng lại ham mê, ông quay ngoắt đi và đóng sầm cánh cửa riêng của mình trước mặt họ; và Lily Briscoe cùng ông Bankes, khi bứt rứt nhìn lên bầu trời, nhận thấy rằng đàn chim sáo mà Jasper đã đuổi tan tác với khẩu súng của nó vừa đậu xuống mấy ngọn cây du.

5.

“Thậm chí nếu ngày mai không tốt trời,” bà Ramsay nói, đưa mắt nhìn William Bankes và Lily Briscoe khi họ bước qua, “trời sẽ đẹp vào một ngày khác. Còn bây giờ,” bà nói, nghĩ rằng sự đáng yêu của Lily là ở đôi mắt của cô, ở đường nét nghiêng trên gương mặt nhỏ trắng bệch, nhăn nhoe của cô, nhưng để nhìn thấy điều đó phải là một người đàn ông thông minh, “còn bây giờ thì hãy đứng lên để mẹ đo chân của con,” bởi lẽ rốt cuộc họ cũng sẽ đi ra ngọn hải đăng, bà phải xem thử coi đôi tất có cần nối dài thêm hai ba phân nữa hay không.

Miệng mỉm cười, vì đó là một ý tưởng hay ho vừa lóe lên trong đầu bà ngay giây phút này - William và Lily nên lấy nhau - bà cầm lấy chiếc tất, với những chiếc kim đan bằng thép xuyên chéo qua ở phía miệng tất, và áp vào chân James để đo.

“Bé cưng, đứng yên nào,” bà nói, vì trong cơn ghen tị của nó, không muốn làm một phương tiện đo lường cho thằng nhóc con trai của người gác hải đăng, James cứ cố tình ngo nguậy không chịu đứng yên; và nếu nó cứ

như thế, thì làm sao bà có thể nhìn thấy chiếc tất là quá dài hay quá ngắn? bà hỏi.

Bà nhìn lên - con quỷ nào đã ám vào nó, thằng út cưng của bà vậy? - và nhìn thấy căn phòng, nhìn thấy những chiếc ghế, nghĩ chúng đã xơ xác hao mòn đến phát sợ. Ruột của chúng, như Andrew nói hôm trước, rải rác khắp sàn nhà; nhưng có lý do gì để mua những cái ghế tốt, bà hỏi, rồi để cho chúng hư hao ở đây trong suốt mùa đông khi mà ngôi nhà, với chỉ một người phụ nữ già coi sóc nó, đã hoàn toàn đột nát. Không sao, chính xác thì giá thuê chỉ có hai xu rưỡi; lũ trẻ yêu nó; nó giúp chống bà cách xa những thư viện, những bài giảng và lũ học trò của ông ba ngàn, hoặc nếu bà phải nói chính xác hơn, ba trăm dặm; và có chỗ cho khách đến thăm. Những tấm thảm, những cái giường đơn sơ, những bóng ma xộc xệch của những bàn ghế mà cuộc đời phức vụ ở London của chúng đã trôi qua - chúng cũng khá tốt ở đây; và một hai bức ảnh, những cuốn sách. Những cuốn sách tự trở nên già cỗi. Bà chẳng bao giờ có thời giờ đọc chúng. Ái chà! Ngay cả những cuốn sách bà được tặng với lời đề tặng do nhà thơ tự tay viết: “Tặng người mà mong ước của nàng phải được tuân theo” hay “Helen hạnh phúc của những ngày tháng của chúng ta”... thật xấu hổ khi phải nói rằng bà không bao giờ đọc chúng. Và cuốn *Xứ Croom trong tâm trí*, cuốn *Những cơn thịnh nộ vì các phong tục dã man ở Polynesia* (“Con cưng, đứng yên nào,” bà nói) - người ta không thể gửi cuốn nào trong số này tới ngọn hải đăng. Ở một thời khắc nhất định, bà nghĩ, ngôi nhà sẽ trở nên tồi tàn tới mức phải làm một điều gì đó. Phải chi chúng học được cách chùi sạch chân của chúng và không mang theo cát biển vào nhà. Những con cua, bà phải cho phép, nếu Andrew thật sự muốn khảo sát chúng thật kỹ lưỡng, hoặc nếu Jasper tin rằng có thể nấu canh từ rong biển, người ta không thể cản ngăn điều đó được; hoặc những thứ của Rose - những cái vỏ sò, những cây sậy, những viên đá; vì chúng có tài năng, lũ trẻ của bà, nhưng tất cả đều theo những cách thức hoàn toàn khác hẳn nhau. Và kết quả của điều này, bà thở dài khi áp chiếc vớ vào chân James, đang chiếm lĩnh toàn bộ căn phòng, từ sàn nhà cho tới trần nhà, và mọi thứ ngày càng bệ rạc hơn từ mùa hạ này sang mùa hạ khác. Tấm thảm bạc phếch đi, giấy dán tường tróc ra bay phần phật. Bà không thể nói rằng trên đó có những bông hồng được nữa. Còn nữa, nếu mọi cánh cửa ra vào trong một ngôi nhà đều để mở liên tục, và không có

người làm chốt cửa nào trên toàn cõi Tô Cách Lan có thể chữa lại một cái then, mọi thứ phải hư hao. Có ích gì việc treo một tấm khăn choàng Cashemere xanh lá cây lên rìa của một khung tranh? Trong hai tuần nó sẽ có màu xúp đậu. Nhưng chính những cái cửa ra vào khiến bà phiền lòng nhất; mọi cánh cửa đều để mở. Bà lắng nghe. Cửa phòng khách để mở; và chắc chắn là cửa sổ ở đầu cầu thang cũng để mở, vì chính bà đã mở nó. Chẳng lẽ không đứa nào trong số chúng có thể nhớ được rằng nên mở những cánh cửa sổ và đóng những cửa ra vào - một việc đơn giản là thế? Bà thường vào phòng của đám con gái vào buổi tối và thấy chúng đóng kín như một cái lò, ngoại trừ phòng của Marie, cô gái Thụy Sĩ, người thà là không tắm còn hơn không có không khí trong lành, nhưng hồi còn ở quê nhà, cô ta bảo, “những ngọn núi rất đẹp.” Cô ta đã nói thế đêm qua khi nhìn ra cửa sổ với đôi mắt rưng rưng. “Những ngọn núi rất đẹp.” Cha cô ta đang hấp hối ở đó, bà Ramsay biết. Ông ấy đang sắp bỏ lại họ mồ côi mồ cút. Vừa rầy la vừa giải thích (làm sao để dọn một cái giường, làm sao để mở một cánh cửa sổ, với những bàn tay khép lại xò ra như tay của một phụ nữ Pháp), nhưng mọi thứ đã lặng lẽ khép lại quanh bà, khi cô ta nói, như sau một chuyến bay qua ánh mặt trời, đôi cánh của một con chim lặng lẽ khép lại và màu xanh trên bộ lông của nó chuyển từ màu thép sáng sang tím đậm. Bà đã đứng đó lặng im vì không có gì để nói. Ông ta bị ung thư cổ họng. Với hồi ức đó - bà đã đứng đó như thế nào, cô gái đã nói như thế nào, “Ở quê nhà những ngọn núi rất đẹp,” và không có chút hy vọng nào, không có hy vọng về bất cứ điều gì, bà chột nổi câu lên, và gắt gỏng nói với James:

“Đứng yên. Đừng loay hoay nữa,” khiến nó biết ngay lập tức rằng bà thật sự nghiêm khắc, và duỗi thẳng chân ra để cho bà đo.

Chiếc tất quá ngắn, ít nhất là ngắn hơn một phân rưỡi, thừa nhận cho thực tế rằng thằng bé nhà Sorley còi cọc hơn James.

“Nó ngắn quá,” bà nói, “ngắn hơn rất nhiều.”

Không bao giờ có ai trông quá đôi buồn rầu. Đắng và đen, trong bóng tối, ở giữa chạng đường chạy từ ánh sáng tới những độ sâu, có lẽ một giọt

lệ đã thành hình; một giọt lệ rơi; mặt nước xao động, đón nhận nó, rồi thình lặn lại. Không bao giờ có ai trông quá đổi buồn rầu.

Nhưng có phải như người ta nói, đó chỉ là vẻ ngoài, chẳng có gì hơn? Cái gì nằm ở phía sau nó - vẻ đẹp và sự lộng lẫy của bà? Có phải ông ta đã mất trí, họ hỏi, có phải ông ta đã chết vào cái tuần trước khi họ cưới nhau - một người khác, người tình trước đó, kẻ mà những lời đồn đã tới tai? Hay chẳng có gì hết? Chẳng có gì ngoài một vẻ đẹp vô song mà bà sống ở phía sau, và không thể nào tác động tới nó? Vì dù có thể ở một khoảnh khắc thân tình nào đó khi những câu chuyện về nỗi đam mê vĩ đại, về tình yêu sâu đậm, về tham vọng bị trở ngại dễ dàng khiến cho bà thốt lên rằng cả bà cũng đã biết hay cảm nhận hay chính mình từng trải qua điều đó, bà không bao giờ nói. Bà luôn luôn im lặng. Bà biết vậy - bà biết mà không cần học hỏi. Sự giản dị của bà đo lường được điều mà những người thông minh xuyên tạc. Đầu óc mộc mạc của bà khiến bà rơi thẳng như một hòn đá, chao liệng chính xác như một con chim, trao cho bà, một cách tự nhiên, trạng thái tinh thần trực cảm về sự thật mà có lẽ là vui tươi, dễ chịu và lâu bền một cách giả tạo này.

(“Tự nhiên có khá ít loại đất sét,” có lần ông Bankes đã nói, rất xúc động khi nghe giọng bà trong điện thoại, dù bà chỉ kể cho ông ta nghe một thực tế về một con tàu, “như thứ mà nó đã nặn ra chị.” Ông ta nhìn thấy bà ở đầu kia đường dây, đẹp theo kiểu người Hy Lạp, mắt xanh trời, mũi thẳng. Dường như không thích hợp lắm khi gọi điện cho một người phụ nữ như thế. Những Nữ thần Duyên dáng^[7] dường như đã cùng nhau tạo tác ra gương mặt ấy trên những đồng hoa lan nhật quang. Phải, ông ta sẽ bắt chuyến tàu 10:30 ở Euston.

“Nhưng bà không hề ý thức về vẻ đẹp của mình hơn một đứa bé con chút nào,” ông Bankes nói, đặt cái ống nghe xuống chỗ cũ rồi băng qua gian phòng để xem những người thợ đang làm gì với cái khách sạn mà họ xây dựng ở sau nhà ông. Và ông nghĩ tới bà Ramsays khi nhìn vào sự chuyển động giữa những bức tường đang dở đó. Vì luôn luôn, ông nghĩ, có một cái gì đó phi lý đã xen vào sự hòa hợp trên gương mặt của bà. Bà ấn một cái mũ thợ săn lên đầu mình; bà chạy ngang qua bãi cỏ trên đôi giày cao su để ngăn một đứa con đang nghịch phá. Thế nên nếu người ta

chỉ nghĩ tới vẻ đẹp của bà, người ta phải nhớ tới một sự vật đang run rẩy, một sự vật đang sống động (những người thợ đang mang gạch lên một tấm ván nhỏ trong lúc ông đứng quan sát họ), và đưa nó vào trong bức tranh; hoặc nếu chỉ đơn giản nghĩ về bà như là một người đàn bà, người ta phải phú cho bà một khí chất khá lạ thường - bà không thích sự ngۆng mộ - hay cứ cho là một khao khát ngۆm ngۆm được rũ bỏ sự trung thành về hình thức của bà, như thể vẻ đẹp của bà khiến cho bà và tất cả những người đàn ông nói về vẻ đẹp đều ngán ngۆm, và bà chỉ muốn giống như mọi người tầm thường khác. Ông không biết. Ông không biết. Ông phải lo làm công việc của mình.

Ngồi đan chiếc tất màu nâu đỏ, mái đầu nổi lên một cách phi lý bởi chiếc khung mạ vàng, chiếc khăn choàng xanh lá mà bà đã tung lên rìa khung tranh, và tuyệt phẩm thứ thiệt của Michael Angelo, bà Ramsay xoa dịu thái độ hơi gay gắt vừa mới nảy bằng cách ngۆng lên, hôn vào trán đứa con trai bé bỏng của mình. “Chúng ta tìm một hình khác để cắt ra đi nào,” bà nói.

6.

Nhưng điều gì đã xảy ra?

Ai đó đã sai lầm.

Từ trạng thái mơ màng, bà bắt đầu nghĩ về ý nghĩa của những từ mà bà đã neo giữ một cách vô ý nghĩa trong tâm trí mình suốt một lúc lâu. “Ai đó đã sai lầm” - dán đôi mắt cận thị vào ông chồng, người lúc này đang bước về phía bà, bà nhìn chăm chăm cho tới khi sự có mặt của ông (câu thơ tự đan kết với nhau trong đầu bà) hé lộ rằng đã có điều gì đó xảy ra, đã có ai đó sai lầm. Nhưng suốt đời mình, bà không thể nghĩ ra đó là gì.

Ông ấy rùng mình; ông ấy run rẩy. Mọi ảo tưởng phù du của ông ấy, mọi niềm mãn nguyện của ông ấy về sự chói lọi của chính mình, phi ngựa như một tia chớp, hung tợn như một con chim ưng ở phía trước những người lính của mình khi băng qua cái thung lũng tử thần, tất cả đã đổ vỡ

tan tành như mây khói. Xông pha trong đạn pháo, chúng ta can trường cưỡi ngựa xông lên, lao như chớp qua thung lũng tử thần - thẳng vào Lily Briscoe và William Bankes. Ông ấy rùng mình. Ông ấy run rẩy.

Nhận ra, từ những dấu hiệu quen thuộc, rằng đôi mắt ông ấy hướng sang nơi khác, với một sự thu mình kỳ lạ nào đó, như thể ông ấy đang tự bao kín lấy bản thân và cần sự riêng tư để lấy lại thăng bằng, rằng ông ấy đang nổi giận và đau khổ, chẳng có lý do gì trên đời để bà phải nói gì với ông ấy cả. Bà vuốt nhẹ đầu James; bà truyền sang cho nó điều mà bà cảm nhận về chồng mình, và, trong lúc ngắm nhìn nó tô phấn vàng lên chiếc áo trắng của một quý ông trong cuốn danh mục hàng hóa của cửa hàng Quân đội và Hải quân, bà nghĩ hẳn bà sẽ vui sướng biết bao nếu nó trở thành một nghệ sĩ lớn; và tại sao nó lại không trở thành như thế chứ?

Nó có một vầng trán tuyệt vời. Thế rồi, ngẩng nhìn lên, khi ông chồng đi ngang bà một lần nữa, bà nhẹ nhõm khi nhận thấy sự sụp đổ đã được che giấu kín; đời sống gia đình đã hát khúc khai hoàn ca; tập quán lại ngân nga giai điệu vỗ về của nó, khiến khi dừng lại một cách chủ động trong chuyển vòng trở lại chỗ cửa sổ, ông cúi người xuống một cách giấu cợt và bất thường để cù vào bắp chân để trần của James với một nhánh cây gì đó, bà trách ông về việc đã bỏ rơi Charles Tansley, “cái gã trẻ tuổi tội nghiệp đó”. Anh ta phải vào phòng để viết bản luận án của mình, ông ấy nói.

“James sẽ phải viết bản luận án của nó về một trong những ngày này,” ông ấy nói thêm một cách mỉa mai, khua nhẹ cái nhánh cây.

Ghét cha mình, James gạt ra xa cái nhánh cây mà cha nó đang cù vào bắp chân trần của nó theo một cung cách riêng biệt của ông, kết hợp giữa sự nghiêm khắc và tính khôi hài.

Bà đang cố hoàn thành những chiếc vớ đáng ngán ngấm này để ngày mai gửi cho đứa con trai bé nhỏ của Sorley, bà Ramsay nói.

Chẳng có một cơ may khả dĩ nhỏ nhất nào để họ có thể đi ra ngọn hải đăng vào ngày mai, ông Ramsay cau kỉnh ngắt ngang.

Làm sao ông biết? bà hỏi. Gió thường hay thay đổi.

Sự vô lý tốt cùng trong nhận xét của bà, sự điên rồ của đầu óc đàn bà khiến cho ông điên tiết. Ông đã cưỡi ngựa băng qua thung lũng tử thần, đã tả tơi và run rẩy; thế mà bây giờ bà bất chấp cả những thực tế, khiến cho lũ con của ông hy vọng về một chuyện hoàn toàn vô căn cứ, thực ra là nói những lời dối trá. Ông dậm mạnh bàn chân lên bậc thềm đá. “Quý tha ma bắt bà đi,” ông nói. Nhưng bà đã nói gì? Chỉ đơn giản là ngày mai có thể trời đẹp. Có thể là như thế.

Bất chấp phong vũ kế đang hạ thấp và gió thổi về đúng hướng tây.

Đối với bà, việc theo đuổi chân lý mà không hề quan tâm tới cảm giác của mọi người một cách đáng kinh ngạc như thế, việc xé tan tành những tấm màn che mông manh của văn minh một cách cố tình, tàn bạo như thế, là một sự xúc phạm quá kinh khủng tới phép lịch sự của con người đến mức bà cúi đầu xuống như thể để cho trận mưa đá phủ phàng, dòng nước bắn thủi trào tuôn đó ập xuống người mình mà không hề trách móc. Không có gì để nói cả.

Ông ấy đứng im lặng cạnh bà. Cuối cùng, rất nhún nhường, ông ấy bảo rằng ông ấy sẽ đi ra đó và hỏi những người lính tuần duyên nếu bà muốn.

Bà không sùng kính một ai như đã sùng kính ông.

Bà rất sẵn lòng nhận lời ông ấy về điều đó, bà nói. Chỉ vậy họ mới không phải xa cách nhau thêm - có thể thôi. Họ tới với bà, một cách tự nhiên, vì bà là một người đàn bà, suốt cả ngày dài bận rộn với việc này việc nọ; người muốn điều này, kẻ muốn điều kia; lũ trẻ thì đang tuổi lớn; bà thường cảm thấy bà chẳng là gì cả ngoài một mẫu bột biển thắm dẫm những cảm xúc của con người. Thế rồi ông ấy nói, “Quý tha ma bắt bà đi. Ông ấy nói, Trời phải mưa. Giá như ông ấy nói, Trời sẽ không mưa; ngay lập tức một vũ trụ an toàn sẽ mở ra trước mắt bà. Bà không sùng kính người nào hơn thế. Bà cảm thấy bà không đủ sức để trói buộc ông ấy.

Xấu hổ về sự nóng nảy đó, về điệu bộ vung chân múa tay khi xung phong ở phía trước đạo quân của mình đó, ông Ramsay ngượng ngập cù vào cái chân trần của đứa con trai một lần nữa, và rồi, như thể ông buộc bà phải rũ bỏ nó đi, với một khoảnh khắc mà lạ lùng thay đã nhắc nhở vợ ông về con sư tử biển to lớn ở Vườn thú đang nhào lộn ra sau khi đã nuốt con cá của ông rồi phóng vụt đi khiến nước trong cái bồn chứa sóng sánh từ phía này sang phía khác, ông lặn sâu vào bầu không khí chiều tà đã trở nên mong manh hơn và lúc này đang xoá nhòa đi những chiếc lá và hàng giậu, nhưng, như thể để bù đắp lại, mang tới cho những bông hồng và bông cẩm chướng một vẻ lộng lẫy mà chúng không có lúc ban ngày.

“Ai đó đã sai lầm,” ông lại vừa ngâm nga vừa sải dài chân qua lại trước hiên nhà.

Nhưng âm điệu của ông đã thay đổi đến lạ lùng! Nó giống như tiếng gà gáy; “vào tháng Sáu anh chàng bị mất giọng”; như thể ông đang thử nghiệm, đang tìm kiếm một cách ngập ngừng, một cụm từ cho tâm trạng mới, và vì chỉ có cụm từ này trong tay, đành phải sử dụng nó, dù nó ồ ề. Nhưng nghe nó thật buồn cười - “Ai đó đã sai lầm” - được nói theo kiểu gần như là một câu hỏi, không có chút sức thuyết phục nào, về mặt âm điệu. Bà Ramsay không thể không mỉm cười, và ngay sau đó, chắc chắn là vậy, trong khi vẫn đi qua đi lại, ông ấy bắt đầu ậm ừ, hạ giọng, rồi im bặt.

Ông đã an toàn. Ông đã có lại sự riêng tư của mình. Ông dừng lại để đốt tẩu thuốc, nhìn một cái vào vợ và con trai mình ở phía trong cửa sổ, và như một người trong một con tàu tốc hành vừa rời mắt khỏi một trang sách, ngước lên và nhìn thấy một trang trại, một thân cây, một khóm nhà trông như một bức tranh minh họa, một sự xác nhận về một điều gì đó trên trang giấy in mà anh ta quay nhìn trở lại, được củng cố tinh thần, và mãn nguyện, dù không thể nhìn rõ cả vợ lẫn con trai mình, hình ảnh của họ cũng củng cố tinh thần ông, làm cho ông mãn nguyện và thúc đẩy ông nỗ lực đạt tới một sự thấu hiểu hoàn toàn rõ ràng về vấn đề lúc này đang thu hút những năng lượng trong bộ óc tuyệt vời của ông.

Nó là một bộ óc tuyệt vời. Vì nếu tư tưởng giống như bàn phím của một chiếc dương cầm, được chia làm rất nhiều nốt, hay giống như hai mươi sáu mẫu tự ABC xếp theo trật tự, khi đó bộ óc tuyệt vời của ông chẳng hề khó khăn chút nào trong việc điếm qua lần lượt từng mẫu tự đó, một cách chắc chắn và chính xác, cho tới khi nó tới, chẳng hạn, mẫu tự Q. Ông đã tới mẫu tự Q. Trong toàn bộ nước Anh có rất ít người tới được chữ Q. Ở đây, dừng lại một lúc cạnh cái chậu đá trồng phong lữ thảo, ông nhìn thấy, nhưng bây giờ rất xa xôi, vợ và con trai ông, cả hai, phía trong cửa sổ, như bọn trẻ con đang nhặt vỏ sò, cực kỳ vô tư và hoàn toàn bị xâm chiếm bởi những thứ bé nhỏ dưới chân chúng và theo cách nào đó hoàn toàn vô tư vệ không thể chống lại một định mệnh bất hạnh mà ông nhận thức được. Họ cần sự bảo vệ của ông; ông đã trao nó cho họ. Nhưng sau chữ Q? Điều gì sẽ tới? Sau chữ Q là một số mẫu tự mà cuối cùng trong số chúng là một mẫu tự hiếm khi những đôi mắt phàm nhân nhìn thấy, nhưng đang đỏ lấp lánh ở phía xa xa. Chỉ duy nhất một người trong mỗi thế hệ đạt tới chữ Z một lần. Tuy nhiên, nếu ông có thể tới chữ R thì đó cũng là một điều đáng kể. Ít nhất ở đây là chữ Q. Ông đào sâu gót chân xuống chữ Q. Ông chắc chắn về chữ Q. Ông có thể chứng minh chữ Q. Nếu đã Q thì rồi sẽ có Q-R. Tới đây ông gõ cái ống tẩu, với hai ba tiếng vang vang, trên cái tay xách của chiếc chậu, và tiếp tục. “Vậy thì R...” Ông gắng hết sức. Ông tự xiết lấy chính mình.

Những phẩm chất có thể cứu hành khách của một con tàu hiện ra trên biển cả sôi sục dưới hình thức sáu cái bánh quy và một chai nước - sự chịu đựng và công lý, sự lo xa, sự tận tụy, kỹ năng, đã giúp sức cho ông. Vậy R là - R là gì?

Một tấm màn, như lớp da mí mắt của một con thần lằn, nhấp nháy bên trên cái nhìn căng thẳng của ông và che khuất chữ R. Trong tia chớp của bóng tối đó ông nghe mọi người đang nói - ông là một kẻ thất bại - rằng chữ R vượt khỏi tầm của ông.

Ông sẽ không bao giờ chạm tới chữ R. Hướng tới chữ R, một lần nữa. R

Những phẩm chất - mà trong một cuộc thám hiểm lẻ loi băng qua những vùng băng giá quạnh hiu ở vùng địa cực sẽ biến ông trở thành vị chỉ huy, kẻ dẫn đường, viên cố vấn, một người có tính khí không lạc quan nhưng cũng không thoái chí, người sẽ bình tĩnh nghiên cứu xem điều gì sẽ đến và đối mặt với nó - lại một lần nữa trợ giúp cho ông. R-

Mí mắt của con thần lẩn lại nhấp nháy một lần nữa. Những tấm màn che trên trán ông phình to ra. Cây phong lữ thảo trong cái chậu trở nên hiển hiện đến lạ lùng, và, hiện ra giữa những chiếc lá của nó, ông có thể nhìn thấy, không hề mong muốn nó, sự khác biệt xưa cũ, hiển nhiên giữa hai loại người; một bên là những kẻ qua lại đều đều với sức mạnh siêu phàm, nặng nhọc và kiên trì, họ lặp lại toàn bộ các mẫu tự ABC theo trật tự, tất cả hai mươi sáu chữ cái, từ đầu tới cuối; một bên khác là những kẻ tài năng, những kẻ tràn đầy cảm hứng mà như trong một phép mầu, họ thu tóm tất cả mọi chữ cái trong một tia chớp lóe - cung cách của thiên tài. Ông không có thiên tài; ông chẳng phân nan gì về điều đó: nhưng ông có, hoặc có thể có, khả năng lặp lại mọi từ trong bảng chữ cái theo đúng trật tự từ A tới Z một cách chính xác. Đồng thời trong lúc đó ông bị mắc kẹt ở chữ Q. Vậy thì, hướng tới R.

Lúc này, khi tuyết bắt đầu rơi và sương giá bao trùm đỉnh núi, những cảm giác ô nhục mà hẳn sẽ không đến với một người lãnh đạo, kẻ biết rằng ông ta phải nằm xuống và chết trước khi bình minh lên, đang luồn vào tâm hồn ông, làm mờ đi màu mắt ông, mang tới cho ông, thậm chí chỉ trong vòng hai phút sau khi ông quay ra trước sân hiên, vẻ nhợt nhạt của tuổi già héo hắt. Thế nhưng ông sẽ không nằm xuống chết; ông sẽ tìm ra một vách đá cheo leo, và ở đó, đôi mắt ông sẽ gắn chặt vào cơn bão tố, cố gắng chọc thủng màn đêm cho tới phút cuối cùng, ông sẽ chết đứng. Ông sẽ không bao giờ với tới chữ R.

Ông đứng bất động cạnh chậu hoa phong lữ thảo tỏa nhánh um tùm. Rốt cuộc, có bao nhiêu người trong một tỷ người, ông tự hỏi, đã chạm tới chữ R? Chắc chắn là một người lãnh đạo với niềm hy vọng chơ vơ có thể tự hỏi mình điều đó, và trả lời mà không phản bội lại đoàn thám hiểm phía sau ông ta, “Có lẽ là một người.” Một người trong cả một thế hệ. Ông có đáng trách không nếu ông không phải là người đó? Miễn là

ông đã lao khổ một cách chân thành, cố gắng với hết khả năng, cho tới khi ông không còn gì để cho đi nữa? Và tên tuổi của ông sẽ tồn tại bao lâu? Ngay cả một vị anh hùng đang hấp hối cũng được phép suy nghĩ trước khi ông ta chết rằng người ta sẽ nói về mình như thế nào sau đó. Có lẽ tên tuổi của ông sẽ tồn tại được hai ngàn năm. Và hai ngàn năm là cái quái gì? (ông Ramsay tự hỏi với vẻ mĩa mai, nhìn đăm đăm vào hàng giậu). Là cái quái gì, thật thế, khi bạn nhìn từ một đỉnh núi xuống bãi sa mạc thời gian dài vô tận? Ngay cả một hòn cuội mà người ta giơ chân đá văng xuống cũng sẽ tồn tại lâu hơn Shakespeare.

Ánh sáng bé nhỏ của ông sẽ tỏa ra, không rực rỡ lắm, trong một hoặc hai năm, rồi sẽ chìm vào một ánh sáng lớn hơn, và ánh sáng đó lại chìm vào một ánh sáng khác lớn hơn nữa.

(Ông nhìn vào hàng giậu, vào sự phức tạp của những nhánh cây con.) Vậy thì ai có thể trách người chỉ huy của đoàn người tuyệt vọng mà nói cho cùng đã trèo lên khá cao để có thể nhìn xuống bãi sa mạc của những tháng năm và sự tàn lụi của những vì sao, nếu trước khi cái chết làm tứ chi ông ta đông cứng lại ngoài khả năng cử động, ông thực hiện một cử động đầy ý thức, đưa những ngón tay tê cóng lên mày rồi vươn thẳng vai, để khi đoàn tìm kiếm tới nơi, họ sẽ thấy rằng ông ta đã chết ở vị trí của mình, hình ảnh đẹp đẽ của một người chiến sĩ? Ông Ramsay vươn vai và đứng rất thẳng cạnh cái chậu hoa.

Ai sẽ trách ông nếu ông cứ đứng như thế trong giây lát, tập trung suy ngẫm về danh vọng, về những đoàn tìm kiếm, về những tháp đá tưởng niệm dựng lên bởi những đồ đệ biết ơn trên nấm xương khô của ông? Cuối cùng, ai sẽ trách người chỉ huy của đoàn thám hiểm bất hạnh đó, khi ông đã mạo hiểm cho tới phút tận cùng, đã sử dụng toàn bộ sức lực cho cân nặng cuối cùng và rơi vào giấc ngủ mà không mấy quan tâm tới việc mình có còn tỉnh giấc nữa hay không, và bây giờ ông nhận thức bằng những cảm giác tê nhói ở mấy ngón chân rằng ông còn sống, không chỉ vì mục đích sống, mà còn đòi hỏi sự cảm thông, và rượu whisky, và ai đó để kể lại ngay tức khắc câu chuyện về nỗi thống khổ của mình? Ai sẽ trách ông? Ai sẽ không kín đáo hân hoan khi vị anh hùng đã cởi tấm áo giáp khỏi người, dừng lại bên cửa sổ và nhìn chăm chú vào vợ và con trai của

mình, những người lúc đầu rất xa xôi, dần dần trở nên gần hơn, cho tới khi những đôi môi, cuốn sách và mái đầu hiện lên rõ ràng trước mắt ông, dù vẫn đáng yêu và xa lạ với sự cô đơn trầm trọng của ông, với bãi sa mạc thời gian và sự tàn lụi của những vì sao, và cuối cùng sẽ nhét cái tẩu thuốc vào túi và cúi mái đầu cao quý của mình trước bà ấy - ai sẽ trách ông nếu ông tỏ lòng kính trọng vẻ đẹp của trần gian?

7.

Nhưng con trai ông ghét ông. Nó ghét ông vì ông tới bên họ, dừng lại và nhìn xuống họ; nó ghét ông vì ông đã xen vào giữa họ; nó ghét ông vì những điệu bộ ra vẻ trịch thượng và cao cả của ông; vì sự cao quý của đầu óc ông; vì sự đòi hỏi quá quắt và tính ích kỷ của ông (ông đứng đó, đòi hỏi họ phải chú ý tới ông) nhưng hơn hết mọi thứ nó ghét những thể hiện cảm xúc ồn ào nhặng xị của cha nó, đang làm rung động cả bầu không khí xung quanh họ, quấy nhiễu sự hồn nhiên tròn vẹn và cảm nhận tốt đẹp về mối quan hệ giữa nó và mẹ nó. Bằng cách dán mắt vào trang giấy, nó hy vọng sẽ làm cho ông đi tiếp; bằng cách chỉ ngón tay vào một từ, nó hy vọng lôi kéo lại sự chú ý của mẹ nó, điều mà, nó biết một cách giận dữ, sẽ ngay lập tức khiến cha nó bỏ đi. Nhưng, không. Không có gì làm cho ông Ramsay bỏ đi được. Ông đứng đó, đòi hỏi sự cảm thông.

Bà Ramsay, đang ngồi thanh thản, ôm đứa con trai trong tay, hơi xoay người lại và dường như nhắc mình lên với một nỗ lực, và ngay lập tức trút thẳng vào bầu không khí một trận mưa năng lượng, một cột bụi nước, đồng thời trông có vẻ linh hoạt và sống động như thể toàn bộ những năng lượng của bà đang hợp nhất thành sức mạnh, cháy bùng và tỏa sáng (dù bà chỉ ngồi lặng lẽ, cầm lại chiếc tất), và sự cần cỗi tiền định của người đàn ông sục bản thân nó vào người đàn bà mẫn để ngọt ngào này, suối nguồn dào dạt này, như một chiếc vôi ấm đồng khô khan và trần trụi. Ông muốn được cảm thông. Ông là một kẻ thất bại, ông nói. Bà Ramsay vung vẩy hai chiếc kim đan. Ông Ramsay lặp lại, không hề rời mắt khỏi gương mặt bà, rằng ông là một kẻ thất bại. Bà đáp lại ông

mấy từ. “Charles Tansley...” bà nói. Nhưng ông phải được nhiều hơn thế. Điều ông muốn là sự cảm thông, là được khẳng nhận về thiên tài của mình, trước nhất, rồi được đưa vào vòng đời, ấm áp và đầy an ủi, để khôi phục lại những cảm giác của ông, để khoác bộ lông thú lên sự trần trụi của ông, và để mọi căn phòng của ngôi nhà tràn đầy sức sống - phòng khách; sau phòng khách là nhà bếp; phía trên nhà bếp là những phòng ngủ và ở mé ngoài chúng là những phòng cho lũ trẻ; chúng phải được trang bị đồ đạc, chúng phải ngập tràn sự sống.

Charles Tansley nghĩ ông là nhà siêu hình học vĩ đại nhất của thời này, bà nói. Nhưng ông phải có nhiều hơn thế. Ông phải có sự cảm thông. Ông phải an tâm rằng cả ông nữa cũng sống ở ngay trung tâm cuộc sống; được cần đến; không chỉ ở đây, mà trên khắp cả thế gian. Vung đôi kim đan, tự tin, người vườn thẳng, bà tạo ra căn phòng khách và nhà bếp, làm cho tất cả sáng ngời lên; mời ông cứ tự nhiên thoải mái ở đó, đi vào và đi ra, tự tìm vui thú cho mình. Bà cười to, bà đan. Đứng cứng người giữa hai đầu gối của bà, James cảm thấy mọi sức mạnh của bà cháy bùng lên để say sưa và bị dập tắt bởi cái vòi ấm đồng, thanh đao khô cằn của người đàn ông, lúc này đang vỗ mạnh một cách không thương xót, hết lần này sang lần khác, đòi hỏi sự cảm thông.

Ông là một kẻ thất bại, ông lặp lại.Ồ, thế thì nhìn xem, thế thì cảm nhận xem. Vung đôi kim đan, đảo mắt nhìn quanh, ra phía ngoài cửa sổ, vào trong phòng, vào chính thẳng James, bà làm cho ông an tâm, không hề có mảy may nghi ngờ nào hết, bằng tiếng cười của bà, tư thế của bà, năng lực của bà (như một người bảo mẫu mang một cây đèn băng qua căn phòng tối để giúp một đứa bé cứng cổ thấy an tâm), rằng thật sự là như vậy; ngôi nhà đầy đủ các thứ; khu vườn đang nở rộ hoa. Nếu ông đặt trọn vẹn niềm tin vào bà, không gì làm ông thương tổn được; bất kể ông tự vui lấp mình sâu đến thế nào hay trèo cao tới đâu, ông sẽ không bao giờ phát hiện ra không có bà bên cạnh. Kiêu hãnh đến vậy về khả năng bao bọc và bảo vệ của bà, hầu như bản thân bà không còn lớp vỏ bọc nào để biết về chính bản thân mình; tất cả đều quá hoang toàng phung phí; và James, khi đứng cứng người giữa hai đầu gối của bà, cảm thấy bà đang vươn lên thành một thân cây ăn quả nở rộ những bông hoa màu hồng với những chiếc lá và nhánh cây nhảy múa mà cái vòi ấm

đồng, thanh đao khô cằn của cha nó, người đàn ông tự cao tự đại, đang cắm vào, đập mạnh vào đó, để đòi hỏi sự cảm thông.

Phủ phê với những lời nói của bà, như một đứa bé bỏ đi lòng đầy mãn nguyện, cuối cùng ông nói, nhìn bà với vẻ nhún nhường biết ơn, tỏ ra đã khôi phục, đổi mới chính mình, rằng ông sẽ đi một vòng; ông sẽ xem lũ trẻ chơi cri-kê. Ông đi.

Ngay lập tức, dường như bà Ramsay tự xếp bản thân mình lại, cánh hoa này ép vào cánh khác, và toàn bộ kết cấu đó kiệt lực rũ xuống chính bản thân nó, khiến bà chỉ còn đủ sức cử động ngón tay lướt qua trang sách truyện cổ Grim, trong khi trạng thái say mê của sáng tạo thành công lan tỏa suốt người bà, như mạch đập của một con suối đã mở rộng hết bề ngang của nó và giờ đây dịu dàng ngưng nhịp vỗ.

Khi ông ấy đã đi khỏi, mỗi nhịp đập của mạch tim này dường như bao gồm cả bà lẫn chồng bà, và mang đến cho mỗi người niềm an ủi mà hai nốt nhạc khác nhau, một cao, một thấp, khi hòa trộn vào nhau dường như cũng trao tặng cho nhau khi chúng kết hợp lại. Thế nhưng khi âm hưởng này đã lắng đi, và bà đã quay trở lại cuốn truyện cổ, bà Ramsay cảm thấy không chỉ sự kiệt sức (bà luôn cảm thấy điều này sau đó, chứ không phải ngay lúc đó) mà còn có một cảm giác khó chịu mơ hồ nào đó với một căn nguyên khác tác động lên sự mệt mỏi thể chất của bà. Bà không biết đích xác nó xuất phát từ cái gì, khi đang đọc to câu chuyện *Vợ chồng người ngư phủ*; vào lúc đang lật sang trang mới, dừng lại và nghe thấy một đợt sóng vỗ mơ hồ, đầy điềm gở, bà cũng không cho phép mình thốt thành lời sự bất mãn của mình khi nhận ra nó đã đến như thế nào từ điều này: bà không thích, thậm chí dù chỉ trong một giây, cảm thấy mình tốt hơn chồng mình; và hơn thế nữa, bà không thể chịu nổi việc không hoàn toàn chắc chắn, khi bà nói với ông về sự thật của điều bà nói. Những trường đại học và mọi người cần tới ông ấy, những bài giảng, những cuốn sách và tầm quan trọng tối cao của chúng - bà không ngờ vực phút giây nào về điều đó; nhưng chính mối quan hệ của họ, và việc ông tới với bà như thế, một cách công khai, khiến bất cứ một ai cũng có thể nhìn thấy, điều đó khiến cho bà lo ngại. vì khi đó mọi người sẽ bảo ông ấy phụ thuộc vào bà, khi họ phải biết rằng trong hai người ông hoàn toàn là

người quan trọng hơn, và những gì bà cho thế giới, so với những gì ông cho đi, là không đáng kể. Nhưng lại còn một điều khác nữa - việc không thể nói với ông ấy sự thật vì e ngại, chẳng hạn, về mái cửa cái nhà kính và chi phí của nó, có lẽ phải tốn năm mươi bảng để sửa chữa nó; rồi về những cuốn sách của ông ấy, sợ rằng ông ấy có thể đoán ra, điều này bà khá nghi ngờ, rằng cuốn sách mới nhất của ông ấy không hoàn toàn là cuốn hay nhất (bà thu lượm được điều đó từ William Bankes); rồi việc phải che giấu những chuyện nhỏ nhặt hàng ngày, bọn trẻ thấy điều này, và gánh nặng đó đè lên chúng - tất cả những điều này đã làm giảm bớt niềm vui trọn vẹn, nỗi hân hoan thuần khiết, của hai nốt nhạc cùng vang lên một lúc, và khiến cho bây giờ âm thanh đó chết lịm trong tai bà với một quãng lặng ảm đạm.

Một bóng người đổ ập lên trang giấy; bà ngẩng lên. Augustus Carmichael đang lê bước ngang qua, chính xác ngay lúc này, ngay cái thời khắc khi quá đau lòng để được nhắc nhở về sự không tương thích của những mối quan hệ giữa con người, rằng mối quan hệ hoàn hảo nhất cũng có khiếm khuyết, và không thể chịu đựng nổi sự thẩm tra mà bà thù ghét, với tình yêu dành cho chồng và với bản năng đối với chân lý của bà; khi quá đau lòng để cảm thấy bản thân bị kết án là vô giá trị, và bị những sự dối trá, những sự cường điệu này cản trở việc thực hiện những chức năng chính đáng của bà - ngay lúc này, khi mà bà cảm thấy nhục nhã như vậy sau khi được tán dương, ông Carmichael lại lê bước ngang qua, chân mang đôi dép lê màu vàng, và một con quỷ nào đó trong bà khiến bà thấy cần phải cất tiếng chào ông ta.

“Vào trong nhà hờ, ông Carmichael?”

8.

Ông ta chẳng nói lời nào. Ông ta đi lấy thuốc phiện. Lũ trẻ nói ông ta đã nhuộm vàng bộ râu với nó. Có lẽ thế. Điều hiển nhiên với bà là ông lão khốn khổ này không hạnh phúc, đến với họ hàng năm như để chạy trốn; thế nhưng mỗi năm bà lại cảm thấy y như cũ: ông ta không tin bà. Bà nói,

“Tôi sẽ vào thị trấn. Tôi kiếm cho ông ít tem, giấy hay thuốc lá nhé?” và cảm thấy ông ta nhìn mặt. Ông ta không tin bà. Đó là do vợ ông ta. Bà nhớ tới tội lỗi của người vợ đối với ông ta, điều khiến cho bà biến thành sắt đá ở đó, trong cái căn phòng nhỏ kinh khủng ở St. John’s Wood, khi bà tận mắt chứng kiến người đàn bà kinh tởm đó tống cổ ông ta ra khỏi nhà. Ông ta ăn mặc lôi thôi lếch thếch; ông ta đánh đổ mọi thứ lên áo khoác; ông ta có cái vẻ mệt nhọc của một ông già chẳng có việc gì trên đời để làm cả; và bà ta đã tống ông ta khỏi căn phòng. Bà ta nói, với cái kiểu cách đáng ghét của mình, “Bây giờ, bà Ramsay và tôi muốn trò chuyện với nhau một chút,” và bà Ramsay có thể nhìn thấy, như thể đang trước mặt mình, vô số những bất hạnh của cuộc đời ông ta. Ông ta có đủ tiền mua thuốc lá hay không? Ông ta có phải hỏi xin bà ta? nửa đồng crown? mười tám xu? Ôi chao, bà không thể không nghĩ tới những sỉ nhục nhỏ nhỏ mà bà ta trút lên đầu ông ta. Và bây giờ ông ta né tránh bà (vì sao thì bà không thể đoán ra, ngoại trừ rằng theo cách nào đó có thể nó xuất phát từ người đàn bà đó). Ông ta không bao giờ nói gì với bà. Nhưng bà có thể làm gì hơn? Có một căn phòng sáng sủa dành cho ông ta. Lũ trẻ đối xử tốt với ông ta. Bà chưa bao giờ tỏ ra một dấu hiệu nào rằng không muốn ông ta tới. Thật sự bà đã vượt khỏi cung cách ứng xử của mình để tỏ ra thân thiện với ông ta. Ông có cần tem không, có cần thuốc lá không? Đây là một cuốn sách mà có thể ông sẽ thích, vân vân. Và nói cho cùng - nói cho cùng (tới đây bà vô tình vươn thẳng người lên, một cách vật chất, ý thức về vẻ đẹp của chính bà, như đã từng xảy ra nhưng rất hiếm hoi, trở nên hiển hiện đối với bà), nói cho cùng, nhìn chung bà không gặp bất kỳ khó khăn nào trong việc làm cho mọi người thích bà; ví dụ như George Manning; như ông Wallace; tiếng tăm lừng lẫy như thế, nhưng họ sẽ tới nhà bà một chiều nào đó, một cách lặng lẽ, và nói chuyện một mình cạnh lò sưởi của bà. Bà thấy phát chán bản thân mình, bà không thể không biết điều đó - vẻ đẹp như ánh đuốc rạng ngời của bà; bà mang nó thẳng vào bất kỳ căn phòng nào mà bà bước vào; và nói cho cùng, dù bà cố hết sức che đậy nó, cố lánh xa khỏi cảm giác đơn điệu rằng nó lừa phỉnh mình, vẻ đẹp của bà là hiển nhiên. Bà đã được ngưỡng mộ. Bà đã được yêu. Bà đã từng đi vào những căn phòng nơi những người than khóc ngồi. Những giọt lệ đã rơi trong sự hiện diện của bà. Những người đàn ông, và cả những người đàn bà nữa, luôn tiếp cận với tính chất đa chiều của sự vật, đã tự cho phép họ tìm ở bà sự nhẹ nhõm của tính chất giản dị. Việc ông

ta né tránh bà khiến bà bị tổn thương. Nó làm bà tổn thương. Thế nhưng lại không phải theo một cách êm xuôi, một cách đúng đắn. Đó chính là điều mà bà lưu tâm hướng tới trong lúc bất mãn tột độ với chồng mình; bây giờ, khi ông Michael lê chân đi ngang qua, chỉ gật đầu đáp lại câu hỏi của bà, với một cuốn sách cặp dưới cánh tay, với đôi dép lê màu vàng, bà có cảm giác rằng mình bị nghi ngờ; rằng tất cả mong muốn cho đi, giúp đỡ của bà chỉ là hảo huyền vô nghĩa. Có phải chính vì sự tự mãn nguyện của chính mình mà bà mong muốn một cách bản năng để cho đi, để giúp đỡ, để mọi người có thể nói về bà, “Ồ, bà Ramsay! Bà Ramsay thân mến..., bà Ramsay ư, dĩ nhiên!” và cần tới bà, kêu gọi bà và ngưỡng mộ bà? Có phải đây chính là điều mà bà kín đáo mong muốn, và do đó khi ông Michael tránh né bà, như ông ta đang làm ngay lúc này, để lẩn tới một góc phòng nơi ông ta sẽ làm những câu thơ acrotic^[8] vô tận, bà không chỉ cảm thấy mất mặt một cách bản năng mà còn nhận thức ra sự nhỏ nhen của một phần nào đó trong bà, và về những mối quan hệ con người, chúng thật khiếm khuyết làm sao, ti tiện làm sao, tự tư tự lợi làm sao. Tiều tụy và xác xơ, và hẳn nhiên không còn là một hình ảnh phủ đầy đôi mắt với niềm vui nữa, tốt hơn bà nên dành tâm trí mình cho câu chuyện *Vợ chồng người ngư phủ*, nhờ đó làm nguôi khuây cái tính nhậy cảm dễ bị tổn thương của thằng James con trai bà (không có đứa nào trong lũ con của bà nhậy cảm nhiều như nó).

“Trái tim của người đàn ông trở nên nặng trĩu,” bà đọc lớn, “và ông ta không đi. Ông ta tự nhủ với mình, ‘Như thế không đúng,’ và thế là ông ta ra đi. Khi ông ta ra tới biển, mặt nước tím và xanh thẳm, xám và dầy, không còn màu xanh lá và vàng, nhưng nó vẫn lặng yên. Ông ta đứng đó và nói...”

Bà Ramsay ước chi chồng bà đừng chọn ngay lúc đó để dừng lại. Vì sao ông ấy không làm như đã nói, đi xem bọn trẻ chơi crikê? Nhưng ông không nói; ông nhìn; ông gật đầu; ông bằng lòng; ông đi tiếp. Ông bị trượt chân, nhìn thấy ở phía trước ông cái hàng giậu cứ bao vòng hết lần này sang lần khác quanh một điểm dừng nào đó, biểu thị một kết luận nào đó, nhìn thấy vợ và con ông, nhìn thấy lại chậu hoa phong lữ thảo đỏ đã nhiều lần trang hoàng cho những quá trình tư duy, và đã viết lại trên những chiếc lá của chúng, như thể chúng là những mảnh giấy mà trên đó

người ta viết nguệch ngoạc những dòng chữ trong tiếng đọc vội vã - trong khi nhìn thấy tất cả những điều này, ông trượt một cách êm ái vào sự suy tư được gợi lên bởi một bài báo trong tờ The Times về con số những người Mỹ viếng thăm ngôi nhà của Shakespeare hàng năm. Nếu như Shakespeare chưa bao giờ tồn tại, ông tự hỏi, thế giới có khác gì nhiều lắm so với nó ngày nay không? Tiến trình của văn minh có phụ thuộc vào những nhân vật vĩ đại hay không? Những con người bình thường hiện nay có tốt hơn so với thời của những Pharaoh không? Tuy nhiên, những người bình thường, ông tự hỏi, có phải là tiêu chí để từ đó chúng ta phán xét tầm mức của văn minh hay không? Có lẽ là không. Có lẽ nền văn minh tốt đẹp nhất đòi hỏi sự tồn tại của một giai cấp nô lệ. Người gác cửa tàu điện ngầm là một sự cần thiết muôn thuở. Ý nghĩ này thật ghê tởm đối với ông. Ông lắc mạnh đầu. Để tránh nó, ông sẽ tìm ra một cách nào đó để làm mất mặt ưu thế của các môn nghệ thuật. Ông sẽ lý luận rằng thế giới tồn tại cho con người bình thường; rằng các môn nghệ thuật đơn giản chỉ là một sự trang trí được gán lên đỉnh của đời người; chúng không thể hiện nó. Cả Shakespeare cũng không cần thiết đối với nó. Không biết chính xác vì sao ông lại muốn hạ bệ Shakespeare và hướng tới sự giải cứu cái con người đang đứng vĩnh viễn ở cửa tàu điện ngầm, ông ngắt một chiếc lá từ hàng giậu. Tất cả những điều này sẽ phải được trình bày trước những chàng trai ở trường đại học Cardiff vào tháng sau, ông nghĩ; ở đây, trên sân nhà, ông chỉ cắt cỏ và dạo chơi (ông vứt bỏ chiếc lá mà ông đã bứt một cách cáu kỉnh) như một người rời khỏi lưng ngựa để hái một bó hoa hồng, hay nhét đầy vào túi mình những quả hạch khi anh ta thoải mái cho ngựa đi nước kiệu qua những con đường làng và những cánh đồng mà anh ta đã biết rõ từ thời thơ ấu. Tất cả đều quen thuộc; chỗ ngoặt này, cái bụi treo cắt ngang qua những cánh đồng kia. Anh ta sẽ dành nhiều giờ trong một buổi chiều, với cái ống tẩu, suy nghĩ ngược xuôi mọi lẽ về những con đường làng và những con người bình dân xưa cũ quen thuộc, tất cả đều gắn vào lịch sử của cái chiến dịch ở kia, cuộc đời của tay chính khách này ở đây, với những bài thơ và những giai thoại, với những nhân vật nữa, nhà tư tưởng này, người lính nọ; tất cả đều rất trong sáng rõ ràng; nhưng cuối cùng con đường làng, cánh đồng, kẻ bình dân, cây quả hạch đầy trái và hàng giậu nở hoa dẫn anh ta tới chỗ ngoặt xa hơn của con đường nơi anh ta luôn

luôn xuống ngựa, cột con ngựa của mình vào một thân cây, rồi tiếp tục đi bộ một mình. Ông tới rìa bãi cỏ và nhìn ra cái vịnh bên dưới.

Chính số phận của ông, tính cách lạ thường của ông, dù ông muốn có nó hay không, đã khiến cho ông đi ra một mảnh đất mà biển cả đang dần dần nuốt mất, và đứng đó, một mình, như một con chim biển cô đơn. Chính năng lực của ông, thiên tài của ông, đã khiến cho ông đột ngột vứt bỏ mọi thứ thừa thãi, tự co rút và giảm thiểu chính mình để trông ông có vẻ trần trụi hơn và cảm thấy tự do hơn, thậm chí về mặt vật chất, thế nhưng không hề mất đi chút cường độ tinh thần nào, và cứ đứng như thế trên rẻo đất bé nhỏ của mình đối mặt với sự ngu dốt của loài người, chúng ta không biết gì hết và biển cả đang nuốt dần mảnh đất ta đang đứng bên trên - đó là định mệnh của ông, thiên tài của ông. Nhưng sau khi đã xuống ngựa, vứt bỏ mọi điều bộ và mọi thứ trang trí rẻ tiền, mọi chiến tích về quả hạch và hoa hồng, và co rút lại khiến cho không chỉ danh vọng của ông mà ngay cả cái tên riêng của ông cũng bị lãng quên đi bởi chính ông, chỉ giữ lại ngay cả trong sự lẻ loi hiu quạnh đó một sự cảnh giác đã quét sạch mọi bóng ma và viễn tượng, và chính trong cái lốt mà ông được khơi gợi từ William Bankes (đôi lúc đôi nơi) và từ Charles Tansley (một cách quỳ lụy) và từ vợ ông ngay bây giờ, khi bà ngẩng lên và thấy ông đang đứng ở rìa bãi cỏ, thâm trầm, tôn kính, thương hại, và cả biết ơn, như một cái cọc cắm sâu xuống đáy của một eo biển mà bên trên đó những con chim mòng biển đậu và những lượn sóng hân hoan vỗ nhịp cho một cảm giác biết ơn đối với trách vụ mà nó tự nhận lấy trong việc đơn độc đánh dấu cái eo biển giữa dòng nước lũ ngoài kia.

“Nhưng người cha của tám đứa con không có quyền chọn lựa.” Ông lẩm bẩm thành tiếng, kết thúc, quay lại, thở dài, đưa mắt lên tìm kiếm hình dáng của người vợ đang đọc truyện cho đứa con trai bé bỏng, nhồi thuốc vào ống tẩu. Ông quay lưng khỏi hình ảnh về sự ngu dốt của con người, định mệnh của con người và biển cả đang nuốt dần mảnh đất mà chúng ta đứng bên trên mà nếu ông có thể chiêm ngắm một cách chăm chú có lẽ nó sẽ dẫn ông tới một điều gì đó; và phát hiện ra rằng việc tìm sự nguôi khuây trong những điều vụn vặt là quá nhẹ nhàng so với chủ đề uy nghiêm ngay lúc này đang ở trước mặt ông đến mức ông sẵn sàng xóa nhòa đi niềm an ủi đó, phản kháng nó, như thể việc bị bắt gặp đang hạnh

phúc trong một thế giới đầy bất hạnh là một trong những tội ác tệ nhất đối với một con người trung thực. Đúng thế; đa phần ông thuộc về phía hạnh phúc; ông có vợ; ông có lũ con; ông đã hứa sẽ nói “đôi điều phi lý” trong thời gian sáu tuần với những chàng trai trẻ ở Cardiff về Locke^[9], Hume^[10], Berkeley^[11] và những nguyên nhân của Cách mạng Pháp. Nhưng điều này và niềm vui của ông trong nó, sự vinh quang của ông trong những lời giảng của ông, trong bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, trong vẻ đẹp của vợ ông, trong những cống phẩm được chuyển tới ông từ các trường đại học Swansea, Cardiff, Exeter, Southampton, Kidderminster, Oxford, Cambridge - tất cả phải bị phản đối và che đậy dưới cụm từ “nói những điều phi lý”, bởi lẽ, rốt cuộc ông đã không thực hiện được những điều mà lẽ ra ông phải hoàn thành. Đó là một sự ngượng ngùng; đó là nơi ẩn náu của một con người e sợ chính những cảm giác của mình, kẻ không thể nói: Đây là điều tôi thích - đây là con người của tôi; và khá đáng thương cũng như đáng ghét đối với William Bankes và Lily Briscoe, những người tự hỏi tại sao những che đậy như thế lại là cần thiết; tại sao ông luôn cần tới lời ca tụng; tại sao một người dũng cảm trong tư tưởng như thế lại quá hèn nhát trong cuộc sống; thật kỳ lạ khi ông vừa đáng kính lại vừa đáng nực cười trong cùng một lúc.

Việc dạy học và giảng đạo nằm ngoài khả năng của con người, Lily ngờ vực nói. (Cô đang dọn dẹp những đồ đạc của mình). Nếu bạn được tán tụng, theo cách nào đó bạn sẽ thất bại thảm thương. Bà Ramsay cho ông ta những gì ông ta yêu cầu một cách quá dễ dàng. Vậy thì sự thay đổi phải rất đáng ngại, Lily nói. Ông ấy bước vào từ những quyển sách của ông ấy và thấy tất cả chúng ta đang chơi những trò chơi và nói những chuyện phi lý. Hãy tưởng tượng sự thay đổi từ những điều mà ông ta nghĩ đến sẽ như thế nào, cô nói.

Ông ta đang tiến về phía họ. Bây giờ ông ta dừng lại bất động và đứng lặng nhìn ra biển cả. Bây giờ ông ta lại quay đi lần nữa.

Phải, ông Bankes nói, nhìn ông ta bước đi. Thật ngàn lần đáng tiếc. (Lily đã nói gì đó về việc ông ta làm cô sợ hãi - ông ta thay đổi từ tâm trạng này sang tâm trạng khác rất đột ngột). Phải, ông Bankes nói, thật ngàn lần đáng tiếc rằng Ramsay không thể xử sự giống những người khác hơn chút xíu. (Vì ông thích Lily Briscoe; ông có thể trao đổi về Ramsay với cô hoàn toàn cởi mở). Chính vì lý do đó, ông nói, mà lũ thanh niên không đọc Carlyle^[12]. Một lão già cẩu kỉnh cầu nhàu luôn nổi nóng nếu món cháo đặc bị lạnh. Vì sao ông ta lại thuyết giảng chúng ta? ông Bankes hiểu rằng đó là điều mà những người trẻ tuổi ngày nay nói. Thật ngàn lần đáng tiếc nếu bạn nghĩ, như ông ta, rằng Carlyle là một trong những vị thầy vĩ đại của loài người. Lily xấu hổ nói rằng cô chưa hề đọc Carlyle hồi còn đi học. Nhưng theo ý cô một người như ông Ramsay rất có thể nghĩ rằng nếu ngón tay út của mình bị đau thì toàn thế gian phải tới hồi tận số. Đó không phải là thứ mà cô quan tâm.

Vì ai có thể bị lừa bởi ông ta được chứ? Hoàn toàn công khai, ông ta yêu cầu bạn tâng bốc ông ta, ngưỡng mộ ông ta, những mảnh lời nhỏ nhặt của ông ta chẳng lừa được ai cả. Cái mà cô không thích là sự hẹp hòi của ông ta, sự mù lòa của ông ta, cô nói, nhìn về hướng ông ta.

“Hơi đạo đức giả phải không?” ông Bankes đề xuất, cũng nhìn về hướng ông Ramsay, có phải là ông đã không suy nghĩ về tình bạn của mình, về việc Cam từ chối tặng cho ông một bông hoa, về tất cả những đứa con trai và con gái đó, và về ngôi nhà của chính ông, với đầy niềm an ủi, nhưng từ khi vợ ông chết đi đã khá là quạnh quẽ? Tất nhiên ông có công việc của mình... Đồng thời, ông muốn Lily cũng đồng ý rằng Ramsay, như ông nói, “hơi đạo đức giả.”

Lily Briscoe tiếp tục dọn dẹp những cây cọ, nhìn xuống, ngẩng lên. Ngẩng lên, ông ta kia rồi - ông Ramsay - đang tiến về phía họ, dáng lắc lư, bất cẩn, lơ đãng, xa vắng. Hơi đạo đức giả? cô lặp lại.Ồ, không, kẻ chân thật nhất, kẻ đúng đắn nhất (ông ta tới đây rồi), kẻ tốt nhất; nhưng, nhìn xuống, cô nghĩ, ông ta say mê chính mình, ông ta chuyên chế, ông ta bất công; và tiếp tục nhìn xuống, một cách cố tình, vì chỉ có như thế cô mới có thể tiếp tục ở lại với gia đình Ramsay. Nếu ngẩng lên và nhìn họ một cách trực tiếp, cái mà cô gọi là “cảm giác yêu thương” sẽ nhấn chìm

họ. Họ trở thành một phần của cái vũ trụ không có thật nhưng sâu sắc và thú vị, một thế giới được nhìn thông qua những đôi mắt của tình yêu. Bầu trời gắn liền vào họ; lũ chim hát ca thông qua họ. Và một điều thậm chí còn thú vị hơn, khi nhìn thấy ông Ramsay đang đi ngược xuống và rút lui, còn bà Ramsay thì ngồi với James ở cửa sổ, vầng mây đang chuyển động còn thân cây đang ngã bóng xuống, cô cảm thấy cuộc sống, hình thành từ những sự kiện riêng biệt mà người ta lần lượt sống với chúng, trở nên uốn cong và tròn vẹn như một lượn sóng nâng người ta lên rồi ném người ta xuống với một tiếng vỗ ầm ào trên bờ biển.

Ông Bankes đang chờ cô trả lời. Và khi cô sắp nói một điều gì đó để chỉ trích bà Ramsay, rằng cả bà ấy cũng có vẻ, theo cái kiểu của bà ấy, độc đoán, hay từ ngữ nào đó tương tự, ông Bankes chợt biến việc đó thành không cần thiết bằng trạng thái say mê của mình. Đó là một điều đáng quan tâm, ở lứa tuổi bước sang sáu mươi của ông, sự sạch sẽ và khách quan của ông, và chiếc áo choàng trắng của nhà khoa học dường như đang trùm lên người ông. Vì việc ông đang nhìn chăm chăm bà Ramsay trong lúc Lily nhìn ông là một trạng thái mê ly, ngang với tình yêu của hàng tá thanh niên, Lily cảm thấy thế (và có lẽ bà Ramsay chưa bao giờ kích thích tình yêu của hàng tá thanh niên trẻ tuổi). Đó là thứ tình yêu, cô nghĩ, giả vờ di chuyển bức vẽ của mình, đã được chùng cất và tinh lọc; một thứ tình yêu không bao giờ nỗ lực giữ chặt lấy đối tượng của nó; nhưng giống như loại tình yêu mà những nhà toán học dành cho những ký hiệu của họ, hay những thi sĩ dành cho những ngôn từ của họ, hướng tới việc lan trải chúng ra khắp thế gian và biến chúng trở thành một phần của lợi ích nhân loại. Thật sự là như thế. Thế gian ở mọi ý nghĩa hẳn sẽ chia sẻ nó, nếu như ông Bankes có thể nói vì sao người đàn bà đó khiến cho ông hài lòng đến vậy; vì sao cảnh tượng bà đọc một câu chuyện cổ cho con trai lại tác động lên ông giống hệt như một giải pháp về một vấn đề khoa học, giúp ông nghỉ ngơi trong vòng tay an ủi của nó, và có một cảm giác, như khi ông chứng minh được một cái gì đó tuyệt đối về hệ thống tiêu hóa của những loài cây cỏ, rằng sự dã man đã được thuần hóa, sự thống trị của hỗn mang đã sụp đổ.

Một trạng thái mê ly như thế - vì người ta còn có thể gọi nó bằng cái tên nào khác nữa? - khiến cho Lily Briscoe hoàn toàn quên bằng điều mà cô

định nói. Nó chẳng có gì là quan trọng; một điều gì đó về bà Ramsay. Nó bị lu mờ sau “trạng thái mê ly” này, ánh nhìn đăm đăm câm lặng này, điều mà cô thấy rất đối biết ơn; vì không có gì khiến cho cô thấy an ủi, xoa dịu cô trong mớ rối rắm phức tạp của cuộc đời, và cởi bỏ gánh nặng của nó một cách diệu kỳ như quyền năng siêu phàm này, món quà tặng trời cho này, một trạng thái mà người ta không thể quấy rầy trong khi nó đang tồn tại, giống như không thể phá vỡ những tia nắng mặt trời đang rơi ngang qua sàn nhà.

Việc mọi người nên yêu như thế này, việc ông Bankes nên cảm thấy điều này đối với bà Ramsay (cô lặng lẽ liếc nhìn ông) thật hữu ích, thật cao quý. Cô chùi lần lượt từng cây cọ vào một mảnh giẻ cũ một cách đầy dụng ý. Cô tìm chỗ ẩn núp khỏi lòng sùng kính bao trùm lên tất cả mọi người phụ nữ; cô cảm thấy bản thân mình được ngợi ca. Cứ để ông ấy nhìn; cô sẽ xem lại bức tranh của mình một lúc.

Cô có thể khóc lên được. Nó thật tệ, nó thật xấu, nó xấu vô cùng! Dĩ nhiên, hẳn cô có thể thực hiện nó một cách hoàn toàn khác hẳn; màu sắc có thể mỏng hơn và nhạt hơn; những đường nét có thể thanh tao hơn; hẳn đó là cách mà Paunceforte đã nhìn thấy nó. Nhưng khi đó cô đã không nhìn thấy nó như thế này. Cô nhìn thấy màu sắc cháy bùng trên một cái khung thép; ánh sáng của cánh một con bướm đang nằm trên vòm một nhà thờ. Tất cả những thứ đó chỉ còn là một vài dấu vết ngẫu nhiên trên bức vẽ. Và nó sẽ không bao giờ được nhìn thấy; thậm chí không bao giờ được treo lên, và có tiếng thì thầm của Tansley trong tai cô, “Đàn bà không thể vẽ, đàn bà không thể viết...”

Bây giờ thì cô nhớ ra điều mà cô định nói về bà Ramsay. Cô không biết cô nên nói như thế nào; nhưng đó là một câu gì đó có tính phê phán. Đêm hôm trước cô đã phiền lòng bởi một thái độ độc đoán. Nhìn cái cách ông Bankes đăm đăm ngó bà ấy, cô nghĩ rằng không một phụ nữ nào có thể tôn thờ một phụ nữ khác theo cách mà ông tôn thờ; họ chỉ có thể tìm nơi ẩn núp bên dưới cái bóng mà ông Bankes đã mở rộng lên cả hai người bọn họ. Nhìn theo ánh mắt của ông, cô thêm vào tia mắt khác biệt của mình, nghĩ rằng không còn ngờ gì nữa bà ấy là người đáng yêu nhất (cúi đầu bên trên cuốn sách); có lẽ là người tốt nhất; nhưng cũng khác với

hình dáng hoàn hảo một người ta nhìn thấy ở đó. Nhưng vì sao khác, và khác như thế nào? cô tự hỏi mình, cạo ra khỏi bảng màu tất cả những cục màu xanh dương và xanh lá mà bây giờ đối với cô dường như chúng là những cục đất không có sự sống bên trong, thế nhưng cô nguyện rằng ngày mai cô sẽ đem tới cho chúng hơi thở, buộc chúng phải chuyển động, chảy tuôn, tuân theo mệnh lệnh của cô. Nhưng bà ấy khác biệt như thế nào? Đây là linh hồn bên trong bà ấy, điều cốt lõi mà nhờ đó nếu bạn tìm thấy một chiếc găng tay nhàu nát trên một chiếc ghế sofa, hẳn bạn sẽ biết, từ ngón tay vặn vẹo của nó, rằng nó là của bà ấy? Bà ấy giống như một con chim tượng trưng cho tốc độ, một mũi tên tượng trưng cho sự thẳng thắn. Bà ấy bướng bỉnh; bà ấy đòi hỏi cao (dĩ nhiên, Lily tự nhắc nhở, mình đang nghĩ về những mối quan hệ giữa bà ấy với những người phụ nữ, và mình là một cô gái trẻ hơn nhiều, một con người không quan trọng, sống ở phố Brompton). Bà ấy mở những cửa sổ phòng ngủ. Bà ấy đóng những cửa ra vào. (Cô cố gắng hình dung lại âm điệu của bà Ramsay trong đầu mình). Tới muộn vào ban tối, với một tiếng gõ nhẹ vào cửa phòng ngủ của người ta, trùm kín người trong một cái áo choàng lông cũ (vì nền tảng vẻ đẹp của bà luôn là thế - vội vàng nhưng thích hợp), bà ấy sẽ diễn tả lại bất cứ chuyện gì - Charles Tansley đánh mất cây dù của anh ta; ông Carmichael lê chân và khụt khịt; ông Bankes đang nói, “Muối trong rau củ đã mất.” Bà khéo léo mô tả lại tất cả những điều này; thậm chí nhấn mạnh một cách thâm hiểm; rồi bước tới chỗ cửa sổ, giả vờ rằng bà ấy phải đi - trời đã rạng, bà ấy có thể nhìn thấy mặt trời đang lên - rồi quay nửa người trở lại, thân mật hơn, nhưng vẫn luôn cười lớn, khẳng khái rằng cô phải, Minta phải, tất cả bọn họ phải kết hôn, vì trên khắp cõi thế gian này bất cứ vinh quang nào cũng có thể lọt vào tay cô (nhưng bà Ramsay nào có đếm xỉa có gì tới công việc vẽ vờ của cô đâu), hoặc cô có thể chiến thắng bất cứ cái gì (có lẽ bà Ramsay sẽ nhận được phần chia của mình trong những thắng lợi đó), và tới đây bà trở nên buồn bã u sầu, quay trở lại chiếc ghế của mình, không thể tranh luận gì về điều này: một phụ nữ không kết hôn (bà ấy nhẹ nhàng nắm lấy tay cô một lúc), một người phụ nữ không kết hôn sẽ bỏ lỡ phần tốt đẹp nhất của cuộc đời. Ngôi nhà dường như đầy những đứa trẻ con đang thiếp ngủ và bà Ramsay lắng nghe; những ngọn đèn tỏa bóng và hơi thở đều đều.

Ồ, nhưng, Lily nói, cô còn có cha cô; nhà cô, thậm chí, nếu như cô dám nói ra, công việc vẽ tranh của cô. Nhưng tất cả những thứ này dường như quá bé mọn, quá trình bạch so với chuyện kia. Thế nhưng, khi màn đêm tan loãng đi, và những tia sáng trắng luồn qua những bức màn che cửa, thậm chí thỉnh thoảng còn có một con chim hót líu lo trong vườn, tập trung lại toàn bộ sự dừng cảm tuyệt vọng, cô thường tự ban cho mình một ngoại lệ khỏi quy tắc thông thường; để tự biện hộ; cô thích ở một mình; cô thích là chính bản thân mình; cô không được tạo ra cho việc đó, và thế là phải đáp lại một cái nhìn nghiêm khắc từ đôi mắt sâu thẳm khôn dò đó, đối diện với sự khăng nhận đơn giản của bà Ramsay (bây giờ thì cô cũng giống như trẻ con) rằng Lily thân yêu của bà, cô bé Brisk của bà, là một cô nàng ngốc nghếch. Thế rồi, cô nhớ, cô đã đặt đầu mình lên đùi của bà Ramsay và cười to, cười sặc sụa, gần như phát cuồng lên với ý nghĩ về việc bà Ramsay tự đứng ra đảm nhận trách nhiệm đối với những định mệnh với sự bình thản bất di bất dịch mà cô hoàn toàn không thể hiểu. Bà ấy ngồi đó, giản dị, nghiêm trang. Bây giờ bà đã khôi phục lại ý thức về mình - đây là ngón tay vặn vẹo của chiếc găng tay. Nhưng người ta đã xâm nhập vào chốn tôn nghiêm thẳm kín nào rồi? Cuối cùng Lily Briscoe ngẩng đầu lên, và kia là bà Ramsay, hoàn toàn không hiểu nổi vì sao cô lại phá ra cười, vẫn còn gánh vác trách nhiệm, nhưng bây giờ thì đã xóa sạch mọi dấu vết của tính ngang ngạnh, và thay vào đó, là một cái gì đó rõ ràng như khoảng không gian nơi cuối cùng những đám mây cũng để lộ ra - khoảng không gian bé nhỏ của bầu trời đang thiếp ngủ bên dưới vầng trăng.

Có phải đó là sự khôn ngoan? Có phải đó là tri thức? Một lần nữa, có phải đó là sự dối lừa của vẻ đẹp, khiến tất cả những ý niệm của người ta, giữa chặng đường tới chân lý, bị vướng vào một mạng lưới bằng vàng lóng lánh? Hay bà ấy đã chôn kín trong lòng một bí mật nào đó mà Lily tin một cách chắc chắn rằng nói cho cùng mọi người đều phải có, để thế giới tiếp tục tiến lên. Mọi người không thể sống một cách rối rắm, cầm cự từng ngày như bà ấy. Nhưng nếu họ biết, họ có thể nói cho người khác điều họ biết hay không? Ngồi trên sàn nhà, đôi tay vòng quanh đầu gối của bà Ramsay, gần gũi hết mức trong phạm vi có thể, cô mỉm cười khi nghĩ rằng bà Ramsay không thể nào hiểu nổi lý do của áp lực đó, cô hình dung ra cách sắp xếp của những ngăn phòng tâm trí của

người phụ nữ mà về phương diện vật chất đang vượt ve cô này; chúng giống như những kho báu trong những lăng tẩm của các vị vua, những phiến đá khắc những dòng chữ thiêng liêng mà nếu như người ta có thể đọc ra sẽ có thể dạy cho họ biết mọi điều, nhưng chúng không bao giờ công khai lộ diện, không bao giờ được đưa ra công chúng. Ở đó có nghệ thuật gì về tình yêu hay sự xảo trá đã biết mà nhờ đó người ta băng qua những căn phòng bí mật? Công cụ nào để trở thành một, như nước được rót vào một cái bình, với đối tượng mà người ta yêu quý? Thân thể, hay tâm trí, có thể hòa trộn một cách tế vi vào những hành lang rắc rối của bộ não? hay của trái tim? Tình yêu, như mọi người gọi nó, có thể biến cô và bà Ramsay thành một? Vì cái mà cô khát khao không phải là tri thức mà là sự hợp nhất, không phải là những dòng chữ trên những phiến đá, không phải những gì có thể được viết ra bằng bất kỳ thứ ngôn ngữ nào mà những người đàn ông biết, mà là bản thân sự thân tình, và đó cũng chính là tri thức, cô đã nghĩ thế khi tựa đầu trên đầu gối của bà Ramsay.

Chẳng có gì xảy ra hết. Chẳng có gì! Chẳng có gì! Khi cô tựa đầu lên đầu gối của bà Ramsay. Thế nhưng cô biết tri thức và sự khôn ngoan ẩn chứa trong trái tim của bà ấy. Vậy thì làm sao người ta có thể biết điều này hay điều nọ về mọi người, cô tự hỏi, khi họ cứ kín như bưng? Chỉ như một con ong, bị lôi kéo bởi một mùi vị ngọt ngào sắc sảo trong không khí nhưng không thể tiếp xúc bằng xúc giác hay vị giác, người ta lui tới cái tổ hình vòm trải dài khắp các bãi sa mạc không khí trên khắp những quốc gia của thế gian, và rồi lui tới những cái tổ ong với tiếng rì rầm và những âm thanh sôi nổi của chúng; những cái tổ ong, đó là mọi người. Bà Ramsay đứng lên. Lily đứng lên. Bà Ramsay đi. Vì những ngày tháng đang vây quanh bà ấy - như sau một giấc mơ một sự thay đổi tế vi nào đó đã được cảm nhận trong cá nhân mà người ta mơ thấy - còn sâu sắc hơn bất cứ điều gì bà ấy nói, âm thanh của tiếng thì thầm, và khi bà ấy ngồi trong cái ghế đan bằng cành liễu bên trong cửa sổ phòng khách, dưới đôi mắt của Lily, bà ấy khoác một hình dáng uy nghi; hình dáng của một mái vòm.

Tia nhìn này song hành với tia nhìn của ông Bankes, hướng thẳng tới bà Ramsay đang ngồi đọc ở đó với thằng James ở đầu gối của bà. Nhưng giờ đây trong lúc cô vẫn còn đang nhìn, ông Bankes đã thực hiện xong điều đó. Ông mang đôi kính vào. Ông lùi trở lại. Ông giơ bàn tay của

mình lên. Ông hơi nheo đôi mắt xanh trong sáng của mình khi Lily, đã tỉnh táo trở lại, chợt nhìn thấy điều mà ông đang hướng tới, và nhìn mặt như một con chó nhìn thấy một bàn tay giơ lên để đánh nó. Lẽ ra cô đã giật bức tranh của mình ra khỏi giá vẽ, nhưng cô tự nhủ với mình, Người ta phải nhìn thấy nó. Cô dốc hết sức để chịu đựng sự thử thách đáng sợ là có ai đó nhìn vào bức tranh của cô. Người ta phải nhìn thấy, cô nói, người ta phải. Và nếu nó phải được nhìn thấy thì ông Bankes ít đáng ngại hơn bất kỳ ai khác. Nhưng việc đôi mắt của bất kỳ một kẻ nào đó nhìn thấy phần lạnh đọng của ba mươi ba năm trong đời cô, phần lạnh đọng của sự sống hàng ngày hòa lẫn với một cái gì đó bí ẩn hơn những gì mà cô từng thốt lên hay thể hiện trong suốt những ngày này, là một nỗi thống khổ. Đồng thời nó cũng vô cùng kích thích.

Không gì có thể bình thản và lặng lẽ hơn thế. Cầm lấy một con dao nhíp, ông Bankes gõ cái cán dao bằng xương lên bức tranh. Cô muốn biểu thị điều gì với hình tam giác màu tím, “ngay ở đó”? ông hỏi.

Đó là bà Ramsay đang đọc cho James nghe, cô nói. Cô biết sự phản đối của ông, rằng chẳng có ai có thể nói đó là hình dáng của một con người. Nhưng cô không cố gắng vẽ cho giống bao giờ, cô nói. Cô thể hiện chúng vì lý do gì? ông hỏi. Thật sự là vì sao? - ngoại trừ một việc rằng nếu ở đó, trong cái góc đó, vẫn đang sáng sủa, thì ở đây, cô cảm thấy sự cần thiết của bóng tối. Đơn giản, rõ ràng, tầm thường như chính nó, ông Bankes nhận thấy. Người mẹ và đứa con - những đối tượng của lòng sùng kính phổ quát, và trong trường hợp này người mẹ nổi tiếng vì vẻ đẹp của bà ta - có thể bị giảm thiểu đi, ông suy ngẫm, thành một cái bóng màu tím mà không hề có chút gì bất kính.

Nhưng bức tranh không nói về họ, cô nói. Hoặc, không theo cách cảm nhận của ông. Còn có những cách cảm nhận khác mà trong đó người ta có thể sùng kính họ. Bởi một bóng tối ở đây và một ánh sáng ở đó, chẳng hạn. Sự bày tỏ lòng tôn kính của cô nằm dưới hình thức đó, nếu, như cô mơ hồ tin tưởng, một bức tranh phải là một sự bày tỏ lòng tôn kính. Một người mẹ và một đứa con có thể bị giảm trừ thành một cái bóng mà không hề bất kính. Một ánh sáng ở đây đòi hỏi phải có một bóng tối ở kia. Ông cân nhắc xét suy. Ông đón nhận nó theo tinh thần khoa học với

niềm tin tưởng trọn vẹn. Sự thật là tất cả những định kiến của ông đều nằm ở phía khác, ông giải thích. Bức tranh lớn nhất trong phòng khách của ông, mà những họa sĩ từng ca ngợi, có giá trị cao hơn cái giá mà ông đã trả, thể hiện những cây anh đào nở hoa trên bờ sông Kennet. Ông đã trải qua tuần trăng mật của mình trên những bờ sông Kennet, ông nói. Lily phải tới và ngắm bức tranh đó, ông nói. Nhưng bây giờ - ông quay lại, với đôi kính giương lên cùng cái nhìn thẩm định mang tính khoa học vào bức vẽ của cô. Vấn đề là một trong những mối quan hệ của các hình khối, của những điểm sáng và điểm tối, mà, nói một cách trung thực, ông chưa từng chú ý tới trước đó, ông muốn được giải thích - cô muốn nói lên điều gì vậy? Và ông chỉ tới cảnh tượng trước mặt họ. Cô nhìn. Cô không thể bày tỏ với ông điều mà cô muốn nói lên, thậm chí không thể tự mình nhìn thấy nó nếu không có một chiếc cọ trong tay. Một lần nữa, cô quay trở lại vị trí vẽ cũ với đôi mắt mờ mịt và một thái độ lơ đãng, kềm nén lại mọi ấn tượng của mình với tư cách là một người phụ nữ xuống một mức độ phổ quát hơn; một lần nữa trở nên thấp kém hơn quyền năng mà có lần cô đã nhìn thấy một cách rõ ràng và bây giờ phải mò mẫm kiểm tìm giữa những hàng giậu, những ngôi nhà, những bà mẹ và những đứa con - bức tranh của cô. Đó là vấn đề, cô nhớ lại, làm thế nào để nối kết khối hình bên tay phải với khối hình bên tay trái. Cô có thể làm điều đó bằng cách kéo dài đường nét của nhánh cây, hoặc phá vỡ khoảng trống cận cảnh bằng một đối tượng (có lẽ là James). Nhưng mỗi nguy cơ là khi làm điều đó tính thống nhất của tổng thể có thể bị phá vỡ. Cô dừng lại; cô không muốn ông phải buồn lòng; cô nhẹ nhàng tháo bức tranh khỏi giá vẽ.

Nhưng nó đã bị nhìn thấy; nó đã bị tước đoạt khỏi cô. Người đàn ông này đã chia sẻ với cô một cái gì đó cực kỳ thân thiết. Và, thậm chí cảm ơn ông Ramsay, bà Ramsay, cùng thời khắc và nơi chốn đó, tin tưởng rằng thế giới có một quyền năng mà cô chưa từng nghĩ tới - rằng người ta có thể đi xuống cái hành lang đó, không còn đơn độc lẻ loi nữa, mà là tay trong tay với một người nào đó - cái cảm giác lạ lùng nhất và phần khích nhất trên đời - cô cài cái then hộp đồ nghề vẽ lại, một cách chắc chắn hơn mức cần thiết, và cái vòng khóa đường như bao quanh mãi mãi hộp đồ nghề vẽ, bãi cỏ, ông Bankes, và con bé Cam hoang dã tinh nghịch đang chạy vụt qua.

10.

Cam lướt sát rạt qua cái giá vẽ; nó không dừng lại để chào ông Bankes và Lily Briscoe; dù ông Bankes, người hẳn rất mong muốn có một đứa con gái của chính mình, chìa bàn tay ra; nó cũng chẳng dừng lại vì cha nó, người mà nó cũng chạy lướt qua sát bên; cũng không vì mẹ nó, người gọi to “Cam! Mẹ muốn con lại đây một chút!” trong lúc nó đang chạy qua. Nó chạy vụt đi như một con chim, một viên đạn, hay một mũi tên, bị thôi thúc bởi một khát khao nào đó, bị bắn đi bởi một ai đó, tới một phương hướng nào đó, ai là người có thể nói được điều này? Gì thế, gì thế? Bà Ramsay tự hỏi, dõi mắt nhìn theo nó. Có thể đó là một viễn tượng - về một con sò, một chiếc xe cút kít, hay một vương quốc thần tiên ở phía ngoài hàng giậu; hay cũng có thể đó là niềm vui tốc độ; không ai biết cả. Nhưng khi ông Ramsay gọi lần thứ hai “Cam!” con bé dừng phắt lại, và Cam chậm chậm quay trở lại chỗ mẹ nó, tiện tay kéo theo một chiếc lá.

Nó đang mơ tới điều gì, bà Ramsay tự hỏi khi thấy nó đứng đó trầm tư với một suy nghĩ nào đó của riêng nó, khiến bà phải lặp lại thông điệp hai lần - hỏi bà Mildred xem anh Andrew, chị Doyle và anh Rayley có quay về hay chưa? Những lời của bà dường như bị buông rơi xuống một cái giếng, nơi mà, nếu nước trong, chúng cũng bị bóp méo một cách khác thường đến nỗi ngay cả khi chúng đã chìm xuống, người ta vẫn nhìn thấy chúng co giãn vặn vẹo để giúp trời đất biết cái khuôn mẫu nào trên nền tâm trí của đứa trẻ. Bé Cam sẽ trao cho người đầu bếp thông điệp gì? Bà Ramsay tự hỏi. Và thật sự chỉ bằng cách kiên nhẫn chờ đợi rồi nghe thấy rằng có một bà cụ trong bếp với đôi má rất đỏ đang uống canh từ một cái tô, cuối cùng bà Ramsay mới nghĩ ra rằng theo bản năng, con bé đã học thuộc như vẹt một cách hoàn toàn chính xác những lời của Mildred và giờ đây, nếu người ta chờ đợi, nó sẽ lặp lại chúng bằng một giọng nói ê a vô vị. Vừa đứng bằng một chân, chuyển từ chân này sang chân khác, Cam vừa lặp lại những lời đó, “Không, họ chưa về, và con đã bảo Ellen dọn trà đi.”

Vậy là Minta Doyle và Paul Rayley chưa về tới. Việc đó chỉ có một ý nghĩa duy nhất, bà Ramsay nghĩ. Con bé phải chấp nhận anh ta, hoặc phải từ chối anh ta. Việc đi ra ngoài tản bộ sau bữa trưa, dù có thằng Andrew đi cùng họ, có thể mang ý nghĩa gì? Ngoại trừ rằng con bé đã quyết định, một cách đúng đắn, bà Ramsay nghĩ (và bà rất, rất quý mến Minta), chấp nhận anh chàng dễ thương đó, dù anh ta có thể không lỗi lạc; bà nghĩ tiếp, nhận ra rằng James đang kéo áo bà, muốn bà tiếp tục đọc lớn câu chuyện *Vợ chồng người ngư phủ*, trong thâm tâm mình, bà thích những kẻ khờ dại hơn nhiều so với những gã đàn ông thông minh viết những bản luận văn; chẳng hạn như Charles Tansley. Dù sao đi nữa, cho tới lúc này chuyện đó phải xảy ra, theo cách này hay cách khác.

Nhưng bà đọc, “Sáng hôm sau, người vợ thức dậy trước, và trời vừa mới rạng đông, từ giường mình bà ta nhìn thấy vùng quê xinh đẹp trải ra trước mắt. Chồng bà ta vẫn còn nằm duỗi người...”

Nhưng giờ đây làm thế nào Minta có thể nói rằng nó sẽ không chấp nhận anh ta? Không, nếu nó đã đồng ý dành trọn những buổi chiều để thơ thẩn khắp vùng một mình - vì Andrew sẽ bỏ đi, đuổi theo những con cua của nó - nhưng có lẽ Nancy đi cùng với chúng. Bà cố nhớ lại cảnh tượng chúng đứng ở cửa phòng khách sau bữa ăn trưa. Chúng đứng đó, nhìn lên bầu trời, tự hỏi về thời tiết, và bà đã nói, phần để giúp chúng che giấu sự thẹn thùng, phần để khuyến khích chúng đi dạo (vì bà rất thông cảm cho Paul), “Chả có đám mây nào trong vòng vài dặm,” nói tới đây bà có thể cảm thấy anh chàng Tansley bé nhỏ, người đã đi theo họ ra ngoài, đang cười khẩy. Nhưng bà làm thế là có dụng ý. Bà không thể biết chắc Nancy có ở đó hay không, bà nhìn từ người này sang người kia với đôi mắt của tâm hồn.

Bà đọc tiếp: “Chà, mình à,” người đàn ông nói, “tại sao chúng ta phải làm vua? Tôi không muốn làm vua.” “Tốt,” người vợ nói, “nếu ông không làm vua thì tôi sẽ làm; hãy đi tới chỗ con Cá bơn, vì tôi sẽ làm vua.”

“Con vào nhà trong hay ra ngoài chơi đi Cam,” bà nói, biết rằng Cam chỉ bị thu hút bởi từ “cá bơn” và chỉ trong khoảnh khắc nó sẽ trở nên bồn chồn và sẽ đánh nhau với James như thường lệ. Cam vọt ra ngoài. Bà

Ramsay tiếp tục đọc, nhẹ nhõm, vì bà và James có cùng sở thích và thấy dễ chịu khi ở bên nhau.

“Khi ông ta tới biển, trời hoàn toàn tốiมืด, mặt nước cuộn trào từ bên dưới, và có mùi hôi thối. Ông ta bước tới cạnh nó và nói,

‘Cá bơn, cá bơn trong biển cả,

Cầu xin mi hãy tới bên ta;

Vì bà Ilsabil vợ tốt của ta,

Muốn những thứ ta không hề muốn.’”

“Được, vậy bà ta muốn gì?” Cá bơn nói. Lúc này họ đang ở đâu? bà Ramsay tự hỏi, vừa đọc vừa suy nghĩ, trong cùng một lúc, một cách khá dễ dàng; vì câu chuyện về hai vợ chồng người ngư phủ cũng giống như tiếng đàn bass đệm cho một âm điệu mà thỉnh thoảng đột nhiên dâng cao lên thành giai điệu nhạc. Và khi nào thì bà sẽ được kể lại? Nếu không có gì xảy ra, bà sẽ phải nói chuyện một cách nghiêm túc với Minta. Vì con bé ấy không thể đi thơ thẩn khắp vùng quê, ngay cả khi có Nancy đi cùng chúng (bà cố thêm lần nữa, một cách không thành công, để hình dung chuyến trở về dọc theo con đường mòn của chúng, và để đếm chúng). Bà có trách nhiệm với cha mẹ của Minta - Cú Mèo và Que Cờ Lò. Những biệt danh mà bà đặt cho họ hiện lên trong tâm trí bà khi bà đọc. Cú Mèo và Que Cờ Lò - phải, họ sẽ phiền lòng nếu nghe thấy - và chắc chắn là họ sẽ nghe thấy - rằng Minta, đang sống với gia đình Ramsay, đã bị nhìn thấy vân vân, vân vân, vân vân. “Ông ta mang một bộ tóc giả trong Hạ viện còn bà ta thì khéo léo hỗ trợ cho ông ta từ trên đầu cầu thang,” bà lặp lại, quét họ ra khỏi tâm trí mình bằng một cụm từ mà, khi quay về từ một bữa tiệc, bà đã nói để giúp vui cho chồng mình. Trời ơi, Trời ơi, bà Ramsay tự nhủ, làm thế nào mà họ sinh ra cô con gái vô lý này? Cái con bé Minta nghịch ngợm như con trai này, luôn mang một chiếc vớ thủng lỗ? Làm thế nào con bé tồn tại được trong bầu không khí phô trương đó, nơi mà người hầu gái luôn luôn cầm cái đồ hốt rác để gom cát mà con vẹt đã vung vẩy khắp nhà, và cuộc chuyện trò cà riềng cà tỏi hầu như chỉ

nói về những thành tích - thú vị, có lẽ thế, nhưng nói cho cùng thì quá hạn chế - của con chim đó? Lẽ tự nhiên, người ta đã mời bà ăn trưa, uống trà, ăn tối, cuối cùng là ở với họ tại Finlay, mà kết cục là một vụ xích mích với Cú Mèo, mẹ của con bé, và nhiều cuộc viếng thăm hơn, nhiều cuộc cà riềng cà tỏi hơn, nhiều cát hơn, và thật sự vào cuối bữa tiệc, bà đã kể nhiều chuyện láo toét về những con vẹt đến mức đủ để sống cả một đời với chúng (bà đã nói thế với chồng bà đêm đó, khi trở về từ bữa tiệc). Tuy nhiên, Minta đã đến... Phải, con bé đã đến, bà Ramsay nghĩ, ngờ rằng có một cái gai nào đó trong mớ bong bóng rối rắm của ý nghĩ này; và hóa ra nó là đây: một người phụ nữ đã có lần cáo buộc bà về tội “cướp khỏi bà ta những tình cảm của con gái bà ta”; một điều gì đó mà bà Doyle đã nói khiến bà nhớ lại lời buộc tội đó. Muốn thống trị, muốn can thiệp, buộc mọi người làm theo điều mà bà muốn - đó là lời buộc tội chống lại bà, và bà nghĩ nó quá bất công. Làm sao bà có thể không tỏ ra “như thế”? Không ai có thể buộc tội bà về việc gây đau đớn để tạo ấn tượng. Bà vẫn thường xấu hổ về sự xoàng xĩnh của chính mình. Bà không độc đoán, cũng chẳng chuyên chế chi hết cả. Về những thứ bệnh viện và cống rãnh và sản xuất bơ sữa thì có. Về những chuyện như thế bà thật sự cảm thấy đam mê, và ắt hẳn sẽ, nếu có cơ hội, tóm lấy gáy của mọi người và buộc họ phải nhìn xem. Trên khắp hòn đảo không có một bệnh viện nào hết. Đó là một sự ô nhục. Sữa được giao ở cửa nhà bạn tại London chắc chắn là nâu xỉn vì bụi bẩn. Hẳn nó phải được sản xuất một cách bất hợp pháp. Một trại sản xuất bơ sữa hiện đại và một bệnh viện ở đây - đó là hai việc mà bà muốn tự mình thực hiện. Nhưng bằng cách nào? Với tất cả lũ con nheo nhóc này ư? Khi chúng lớn hơn, có lẽ bà sẽ có thời gian; khi tất cả bọn chúng đã tới tuổi đến trường.

Ồ, nhưng bà không bao giờ muốn James lớn lên thêm một ngày nào! Cả Cam cũng thế. Bà muốn giữ hai đứa bé này mãi mãi như hiện tại, những con quỷ nghịch ngợm, những thiên sứ của niềm vui, để không bao giờ nhìn thấy chúng lớn lên thành những con quái vật chân dài. Không gì có thể bù đắp cho sự tổn thất. Ngay bây giờ, khi bà đang đọc cho James nghe, “và có nhiều người lính mang theo trống định âm và kèn trumpet,” và đôi mắt nó nhắm lại, tại sao chúng lại phải lớn lên và đánh mất tất cả những thứ đó? Nó là đứa bé có khả năng thiên phú nhất, nhạy cảm nhất trong lũ con của bà. Nhưng tất cả, bà nghĩ, đều tràn đầy hứa hẹn. Prue,

một thiên thần hoàn hảo đối với những người khác, và đôi khi, nhất là vào ban đêm, bà phải nín thở trong khoảnh khắc vì vẻ đẹp của nó. Andrew - ngay cả chồng bà cũng phải thừa nhận rằng tài năng về toán học của nó rất đặc biệt. Và Nancy và Roger, cả hai đứa chúng nó đều là những tạo vật hoang dã, rong chơi tha thần khắp vùng suốt cả ngày. Còn về phần Rose, miệng nó to quá, nhưng đôi bàn tay nó thật diệu kỳ.^[13] Rose may những chiếc váy; làm ra mọi thứ; chẳng hạn những chiếc bàn với cách bày trí đẹp nhất, những lọ hoa, bất cứ thứ gì. Bà không thích việc Jasper bắn chim; nhưng đây chỉ là một giai đoạn; tất cả chúng nó đều trải qua những giai đoạn. Tại sao, bà hỏi, ép nhẹ cằm mình vào đầu James, chúng lại phải lớn thật nhanh? Tại sao chúng lại phải tới trường? Bà muốn mình luôn có một em bé. Bà hạnh phúc nhất khi bế một em bé trong tay. Vậy thì mọi người cứ việc nói rằng bà là kẻ chuyên chế, độc đoán, hách dịch, tùy ý họ; bà chẳng quan tâm. Và, đưa đôi môi hôn nhẹ vào mái tóc James, bà nghĩ, nó sẽ không bao giờ hạnh phúc như thế này lần nữa, nhưng bà tự ngăn mình lại, nhớ rằng nếu bà nói thế thì chồng bà sẽ tức giận ra sao. Tuy nhiên, đúng là như vậy. Bây giờ chúng đang hạnh phúc hơn bao giờ hết. Một bộ tách uống trà giá mười xu sẽ làm cho Cam vui sướng suốt nhiều ngày. Bà nghe thấy tiếng chúng dậm chân và nói bí bô khi chúng thức giấc ở tầng trên. Chúng chạy ào xuống dọc hành lang. Rồi cánh cửa mở bung ra và chúng ủa vào, tươi tắn như những đóa hoa hồng, nhìn chăm chú, náo nức, như thể việc đi vào phòng ăn sau bữa điểm tâm, mà chúng thực hiện hàng ngày trong đời chúng, là một sự kiện cực kỳ đối với chúng, vân vân, và sự kiện này nối tiếp sự kiện kia, suốt cả ngày dài, cho tới khi bà lên gác để chúc chúng ngủ ngon, và thấy chúng rúc vào những chiếc giường như những con chim nằm giữa những khóm lá anh đào và mâm xôi, vẫn còn bịa ra những câu chuyện vu vơ nào đó - một điều gì đó mà chúng đã nghe, một thứ gì đó mà chúng đã nhặt được trong vườn. Cả bọn đều có những kho báu bé nhỏ của chúng... Thế là bà đi xuống và nói với chồng mình, Tại sao chúng lại phải lớn lên và đánh mất đi tất cả những điều này? Chúng sẽ chẳng bao giờ có lại hạnh phúc như thế nữa. Và ông ấy nổi giận. Vì sao cứ nhìn đời một cách u ám như thế chứ? ông ấy nói. Điều đó không hợp lý. Vì điều đó kỳ quặc; Và bà tin đúng là như thế; rằng trên tổng thể, với mọi nỗi u sầu tuyệt vọng của mình ông lại hạnh phúc hơn, nhiều hy vọng hơn bà. Ít bị phơi bày trước

những lo lắng của nhân loại hơn - có lẽ là thế. Ông ấy luôn có công việc để lại đắm chìm vào đó. Cũng không phải bà “bi quan” như ông buộc tội. Chỉ là bà nghĩ tới cuộc đời - và một dải thời gian nhỏ bé tự hiển hiện lên trước mắt bà - và cái tuổi năm mươi của bà. Nó ở đó trước mắt bà - cuộc đời. Cuộc đời, bà nghĩ - nhưng bà không kết thúc ý nghĩ của mình. Bà nhìn vào cuộc đời, vì bà có một cảm giác rõ ràng về nó ở đó, một cái gì đó có thật, một cái gì đó riêng tư, mà bà không chia sẻ được cả với chồng lẫn mấy đứa con của mình. Có một kiểu chuyển giao nào đó diễn ra giữa hai bên, trong đó bà là một phía và cuộc đời ở phía kia, và bà luôn cố nhận lấy phần tốt hơn của nó, như nó là của bà; và đôi khi hai bên hòa đàm (khi bà ngồi một mình); bà nhớ, đã có nhiều xen hòa giải tuyệt vời; nhưng đa phần, thật lạ lùng, bà phải thừa nhận rằng bà cảm thấy cái mà bà gọi là cuộc đời này thật kinh khủng, đầy thù địch, và sẽ nhanh chóng vồ lấy bạn nếu bạn cho nó một cơ hội. Có những vấn đề muôn thuở: nổi thống khổ; chết chóc; nghèo túng. Thậm chí ngay ở đây cũng luôn luôn có một người phụ nữ chết vì bệnh ung thư. Thế nhưng bà đã bảo với tất cả những đứa con của mình, Các con phải vượt qua tất cả những thứ này. Bà thường xuyên nói điều này với tám con người (và hóa đơn cho cái nhà kính sẽ là năm mươi bảng). Vì lý do đó, biết phía trước họ là gì - tình yêu và tham vọng và đau khổ một mình ở những nơi đáng sợ - bà thường có cảm giác, Vì sao chúng phải lớn lên và đánh mất tất cả những điều này? Và rồi bà tự nhủ với mình, vung thanh gươm của bà ra trước cuộc đời, Vô lý. Chúng sẽ hoàn toàn hạnh phúc. Và bà ngồi đây, bà suy ngẫm, lại cảm thấy cuộc đời khá là độc ác, khiến cho Minta kết hôn với Paul Rayley; bởi lẽ bất chấp bà có thể cảm thấy thế nào về quan hệ hôn nhân của chính mình, bà đã có những trải nghiệm không nhất thiết phải xảy ra với một ai khác (bà không kể tên chúng ra với chính mình); bà bị thôi thúc, quá nhanh chóng, bà biết thế, gần như thế nó cũng là một lối thoát cho chính bản thân bà, khi nói rằng mọi người phải kết hôn; mọi người phải có con cái.

Bà có sai lầm về việc này không, bà tự hỏi, ôn lại cách hành xử của mình trong một hai tuần qua, và tự hỏi thật ra bà có đặt bất kỳ áp lực nào lên Minta hay không khi buộc con bé phải quyết định, nó chỉ mới hai mươi bốn tuổi. Bà thấy khó chịu. Không phải bà đã từng cười chế giễu chuyện đó hay sao? Có phải bà lại quên rằng bà có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với

mọi người? Ô, hôn nhân cần mọi kiểu phẩm chất (hóa đơn cho căn nhà kính sẽ là năm mươi bảng); trong đó có một thứ - bà không cần phải gọi tên nó ra - có tính chất cốt yếu; thứ mà bà có với chồng mình. Họ có thứ đó hay không?

“Rồi ông ta mặc quần vào và bỏ chạy như một người điên,” bà đọc. “Nhưng ngoài biển một cơn bão lớn đang nổi lên và thổi mạnh đến nỗi ông ta hầu như không thể kềm được đôi chân; những ngôi nhà, cây cối lung lay chao đảo, những ngọn núi rung rinh, những tảng đá rơi xuống biển, bầu trời đen sẫm thăm thẳm, và sấm sét bùng bùng nổ, rồi biển ập vào với những ngọn sóng cao như những tháp nhà thờ và những ngọn núi, và bọt tung trắng xóa khắp các đầu ngọn sóng.”

Bà lật sang trang; chỉ còn vài dòng nữa, vì thế bà sẽ kết thúc câu chuyện, dù đã quá giờ lên giường ngủ. Đã khá muộn rồi. Ánh sáng trong vườn nói với bà điều đó; màu trắng của những bông hoa cùng một thứ gì đó xám xám trong đám lá kết hợp với nhau, khuấy động trong bà một cảm giác bồn chồn lo lắng. Thoạt tiên bà không thể nghĩ ra đó là do cái gì. Rồi bà chợt nhớ ra; Paul, Minta và Andrew chưa trở về. Bà triệu tập nhóm trẻ còn lại tới trước mặt mình, trên sân hiên ngay trước cửa phòng khách, và đứng ngẩng nhìn lên bầu trời. Andrew có mang theo tấm lưới và cái giỏ. Nghĩa là nó sẽ bắt cua và các thứ. Nghĩa là nó sẽ trèo ra một tảng đá; nó sẽ bị đứt chân đứt tay. Hoặc trở về một mình trên một trong những con đường mòn bên trên vách đá, một trong số chúng có thể khá trơn trượt. Nó sẽ té lăn quay và bị va đập. Trời đã sụp tối hoàn toàn.

Nhưng bà không để cho giọng nói của mình thay đổi chút nào khi kết thúc câu chuyện, và bổ sung thêm những lời cuối khi gấp cuốn sách lại, như thể bà đã tự nghĩ ra chúng, mắt nhìn vào mắt của James: “Và họ sống ở đó cho tới tận bây giờ.”

“Thế là hết chuyện,” bà nói, và nhìn thấy trong mắt thằng bé, khi sự thú vị của câu chuyện đã tan đi, có một thứ gì đó thay chỗ cho điều đó; một thứ gì đó đầy thắc mắc, nhột nhạt, như ánh phản chiếu của một ngọn đèn, và ngay lập tức khiến cho ánh mắt của James trở nên đăm chiêu và khác lạ. Bà xoay người ngó qua cái vịnh, và ở đó, chắc như ăn bắp, ánh

sáng của ngọn hải đăng đang liên tục quét qua những lượn sóng, đầu tiên là hai luồng ngắn rồi tới một luồng dài. Nó đã được thấp lên.

Chỉ giây lát nữa nó sẽ hỏi bà, “Chúng ta sẽ ra ngọn hải đăng chứ mẹ?” Và bà sẽ phải trả lời, “Không, ngày mai thì không; cha con bảo là không.” Thật may mắn, Mildred đã tới đón chúng, và sự ồn ào làm chúng xao lãng. Nhưng nó vẫn ngoái nhìn lại khi Mildred bế nó đi, và bà chắc chắn rằng nó đang thầm nghĩ, ngày mai chúng ta sẽ không ra ngọn hải đăng; và bà nghĩ, suốt đời mình, nó sẽ ghi nhớ tất cả những điều này.

11.

Không, bà vừa nghĩ, vừa gom lại những bức hình mà nó đã cắt ra - một cái tủ lạnh, một cái máy cắt cỏ, một quý ông mặc dạ phục - trẻ con không bao giờ quên. Vì lý do này, những gì người ta đã nói, và những gì người ta đã làm, là rất quan trọng, và thật là nhẹ nhõm khi chúng đã đi ngủ. Bởi bây giờ bà không cần nghĩ tới bất kỳ ai cả. Bà có thể là chính mình, được ở một mình. Và điều mà bà thường cảm thấy cần thiết lúc này là suy nghĩ; vâng, thậm chí không chỉ suy nghĩ. Mà là im lặng; là được ở một mình. Mọi bản thể và mọi hành vi mở rộng, lấp lánh, lên tiếng, tan biến; và người ta co lại, với một cảm giác trang trọng, để là chính bản thân, một cái lõi hình nộm của bóng tối, một cái gì đó vô hình đối với những người khác. Dù bà vẫn tiếp tục đan và ngồi thẳng, bà cảm nhận về bản thân mình như thế; và cái bản ngã này sau khi đã cởi bỏ những thứ gắn liền với nó trở nên tự do cho những cuộc phiêu lưu kỳ lạ nhất. Khi sự sống chìm xuống trong khoảnh khắc, phạm vi kinh nghiệm dường như trở nên vô hạn. Và cái cảm giác về những tiềm năng vô hạn định này luôn luôn có ở mọi người, bà cho là vậy; người nọ kế tiếp người kia, bà, Lily, Augustus Carmichael, phải cảm thấy, ngoại diện của chúng ta, những điều mà qua đó bạn biết về chúng tôi, chỉ đơn giản giống trẻ con. Ở bên dưới, nó là bóng tối tuyệt đối, là sự lan trải hoàn toàn, là chiều sâu thăm thẳm khôn dò; nhưng thỉnh thoảng chúng tôi trồi lên bề mặt và đó chính là thứ mà bạn nhìn thấy ở chúng tôi. Với bà, chân trời của bà dường như vô hạn. Có tất cả những nơi chốn bà chưa từng nhìn thấy,

những thảo nguyên Ấn Độ; bà cảm thấy mình đang nép mình cạnh bức màn cửa bằng da dày của một ngôi nhà thờ ở Rome. Cái lối của bóng tối này có thể đi khắp mọi nơi, vì không ai nhìn thấy nó. Họ không thể ngăn nó lại, bà nghĩ, hử hê. Có sự tự do, có sự thanh bình, và tuyệt vời nhất, có sự tập trung, một trạng thái nghỉ ngơi trên một cái nền bền vững. Không phải giống như người ta cảm thấy bản thân mình nghỉ ngơi, theo kinh nghiệm của bà, (tới đây bà khéo léo hoàn tất một động tác nào đó trong công việc đan tất) mà giống như một cái nệm của bóng tối. Khi mất đi cá tính, người ta cũng mất cả cảm giác khó chịu, sự vội vã, sự náo nức; và từ đôi môi của bà luôn thốt ra một tiếng kêu chiến thắng trước cuộc đời khi mọi sự vật đến bên nhau trong sự thanh bình này, sự nghỉ ngơi này, sự miên viễn này; và dừng ý nghĩ ở đó, bà nhìn ra, bắt gặp luồng ánh sáng của ngọn hải đăng, luồng ánh sáng dài đều đặn, luồng ánh sáng cuối trong ba luồng ánh sáng, nó là luồng ánh sáng của bà, vì khi quan sát chúng trong tâm trạng này, luôn luôn vào chính thời khắc này, người ta không thể không gắn kết bản thân mình với một sự vật đặc biệt trong số những sự vật mà người ta nhìn thấy; và sự vật này, luồng ánh sáng dài đều đều này, là luồng ánh sáng của bà. Bà thường nhận ra mình đang ngồi và nhìn, ngồi và nhìn, với công việc trên tay cho tới khi bà trở thành thứ mà bà nhìn - chẳng hạn như ánh sáng đó. Và nó sẽ nâng lên trên nó một cụm từ bé nhỏ này hay khác vốn đang nằm trong tâm trí của bà như câu - “Trẻ con không quên, trẻ con không quên” - mà bà thường lặp lại và bắt đầu bổ sung thêm cho nó, Nó sẽ kết thúc, nó sẽ kết thúc, bà nói. Nó sẽ tới, nó sẽ tới, đột nhiên bà nói thêm, Chúng ta ở trong tay của Chúa.

Nhưng ngay sau đó bà thấy bức mình vì đã nói thế. Ai đã nói câu đó vậy? Không phải là bà; bà đã bị cài bẫy để nói một điều mà bà không định nói. Bà nhìn lên và bắt gặp luồng ánh sáng thứ ba và đối với bà việc này cũng tựa như mắt bà chạm phải chính mắt bà, bà tìm kiếm như khi ở một mình bà có thể tìm kiếm trong đầu óc và trái tim mình, gạn lọc từ bản thể sự dối trá đó, bất kỳ sự dối trá nào. Bà tự ngợi ca mình trong việc ngợi ca ánh sáng đó, không chút tự cao tự đại, vì bà nghiêm khắc, bà đang tìm kiếm, bà đẹp đẽ như ánh sáng đó. Thật kỳ lạ làm sao, bà nghĩ, nếu người ta ở một mình, người ta thường nghiêng về các sự vật vô tri; những cây cối, những con suối, những bông hoa; cảm thấy chúng thể hiện người ta; cảm thấy chúng trở thành người ta; cảm thấy chúng biết người ta, trong

một ý nghĩa nào đó chính là người ta; cảm thấy một nỗi dịu êm phi lý như thế về chính bản thân (bà nhìn luồng ánh sáng dài đều đều đó). Bà nhìn, nhìn mãi, đôi kim đan ngưng hoạt động, và một làn sương mù, một chiếc cầu để gặp gỡ người tình nhân yêu dấu chợt nổi lên, cuộn lên phía trên nền tâm trí, nổi lên từ chiếc hồ bản thể của bà.

Điều gì khiến cho bà nói rằng: “Chúng ta ở trong tay của Chúa?” bà tự hỏi. Sự giả dối luồn vào giữa những sự thật khuấy động bà, khiến bà phiền muộn. Bà lại quay về với công việc đan vớ. Đức Chúa nào đó làm thế nào để tạo ra thế giới này? bà hỏi. Trong tâm trí, bà luôn bám chặt thực tế rằng không hề có lý trí, trật tự hay công chính: mà là khổ đau, chết chóc và nghèo túng. Cũng chẳng có sự dối trá nào dễ tiện đến mức không thể thực hiện được đối với thế gian; bà biết điều đó. Hạnh phúc không tồn tại; bà biết điều đó. Bà đan vớ với sự điềm tĩnh vững vàng, đôi môi hơi mím lại và, không chút ý thức nào về điều đó, những đường nét trên khuôn mặt của bà cứng lại, bình thần, theo thói quen của tính tình nghiêm nghị, đến nỗi khi chồng bà đi ngang qua, dù đang cười khúc khích với ý nghĩ rằng triết gia Hume^[14], ngày càng trở nên béo ị, đã sa vào một bãi lầy, vẫn không thể không nhận thấy, khi ông đi ngang qua, sự nghiêm khắc nằm ở trung tâm vẻ đẹp của bà. Nó làm cho ông buồn, và vẻ xa vắng của bà làm cho ông đau nhói, và ông cảm thấy, khi đi ngang qua, rằng ông không thể bảo vệ bà, và, khi đi tới hàng giậu, ông thấy buồn rầu. Ông chẳng thể làm gì để giúp bà. Ông phải đứng sang bên và ngắm nhìn bà. Thật ra, có một sự thật quý tha mà bắt là ông đã làm cho mọi sự trở nên tệ hại hơn đối với bà. Ông tức tối - ông quá nhạy cảm. Ông đã đánh mất bình tĩnh về việc ngọn hải đăng. Ông nhìn vào hàng giậu, vào sự phức tạp của nó, bóng tối của nó.

Luôn luôn, bà Ramsay cảm thấy, người ta miễn cưỡng giúp chính mình thoát khỏi sự lẻ loi bằng cách bám vào một thứ nhỏ nhoi tầm thường nào đó, một âm thanh nào đó, một cảnh tượng nào đó. Bà lắng nghe, nhưng mọi thứ đều rất lặng lẽ; trận đấu cri-kê đã chấm dứt; lũ trẻ đang tắm; chỉ còn âm thanh của biển. Bà ngưng đan; bà cầm lủng lẳng chiếc vớ dài màu nâu đỏ trong giây lát. Bà lại nhìn thấy luồng ánh sáng. Với một sự mĩa mai nào đó trong sự chất vấn chính bản thân, vì khi người ta thức giấc, những mối quan hệ của người ta thay đổi, bà nhìn vào luồng ánh

sáng đều đều, luồng ánh sáng nhần tâm, luồng ánh sáng không thương xót, giống bà rất nhiều, thế nhưng cũng giống bà rất ít, cái bắt buộc bà phải phục tùng (bà thức giấc trong đêm và thấy nó tuôn đổ xuống giường họ, quét qua nền nhà), nhưng với tất cả những thứ đó, bà nghĩ, quan sát nó với sự mê hoặc như bị thôi miên, như thể với những ngón tay lông lánh ánh bạc nó đang vuốt ve một mạch máu phong kín nào đó trong óc não bà mà sự bùng nổ của nó sẽ khiến lòng bà tràn ngập nỗi hân hoan mà bà đã từng biết như là hạnh phúc, một niềm hạnh phúc tinh tế, một niềm hạnh phúc căng tràn, và nó nhuộm bạc những lượn sóng hung hãn khiến chúng sáng lạn hơn, khi ánh ngày đã nhạt nhòa, còn màu xanh trời thì rút xa khỏi biển và cuộn tròn trong những lượn sóng màu chanh thuần khiết đang cuộn lên, phình ra và đổ ập xuống bờ biển và trạng thái ngất ngây bùng nổ trong mắt bà, và những lượn sóng của niềm vui thuần khiết tràn ngập tâm trí bà và bà nghĩ, Thế là đủ! Thế là đủ!

Ông quay lại và nhìn thấy bà. Ôi chao! Bà thật xinh đẹp, bây giờ bà xinh đẹp hơn bao giờ hết, ông nghĩ. Nhưng ông không thể quấy rầy bà. Ông mong mỗi một cách khẩn thiết được nói với bà ngay bây giờ, khi James đã đi và cuối cùng bà còn lại có một mình. Nhưng ông kiên quyết, không; ông sẽ không quấy rầy bà. Bây giờ bà quá cách biệt với ông trong vẻ đẹp của bà, trong nỗi buồn của bà. Ông sẽ để cho bà yên, và ông đi ngang qua bà mà không nói lời nào, dù việc bà có vẻ xa cách như thế và việc ông không thể tới bên bà, không thể làm gì để giúp bà, khiến ông bị tổn thương. Một lần nữa, hẳn là ông sẽ đi ngang qua bà mà không nói lời nào nếu như bà không, vào chính ngay giây phút ấy, trao cho ông với ý chí tự do của mình thứ mà bà biết ông sẽ không bao giờ đòi hỏi, và gọi ông lại, gỡ chiếc khăn choàng màu xanh lá ra khỏi khung bức tranh và bước tới bên ông. Vì ông mong muốn, bà biết, được bảo vệ bà.

12.

Bà cuộn chiếc khăn choàng quanh bờ vai mình. Bà khoác tay ông. Vẻ đẹp của anh ta thật tuyệt vời, bà bảo, bắt đầu nói ngay về người làm vườn Kennedy, rằng anh ta đẹp trai đến nỗi bà không thể sa thải anh ta. Có một

cái thang gác dựa vào căn nhà kính và những đồng vữa nhỏ rải rác quanh đó, vì họ đang bắt đầu sửa chữa căn nhà kính. Phải, nhưng trong khi Lữ thường bước cạnh chồng mình, bà cảm thấy nỗi lo âu cụ thể đó đã được đặt ra. Câu nói đã nằm trên đầu lưỡi của bà, trong khi họ đang đi, “Nó sẽ tốn năm mươi bảng”, nhưng thay vào đó, vì tim bà không nghĩ tới tiền bạc, bà lại nói về việc Jasper bắn chim, và ngay lập tức ông nói, để an ủi bà, rằng đó là chuyện tự nhiên ở một đứa bé trai, và ông tin rằng chẳng lâu la gì nó sẽ tìm ra những cách tiêu khiển tốt hơn. Chồng bà quá hiểu biết, quá công bằng. Thế là bà nói, “Phải, tất cả những đứa trẻ đều trải qua những giai đoạn,” và bắt đầu ngắm soi những đóa hoa thược dược trong luống hoa lớn, tự hỏi những bông hoa năm sau sẽ ra sao, và ông có nghe cái biệt danh mà bọn trẻ đặt cho Charles Tansley hay không, bà hỏi. Gã vô thần, chúng gọi anh ta như thế, gã vô thần bé nhỏ. “Anh ta không phải là mẫu người thanh nhã,” ông Ramsay nói. “Còn lâu mới được thế,” bà Ramsay nói.

Bà cho rằng tốt nhất cứ để cho anh ta tự xoay xử lấy, bà Ramsay nói, tự hỏi việc gửi những cử hành xuống có tác dụng gì không; họ có trông chúng không? “Ồ, anh ta phải viết những luận án của mình,” ông Ramsay nói. Bà biết tất cả về điều đó, ông Ramsay nói. Anh ta không nói về điều gì khác. Tất cả đều chỉ nói về ảnh hưởng của ai đó lên một điều gì đó. “Chà, đó là tất cả những gì anh ta phải dựa vào, bà Ramsay nói. “Cầu Trời anh ta sẽ không phải lòng con bé Prue,” bà Ramsay nói. Ông sẽ tước quyền thừa kế của nó nếu nó cưới anh ta, ông Ramsay nói. Ông không nhìn những bông hoa bà vợ đang ngắm soi mà lại nhìn vào một điểm nào đó bên trên chúng chừng hai tấc. Anh ta chẳng có gì nguy hiểm, ông nói thêm, và sắp sửa nói rằng dù sao thì anh ta là chàng trai trẻ duy nhất ở nước Anh ngưỡng mộ ông, nhưng ông nuốt câu này xuống cổ. Ông sẽ không làm bận lòng bà thêm nữa về những cuốn sách của mình. Những bông hoa này có vẻ tuyệt đấy, ông Ramsay nói, hạ thấp ánh mắt và nhận thấy một thứ gì đó đo đỏ, một thứ gì đó nâu nâu. Vâng, nhưng bà đã đặt những bông hoa này vào tay mình, bà Ramsay nói. Vấn đề là, điều gì sẽ xảy ra nếu bà gửi những cử hành xuống; Kenedy có trông chúng không? Cái bệnh lười của anh ta thật khó mà chữa khỏi; bà nói thêm, đi tiếp. Nếu bà đứng giám sát anh ta suốt ngày với một cái mai trong tay bà thì đôi khi anh ta cũng cố gắng làm lụng đôi chút. Họ lữ thường đi tiếp tới chỗ

những khóm hoa loa kèn đuốc. “Bà đang dạy cho mấy đứa con gái phóng đại mọi chuyện lên,” ông Ramsay nói, quở trách bà. Cô Camilla của bà còn tệ hơn cả bà nữa, bà Ramsay nhận xét. “Tôi chưa hề thấy người nào xem cô Camilla của bà là một kiểu mẫu về đức hạnh,” ông Ramsay nói. “Cô ấy là người phụ nữ đẹp nhất mà tôi từng thấy,” bà Ramsay nói. “Có người khác hơn đấy,” ông Ramsay nói. Prue sẽ đẹp hơn cô ấy nhiều, bà Ramsay nói. Ông chẳng thấy dấu hiệu nào về điều đó cả, ông Ramsay nói. “Ồ, vậy tối nay ông cứ nhìn xem,” bà Ramsay nói. Họ dừng lại. Ông ước rằng Andrew sẽ làm việc chăm chỉ hơn. Nếu không, nó sẽ đánh mất mọi cơ hội để nhận được một học bổng. “Ồ, những học bổng!” bà nói. Ông Ramsay nghĩ bà thật ngốc khi nói như thế về một việc nghiêm túc như một học bổng. Ông sẽ rất tự hào về Andrew nếu nó nhận được một học bổng, ông nói. Bà cũng sẽ tự hào không kém nếu nó không nhận được học bổng nào cả, bà trả lời. Họ luôn bất đồng về việc này, nhưng điều đó không quan trọng. Bà thích ông tin vào những khoản học bổng, còn ông thích bà tự hào về James bất kể nó làm gì. Đột nhiên bà chợt nhớ về những con đường mòn trên rìa các vách đá.

“Trời đã muộn, có phải không?” bà hỏi. Chúng vẫn chưa về nhà. Ông cầu thả bật cái nắp đồng hồ. Nhưng chỉ mới quá bảy giờ. Ông để mở nắp đồng hồ một lúc, quyết định rằng ông sẽ nói với bà những gì ông đã cảm thấy ở trước hiên nhà. Để bắt đầu việc đó, thật rất vô lý khi quá lo âu căng thẳng. Andrew có thể tự chăm sóc bản thân. Thế rồi ông muốn nói với bà rằng khi ông đang đi lại trước hiên nhà - tới đây ông trở nên lúng túng, như thể ông đang xâm nhập vào sự cô độc, sự cách biệt, sự xa vắng của bà. Nhưng bà thúc giục ông. Ông muốn kể cho bà nghe chuyện gì, bà hỏi, nghĩ rằng đó là về việc đi ra ngọn hải đăng; rằng ông hối tiếc vì đã nói “Quý tha ma bắt bà đi”. Nhưng không. Ông không thích trông thấy bà có vẻ buồn bã như thế, ông nói. Chỉ là vì đang tập trung để gom len lại, bà phản kháng, hơi đỏ mặt đôi chút. Cả hai cảm thấy lúng lúng, như thể họ không biết nên đi tiếp hay quay trở lại. Bà đã đọc truyện cổ tích cho James nghe, bà bảo. Không, họ không thể chia sẻ điều đó; họ không thể nói điều đó.

Họ đã tới khoảng trống giữa hai khóm loa kèn đuốc, và ngọn hải đăng lại hiện ra, nhưng bà không cho phép mình nhìn nó. Giá bà biết ông đã nhìn

bà, bà nghĩ, bà sẽ không cho phép mình ngồi đó suy nghĩ. Bà không thích bất cứ điều gì nhắc cho bà nhớ rằng bà đã ngồi suy nghĩ. Vì thế bà ngoảnh lại nhìn về hướng thị trấn. Những ánh đèn đang chuyển động lăn tăn như thể chúng là những giọt nước bạc được neo giữ lại trong một cơn gió. Và tất cả những nghèo nàn, tất cả những khổ đau đã quay sang đó, bà Ramsay nghĩ. Những ánh đèn của thị trấn, của hải cảng và của những con thuyền giống như giồng tấm lưới ma quái trôi lơ lửng ở đó để đánh dấu một thứ gì đó đã đắm chìm. Chà, nếu ông không thể chia sẻ những suy nghĩ của bà ấy, ông Ramsay tự nhủ, ông sẽ bỏ đi và suy nghĩ về những chuyện của riêng mình. Ông muốn tiếp tục suy nghĩ, tự kể cho mình nghe câu chuyện Hume đã sa vào một bãi lầy ra sao; ông muốn cười rộ lên. Nhưng trước hết lo lắng về Andrew là một điều vô lý. Khi ở lứa tuổi của Andrew, ông thường đi bộ khắp vùng suốt ngày, chẳng có gì ngoài một cái bánh quy trong túi và chẳng có ai bận tâm về ông hay nghĩ rằng ông đã ngã trên một vách núi. Ông nói to ý nghĩ của mình rằng ông sẽ ra ngoài tản bộ một ngày nếu thời tiết tốt. Ông thấy đã quá đủ với Bankes và Carmichael. Ông muốn được lẻ loi chút ít. Vâng, bà nói. Việc bà không phản đối làm ông bức bối. Bà biết rằng ông sẽ không bao giờ thực hiện điều đó. Bây giờ ông đã quá già, không thể đi bộ suốt ngày với một cái bánh quy trong túi. Bà lo cho lũ trẻ chứ không lo cho ông. Cách đây nhiều năm, trước khi lấy vợ, ông nghĩ, nhìn qua cái vịnh, khi họ đang đứng đó giữa hai khóm loa kèn đuốc, ông đã từng đi bộ cả ngày. Ông đã ăn một bữa chỉ có bánh mì và bơ trong một quán ăn. Ông đã làm việc một mạch mười tiếng đồng hồ; một bà cụ cứ thỉnh thoảng lại thò đầu vào và nhìn ánh lửa. Đó là vùng quê ông thích nhất, ở phía kia; những dãy đồi đang chìm vào bóng tối đó. Người ta có thể đi suốt ngày mà không gặp bóng người nào. Hầu như chẳng có một ngôi nhà, một làng xóm lẻ loi nào trong suốt nhiều dặm. Người ta có thể lo âu về mọi thứ một mình. Có những bờ cát nhỏ chưa có ai đặt chân tới từ thuở khai thiên lập địa. Những con hải cẩu ngóc lên và nhìn bạn. Đôi khi dường như ông cảm thấy cô đơn trong ngôi nhà nhỏ ngoài kia - ông thoát khỏi suy nghĩ, thở dài. Ông không có quyền. Người cha của tám đứa con - ông tự nhắc nhở mình. Và ông sẽ là một con quái vật hay một tên vô lại nếu ước ao có một thay đổi duy nhất nào. Andrew sẽ là một người đàn ông tốt hơn ông. Prue sẽ là một cô gái xinh đẹp, mẹ nó bảo. Họ sẽ ngăn dòng nước lụt được chút nào hay chút nấy. Nhìn chung có khá nhiều việc phải làm - tám

đứa con của ông. Chúng cho thấy ông đã không phiến trách cái vũ trụ bé nhỏ tội nghiệp này về một buổi tối như thế này, ông nghĩ, nhìn vào dải đất đang hao mòn dần, hòn đảo nhỏ dường như bé nhỏ một cách thảm hại, đã bị biển cả nuốt đi phân nửa.

“Cái chốn bé nhỏ tội nghiệp,” ông lẩm bẩm với một tiếng thở dài.

Bà nghe thấy ông. Ông đã nói những điều buồn thảm nhất, nhưng bà nhận thấy dường như khi đã trực tiếp nói ra ông sẽ vui vẻ hơn thường lệ. Tất cả những trò đặt thành ngữ này là một trò chơi, bà nghĩ, vì giá như bà chỉ cần nói phân nửa những gì ông nói, hẳn bà phải vỡ óc ra ngay.

Nó làm bà bực mình, cái trò đặt thành ngữ này, và bà nói với ông, một cách giản dị, rằng đây là một buổi tối hoàn toàn đáng yêu. Và ông đang than thở điều gì, bà hỏi, nửa cười cợt nửa phàn nàn, vì bà đoán được ông đang nghĩ gì - lẽ ra ông đã viết được những cuốn sách hay hơn nếu không lấy vợ.

Ông không than phiền, ông bảo. Bà biết rằng ông không than phiền. Bà biết rằng ông chẳng có gì để than phiền cả. Và ông nắm chặt tay bà, nâng nó lên môi và hôn nó đắm đuối khiến mắt bà rưng rưng lệ, rồi ông nhanh chóng buông nó ra.

Họ quay trở lại và bắt đầu đi lên con đường mòn nơi những cây lá đậm chồi như những mũi giáo xanh xanh óng bạc, tay trong tay. Cánh tay ông gần giống như cánh tay của một chàng trai trẻ, bà Ramsay nghĩ, mảnh khảnh và rắn chắc, và bà nghĩ với niềm vui sướng rằng ông vẫn còn mạnh khỏe biết bao, dù đã quá sáu mươi, và kiên cường lạc quan biết bao, thật lạ lùng khi có thể chắc chắn rằng, như bản thân ông là thế, mọi điều kinh khủng dường như không làm ông thoái chí mà lại làm ông vui mừng phấn chấn. Có kỳ lạ hay không, bà ngẫm nghĩ? Thật sự, đối với bà, đôi khi dường như ông được tạo thành một cách khác biệt so với mọi người khác, sinh ra mù, điếc, đui, đối với những điều bình thường, nhưng lại có một đôi mắt như mắt chim đại bàng đối với những sự vật khác thường. Sự hiểu biết của ông thường làm cho bà kinh ngạc. Nhưng ông có chú ý tới những bông hoa không? Không. Ông có chú ý tới cảnh vật

không? Không. Thậm chí ông có chú ý tới vẻ đẹp của con gái mình, hoặc có món bánh pu-đinh hay bò nướng trong đĩa của mình hay không? Ông chỉ ngồi ở bàn với họ như một người trong giấc mộng. Và bà e là ông ngày càng thâm nhiễm thói quen nói lớn tiếng hay đọc lớn những bài thơ; vì đôi khi thật khó xử -

Tốt đẹp nhất và sáng nhất là xa!^[15]

Cô Giddings tội nghiệp đã giật nảy cả người khi ông hét to câu đó với cô ta. Nhưng vậy thì, bà Ramsay nghĩ, dù ngay lập tức đứng về phía ông để chống lại mọi cô Giddings ngốc nghếch trên thế giới, vậy thì, bà nghĩ, thân mật ấn nhẹ lên cánh tay ông để báo hiệu rằng ông đi lên đồi quá nhanh đối với bà, và bà phải dừng lại một chút để xem có có đồng đất chuột đùn mới nào trên gò đất hay không, vậy thì, bà nghĩ, khom người xuống để nhìn, một bộ óc vĩ đại như bộ óc của ông phải khác biệt về mọi thứ với bộ óc của chúng ta. Tất cả những người đàn ông vĩ đại mà bà từng biết đều như thế cả, bà nghĩ, xác định rằng hẳn phải có một con thỏ đã đột nhập vào khu vườn, và chỉ cần nghe ông nói, chỉ đơn giản nhìn ông cũng là một điều tốt cho những chàng trai trẻ (dù bầu không khí của những giảng đường khá ngọt ngào và hầu như không thể nào chịu đựng nổi đối với bà). Nhưng nếu không bắt lũ thỏ thì người ta làm thế nào để giảm bớt số lượng của chúng? bà tự hỏi. Đó có thể là một con thỏ; đó có thể là một con chuột chũi. Dù sao thì cũng có một sinh vật nào đó đang tàn phá những khóm hoa Dạ Anh Thảo của bà. Và ngẩng nhìn lên, bà trông thấy bên trên những thân cây gầy guộc những tia sáng đầu tiên của một vì sao đang phập phồng tỏa sáng, và muốn chồng bà cũng nhìn lên nó; vì cảnh tượng đó mang tới cho bà một niềm vui rộn rã. Nhưng bà tự ngăn mình lại. Ông ấy không bao giờ nhìn những sự vật. Nếu ông ấy nhìn, tất cả những gì ông ấy nói sẽ là, Cái thế giới bé nhỏ tội nghiệp, với một tiếng thở dài.

Ngay lúc ấy, ông ấy nói, “Rất đẹp,” để làm bà vui lòng, và giả vờ ngưỡng mộ những đóa hoa. Nhưng bà biết rất rõ ông không hề ngưỡng mộ chúng, thậm chí còn không nhận ra rằng chúng hiện diện ở đó. Chỉ là để làm vui lòng bà. Chà, nhưng kia có phải là Lily Briscoe đang thả bước cạnh William Bankes không nhỉ? Bà nheo đôi mắt cạnh thị của mình nhìn

vào lưng của hai người đang trước. Phải, đúng là như thế. Điều đó không có nghĩa là họ sẽ lấy nhau đấy chứ? Vâng, phải là như thế! Thật là một ý tưởng tuyệt vời! Họ phải lấy nhau!

13.

Ông từng tới Amsterdam, ông Bankes nói trong lúc đi chậm chậm qua bãi cỏ cùng Lily Briscoe. Ông từng xem tranh của Rembrandt. Ông từng tới Madrid. Hôm đó là ngày Good Friday^[16] và viện bảo tàng Prado đóng cửa. Ông từng tới Rome. Cô Lily Briscoe có tới Rome lần nào chưa nhỉ?Ồ, cô nên tới đó - đó sẽ là một kinh nghiệm cho cô - nhà thờ Sistine; Michelangelo^[17]; và nhà thờ Thánh Padua, với những bức tranh của Giotto^[18]. Vợ ông đã ốm yếu suốt nhiều năm, vì thế việc ngoạn cảnh tham quan của họ chỉ ở mức độ khiêm tốn.

Cô từng tới Brussels; cô từng tới Paris nhưng chỉ ghé tạt qua để thăm một bà cô bị ốm. Cô từng tới Dresden; có vô số bức tranh cô chưa từng nhìn thấy; tuy nhiên, Lily Briscoe ngẫm nghĩ, có lẽ không xem những bức tranh đó lại tốt hơn: chúng chỉ làm cho người ta thêm thất vọng nào nề với tác phẩm của chính mình. Ông Bankes nghĩ người ta có thể đưa quan điểm đó đi quá xa. Không thể nào tất cả chúng ta đều là những Titian^[19] hay những Darwin^[20], ông bảo; đồng thời ông nghi ngờ không biết bạn có thể có Darwin hay Titian của bạn hay không nếu nó không dành cho những người hèn mọn như chúng ta. Lily rất muốn đáp trả lại ông với một lời ca ngợi; ông không hèn mọn, ông Bankes, cô ước chi mình nói được điều đó. Nhưng ông không muốn những lời ca tụng (hầu hết mọi người đàn ông đều muốn, cô nghĩ), và cô hơi xấu hổ về sự bốc đồng của mình nên chẳng nói lời nào trong lúc ông nhận xét rằng có lẽ điều mà ông vừa nói không thích hợp cho những bức tranh. Dù sao đi nữa, Lily nói, vứt bỏ sự giả dối nhỏ nhen của mình, cô sẽ luôn tiếp tục vẽ, vì nó làm cô thích thú. Phải, ông Bankes nói, ông chắc rằng cô sẽ làm điều đó, và, khi họ đi tới đầu bãi cỏ, ông hỏi cô rằng cô có gặp khó khăn gì trong việc tìm kiếm những chủ đề ở London hay không. Họ quay lại và nhìn thấy vợ chồng Ramsay. Vậy đó là hôn nhân, Lily nghĩ, một người đàn ông và một

người đàn bà cùng nhìn một đứa bé gái ném bóng. Đó là cái mà bà Ramsay cố nói với mình đêm nọ, cô nghĩ. Vì bà ấy đang quàng một tấm khăn choàng xanh và cả hai đang đứng sát bên nhau quan sát Prue và Jasper chơi ném bắt bóng. Và đột ngột, chẳng vì lý do gì cả, có lẽ giống như khi họ đang bước ra khỏi xe điện ngầm hay rung một cái chuông, cúi xuống mọi người, biến họ thành biểu tượng, biến họ thành người đại diện, cái ý nghĩa ấy đã hiện ra ở họ, lúc này đang đứng và nhìn trong bóng tối, thành những biểu tượng của hôn nhân, chồng và vợ. Thế rồi, sau một khoảnh khắc, đường nét mang tính biểu tượng đã vượt quá những hình thù có thật chìm xuống lại, và họ trở thành, khi Lily và ông Bankes gặp họ, ông và bà Ramsay đang nhìn bọn trẻ chơi ném bóng. Tuy nhiên, trong một khoảnh khắc, dù bà Ramsay chào họ với nụ cười thường lệ (ồ, bà ấy đang nghĩ chúng tôi sẽ lấy nhau, Lily nghĩ bụng) và nói, “Tối nay tôi đã thắng,” có nghĩa là vì trước đó ông Bankes đã đồng ý ăn tối với họ chứ không bỏ về nơi trú ngụ của mình, nơi mà người đầu bếp của ông luộc rau theo đúng cách; tuy nhiên, trong một khoảnh khắc, có một cảm giác về những sự vật đã bị vỡ tung, về không gian, về sự vô trách nhiệm khi quả bóng vút lên cao, còn họ thì chạy theo nó và đánh mất nó và nhìn thấy một ngôi sao và những cành cây rũ xuống. Trong ánh sáng nhờ nhờ, đường nét của tất cả bọn họ nổi rõ lên, trông có vẻ siêu nhiên và tách biệt bởi khoảng cách lớn. Thế rồi, lao về phía sau trên khoảng không gian mênh mông đó (vì dường như thế trạng thái vững chắc đã tan biến hoàn toàn), Prue chạy hết tốc lực về phía họ và bắt lấy quả bóng sáng rực ở trên cao bằng bàn tay trái, và mẹ cô hỏi, “Chúng trở về chưa?” - tới đây trạng thái mê hoặc vỡ toang. Lúc này ông Ramsay cảm thấy có thể cười to thoải mái với ý nghĩ rằng Hume đã sa lầy và một người phụ nữ lớn tuổi đã cứu mạng ông ta với điều kiện ông ta phải cầu nguyện Chúa, và vừa cười thầm ông vừa lững thững bỏ đi với những suy tư trầm mặc của mình. Bà Ramsay đưa Prue trở lại với trò ném bóng mà cô vừa thoát ra và hỏi:

“Nancy có đi với họ không?”

(Tất nhiên, Nancy đã đi với họ, vì Minta Doyle đã đề nghị đi điều đó với ánh nhìn cam lạng và bàn tay chìa ra của mình khi Nancy rời khỏi căn gác mái của nó, sau bữa ăn trưa, để thoát khỏi sự kinh khủng của đời sống gia đình. Lúc ấy nó cho là nó phải đi. Nó không muốn đi. Nó không muốn bị lôi kéo vào tất cả những chuyện đó. Vì khi họ đi dọc con đường tới vách đá Minta vẫn tiếp tục nắm lấy tay nó. Vậy thì nó mặc kệ. Vậy thì nó đi với họ. Có phải đó là điều mình muốn hay không? Nancy tự hỏi. Dĩ nhiên, mọi người phải mong muốn một thứ gì đó; vì khi Minta nắm bàn tay nó và giữ chặt, Nancy đã, một cách miễn cưỡng, nhìn thấy toàn thế giới trải dài bên dưới mình, như thể đó là thành Constantinop được nhìn thấy qua một màn sương, và rồi, dù người ta có mặt nặng mặt nhẹ đến thế nào, người ta cũng cần phải hỏi, “Đó có phải là nhà thờ Santa Sofia?” “Đó có phải là chiếc sừng vàng?” Vì thế Nancy hỏi, khi Minta nắm tay nó. “Chị ta muốn gì vậy? Có phải điều đó hay không?” Và điều đó là gì? Đó đây, từ màn sương (khi Nancy nhìn xuống cuộc sống trải ra bên dưới nó) hiện ra một chóp đỉnh, một mái vòm; những thứ nổi bật, không tên. Nhưng khi Minta buông tay nó ra trong lúc họ đang chạy xuống sườn đồi, tất cả những thứ đó, mái vòm, chóp đỉnh, bất kể cái thứ đã hiện ra từ màn sương đó là gì, lại chìm khuất và biến mất. Minta, Andrew nhận xét, là một tay đi bộ rất khá. Cô mặc những thứ quần áo rất thực tế. Cô mặc những chiếc váy rất ngắn và những cái quần chần gối đen. Cô có thể nhảy ào xuống một con suối và lóp ngóp lội qua. Cậu thích sự táo bạo của cô, nhưng lại thấy điều đó không ích lợi gì - một hôm nào đó gần đây cô có thể tự giết mình theo một cách thức ngu ngốc nào đó. Dường như cô chẳng e sợ cái quái gì - ngoại trừ những con bò đực. Chỉ cần nhìn thấy một con bò đực trong một cánh đồng là cô sẽ vung tay tán loạn và vừa bỏ chạy vừa la hét, dĩ nhiên, đó chính là hành động khiến cho một con bò thêm hăng tiết. Nhưng cô không hề ngần ngại chút xíu nào khi thú nhận điều đó; người ta phải thừa nhận thế. Cô biết cô hèn nhát kinh khủng về những con bò đực, cô bảo. Cô nghĩ hẳn là cô đã từng bị tung lên trong chiếc xe nôi hồi còn là một em bé. Có vẻ như cô không hề bận tâm tới những gì mình nói hay làm. Đột nhiên lúc này cô khom xuống từ rìa vách đá và bắt đầu hát một bài ca nào đó,

Đồ chết tiệt, đồ quý tha ma bắt!

Tất cả bọn họ cùng cất tiếng đồng ca và hét lớn:

Đồ chết tiệt, đồ quý tha ma bắt,

nhưng việc thủy triều dâng lên và tràn ngập tất cả các khu vực săn bắt tốt trước khi họ xuống tới bãi biển đúng là một tai họa.

“Tai họa,” Paul đồng ý, nhảy cẫng lên và khi họ loạng choạng đi xuống, anh ta trích dẫn cuốn sách hướng dẫn về việc “những hòn đảo này được tán dương rất đúng về những phong cảnh trông như công viên và sự phong phú đa dạng của những kỳ hoa dị thảo vùng biển này”. Nhưng cái sự la hét và chửi toáng lên này chưa hoàn toàn đủ, Andrew cảm thấy thế, trong khi chọn lối đi xuống vách đá, cái sự vỗ lên vai cậu và gọi cậu là “anh bạn cũ”, và tất cả những chuyện đó; chưa hoàn toàn đủ. Việc đưa phụ nữ đi tản bộ là chuyện tệ hại nhất. Khi họ đã tách nhau ra ở bãi biển, cậu đi tiếp tới chỗ doi đất, tháo giày ra, nhét đôi tất vào đó và mặc cho cặp trai gái đó tự lo cho họ; Nancy lội ra những tảng đá riêng của nó và tìm kiếm những vùng nước của mình và cũng để cho cặp trai gái đó tự lo cho họ. Nó khom thấp xuống và chạm tay vào những bụi cỏ chân ngỗng êm ái như cao su, trông như những khối thạch bám vào cạnh của tảng đá. Vừa ngẫm nghĩ, nó vừa biến vùng nước thành biển cả và biến những con cá tuế thành lũ cá mập và cá voi, và gieo những bóng mây rộng lớn lên cái thế giới bé tí này bằng cách giơ tay lên ngăn ánh mặt trời, và bằng cách đó mang tới bóng tối và sự điều hui, như chính bản thân Thượng đế, cho hàng triệu sinh vật vô tư ngu dốt, rồi đột ngột đưa bàn tay ra xa để ánh mặt trời đổ xuống. Ngoài kia, trên những lượn cát xám chổng chéo lên nhau, những con thủy quái lạ lùng chân giơ cao, thân bọc sắt đang hiện ngang đi lại (nó vẫn đang mở rộng vùng nước) rồi trượt vào những vết nứt rộng của vách núi. Và rồi, kín đáo lướt mắt qua cái vùng, dừng lại trên cái đường nét chập chùng giữa trời và biển, với tất cả sức mạnh đang hung hãn quét vào rồi lại rút ra đó, nó như bị thôi miên, và hai nhận thức về sự mệnh mông kia và sự bé nhỏ này (cái vùng đang thu nhỏ lại) đang bung nở bên trong khiến nó cảm thấy như đã bị trói cả chân tay và không thể cử động bởi cường độ của những cảm giác mà lúc này đang giảm thiểu thân vóc của chính nó, cuộc sống của chính nó, cũng như cuộc sống của tất cả mọi người trên thế giới, thành sự hư vô, mãi mãi.

Cứ thế, vừa lắng nghe tiếng sóng, khom người bên trên vũng nước, nó vừa ngẫm nghĩ.

Và Andrew la lớn rằng biển đang tiến vào, vì thế nó nhảy tung tăng qua những lượn sóng nông để vào bờ, chạy ngược lên bãi biển, được mang đi bởi sự bốc đồng và niềm khao khát tốc độ cao, ra ngay phía sau một tảng đá và ở đó - ôi, trời! là Paul và Minta, trong vòng tay của nhau, đang hôn nhau, có lẽ. Nó tức tối, phẫn nộ. Nó và Andrew mang giày vớ vào trong sự im lặng chết người và không nói một lời nào về chuyện đó. Thật ra hai bên khá hiểu nhau. Nó có thể gọi cậu khi nhìn thấy một con tôm hay bất cứ thứ quái gì, Andrew lẩm bẩm. Tuy nhiên, cả hai cảm thấy, đây không phải là lỗi của tội mình. Chúng không muốn cái chuyện phiền toái kinh khủng này xảy ra. Cũng hết vậy, Andrew thấy bức mình vì Nancy sẽ trở thành một người phụ nữ, còn Nancy thì bức mình vì Andrew sẽ trở thành một người đàn ông. Chúng cột giày của mình rất gọn ghẽ và thắt nút giày thật chặt.

Chỉ tới khi họ đã trèo trở lại đến đỉnh vách đá Minta mới la lên rằng cô đã làm mất cái trâm cài đầu của bà mình - cái trâm cài của bà, vật trang sức duy nhất mà cô có - có hình một cành liễu rũ, nó được kết lại từ những hạt ngọc trai (chúng hẳn phải nhớ nó). Chúng hẳn đã từng trông thấy nó, cô nói, với những giọt nước mắt đầm đìa trên đôi má, cái trâm mà bà cô đã dùng để cài mũ của mình cho tới ngày cuối cuộc đời. Giờ thì cô đã đánh mất nó. Cô thà mất bất cứ thứ gì khác hơn là mất nó! Cô sẽ quay lại và tìm nó. Cả bọn quay trở lại. Họ sục sạo, tìm kiếm, ngó quanh. Họ cúi đầu thật thấp, và nói những câu ngắn ngủi, cộc lốc. Paul Rayley tìm kiếm như một gã điên quanh khắp tảng đá nơi họ đã ngồi. Toàn bộ những chuyện nặng nề về một cái trâm cài này thật sự chẳng ra làm sao cả, Andrew nghĩ, khi Paul bảo cậu tiến hành một “cuộc tìm kiếm cẩn thận giữa điểm này và điểm kia.” Thủy triều đang lên nhanh. Biển sẽ dâng ngập nơi họ đã ngồi trong vòng một phút nữa. Bây giờ thì chẳng có chút xíu cơ may nào để họ tìm ra nó. “Chúng ta sẽ bị đứt chân đứt tay!” Minta hét lên, đột nhiên thấy hoảng sợ. Như thể chuyện đó rất nguy nan! Một lần nữa, cái cảm giác này hết như đối với những con bò đực - chị ta chẳng có chút kiểm soát nào đối với các cảm xúc của mình, Andrew nghĩ. Phụ nữ không có. Anh chàng Paul khốn khổ đó phải giúp cho chị ta dịu

lại. Hai người đàn ông (ngay lập tức Andrew và Paul trở thành đàn ông và khác với ngày thường) hội ý vẫn tắt với nhau và quyết định rằng họ sẽ cắm cây gậy của Rayley tại nơi họ đã ngồi và sẽ quay lại khi thủy triều xuống thấp. Bây giờ thì chẳng thể làm gì hơn được. Nếu cái trâm có ở đó, nó vẫn sẽ ở đó vào buổi sáng, họ cam đoan với Minta, nhưng cô vẫn tiếp tục khóc thút thít suốt chặng đường quay trở lên vách đá. Đó là cái trâm của bà chị ta; chị ta thà mất bất cứ thứ gì khác còn hơn là mất nó, thế nhưng Nancy cảm thấy, có lẽ đúng là chị ta lưu tâm tới chuyện đánh mất cái trâm, nhưng chị ta không chỉ khóc vì điều đó. Chị ta đang khóc vì một điều gì khác. Có lẽ tất cả chúng ta nên ngồi xuống và khóc, nó cảm thấy thế. Nhưng nó không biết khóc để làm gì.

Họ tiến lại gần nhau, Paul và Minta, và anh an ủi cô, bảo rằng anh nổi tiếng về việc tìm ra những thứ bị thất lạc. Có một lần hồi còn là một đứa nhóc con anh đã tìm thấy một cái đồng hồ bằng vàng. Anh sẽ thức dậy vào rạng sáng và chắc chắn rằng anh sẽ tìm được nó. Với anh, dường như trời sẽ hoàn toàn tối, và anh sẽ ở trên bãi biển một mình, và vì lý do nào đó sẽ khá là nguy hiểm. Tuy vậy, anh bắt đầu nói với cô rằng anh chắc chắn sẽ tìm ra nó, và cô bảo rằng cô sẽ không nghe thấy anh thức giấc vào rạng sáng: nó đã mất, cô biết thế: cô đã có một linh cảm khi đeo nó lúc chiều. Và anh âm thầm quyết định rằng anh sẽ không nói với cô mà sẽ lên ra khỏi nhà vào rạng sáng trong lúc mọi người còn ngủ và nếu không tìm ra nó anh sẽ đi tới Edinburgh mua cho cô một cái trâm khác, cũng giống như thế nhưng đẹp hơn. Anh sẽ chứng minh anh có thể làm được những gì. Khi họ ra khỏi ngọn đồi và nhìn thấy những ánh đèn trong thị trấn bên dưới, những ánh đèn lần lượt hiện ra đột ngột đó dường như là những gì sẽ xảy ra đối với anh - cuộc hôn nhân của anh, lũ con của anh, ngôi nhà của anh; và một lần nữa anh thầm nghĩ, khi họ ra tới con đường lớn, bị che tối bởi những bụi cây cao, họ sẽ rút lui trở lại vào sự thanh vắng ra sao, và cứ đi, đi mãi, anh luôn luôn dẫn dắt cô, và cô nép sát bên anh (như lúc này đang nép sát). Khi họ quẹo ở chỗ ngã tư đường anh nghĩ anh đã có một trải nghiệm kinh khủng biết bao, và anh phải nói với một ai đó - tất nhiên là bà Ramsay, vì khi nghĩ tới những gì mình đã trải qua và thực hiện anh thấy muốn hụt hơi. Cái thời khắc tệ hại nhất đời anh, khi anh cầu hôn với Minta, đã trôi xa. Anh phải đi thẳng tới bà Ramsay, bởi lẽ, vì một lý do nào đó, anh cảm thấy chính bà là

người đã thôi thúc anh làm điều đó. Bà đã khiến cho anh nghĩ rằng anh có thể làm được bất cứ điều gì. Không có người nào khác nghiêm túc với anh hơn thế. Nhưng bà khiến cho anh tin rằng anh có thể làm được bất kỳ điều gì anh muốn. Anh cảm thấy đôi mắt của bà đặt lên mình suốt cả ngày hôm nay, đi theo anh khắp chốn (dù bà không hề nói một lời nào) như thể bà đang bảo, “Phải, cậu có thể làm điều đó. Tôi tin ở cậu. Tôi kỳ vọng điều đó ở cậu.” Bà đã khiến cho anh cảm thấy tất cả những thứ đó, và ngay sau khi về tới nhà (anh dõi mắt tìm những ánh đèn của ngôi nhà bên trên cái vịnh) anh sẽ tới gặp bà và nói, “Tôi đã làm điều đó, bà Ramsay ạ; nhờ ở bà.” Khi quẹo vào con đường dẫn tới nhà anh đã có thể nhìn thấy những ánh đèn chao động trong những khung cửa sổ tầng trên. Hẳn là họ đã về rất muộn. Mọi người đang sẵn sàng cho bữa ăn tối. Ngôi nhà đã thấp sáng đèn, và những ánh đèn phía sau bóng tối khiến anh thấy đôi mắt mình tràn ngập, và anh tự nói với chính mình, theo cách hơi trẻ con, khi bước lên con đường, Những ánh đèn, những ánh đèn, những ánh đèn, và lặp lại một cách bàng hoàng, Những ánh đèn, những ánh đèn, những ánh đèn, khi họ bước vào nhà và anh nhìn quanh mình với gương mặt hoàn toàn kiên quyết. Nhưng, lạ Chúa, anh tự nhủ, đưa tay lên chiếc cà vạt, mình không được tự biến mình thành một thằng ngốc.)

15.

“Vâng,” Prue nói, theo cái cách cân nhắc của cô, để đáp lại câu hỏi của mẹ cô, “Con nghĩ là Nancy đã đi với họ.”

16.

Vậy thì tốt, Nancy đã đi với chúng, bà Ramsay nghĩ, tự hỏi, khi bà đặt cái cọ xuống và cầm một cái lược lên, rồi nói “Mời vào,” khi có tiếng gõ cửa (Jasper và Rose vào), thực tế rằng Nancy đi với chúng có khiến cho khả năng một điều gì đó xảy ra nhiều hơn hay ít hơn hay không; nó khiến cho khả năng đó ít xảy ra hơn, bà Ramsay nghĩ, vì một lý do nào đó, rất vô lý, ngoại trừ rằng nói cho cùng tất cả những cái chết tập thể ở tầm mức đó

là không có khả năng. Chúng không thể bị chết đuối hết cả được. Và một lần nữa bà cảm thấy cô đơn trong sự hiện diện của đối thủ cũ của bà, cuộc sống.

Jasper và Rose bảo rằng Mildred muốn biết bà ta có cần đợi cho bữa ăn tối hay không.

“Không, đối với Nữ Hoàng Anh Quốc,” bà Ramsay nói một cách nhấn mạnh.

“Không, đối với Nữ Hoàng Mễ Tây Cơ”, bà nói thêm, cười to với Jasper; vì nó chia sẻ với thói xấu của mẹ nó: cả nó cũng hay phóng đại.

Và nếu Rose thích, bà nói, trong lúc Jasper đi chuyển bức thông điệp, có lẽ bà sẽ chọn những thứ nữ trang để đeo. Khi có tới mười lăm người dự bữa ăn tối, người ta không thể để mọi thứ phải chờ đợi mãi. Lúc này bà bắt đầu thấy bức mình với chúng về việc quá chậm trễ; chúng thật chẳng chú tâm chút nào, và điều làm bà bức nhứt là nỗi lo âu bồn chồn về chúng, về việc chúng chọn đúng ngay chính đêm nay để đi ra ngoài muộn, khi mà, thật vậy, bà mong muốn bữa tiệc sẽ rất đổi tuyệt vời, vì cuối cùng William Bankes cũng đã ưng thuận dùng bữa cùng với họ; và họ sẽ thưởng thức món ăn tuyệt diệu của Mildred - BOEUF EN DAUBE [thịt bò hầm]. Mọi chuyện tùy thuộc vào những thứ sắp được phục vụ vào chính xác thời điểm mà họ đã sẵn sàng. Thịt bò, lá nguyệt quế và rượu vang - tất cả phải được đưa lên một lượt. Không thể có chuyện phải chờ đợi. Thế nhưng, tất nhiên, đêm nay, trong tất cả các đêm, chúng lại ra ngoài đi dạo, và trở về muộn, và mọi thứ phải được sắp bày ra sẵn, mọi thứ phải được giữ cho nóng sốt; món BOEUF EN DAUBE sẽ bị hỏng hoàn toàn.

Jasper đưa cho bà một cái vòng cổ bằng ngọc mắt mèo; Rose thì chiếc vòng cổ bằng vàng. Thứ nào trông đẹp nhất trên chiếc váy đen của bà nhỉ? Thật ra thì tấm gương sẽ nói lên điều đó, ông Ramsay nói một cách lơ đãng, nhìn vào vai và cổ của bà (nhưng tránh nhìn vào mặt bà). Thế rồi, trong lúc lũ trẻ lục lọi trong số các thứ đồ trang sức của bà, bà nhìn ra cửa sổ vào một cảnh tượng luôn khiến cho bà thích thú - những con quạ

đang cố gắng quyết định sẽ đậu xuống cây nào. Cứ mỗi lần như thế, dường như chúng lại đổi ý và bay lên không trung trở lại, bởi vì, bà nghĩ, con quạ già, con quạ bố, Joseph già, cái tên mà bà đặt cho nó, là một con chim có tâm tính rất khó khăn và gắt gỏng. Nó là một con quạ già có thành tích bất hảo, với bộ lông cánh đã mất hết phân nửa. Nó giống như một quý ông lớn tuổi xác xơ với một cái mũ chóp cao mà bà từng trông thấy đang thối kèn co trước một tiệm rượu.

“Nhìn kia,” bà nói, cười lớn tiếng. Chúng đang đánh nhau thật sự. Joseph và Mary đang đánh nhau. Dù sao thì chúng cũng bay trở lên, và bầu không trung trở nên náo động bởi những đôi cánh đen của chúng và bị cắt thành những hình thanh đao tinh tế.

Chuyển động của những đôi cánh bung ra, bung ra, bung ra - bà không bao giờ có thể mô tả chính xác nỗi điều này để làm hài lòng bản thân mình - là một trong những thứ đáng yêu nhất đối với bà. Vừa nhìn vào đó, bà vừa nói với Rose, hy vọng nó có thể nhìn thấy rõ hơn bà. Vì lũ con cái thường hay thúc đẩy những nhận thức của người ta đi xa hơn.

Nhưng sẽ là món nào đây? Chúng đã mở bung tất cả những hộp đựng nữ trang của bà. Chiếc vòng vàng của Ý, hay là chiếc vòng ngọc mắt mèo mà cậu James đã mang từ Ấn Độ về cho bà; hay bà nên đeo chiếc vòng thạch anh tím của mình?

“Chọn đi, các con cưng, chọn đi,” bà nói, hy vọng chúng sẽ vội vàng lên.

Nhưng bà phải cho chúng thời gian để chọn lựa: đặc biệt, bà để cho Rose nhắc hết món này tới món kia lên, và ước các thứ nữ trang lên chiếc váy đen, vì cái nghi lễ chọn nữ trang bé nhỏ này, vốn phải được cử hành hàng đêm, là việc mà Rose thích nhất, bà biết. Bà có một lý do thầm kín của chính mình đối với việc gán một ý nghĩa quan trọng cho việc chọn món nữ trang mà mẹ bà sẽ đeo. Lý do đó là gì, bà Ramsay tự hỏi, vẫn đứng yên để nó cài chiếc vòng cổ mà nó đã chọn, trực cảm, thông qua quá khứ của chính bà, một cảm giác sâu thẳm, chôn giấu, hoàn toàn không thể diễn đạt bằng lời mà một đứa bé ở tuổi của Rose có đối với mẹ của mình. Giống như tất cả những cảm giác cảm nhận về chính mình, bà

Ramsay nghĩ, nó khiến cho người ta buồn bã. Thứ mà người ta có thể đáp lại thật vô cùng không tương xứng; và điều mà Rose cảm nhận hoàn toàn không thể sánh với bất kỳ cái gì mà nó thật sự là. Và Rose sẽ trưởng thành; và Rose sẽ khổ đau, bà cho là thế, với những cảm giác sâu sắc này, và bà bảo rằng bây giờ bà đã sẵn sàng, họ sẽ đi xuống dưới, vì Jasper là một quý ông, nó nên khuynh cánh tay ra cho bà, còn Rose, vì là một tiểu thư, nên mang theo chiếc khăn tay (bà trao cho nó chiếc khăn tay), còn gì khác không nhỉ? Ồ, phải, trời có thể lạnh: một tấm khăn choàng. Chọn cho mẹ một tấm khăn choàng, bà nói, vì điều đó sẽ làm hài lòng Rose, người sẽ gánh chịu khổ đau. “Kìa,” bà nói, dừng lại cạnh khung cửa sổ trên đầu cầu thang, “chúng lại trở về chỗ đó rồi.” Joseph đã đậu trên một ngọn cây khác. “Con nghĩ xem chúng có quan tâm tới việc cánh cửa chúng bị gãy không?” bà nói với Jasper. Tại sao nó lại bắn con quạ già Joseph và Mary tội nghiệp? Nó hơi lê chân một chút trên những bậc thang, và cảm thấy bị quở trách, nhưng không nghiêm trọng lắm, vì bà không hiểu niềm vui của việc bắn chim; và lũ chim cũng không cảm thấy; và vì là mẹ nó, bà sống xa cách ở một bờ cõi khác của thế gian, nhưng nó rất thích những câu chuyện của bà về Mary và Joseph. Bà làm cho nó cười vui. Nhưng làm thế nào bà biết được những con chim đó là Mary và Joseph? Bà có nghĩ là những con chim đó sẽ đậu ở cùng những ngọn cây vào mỗi đêm? nó hỏi. Nhưng tới đây, đột nhiên, như mọi người lớn khác, bà thôi không chú ý tới nó chút nào nữa. Bà đang lắng nghe tiếng lách cách trong sảnh lớn.

“Chúng đã quay về!” bà kêu lên, và ngay lập tức bà cảm thấy thêm bực bội chúng chứ không hề thấy nhẹ nhõm. Rồi bà tự hỏi, chuyện đó có xảy ra hay không? Bà sẽ đi xuống và chúng sẽ trả lời - nhưng không. Chúng không thể nói với bà bất cứ điều gì khi có tất cả mọi người ở xung quanh. Vì thế bà phải đi xuống và bắt đầu bữa tiệc và chờ đợi. Và, giống như một nữ hoàng, nhận thấy thần dân của mình đã tập trung trong sảnh, nhìn xuống họ, cúi xuống họ, lặng lẽ ghi nhận lòng thành kính của họ, chấp nhận lòng tôn kính và tận tụy của họ ở trước mặt bà (Paul không nhúc nhích một cơ bắp nào mà chỉ nhìn thẳng về phía trước khi bà đi ngang qua); bà đi xuống và băng ngang qua sảnh, hơi nhẹ cúi đầu chào, như thể bà chấp nhận điều mà họ không thể nói: sự tôn kính của họ đối với vẻ đẹp của bà.

Nhưng bà dừng lại. Có một mùi khen khét. Có khi nào họ đã nấu quá lửa món thịt bò hầm? bà tự hỏi, cầu trời là không! Khi tiếng cồng lanh lảnh thông báo một cách nghiêm trang, đầy thẩm quyền rằng tất cả những ai đang rải rác quanh nhà, trong những tầng áp mái, trong những phòng ngủ, trong những chốn trú ngụ bé nhỏ của riêng họ, đang đọc, đang viết, đang vuốt mượt lần cuối mái tóc của mình, hay đang thắt dây những chiếc váy, phải rời bỏ tất cả những việc đó cùng những thứ đồ lặt vặt trên những bàn rửa chén, những bàn trang điểm, và những cuốn tiểu thuyết trên những bàn đầu giường ngủ, và những cuốn nhật ký rất riêng tư, để tụ họp lại tại phòng khách cho bữa ăn tối.

17.

Nhưng mình đã làm gì với cuộc đời mình? Bà Ramsay nghĩ, ngồi vào chỗ của mình ở đầu bàn, và nhìn lướt qua tất cả những chiếc đĩa tạo thành những vòng tròn màu trắng trên bàn. “William, ngồi cạnh tôi,” bà nói. “Lily, bà một nhóc nói, “ở đằng kia.” Họ có thứ đó - Paul Rayley và Minta - còn bà, chỉ có thứ này - một cái bàn dài vô tận và những đĩa, những dao ăn. Ở đầu kia bàn là chồng bà, đang ngồi xuống, thừ người ra, trán cau lại. Vì cái gì? Bà không biết. Bà không quan tâm. Bà không thể hiểu làm thế nào bà lại từng cảm thấy một tình cảm hay sự yêu mến nào đối với ông. Bà có một cảm giác về việc lướt qua mọi thứ, đi xuyên qua mọi thứ, vượt ra khỏi mọi thứ, khi bà giúp phục vụ món xúp, như thể có một xoáy nước - ở đó - và người ta có thể ở bên trong nó, hoặc có thể ở phía ngoài nó, và bà đang ở bên ngoài nó. Tất cả đang đi tới một kết thúc, bà nghĩ, trong khi họ nối nhau bước vào, Charles Tansley - “xin mời ngồi ở kia,” bà nói - Augustus Carmichael - và ngồi xuống. Và trong lúc đó bà chờ đợi, một cách thụ động, sẽ có một ai đó trả lời bà, sẽ có một điều gì đó sắp xảy ra. Nhưng việc múc xúp ra đĩa không phải là thứ chuyện mà người ta nói, bà nghĩ.

Nhưng mà nhìn vào sự khác biệt - đó là điều mà bà đang suy nghĩ; múc xúp ra đĩa - đây là điều mà bà đang thực hiện; bà cảm thấy, ngày càng mạnh mẽ hơn, mình ở phía ngoài cái xoáy nước đó; hoặc như thể một

bóng tối đã buông xuống, và màu sắc đã bị tước mất, bà nhìn mọi sự vật với ánh mắt xác thực. Căn phòng (bà nhìn quanh) rất tồi tàn. Chẳng có vẻ đẹp ở bất kỳ chỗ nào. Bà nhìn Tansley. Dường như chẳng có gì là hòa hợp. Tất cả bọn họ ngồi cách biệt nhau. Và toàn bộ nỗ lực để hợp nhất, lưu thông và sáng tạo đều đặt lên bà. Một lần nữa bà cảm thấy, như là một thực tế chứ không có chút thù địch nào, sự cần cỗi vô dụng của những người đàn ông, vì nếu bà không làm điều đó thì chẳng có ai làm cả, và thế là, bà tự lắc khế chính mình như một người lắc khế một chiếc đồng hồ đã dừng chạy, cái nhịp cũ kỹ quen thuộc bắt đầu đập, như chiếc đồng hồ bắt đầu kêu tích tắc - một, hai, ba, một, hai, ba. Và cứ thế, và cứ thế, bà lặp lại, lắng nghe nó, che chở và nuôi dưỡng cái nhịp đập mong manh lặng lẽ đó như người ta che chở một ngọn lửa yếu ớt bằng một tờ nhật báo. Và thế đấy, bà kết luận, tỏ ra chú tâm bằng cách lặng lẽ nghiêng người về phía William Bankes - con người tội nghiệp! kẻ không vợ không con và ăn tối một mình trong những căn nhà trọ ngoại trừ tối hôm nay; và trong niềm thương xót dành cho ông ta, bản chất cuộc sống giờ đây đủ mạnh mẽ để gánh vác bà lần nữa, bà khởi đầu tất cả mọi việc này, như một thủy thủ, không phải là không mệt mỏi, nhìn cơn gió căng lộng cánh buồm của anh ta, nhưng hầu như vẫn mong muốn được ra khơi lần nữa và nghĩ tới việc nếu con tàu bị đắm, anh ta sẽ bị cuốn tròn, cuốn tròn mãi và được tìm thấy nằm nghỉ ngơi trên đáy biển như thế nào.

“Ông có tìm thấy mấy lá thư của mình không? Tôi đã bảo lũ trẻ đặt chúng trong sảnh cho ông,” bà nói với William Bankes.

Lily Briscoe quan sát bà trôi giạt vào vùng đất lạ không người nơi mà việc dõi theo mọi người là bất khả thể nhưng họ tiếp tục trút một gáo nước lạnh vào những người đang quan sát họ rằng ít nhất họ luôn cố gắng dõi mắt theo những người đó như thể một người dõi theo một con tàu đang nhòa dần cho tới khi những cánh buồm đã chìm xuống dưới chân trời.

Trông bà già nua làm sao, trông bà tiều tụy làm sao, và xa vắng làm sao, Lily nghĩ. Rồi khi bà quay sang William Bankes, mỉm cười, trông như thể con tàu đã quay trở lại và văng dưng lại tỏa sáng những cánh buồm của

nó, và Lily nghĩ bụng với một niềm thích thú vì bà đã bớt căng thẳng, Vì sao bà lại thương hại ông ta? Vì đó chính là ấn tượng mà bà tạo nên, khi bà nói với ông ta rằng những lá thư của ông ta đã được mang vào sảnh. William Bankes khốn khổ, như thế bà đang nói, như thế sự mệt mỏi của chính bà phần nào đó là do sự thương hại mọi người, và sự sống trong bà, sự quyết tâm sống trở lại của bà, đã bị khuấy động lên bởi lòng thương hại. Và điều này không đúng, Lily nghĩ; đó là một trong những phán đoán sai lầm của bà, nó dường như mang tính bản năng và phát sinh từ một nhu cầu nào đó của chính bà hơn là của những người khác. Ông ta chẳng đáng thương chút nào hết. Ông ta có công việc của mình, Lily tự nhủ. Đột nhiên cô nhớ ra, như thể vừa tìm ra một kho báu, rằng cô cũng có công việc của mình. Trong một khoảnh khắc nhanh như chớp cô nhìn thấy bức tranh của mình, và nghĩ bụng, Phải, mình sẽ đặt cái cây ra xa hơn về phía chính giữa; khi đó mình sẽ tránh được khoảng trống vụng về đó. Đó chính là điều mình sẽ làm. Đó chính là cái đã khiến cho mình lúng túng. Cô nhắc lọ muối lên rồi đặt nó xuống lại trên một hình mẫu bông hoa trên tấm khăn trải bàn, như để tự nhắc nhở mình về việc dời chỗ cái cây.

“Thật kỳ lạ khi người ta hiếm khi nhận được thứ gì đáng giá từ bưu điện, thế nhưng người ta luôn mong muốn nhận được những lá thư,” ông Bankes nói.

Họ nói toàn chuyện vớ vẩn, Charles Tansley nghĩ, đặt cái muỗng vào ngay giữa đĩa đã hết sạch thức ăn của mình, như thế, Lily nghĩ (anh ta ngồi đối diện với cô và quay lưng về phía cửa sổ, đúng ngay chính giữa tầm nhìn), anh ta muốn chắc chắn về bữa ăn của mình. Mọi thứ quanh anh ta đều có cái vẻ ổn định đậm bạc đó, cái vẻ vô duyên trần trụi đó. Nhưng dù sao đi nữa, thực tế này vẫn tồn tại, rằng người ta không thể ghét bỏ bất kỳ một người nào nếu nhìn họ. Cô thích đôi mắt của anh ta; chúng có màu xanh biển, sâu thẳm, đáng sợ.

“Anh viết nhiều thư không, anh Tansley?” bà Ramsay hỏi, tỏ vẻ thương hại cả anh ta nữa, Lily cho là vậy; vì với bà Ramsay thì đúng là như thế - bà luôn thương hại lũ đàn ông như thế họ thiếu một thứ gì đó - còn đối với bọn đàn bà thì không bao giờ, như thế họ có một thứ gì đó. Anh đã

viết cho mẹ anh; ngoài ra anh không nghĩ rằng anh sẽ viết mỗi tháng một lá thư, Tansley nói ngắn gọn.

Vì anh sẽ không nói thứ chuyện vợ vẫn mang tính chiếu cố của những người đàn bà gốc nghệch này. Anh vừa đọc sách trong phòng mình, và giờ đây anh đi xuống và dường như đối với anh tất cả những chuyện này đều gốc nghệch, giả tạo, nông cạn. Vì sao họ phải mặc lễ phục? Anh chỉ xuống đây trong bộ quần áo bình thường của mình. Anh chẳng có một bộ đồ vía nào cả. “Người ta không bao giờ nhận được thứ gì đáng giá từ bưu điện” - đó là thứ chuyện mà họ luôn nói tới. Họ khiến cho những người đàn ông phải nói thứ chuyện đó. Phải, đúng là như thế, anh nghĩ. Họ không bao giờ nhận được thứ gì đáng giá từ năm này sang năm khác. Họ chẳng làm gì ngoài việc nói, nói, nói, ăn, ăn, ăn. Đó là điểm khiếm khuyết của những người đàn bà. Những người đàn bà làm cho nền văn minh trở nên bất khả thi với tất cả những vẻ “yêu kiều” của họ, tất cả những điều gốc nghệch của họ.

“Ngày mai sẽ không đi ra ngọn hải đăng được đâu, bà Ramsay,” anh nói, tự khẳng định bản thân. Anh thích bà; anh ngưỡng mộ bà; anh vẫn hay nghĩ tới người đàn ông đứng trong rãnh nước đã ngẩng lên nhìn bà; nhưng anh cảm thấy cần phải khẳng định bản thân.

Anh ta nói thật, Lily Briscoe nghĩ, bất kể đôi mắt của anh ta, nhưng rồi khi nhìn vào mũi của anh ta, đôi bàn tay của anh ta, cô thấy đây là con người ít quyến rũ nhất mà cô từng gặp. Vậy thì vì sao cô phải quan tâm tới những gì anh ta nói? Đàn bà không thể viết, đàn bà không thể vẽ - những gì xuất phát từ anh ta có gì là quan trọng, vì rõ ràng điều đó là không đúng đối với anh ta nhưng vì một nguyên nhân nào đó lại có lợi cho anh ta, và đó chính là lý do vì sao anh ta nói thế? Vì sao toàn bộ con người cô đã ngã rạp xuống, như một ngọn bắp dưới một cơn gió, và chỉ có thể vươn thẳng trở lại từ nỗi ô nhục này với một nỗ lực lớn lao và khá là đau đớn? Cô phải thực hiện nó thêm một lần nữa. Có cái chổi cây trên tấm khăn trải bàn; Có bức tranh của mình; Mình phải dời cái cây vào giữa; đó là điều quan trọng - không điều gì khác nữa. Cô có thể không thực hiện ngay điều đó mà không nôn nóng và không gây gổ hay không, cô tự hỏi; và cô có muốn trả thù bằng cách chế nhạo anh ta hay không?

“Ồ, anh Tansley,” cô nói, “hãy đưa tôi ra ngọn hải đăng với anh nhé. Tôi thích như thế.”

Anh có thể thấy cô ta đang nói dối. Cô ta đang nói một điều không nằm trong ý định của mình để chọc tức anh, vì một lý do nào đó. Cô ta đang chế nhạo anh. Anh mặc cái quần vải flannel cũ của mình. Anh chẳng có cái nào khác. Anh cảm thấy mình rất thô lỗ, đơn độc, lẻ loi. Anh biết rằng cô ta đang chế nhạo anh vì một lý do nào đó; cô ta không hề muốn đi ra ngọn hải đăng với anh; cô ta coi thường anh; Prue Ramsay cũng vậy; tất cả bọn họ cũng vậy. Nhưng anh sẽ không bị biến thành một gã ngốc bởi những mụ đàn bà, vì thế anh cố tình xoay cái ghế, nhìn ra phía cửa sổ và nói, rất giật cục, thô lỗ, rằng ngày mai sẽ rất gian nan cho cô. Cô sẽ bị ốm.

Điều khiến anh bức tức là cô ta đã buộc anh phải nói như thế, với sự lắng nghe của bà Ramsay. Giá mà anh có thể yên thân một mình làm việc trong căn phòng của mình, giữa những cuốn sách, anh nghĩ thầm. Đó là nơi mà anh thấy thoải mái nhất. Và anh chưa bao giờ vay nợ một xu nào; anh chưa hề làm cho cha anh phải tốn xu nào từ năm mười lăm tuổi; anh đã trợ giúp những người nhà từ tiền dành dụm của mình; anh đã dạy em gái anh học. Tuy nhiên, anh ước giá mà mình biết cách trả lời Lily một cách đúng mực; anh ước giá mà mình không thốt ra câu đó một cách giật cục như thế. “Cô sẽ bị ốm.” Anh ước gì mình có thể nghĩ ra một điều gì đó để nói với bà Ramsay, một điều gì đó có thể chỉ ra cho bà thấy rằng anh không chỉ là một nhánh cây khô. Đó là điều mà tất cả bọn họ nghĩ về anh. Anh quay về phía bà. Nhưng bà Ramsay đang nói chuyện với William Bankes về những người mà anh chưa bao giờ nghe nói tới.

“Vâng, hãy dẹp thứ này đi,” bà nói vắn tắt, cắt ngang điều mà bà đang nói với William Bankes để nói với người hầu gái. “Lần cuối tôi gặp bà ấy hẳn phải cách nay đến mười lăm, hai mươi năm,” bà nói, quay trở lại phía ông như thể bà không thể đánh mất một giây phút nào trong cuộc chuyện trò giữa họ, vì bà đang đắm chìm vào những điều họ đang nói. Thế là đêm nay ông ấy đã thật sự nghe thấy từ bà! Và Carrie có còn sống ở Marlow không, mọi thứ có còn như cũ hay không? Ôi, bà có thể nhớ mọi chuyện như thể nó vừa xảy ra hôm qua - đi trên bờ sông, cảm thấy rất

lạnh. Nhưng nếu gia đình Mannings đã lên một kế hoạch thì họ sẽ thực hiện tới cùng. Bà không bao giờ quên việc Herbert giết một con tò vò bằng một cái muỗng cà phê trên bờ sông! Và nó vẫn tiếp diễn, bà Ramsay trầm tư, lướt qua như một bóng ma giữa những bàn ghế của căn phòng khách trên bờ sông Thames đó, nơi cách đây hai mươi năm bà đã cảm thấy rất lạnh; nhưng giờ thì bà đi giữa chúng như một bóng ma; và nó mê hoặc bà, như thế, trong khi bà đã thay đổi, cái ngày cụ thể ấy, giờ đây trở nên rất tĩnh lặng và xinh đẹp, vẫn còn ở đó, trong suốt bao nhiêu năm qua. Carrie có viết thư cho ông không? bà hỏi.

“Có. Bà ấy bảo họ đang xây một phòng chơi bi-a mới,” ông nói. Không! Không! Điều đó nằm ngoài vấn đề! Xây một phòng bi-a mới! Với bà, dường như chuyện đó không thể xảy ra.

Ông Bankes không thể hiểu có gì khác thường về điều đó. Giờ đây họ đã ở rất xa. Ông có nên trao tình yêu của bà ấy cho Carrie không?

“Ồ,” bà Ramsay nói với một cái giật mình khe khẽ, “Không,” bà nói thêm, ngẫm lại rằng bà đâu có biết bà Carrie, người đã xây một phòng bi-a mới. Nhưng lạ lùng biết bao, bà lặp lại, với sự thích thú của ông Bankes, nếu như họ vẫn tiếp tục ở đó một cách lặng lẽ. Vì thật là khác thường nếu nghĩ rằng họ có thể tiếp tục sống suốt bao nhiêu năm qua khi bà không hề nghĩ tới họ hơn một lần suốt quãng thời gian đó. Cuộc đời của chính bà đã có biết bao sự kiện trong cùng những năm tháng đó. Thế nhưng có lẽ Carrie Wanning cũng không nghĩ tới bà. Ý nghĩ này thật lạ lùng và khó chịu.

“Chẳng bao lâu mọi người đều tứ tán mỗi kẻ một phương,” ông Bankes nói, tuy nhiên ông lại cảm thấy hài lòng khi nghĩ rằng nói cho cùng ông biết cả gia đình Mannings lẫn gia đình Ramsay. Ông không hề trôi giạt, ông nghĩ, đặt cái muỗng xuống và chùi đôi môi đã cạo sạch râu một cách kỹ lưỡng. Nhưng có lẽ ông khá khác thường về điều này, ông nghĩ; ông chưa bao giờ cho phép bản thân rơi vào một nếp sống mòn. Ông có bạn bè trong mọi giới... tới đây bà Ramsay phá vỡ suy nghĩ của ông khi nói với người hầu gái một đôi câu về việc giữ nóng thức ăn. Đó là lý do vì sao ông thích ăn tối một mình hơn. Tất cả những vụn vặt ngang này làm

ông thấy bức mình. Thôi được, William Bankes nghĩ, vẫn duy trì thái độ cực kỳ lịch sự và chỉ duỗi những ngón tay trái của mình ra trên tấm khăn trải bàn như một người thợ máy kiểm tra một món dụng cụ đã được lau chùi bóng loáng và sẵn sàng cho việc sử dụng trong lúc rảnh rỗi, những thái độ như thế là những sự hy sinh mà bạn hữu của một người đòi hỏi ở anh ta. Nếu ông khước từ không tới, ông sẽ làm tổn thương bà ấy. Nhưng việc này không đáng để ông phải bỏ công. Vừa nhìn bàn tay mình, ông vừa nghĩ rằng giá như ông ăn tối một mình, lúc này mọi chuyện đã xong xuôi; ông sẽ được tự do để làm việc. Phải, ông nghĩ, đây đúng là một sự lãng phí thời gian khủng khiếp. Lũ trẻ đang lặng thinh. “Mẹ ước gì một đứa trong số các con sẽ chạy lên phòng của Roger,” bà Ramsay đang nói. Tất cả những chuyện này thật là vật vãnh, tất cả những chuyện này thật đáng chán, ông nghĩ, so sánh với một thứ khác - công việc. Ông phải ngồi ở đây gõ những ngón tay lên tấm khăn trải bàn khi lẽ ra ông đã có thể - ông điếm lại công việc của mình với cái nhìn trong chớp mắt của một con chim. Chắc chắn là tất cả những thứ này thật lãng phí thời gian! Phải, ông nghĩ, bà ấy là một trong những người bạn lâu năm nhất của mình. Mình đang dành thời gian cho bà ấy. Thế nhưng giờ đây, vào khoảnh khắc này, sự hiện diện của bà ấy đối với ông tuyệt đối không là gì cả: vẻ đẹp của bà ấy chẳng có ý nghĩa gì đối với ông; việc bà ngồi với đứa con trai bé bỏng ở chỗ cửa sổ - chẳng có ý nghĩa gì, chẳng có ý nghĩa gì. Ông chỉ ao ước được ở một mình và cầm cuốn sách đó lên. Ông cảm thấy khó chịu; ông cảm thấy mình phụ bạc khi ngồi bên cạnh bà ấy mà chẳng có cảm giác gì đối với bà ấy. Sự thật là ông không thích cuộc sống gia đình. Chính trong trạng thái này mà người ta phải tự hỏi mình, Người ta sống là vì cái gì? Vì sao, người ta tự hỏi mình, người ta lại phải gánh chịu mọi đau thương này để dòng giống loài người tiếp diễn? Điều đó có rất đáng ao ước hay không? Chúng ta có hấp dẫn không với tư cách là một loài? Không hấp dẫn cho lắm, ông nghĩ, nhìn vào những đứa con trai khá lôi thôi. Cam, con bé ông ưa thích nhất đã đi ngủ, ông cho là thế. Những câu hỏi ngốc nghếch, những câu hỏi rỗng tuếch, những câu hỏi mà người ta không bao giờ đưa ra nếu người ta đang bận tâm suy nghĩ. Đây có phải là cuộc sống của con người? Kia có phải là cuộc sống của con người? Người ta chẳng bao giờ có thời gian để suy nghĩ về nó. Nhưng ông đang ngồi đây tự hỏi mình cái loại câu hỏi đó, vì bà Ramsay đang đưa ra những chỉ thị cho những người giúp việc, và cũng vì ông thấy

bị sốc khi nghĩ rằng bà Ramsay đã ngạc nhiên đến mức nào về việc Carrie Manning vẫn còn tồn tại, rằng những tình bằng hữu, ngay cả những tình bạn chí thân nhất, cũng chỉ là những điều mong manh tạm bợ. Người ta trôi giạt cách xa. Ông lại tự khiển trách mình. Ông đang ngồi cạnh bà Ramsay và ông chẳng có thứ quái gì trên đời để nói với bà ấy.

“Cho tôi xin lỗi,” bà Ramsay nói, cuối cùng cũng quay lại với ông. Ông cảm thấy mình cứng ngắc và khô khan, như một đôi ủng đã bị nhúng nước và đem phơi khô đến mức bạn gần như không thể dứt chân vào được. Thế nhưng ông buộc phải ấn bằng được đôi bàn chân của mình vào chúng. Ông phải tự ép buộc bản thân trò chuyện. Trừ phi ông rất cẩn trọng, bà ấy sẽ phát hiện ra sự phụ bạc này của ông; rằng ông chẳng mấy may quan tâm gì tới bà ấy, và điều đó chẳng thú vị chút nào, ông nghĩ. Thế là ông nhả nhận nghiêng đầu về phía bà.

“Hắn ông phải ghét việc ăn tối trong cái vườn nhỏ này biết bao,” bà nói, sử dụng cung cách xã giao của mình, như bà vẫn hay làm những khi bị rối trí. Cũng giống như khi có một cuộc cãi cọ trong một buổi họp nào đó, để duy trì tình đoàn kết, vị chủ tọa sẽ đề nghị rằng mọi người nên phát biểu bằng tiếng Pháp. Có lẽ đây là thứ tiếng Pháp tồi; thứ tiếng Pháp không bao gồm những từ ngữ diễn tả được tư tưởng của người phát biểu; dù sao thì việc nói tiếng Pháp cũng bao hàm một thứ mệnh lệnh, một tính chất đồng nhất nào đó. Đáp lại bà với cùng một ngôn ngữ, ông Bankes nói, “Không, không hề có việc đó,” và Tansley, kẻ không có kiến thức nào về thứ ngôn ngữ này, ngay cả khi nói bằng những từ đơn âm, ngay lập tức nghi ngờ về sự chân thành của nó. Họ chuyên nói những điều phi lý, cái gia đình Ramsay này, anh nghĩ; và anh chớp ngay lấy cơ hội tươi rói này với sự hân hoan, ghi nó lại để một hôm nào đó trong những ngày này anh sẽ đọc toáng lên với một hai người bạn. Ở đó, trong một xã hội nơi người ta có thể nói ra thứ mà người ta thích, anh ta sẽ diễn tả một cách mỉa mai việc “sống với gia đình Ramsay và những điều phi lý họ đã nói”. Cũng đáng để thực hiện điều đó một lần, có thể nói thế; nhưng không lặp lại thêm lần nữa. Những người đàn bà làm người ta chán chết, anh sẽ nói thế. Dĩ nhiên ông Ramsay là kẻ “mèo mù vớ cá rán” khi cưới được một bà vợ xinh đẹp và có tám đứa con. Nó sẽ tự định hình nó theo cách nào đó, nhưng bây giờ, ngay lúc này, ngồi dính chặt ở đó với một ghế

trống cạnh mình, chẳng có gì tự định hình nó cả. Tất cả chỉ là những mảnh, những phần rời rạc. Anh cảm thấy cực kỳ khó chịu, ngay cả về mặt thể chất. Anh muốn ai đó cho anh một cơ hội để tự khẳng định bản thân. Anh muốn điều đó một cách khẩn thiết đến nỗi anh ngồi bần chôn không yên trong chiếc ghế, nhìn người này, ngó người kia, cố xen vào câu chuyện của họ, há mồm ra rồi lại ngậm mồm vào. Họ đang nói về nghề đánh cá. Vì sao không có ai hỏi ý kiến của anh? Họ thì biết gì về nghề đánh cá?

Lily Biricoe biết tất cả những điều đó. Ngồi đối diện với anh ta, làm sao cô có thể không nhìn thấy, như trong một tấm ảnh X quang, những xương sườn và xương ống chân của niềm khao khát gây ấn tượng của một thanh niên đang nằm khuất giữa lớp thịt của anh ta - cái màn sương mỏng mà truyền thống đã trải lên trên niềm khát khao cháy bỏng được xen vào cuộc trò chuyện của anh ta? Nhưng, cô nghĩ, đảo tròn đôi mắt Trung Hoa của mình, và nhớ lại anh ta đã nhạo báng những người phụ nữ ra sao, “không thể vẽ, không thể viết,” tại sao mình lại phải giúp anh ta giảm đi căng thẳng chứ?

Cô biết có một quy tắc đạo lý, mà điều thứ bảy trong số đó (có lẽ thế) nói rằng trong những trường hợp như thế này người phụ nữ, bất kể nghề nghiệp của cô ta là gì, có trách nhiệm đi tới và giúp đỡ cho chàng thanh niên đó, để anh ta có thể phơi bày và giải thoát cho những chiếc xương của lòng tự cao tự đại của anh ta, của niềm khát khao khẩn thiết được khẳng định bản thân của anh ta; vì thật sự việc giúp đỡ chúng ta mới chính là bổn phận của họ, nếu giả sử như chiếc tàu điện ngầm bị bốc cháy, cô ngẫm nghĩ, với sự công bằng của một phụ nữ luống tuổi còn trong trắng. Rồi cô lại nghĩ, hẳn nhiên mình chỉ nên mong rằng Tansley sẽ tổng cổ mình đi. Nhưng sẽ ra sao, cô nghĩ, nếu không ai trong chúng tôi chịu làm những việc này? Thế là cô ngồi đó, mỉm cười.

“Cô không định đi ra ngọn hải đăng đấy chứ, Lily?” bà Ramsay nói. “Tôi nhớ anh Langley tội nghiệp; anh ta đã đi vòng quanh thế giới hàng chục lần, nhưng anh ta bảo tôi anh ta chưa bao giờ đau khổ như khi chồng tôi đưa anh ta ra đó. Anh có phải là một thủy thủ giỏi không hở, anh Tansley?” bà hỏi.

Tansley giơ một cái búa lên: vung nó trong không khí; nhưng nhận ra, khi nó đã hạ xuống, rằng anh không thể đập con bướm đó với một dụng cụ như thế này, chỉ nói rằng anh ta chưa bao giờ ốm đau gì cả trong đời. Nhưng chỉ trong một câu nói đó đã cô nén hàm ý, như thuốc súng, rằng ông của anh là một ngư dân, cha của anh là một người bán dược phẩm; rằng anh hoàn toàn tự mình lập thân; rằng anh tự hào về điều đó; nhưng một ngày nào đó gần đây mọi người sẽ biết về nó. Anh quắc mắt nhìn ra phía trước. Gần như anh có thể thương hại cho những kẻ có học thức mỏng manh này, những kẻ sẽ bị thổi tung lên bầu trời cao, như những kiện len và những thùng táo bởi thứ thuốc súng nằm trong người anh, một ngày nào đó gần đây.

“Anh sẽ đưa tôi đi chứ, anh Tansley?” Lily nói, nhanh, chân thành, bởi lẽ, dĩ nhiên, nếu bà Ramsay nói với cô, như thực ra bà đã làm, “Bạn thân mến, tôi đang chìm vào những biển lửa. Trừ phi cô dùng thứ dầu xoa nào đó cho nổi thống khổ trong giờ khắc này và nói một câu gì đó tốt đẹp với người thanh niên đó, cuộc đời sẽ trở nên vô vàn khó khăn - thật sự tôi đang nghe thấy tiếng thét gào ngay ở phút này. Những dây thần kinh của tôi đang căng lên như những sợi dây đàn. Chỉ một cái chạm nữa thôi nó sẽ đứt tung” - khi bà Ramsay nói tất cả những điều này, như nhãn quan của bà đã nói lên, dĩ nhiên Lily sẵn sàng từ bỏ dù cả trăm vạn lần cuộc thử nghiệm này - điều gì sẽ xảy ra nếu người ta không tốt với gã thanh niên ngồi đó - và tỏ ra tốt bụng.

Đánh giá một cách đúng đắn sự xoay chuyển trong tâm trạng của cô - rằng giờ đây cô tỏ ra thân thiện với anh - anh vượt thoát khỏi sự ích kỷ của mình và bảo với cô hồi còn bé anh đã từng bị văng ra khỏi một chiếc thuyền như thế nào; cha anh đã kéo anh lên với một cái sào như thế nào; đó là cách mà anh đã học bơi. Một trong những ông chú của anh gác hải đăng trên một hòn đá ngoài khơi biển Tô Cách Lan, anh nói. Anh đã từng ở đó với ông ta trong một cơn bão. Anh nói to điều này trong một khoảnh khắc mọi người tạm dừng. Họ phải lắng nghe anh khi anh nói rằng anh đã ở đó, trong một ngọn hải đăng, trong một cơn bão. A, Lily Briscoe nghĩ, khi cuộc đàm luận đã chuyển sang chiều hướng tốt đẹp, và cô cảm nhận được lòng biết ơn của bà Ramsay (vì lúc này bà Ramsay được tự do

trò chuyện một lúc cho chính mình), a, cô nghĩ, nhưng tôi đã không trả cái gì khi làm điều đó cho bà? Cô đã không thành thật.

Cô đã thực hiện trò lừa thường lệ - tỏ ra tốt bụng. Cô sẽ chẳng bao giờ biết được anh ta. Anh ta sẽ không bao giờ biết được cô. Tất cả những mối quan hệ người và người đều như thế cả, cô nghĩ, và mối quan hệ tệ hại nhất (nếu không phải đối với ông Bankes) là giữa đàn ông và đàn bà. Những mối quan hệ này không thể tránh khỏi cực kỳ giả dối, cô nghĩ. Rồi ánh mắt cô bắt gặp cái lọ muối mà cô đã đặt ở đó để nhắc nhở cô, và cô nhớ rằng sáng mai cô sẽ dời cái cây ra xa hơn vào chính giữa, và tinh thần cô phấn chấn với ý nghĩ về việc vẽ tranh vào ngày mai đến mức cô cười phá lên với điều Tansley đang nói. Cứ để cho anh ta nói suốt đêm tùy thích.

“Nhưng người ta phải người tới canh một ngọn hải đăng trong bao lâu?” cô hỏi. Anh ta bảo cho cô biết. Anh ta hiểu biết nhiều một cách đáng ngạc nhiên. Và vì anh ta thấy biết ơn, vì anh ta thích cô, và vì anh ta bắt đầu thấy thú vị, bà Ramsay nghĩ bụng, giờ đây bà có thể quay trở lại với cõi mơ đó, nơi chốn không có thật nhưng rất thú vị đó, căn phòng khách của gia đình Manning hai mươi năm trước; nơi người ta đi lại với nhau mà không ghét bỏ hay bồn chồn lo lắng, vì không có tương lai nào để lo âu cả. Bà biết điều gì đã xảy ra với họ, điều gì đã xảy ra với bà. Nó cũng giống như việc đọc lại một quyển sách hay, vì bà đã biết kết cục của câu chuyện đó, vì nó đã xảy ra cách nay hai mươi năm, và cuộc sống lạc lõng rơi ngay từ chiếc bàn ăn giữa những bức màn này, đến nơi mà chỉ có trời biết, đã bị niêm phong ở đó, và nằm yên, như một cái hồ ở giữa những bờ của nó. Ông ta bảo họ đã xây một phòng bi-a - có thể nào như vậy hay không? Willliam có nói tiếp về vợ chồng nhà Manning hay không? Bà muốn ông ta nói tiếp. Nhưng, không - vì lý do nào đó ông ta không còn trong tâm trạng lúc này. Bà cố gắng. Ông ta không đáp lại. Bà không thể ép buộc ông ta. Bà thất vọng.

“Lũ trẻ thật vô ơn,” bà nói, thở dài. Ông ta nói đôi điều về tính đúng giờ rằng đó là một trong những đức tính chủ yếu mà chúng ta không thể thủ đắc cho tới khi đã muộn màng trong đời.

“Nếu có,” bà Ramsay vui vẻ khỏa lấp chỗ trống, nghĩ rằng William đang trở thành một cô gái già mất rồi. Ý thức được sự phụ bạc của mình, ý thức được mong muốn trò chuyện về một thứ gì đó thân mật hơn của bà, thế nhưng lúc này đã ra khỏi tâm trạng đó, ông cảm thấy trong lòng tràn dâng một niềm bất mãn về cuộc sống, ngồi đó, chờ đợi. Có lẽ những người khác đang nói về điều gì đó thú vị chẳng? Họ đang nói gì?

Rằng mùa đánh cá quá tệ; rằng những người đàn ông đang chuyển sang bãi khác. Họ đang nói về những khoản tiền lương và sự thất nghiệp. Gã thanh niên đang chửi bới chính quyền. Trong lúc đang nghĩ rằng giá như ông theo kịp một câu chuyện nào đó thuộc loại này thì thật là nhẹ nhõm khi cuộc sống riêng quá khó chịu, William Bankes nghe thấy anh ta nói điều gì đó về “một trong những hành vi tai tiếng nhất của chính phủ đương quyền.” Lily đang lắng nghe; bà Ramsay đang lắng nghe; tất cả bọn họ đang lắng nghe. Nhưng vốn đã chán ngán sẵn, Lily cảm thấy thiếu thiếu một điều gì đó. Kéo tấm khăn choàng quăn quanh người, bà Ramsay cảm thấy thiếu thiếu một điều gì đó. Tất cả những người đang cúi đầu lắng đều nghĩ bụng, “Cầu Trời cho những gì nằm trong đầu óc con không bị phơi bày,” vì mỗi người nghĩ, “Những người khác đang cảm thấy điều này. Họ nổi giận và căm phẫn chính quyền về việc những ngư dân. Trong khi đó tôi chẳng cảm thấy gì hết.” Nhưng có lẽ, ông Bankes vừa nghĩ vừa nhìn Tansley, đây là một trang nam tử hán. Người ta luôn mong đợi một trang nam tử hán. Luôn luôn có một cơ hội. Nhà lãnh tụ có thể nảy sinh vào bất cứ lúc nào; một con người có thiên tài, trong chính trị cũng như trong bất cứ lĩnh vực nào khác. Có lẽ anh ta sẽ cực kỳ bất mãn những kẻ hủ lậu chúng ta, ông Bankes nghĩ, những người đang cố hết sức mình để chiếu cố, vì anh ta biết nhờ vào một cảm giác vật chất lạ lùng nào đó, như của những dây thần kinh chạy trong xương sống anh ta, rằng anh ta ghen tị, một phần về chính bản thân, phần khác, có lẽ nhiều hơn, về công việc của anh ta, về quan điểm của anh ta, về khoa học của anh ta; và do đó anh ta không hoàn toàn cởi mở hay hoàn toàn công bằng, vì dường như anh ta đang nói, Các vị đã lãng phí cuộc đời mình. Các vị hoàn toàn sai lầm. Những kẻ cổ hủ khốn khổ, các vị đang vô vọng phía sau những thời gian. Có vẻ như anh ta khá kiêu ngạo, cái anh chàng trẻ tuổi này; và thái độ xử sự của anh ta rất kém. Nhưng ông Bankes buộc phải nhận xét, anh ta quả cảm; anh ta có năng lực; anh ta

cực kỳ giỏi về những sự kiện. Có lẽ, ông Bankes nghĩ, khi Tansley chửi bới chính quyền, có rất nhiều điều trong những gì anh ta nói.

“Giờ xin nói cho tôi biết...” anh ta nói. Vậy là họ đang tranh luận về chính trị, và Lily nhìn chiếc lá trên tấm khăn trải bàn; và bà Ramsay, hoàn toàn giao phó cuộc tranh luận lại cho hai người đàn ông, tự hỏi vì sao bà quá chán ngán với cuộc chuyện trò này, và ao ước, khi nhìn chồng mình ở đầu kia bàn, rằng ông ấy sẽ nói một điều gì đó. Một lời thôi, bà tự nhủ. Vì nếu ông ấy nói một điều gì đó, nó sẽ làm mọi sự khác hẳn đi. Ông ấy đi thẳng vào trung tâm sự vật. Ông ấy quan tâm tới những người ngư dân và thu nhập của họ. Ông ấy không ngủ được vì suy nghĩ về họ. Thật hoàn toàn khác hẳn khi ông ấy lên tiếng; khi đó người ta không cảm thấy, lạ Trời ông không nhìn thấy tôi ít quan tâm như thế nào, vì người ta quan tâm. Thế rồi, nhận ra đó là vì bà quá ngưỡng mộ ông đến nỗi mong đợi ông ấy lên tiếng, bà cảm thấy như thể ai đó đang ca tụng chồng bà và cuộc hôn nhân của họ với bà, và bà đỏ ửng cả mặt mày mà không nhận ra rằng chính bà là người đã ca tụng ông. Bà nhìn ông ấy đang trầm tư để tìm điều này trên nét mặt của ông; hẳn trông ông có vẻ cao quý... Nhưng không hề như thế! Ông đang nhăn nhó, ông đang quắc mắt cau mày, và đỏ mặt vì giận dữ. Vì cái quái gì chứ? bà tự hỏi. Vấn đề là gì vậy? Chỉ vì ông Augustus tội nghiệp đó đã yêu cầu thêm một đĩa xúp - chỉ thế thôi. Việc Augustus sẽ bắt đầu món xúp của ông ta lần nữa thật không thể tưởng tượng nổi, thật đáng ghét (ông Ramsay ra hiệu cho bà qua cái bàn). Ông ghét những người đang ăn khi ông đã ăn xong. Bà thấy cơn giận của ông bay như một đàn chó săn vào mắt ông, lông mày ông, và bà biết rằng chỉ trong giây lát một cái gì đó mang tính bạo lực sẽ bùng nổ, và rồi - tạ ơn Chúa! Bà thấy ông tự kiềm chế và hăm phanh lại, và toàn bộ thân người ông dường như tóe ra những tia lửa chứ không phải những ngôn từ. Ông ngồi đó quắc mắt. Ông chẳng nói lời nào, ông đang ở dưới sự quan sát của bà. Cứ để bà cho ông nợ điều đó! Nhưng nói cho cùng vì sao Augustus khốn khổ không được yêu cầu một đĩa xúp khác? Ông ta chỉ đơn giản chạm vào cánh tay của Ellen và bảo:

“Ellen, xin vui lòng cho một đĩa xúp nữa,” và thế là ông Ramsay quắc mắt lên như vậy.

Và tại sao không? bà Ramsay hỏi gặng. Chắc hẳn họ có thể mang thêm cho Augustus một đĩa xúp nếu ông ta muốn. Ông ghét những người phàm ăn tục uống, ông Ramsay cau mặt nhìn bà. Ông ghét bất cứ thứ gì kéo lê hàng nhiều giờ như thế này. Nhưng ông đã tự kềm chế, ông đang ở dưới sự quan sát của bà, dù cảnh tượng có vẻ đáng ghét. Nhưng tạo sao lại biểu lộ nó một cách rõ rệt như thế, bà Ramsay gặng hỏi (họ nhìn nhau qua cái bàn dài, gửi cho nhau những câu hỏi và câu đáp, mỗi người biết chính xác điều mà người kia cảm thấy). Mọi người có thể nhìn thấy, bà Ramsay nghĩ. Rose đang nhìn cha nó đăm đăm; Roger đang nhìn cha nó đăm đăm; trong giây lát nữa cả hai đứa sẽ ủa chạy khỏi phòng với những tràng cười rộ, bà biết, và vì thế bà nói ngay (thật sự đây là vấn đề thời gian):

“Hãy thấp mấy cây nến lên,” và chúng nó nhảy lên ngay lập tức, đi tới và mò mẫm tìm kiếm ở chiếc tủ búp-phê.

Vì sao ông ấy không bao giờ có thể che giấu những cảm xúc của mình? Bà Ramsay tự hỏi, và cũng tự hỏi không biết Augustus Carmichael có để ý thấy hay không. Có lẽ ông ta đã nhận ra; cũng có lẽ ông ta không. Bà không thể không kính trọng sự điềm tĩnh của ông ta khi ông ta ngồi đó húp món xúp của mình. Nếu ông ta muốn xúp, ông ta yêu cầu xúp. Dù mọi người có cười chê hay nổi giận thì ông ta cũng vẫn là con người như thế. Ông ta không thích bà, bà biết điều đó; nhưng một phần chính vì lẽ đó mà bà kính trọng ông ta; bà nhìn ông ta húp xúp, rất to lớn và bình thản trong ánh sáng nhờ nhờ, có vẻ kỳ vĩ, và trầm mặc, bà tự hỏi ông đã cảm thấy thế nào lúc đó, và vì sao ông luôn luôn hài lòng và có phẩm cách cao quý; và bà nghĩ ông ta đã tận tâm thế nào với Andrew, thường gọi nó vào phòng của ông ta, còn Andrew bảo, “để cho ông ấy xem mấy thứ.” Và ông ta thường nằm đó suốt ngày trên bãi cỏ, có lẽ để nghiền ngẫm những bài thơ của mình, cho tới khi ông nhắc người ta nhớ tới một con mèo đang rình bắt chim, và rồi ông ta thu những cái vuốt của mình lại khi đã tìm thấy từ đó, và chồng bà bảo, “Già Augustus khốn khổ - ông ấy là thi nhân đích thực,” đó là một sự ca tụng hết lời từ chồng bà.

Bây giờ tám ngọn nến đã được cắm trên bàn, và sau cái rập mình đầu tiên, những ngọn lửa dựng thẳng lên, kéo theo cùng với chúng toàn cảnh

cái bàn dài, chính giữa là một đĩa trái cây vàng uôm và tím đỏ. Bà đã làm gì với nó nhỉ, bà Ramsay tự hỏi, vì việc Rose sắp xếp những quả nho và lê, những vỏ sò có sọc hồng giống như sừng, những quả chuối, khiến cho bà nghĩ tới một chiến lợi phẩm lấy lên từ đáy biển, tới những bữa tiệc của Hải Vương thần, tới nhánh nho rũ lá trên bờ vai của tửu thần Bacchus (trong một bức tranh nào đó), giữa những tấm da báo và những ngọn đuốc lấp loáng ánh vàng ánh đỏ... Dường như khi được đưa vào ánh sáng một cách đột ngột như thế nó có một kích thước và chiều sâu tuyệt diệu, giống như một thế giới mà trong đó người ta có thể cầm lấy cây quyền trượng của mình và trèo lên những ngọn đồi, bà nghĩ, rồi đi xuống những thung lũng, và với niềm vui sướng, bà thấy rằng cả Augustus cũng đang say sưa ngắm cái đĩa trái cây đó, phóng mắt vào đó, ve vướn một nụ hoa nơi này, một dải tua nơi khác, rồi sau khi thưởng thức bữa tiệc ngon lại quay về cái tổ ong của ông ta. Đó là cách nhìn của ông ta, khác với cách của bà. Nhưng việc ngắm nhìn hợp nhất họ với nhau.

Những ngọn nến giờ đã được thắp lên, và những gương mặt ở cả hai phía bàn được đưa lại gần hơn nhờ ánh nến, và tạo nên, không như trong ánh chiều chạng vạng, một bữa tiệc quanh một cái bàn, vì bóng đêm giờ đã bị khép lại bên ngoài bởi những tấm kính, mà, thay vì mang tới bất kỳ một quang cảnh xác thực nào của thế giới bên ngoài lại làm nó gợn lên lẫn lộn một cách lạ lùng đến nỗi ở đây, bên trong căn phòng, dường như trở thành một vùng đất khô khan và trật tự; còn ở đó, phía bên ngoài, là một phản ảnh mà trong đó mọi thứ lẫn lộn gợn sóng và tan biến mất, như nước.

Ngay lập tức một sự thay đổi nào đó lướt xuyên qua tất cả mọi người, như thể điều này đã thật sự xảy ra, và tất cả đều có ý thức về việc đang cùng nhau dự một bữa tiệc trong một thung lũng, một hòn đảo; có chính nghĩa chung để chống lại trạng thái thể lỏng ngoài kia. Bà Ramsay, người lúc này vẫn băn khoăn lo lắng khi chờ Paul và Minta vào và không thể ổn định mọi thứ, Lily Briscoe cảm nhận, giờ đây đã thấy sự lo lắng của bà biến thành sự chờ mong. Vì bây giờ họ phải bước vào, và cô cố phân tích nguyên nhân của niềm vui đột ngột đó, so sánh nó với thời điểm ở trên sân quần vợt, khi trạng thái vững chắc đột nhiên biến mất, và có những khoảng trống menh mông nằm giữa họ; bây giờ ấn tượng đó lại xuất

hiện bởi nhiều ngọn nến trong căn phòng không có nhiều đồ đạc, với những ô cửa sổ không màn che và cái vẻ sáng rực trông như đeo mặt nạ của những gương mặt được nhìn thấy bởi ánh nến. Một gánh nặng nào đó đã được trút khỏi họ; bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra, cô nghĩ.

Chúng phải đến bây giờ, bà Ramsay nghĩ, nhìn ra cửa, và ngay lúc đó Minta Doyle, Paul Rayley, và một người hầu bê một cái nôi lớn trên tay cùng bước vào. Họ đã muộn quá xá, họ đã muộn kinh khủng, Minta nói, khi đang tìm lối để tới hai đầu khác nhau của cái bàn.

“Tôi đánh mất cái trâm cài đầu - cái trâm của bà tôi,” Minta nói với giọng than van và đôi mắt to màu nâu của cô như long lanh ngấn nước, nhìn xuống, rồi lại ngẩng lên, khi cô ngồi xuống cạnh ông Ramsay, điều này khiến ông nổi máu hào hiệp, vì thế ông trêu cô.

Sao cô lại có thể khờ đến thế, ông hỏi, bò lê quanh những tảng đá mà lại còn đeo nữ trang?

Cô từng rất sợ ông - ông thông minh một cách đáng sợ, và đêm đầu tiên khi cô ngồi cạnh ông, ông nói về George Eliot^[21], cô đã thật sự sợ hãi vì cô đã bỏ quên tập ba bộ truyện MIDDLEMARCH trong tàu hỏa và cô chưa bao giờ biết kết cục chuyện gì đã xảy ra; nhưng sau đó cô đã hòa nhập một cách hoàn hảo, và thậm chí còn tỏ vẻ dốt nát hơn thực tế, vì ông thích bảo cô rằng cô là một con bé ngốc. Và vì thế đêm nay, dù ông trực tiếp chế nhạo cô, cô không sợ hãi. Ngoài ra, cô biết, ngay khi cô bước vào phòng, rằng phép mầu đã xảy ra; cô đã khoác lên người màn sương mù óng vàng của mình. Đôi khi cô có nó; đôi khi không. Cô không bao giờ biết vì sao nó đến hay vì sao nó đi, hay cô có nó cho tới khi bước vào phòng hay không và rồi cô biết ngay lập tức bởi cái cách một người đàn ông nào đó nhìn cô. Vâng, đêm nay cô có nó, thật tuyệt vời; cô biết điều đó bởi cái cách ông Ramsay bảo cô không phải là một cô ngốc. Cô ngồi phía sau ông, mỉm cười.

Vậy hẳn là nó đã xảy ra, bà Ramsay nghĩ; chúng đã đính hôn. Và trong khoảnh khắc bà cảm thấy điều mà bà không bao giờ muốn cảm nhận lại thêm lần nữa - sự ghen tị. Vì ông ấy, chồng bà, cũng cảm nhận được nó -

sự rạng rỡ của Minta; ông thích các cô gái này, những cô gái tóc đỏ hung óng ánh này, với một thứ gì đó bay bổng, một thứ gì đó hơi hoang dã và khinh suất ở họ, những kẻ không “tự cao trọc đầu của họ”, không “èo uột”, như ông đã nói về Lily Briscoe tội nghiệp. Có một phẩm chất nào đó mà bà không có, một nét huy hoàng nào đó, một sự phong nhiêu nào đó, đã hấp dẫn ông, làm ông thích thú, khiến cho ông xem những cô gái như Minta là những cô gái đáng yêu nhất. Họ có thể cắt tóc cho ông, thắt bím cho ông, hay cắt ngang công việc của ông, réo gọi ông (bà đã nghe thấy), “Tới đây nào, ông Ramsay, bây giờ đã tới lượt chúng ta đập lại họ,” và ông đi ra để chơi quần vợt.

Nhưng thật ra bà không ghen, chỉ là, thỉnh thoảng, khi bà tự ép mình nhìn vào gương, một chút xiu bức bối rằng bà đã già đi, có lẽ, do lỗi của chính bà. (Tờ hóa đơn cho ngôi nhà kính và tất cả những thứ còn lại của nó.) Bà biết ơn họ vì đã chế giễu ông. (“Hôm nay ông đã hút mấy tẩu thuốc rồi, ông Ramsay?” vân vân), cho tới khi dường như ông trở thành một chàng trai trẻ; một người đàn ông rất hấp dẫn phụ nữ, không gánh nặng, không oằn vai xuống bởi sự vĩ đại của những công việc và những nỗi u sầu nhân thế, của danh vọng hay thất bại của ông, lại trở thành như lần đầu bà biết ông, gầy gò nhưng hào hoa phong nhã; giúp bà bước ra khỏi con thuyền, bà nhớ; với những cung cách vui tươi, như thế đó (bà nhìn ông, còn ông, trẻ trung một cách đáng kinh ngạc, đang trêu cợt Minta). Về phần bản thân bà - “Đặt nó xuống đó,” bà nói, giúp cô gái Thụy Sĩ nhẹ nhàng đặt cái nồi to màu nâu mà trong đó là món BOEUF EN DAUBE xuống trước mặt bà - về phần của chính bà, bà thích những con người vụng về khờ khạo của bà. Paul phải ngồi bên cạnh bà. Bà đã dành chỗ cho anh ta. Thật sự, đôi khi bà nghĩ bà thích nhất là những kẻ vụng về khờ khạo. Họ không quấy rầy người ta với những bài luận thuyết của mình. Họ đã nhớ biết bao, nói cho cùng, những người đàn ông rất thông minh này! Họ đã trở thành khô cứng, chắc chắn thế. Ở Paul, bà nghĩ khi anh ta ngồi xuống, có một cái gì đó rất đáng yêu. Cung cách xử sự của anh ta khiến cho bà vui dạ, và cái sống mũi gầy cùng đôi mắt sáng màu xanh lơ của anh ta nữa. Anh ta rất chu đáo. Anh ta có kể cho bà nghe - giờ đây khi tất cả lại đang trò chuyện - chuyện gì đã xảy ra hay không?

“Chúng tôi quay trở lại để tìm cái trâm của Minta,” anh ta nói, ngồi xuống cạnh bà. “Chúng tôi - thế là đủ. Bà biết từ sự nỗ lực, từ giọng nói cất cao của anh ta để vượt qua một từ ngữ khó khăn mà lần đầu tiên anh ta thốt ra, “Chúng tôi.” “Chúng tôi đã làm điều này, chúng tôi đã làm điều nọ.” Họ sẽ nói từ đó suốt cả đời mình, bà nghĩ, và một mùi thơm tinh tế của quả ô-liu, dầu và nước ép tỏa lên từ cái nồi lớn màu nâu khi Marthe, với một cái vung tay khẽ, nhấc cái nắp ra. Người đầu bếp đã mất tới ba ngày cho món ăn đó. Và bà phải thật cẩn thận, bà Ramsay vừa nghĩ vừa thọc sâu muống vào cái khối mềm mềm đó để chọn một cục thịt đặc biệt mềm cho William Bankes. Bà nhìn vào nồi, với cái thành nồi bóng loáng và cái khối hỗn hợp những cục thịt ngon lành màu vàng ruộm, nâu nâu, những chiếc lá nguyệt quế và rượu vang, và suy nghĩ. Món ăn này sẽ đón mừng cho sự kiện đó - một cảm giác lạ lùng dâng lên trong bà, vừa kỳ lạ vừa dịu êm, về việc đón mừng một lễ hội, như thể có hai cảm xúc đang trỗi dậy trong bà, một cảm giác sâu thẳm thẳm - vì có gì nghiêm túc hơn là tình yêu của một người đàn ông đối với một người phụ nữ, có gì trang trọng hơn, ấn tượng hơn, chứa đựng ở đáy sâu của nó những hạt mầm của cái chết; đồng thời, những kẻ tình nhân này, những người đang bước vào mắt lấp lánh đầy ảo tưởng này, phải được nhảy múa nô đùa với sự chế giễu, phải được trang trí bằng những vòng hoa.

“Đây là một thắng lợi,” ông Bankes nói, đặt con dao ăn xuống một lúc. Ông đã ăn một cách chăm chú, Nó thật nhiều mùi vị; nó thật mềm mại. Nó đã được nấu nướng một cách hoàn hảo. Làm thế nào bà có thể xoay sở được những thứ này trong những vùng quê hẻo lánh? ông hỏi bà. Bà là một phụ nữ tuyệt vời. Tất cả tình yêu của ông, tất cả lòng tôn kính của ông đã quay trở lại, và bà biết điều đó.

“Đây là một công thức nấu món ăn Pháp của bà tôi,” bà Ramsay đáp, với một tiếng chuông reo vui lớn lao trong giọng nói của bà. Tất nhiên nó là món ăn Pháp. Cái được truyền lại cho nghệ thuật nấu ăn ở nước Anh là một sự kinh tởm (họ đồng ý). Đó là bỏ bắp cải vào nước. Đó là nướng thịt cho tới khi nó giống như một miếng da. Đó là cắt bỏ những lớp vỏ ngon lành của các thứ rau củ. “Mà trong đó,” ông Bankes nói, “chất chứa tất cả những phẩm chất của rau củ.

Và sự lãng phí, bà Ramsay nói. Cả một gia đình Pháp có thể sống nhờ vào những gì một người đầu bếp Anh vứt bỏ. Được khích lệ bởi nhận thức rằng sự yêu mến của William đã quay về lại với bà, rằng mọi chuyện lại ổn thỏa, rằng trạng thái hồi hộp của bà đã qua đi, rằng giờ đây bà được tự do để vui mừng thắng lợi và để chế giễu, bà cười rộ, bà vung vẩy đôi tay, cho tới khi Lily nghĩ, Bà thật trẻ con, thật buồn cười biết bao, khi ngồi đó với tất cả vẻ đẹp đã khai hoa nở nhụy lại trong bà, nói về những lớp vỏ của các loại rau củ. Ở bà có một cái gì đó đáng sợ. Bà hấp dẫn không thể cưỡng lại. Cuối cùng bà luôn luôn thủ đắc được cung cách của riêng mình, Lily nghĩ. Bây giờ bà đã làm được chuyện này - Paul và Minta, người ta có thể giả định, đã đính hôn với nhau. Ông Bankes đang ăn tối ở đây. Bà gieo một thứ bùa mê lên tất cả bọn họ, bằng cách ước muốn, rất đơn giản, rất trực tiếp, và Lily đối chiếu sự phong phú này với sự nghèo nàn tinh thần của chính mình, cho rằng phần nào đó chính niềm tin (vì cả gương mặt bà sáng rỡ lên - dù trông không còn trẻ trung, trông bà vẫn rực rỡ) vào điều kỳ lạ này, điều kinh khủng này, đã khiến cho Paul Rapley, đang ngồi bên cạnh bà, chấn động cả toàn thân, thế nhưng lại lơ đãng, mải mê, im lặng. Khi nói về những lớp vỏ của các loại rau củ, Lily cảm thấy, bà Ramsay đã tán dương điều đó, tôn sùng điều đó; bà giơ hai bàn tay của mình để sưởi ấm lòng họ, để bảo vệ nó, thế những sau khi đã gây ra mọi thứ này, vì lý do nào đó lại phá lên cười, đưa các nạn nhân của bà, Lily cảm thấy, đến bệ thờ. Bây giờ nó bao trùm lên cả cô - cái cảm xúc đó, sự rung động đó, của tình yêu. Cô cảm thấy một cách kín đáo mình đứng về phía Paul! Anh ta, tỏa sáng, bốc cháy; cô, cách biệt, nhạo báng; anh ta, gắn bó với sự phiêu lưu; cô, gắn bó với bờ biển; anh ta, dẫn thân, khinh suất; cô lẻ loi, bị bỏ rơi - và, sẵn sàng để khấn nài một sự sẻ chia với tai họa của anh ta, nếu như nó là một tai họa, cô nói một cách e thẹn:

“Minta bị mất cây trâm cài khi nào?”

Anh ta mỉm một nụ cười tinh tế, được che đậy bởi ký ức, được nhuộm màu bởi những giấc mơ. Anh ta lắc đầu. “Trên bãi biển,” anh ta nói.

“Tôi sẽ đi tìm nó,” anh ta nói, “tôi sẽ thức dậy sớm.” Điều này được giữ kín đối với Minta, anh ta hạ thấp giọng, và hướng ánh mắt về phía cô gái

ngồi, bên cạnh ông Ramsay, đang cười khúc khích.

Lily muốn khẳng định nhận một cách mạnh bạo và mãnh liệt niềm khao khát được giúp đỡ anh ta của mình, nhìn thấy trước trong ánh bình minh trên bãi biển cô sẽ là người chộp lấy cái trâm nằm lấp ló cạnh một tảng đá ra sao, và do vậy tự bao gồm mình vào trong số những người thủy thủ và những kẻ phiêu lưu. Nhưng anh ta đáp lại đề xuất của cô như thế nào? Cô thật sự thốt lên với một cảm xúc mà cô ít khi để lộ ra, “Hãy cho tôi đi cùng với anh,” và anh ta phá lên cười. Anh ta muốn nói vâng hay là không? - có lẽ là cả hai. Nhưng đó không phải là ý của anh ta - nó chỉ là tiếng cười lạ lùng mà anh ta phát ra, như thể anh ta đã nói, Cứ tự quăng mình lên vách núi nếu cô thích, tôi không quan tâm. Anh ta chuyển sang gò má cô sức nóng của tình yêu, sự kinh khủng của nó, sự tàn ác của nó, sự khinh suất của nó. Nó làm cô đau điếng, và Lily, nhìn sang Minta, đang mê hoặc ông Ramsay ở đầu kia bàn, thấy nao núng với việc tự phơi mình ra trước những chiếc nanh này, và thấy biết ơn. Vì với bất kỳ giá nào, cô tự nhủ, ánh mắt bắt gặp cái lọ muối trên mẫu hoa, cô không cần phải kết hôn, tạ ơn trời đất: cô không cần phải thực hiện sự hạ thấp phẩm giá đó. Cô đã an toàn thoát khỏi trạng thái mất tự chủ đó. Cô sẽ dời cái cây ra xa hơn vào chính giữa.

Đó là sự phức tạp của những sự vật. Vì điều đã xảy ra với cô, đặc biệt khi sống với gia đình Ramsay, là bị buộc phải cảm nhận một cách thô bạo hai điều trái ngược nhau trong cùng một lúc: đó là cái mà bạn cảm thấy, là một; đó là cái mà tôi cảm thấy, là điều còn lại, và rồi chúng đánh nhau trong tâm trí của cô, như bây giờ. Mỗi tình này đẹp để và kích động đến nỗi tôi run lên khi tiếp cận nó, và đề xuất, hoàn toàn trái với thói quen của chính tôi, để đi tìm một cái trâm cài đầu trên một bãi biển; nó cũng là sự đam mê ngu xuẩn nhất, man rợ nhất trong những nỗi đam mê của con người, và biến một chàng trẻ tuổi đẹp trai với nét nhìn nghiêng như nét nhìn nghiêng của một viên ngọc quý (nét nhìn nghiêng của Paul rất thanh tú) thành một tên bắt nạt với một cái xà beng (anh ta vênh váo, anh ta xấc xược) trên đường phố Mile End. Phải, cô tự nhủ, từ thuở khai thiên lập địa những bài tụng ca tình yêu đã được hát lên; những vòng hoa chất thành đống và những đóa hoa hồng; và nếu bạn hỏi chín người trong số mười người họ sẽ bảo rằng họ không muốn gì hơn ngoài thứ này -

tình yêu; trong khi những người phụ nữ, xét theo kinh nghiệm của chính cô, sẽ cảm thấy trong mọi lúc, Đây không phải là thứ mà tôi muốn; không có gì nhạt nhẽo, tầm thường và vô nhân đạo hơn điều này; thế nhưng nó cũng đẹp đẽ và cần thiết. Chà vậy thì, chà vậy thì? cô hỏi, vì lý do nào đó mong những người khác cùng tham gia vào cuộc tranh luận, như thể trong một cuộc tranh luận như thế này người ta tung ra tia chớp nhỏ rõ ràng chỉ kéo dài rất ngắn của riêng mình và để cho những người khác thực hiện nó tiếp. Vì thế cô quay lại lắng nghe những gì họ đang nói để xem họ có tung ra bất kỳ ánh sáng nào lên vấn đề tình yêu hay không.

“Vậy,” ông Ramsay nói, “có cái thứ chất lỏng đó mà người Anh gọi là cà phê.”

“Ồ, cà phê!” bà Ramsay nói. Nhưng đúng hơn nhiều đó là một vấn đề (bà đã hoàn toàn bị đánh thức, Lily có thể thấy, và nói rất dứt khoát) về bơ thật và sữa sạch. Với giọng nói trầm ấm và hùng hồn, bà miêu tả sự trái đạo lý của hệ thống chế biến bơ sữa Anh, và việc sữa được giao tại cửa trong tình trạng như thế nào, và sắp chứng minh những lời buộc tội của mình, vì bà đã đi vào vấn đề, thì tất cả mọi người quanh bàn phá lên cười, bắt đầu với Andrew ở giữa, như một ngọn lửa nhảy từ bụi kim tước này sang bụi khác; các con của bà cười; chồng bà cười; bà bị chế nhạo, lửa vây quanh, và buộc phải che chiếc mũ sắt của bà lại, tháo dỡ những khẩu pháo của bà xuống, và chỉ trả đũa bằng cách chỉ cho ông Ramsay thấy sự chế giễu và bông đùa của cả bàn như một ví dụ về những gì mà người ta sẽ gánh chịu nếu người ta tấn công vào những định kiến của công chúng Anh.

Tuy nhiên, bà nói một cách chủ tâm, vì bà đã nhận thấy rằng Lily, người đã giúp bà về vụ Tansley, đang nằm ngoài mọi việc, cô ta đã tự miễn trừ mình khỏi những người còn lại, “Dù sao thì Lily cũng đồng ý với tôi,” và do vậy đã lôi cô vào cuộc, hơi bối rối chút đỉnh, hơi giật mình chút đỉnh. (Vì cô đang suy ngẫm về tình yêu.) Cả hai người bọn họ đều nằm ngoài mọi việc, bà Ramsay đã nghĩ thế, cả Lily lẫn Charles Tansley. Cả hai đều khổ sở bởi sự sáng chói của hai người khác. Anh ta, rõ ràng là vậy, tự cảm thấy lạnh lẽo; không người phụ nữ nào nhìn vào anh ta khi Paul Rayley hiện diện trong phòng. Anh chàng tội nghiệp! Tuy nhiên, anh ta có

bản luận án của mình, về tác động của ai đó lên một điều gì đó: anh ta có thể tự lo lấy bản thân. Với Lily thì khác hẳn. Cô nhòa đi dưới sự sáng chói của Minta; trở nên kín đáo hơn bao giờ hết, trong bộ váy xám nhỏ bé, với gương mặt nhão nhẽo nhỏ bé và đôi mắt Trung Hoa nhỏ bé của mình. Mọi thứ ở cô đều rất nhỏ bé. Thế nhưng, bà Ramsay nghĩ, so sánh cô với Minta, khi bà kêu gọi sự trợ giúp của cô (vì Lily sẽ xác nhận cho bà rằng bà không nói về những chuyện bơ sữa nhiều bằng chồng bà nói về đôi ủng của ông - ông thường nói hàng giờ về đôi ủng của mình) trong số hai cô gái đó, Lily ở lứa tuổi ba mươi^[22] sẽ là người trợ giúp tốt hơn. Trong con người Lily có một dòng tư tưởng nào đó; một ngọn lửa nào đó, một cái gì đó của riêng cô mà bà Ramsay thật sự rất thích, nhưng sẽ không gã đàn ông nào thích, bà e là vậy. Hiển nhiên là không, trừ phi đó là một người đàn ông lớn tuổi hơn nhiều, như William Bankes. Nhưng ông ấy quan tâm, vâng, đôi khi bà Ramsay nghĩ rằng ông ấy quan tâm, có lẽ là tới bà, từ khi vợ ông ấy qua đời. Dĩ nhiên là ông ấy không “yêu”; đó là một trong nhiều thứ tình cảm không thể phân loại được. Ô, nhưng vô lý quá, bà nghĩ; William phải cưới Lily. Họ có quá nhiều điểm chung. Lily rất yêu thích các loài hoa. Cả hai người bọn họ đều lãnh đạm, xa cách và khá độc lập. Bà phải thu xếp cho họ cùng bước bên nhau trên một quãng đường dài.

Ngốc thật, bà đã bố trí họ ngồi đối diện nhau. Ngày mai điều đó sẽ được khắc phục. Nếu trời đẹp, họ sẽ đi picnic. Mọi thứ dường như đều khả dĩ. Mọi thứ dường như đều đúng. Ngay lúc này (nhưng điều này không thể kéo dài, bà nghĩ, tự tách ra khỏi khoảnh khắc trong lúc tất cả bọn họ đang trò chuyện về những chiếc ủng), ngay lúc này bà đã đạt tới sự an toàn; bà lơ lửng như một con chim ưng ngưng vỗ cánh; như một lá cờ bay phấp phới trong một nỗi hân hoan đang phủ ngập mọi sợi thần kinh của bà, tràn đầy và dịu ngọt, không chút ồn ào, khá trang nghiêm, vì nó trào dâng, bà nghĩ, nhìn tất cả đang ăn ở đó, từ người chồng và lũ con và các bằng hữu; tất cả những thứ đó đang trào dâng trong sự tĩnh lặng thăm sâu này (bà đang giúp William Bankes múc thêm một mẩu thịt rất nhỏ, và nhìn vào chiều sâu của chiếc nồi đất) và giờ đây dường như không vì một lý do đặc biệt nào cả đang trụ lại đó như một làn khói, như một làn hơi cuộn thẳng lên phía trên, giữ cho họ an toàn cùng nhau. Không cần nói gì hết; không thể nói gì hết. Nó ở đó, quanh họ. Nó dự phần vào sự

bất diệt, bà cảm thấy, cần thận giúp ông Bankes vớt một mẫu thịt đặc biệt mềm; vì trước đó trong buổi chiều bà đã từng cảm nhận về một điều khác hẳn; có một sự cố kết trong các sự vật, một sự vững bền, một cái gì đó, theo ý bà, vượt lên khỏi sự đổi thay, và tỏa sáng (bà liếc nhìn khung cửa sổ với những ánh phản chiếu gợn sóng lăn tăn) với bộ mặt lóng lánh, phù du, ma quái, như một viên hồng ngọc của nó, khiến đêm nay bà một lần nữa có lại cái cảm giác đã có trong ngày, về sự bình an, ngơi nghỉ. Trong những khoảnh khắc như thế này, bà nghĩ, điều đã được tạo ra sẽ tồn tại lâu dài.

“Vâng,” bà đảm bảo với William Bankes, “có nhiều cho tất cả mọi người.” (Món BOEUF EN DAUBE là một thắng lợi hoàn hảo.) Đây là nơi, bà cảm thấy, đặt chiếc muống xuống, mà người ta có thể di động tới lui hay ngơi nghỉ; có thể chờ đợi lắng nghe ngay lúc này; rồi có thể, như một con chim ưng đột ngột sà xuống từ cái tổ cao của nó, phô phang và chìm vào tràng cười rộ một cách dễ dàng, đặt toàn bộ sức nặng của bà vào điều mà ở đầu kia bàn chống bà đang nói, về căn bậc hai của một ngàn hai trăm năm mươi ba. Dường như đó là con số trên chiếc đồng hồ đeo tay của ông.

Tất cả những thứ này có ý nghĩa gì? Cho tới ngày hôm nay bà chưa hề có một nhận thức nào. Một căn bậc hai? Đó là gì? Mấy đứa con trai của bà biết. Bà dựa vào chúng; về những lũy thừa ba và căn bậc hai; rằng đó là điều mà bây giờ họ đang nói; về Voltaire^[23] và bà de Stael^[24]; về tính cách của Napoleon, về hệ thống chiếm hữu đất đai của Pháp; về ngài Rosebery^[25]; về quyền hời ký của Creevey^[26]: bà để cho nó nâng đỡ bà, duy trì bà, cái cơ cấu đáng ngưỡng mộ này của tri thức nam giới, nó chạy lên chạy xuống, băng ngang theo đường này lối khác, như những cái rầm sắt nối kết cái kết cấu đu đưa ấy và nâng đỡ toàn thế giới, khiến bà có thể tuyệt đối tin tưởng vào nó, thậm chí có thể nhắm nghiền mắt lại, như một đứa bé đang hé nhìn từ chiếc gối của nó vào vô số lớp lá của một cái cây. Rồi bà thức giấc. Nó vẫn đang được kiến tạo. William Bankes đang ca ngợi những cuốn tiểu thuyết Waverly^[27].

Cứ mỗi sáu tháng ông lại đọc một cuốn trong số chúng, ông bảo. Và tại sao điều đó lại khiến cho Tansley nổi giận? Anh ta nhảy vào cuộc (tất

cả, bà Ramsay nghĩ, là vì Prue không cư xử tốt với anh ta) và phản bác những cuốn tiểu thuyết Waverly khi anh ta chẳng biết gì về nó, không biết nó là cái thứ quái gì, bà Ramsay nghĩ, quan sát anh ta hơn là lắng nghe những gì anh ta nói, và tính cách này sẽ đi với anh ta cho tới khi anh ta nhận được chức giáo sư, hay lấy vợ, và vì vậy không cần phải luôn nói, “Tôi - tôi - tôi.” Vì đó là những gì mà anh ta chỉ trích ngài Walter tội nghiệp, hay có lẽ đó là Janes Austen^[28], cũng chỉ thế thôi. “Tôi - tôi - tôi.” Anh ta đang nghĩ về chính mình và ấn tượng mà anh ta đang tạo ra, bà có thể nói thế bởi âm thanh trong giọng nói và những chỗ nhấn mạnh và sự khó chịu của anh ta. Thành công sẽ tốt cho anh ta. Dù sao, một lần nữa họ lại im lặng. Bây giờ bà không cần phải lắng nghe. Nó sẽ không kéo dài, bà biết, nhưng ở thời khắc này mắt bà tỉnh táo đến nỗi mỗi một trong số những người bọn họ dường như đi quanh chiếc bàn, hé lộ những suy nghĩ và cảm giác của họ, không cần chút nỗ lực nào, như một tia sáng luồn xuống mặt nước để cho những gợn sóng, những đám sây trong lòng nước và những con cá tuế tự cân bằng lấy chúng, và con cá hồi im lặng đột nhiên sáng rực toàn thân, treo mình, run rẩy. Bà nhìn thấy họ như thế; bà nghe thấy họ; nhưng bất cứ những gì họ nói cũng đều có phẩm chất này, như thể những gì họ nói giống như cái khoảnh khắc của con cá hồi, khi, cùng lúc đó, người ta có thể nhìn thấy những gợn sóng và sỏi cuội, một thứ gì đó ở bên trái, một thứ gì đó ở bên phải; và toàn thể được gom lại với nhau; vì ngược lại trong đời sống thực tế bà sẽ chẳng lưới và tách rời một điều khỏi những điều khác; bà sẽ nói bà thích những cuốn tiểu thuyết Waverly hoặc chưa từng đọc chúng; bà sẽ thôi thúc bản thân tiến tới; bây giờ bà không nói gì cả. Vào cái thời khắc này, bà ngưng nghĩ.

“Chà, nhưng bạn nghĩ nó sẽ tồn tại bao lâu?” ai đó nói. Như thể có những sợi râu của loài nhuyễn thể run run thò ra từ thân người bà, chặn lại một số câu nhất định, đưa chúng vào sự chú ý của bà. Đây là một trong số chúng. Bà đánh hơi được mối nguy hiểm đối với chồng mình. Một câu hỏi như thế, hầu như chắc chắn, sẽ dẫn tới việc một điều gì đó được thốt lên và nhắc cho chồng bà nhớ tới thất bại của chính mình. Ông sẽ còn được đọc bao lâu nữa - ông sẽ nghĩ tới điều đó ngay lập tức. William Bankes (người hoàn toàn thoát khỏi tất cả những thứ rỗng tuếch như thế) phá lên cười và nói rằng ông ta chẳng gán một ý nghĩa quan trọng nào cho

các thay đổi về thời trang. Ai có thể nói được cái gì sẽ tồn tại - trong văn chương hay thật ra trong bất cứ thứ gì khác?

“Chúng ta hãy cứ tận hưởng những thứ chúng ta đang thưởng thức. Dường như sự vẹn toàn của ông là hoàn toàn đáng ngưỡng mộ đối với bà Ramsay. Dường như ông ta không hề suy tư một phút giây nào, rằng, Nhưng điều này có ảnh hưởng thế nào tới tôi? Nhưng nếu bạn có một tính khí khác, phải được ca ngợi, phải được khuyến khích, tự nhiên bạn bắt đầu cảm thấy khó chịu (và bà biết ông Ramsay đang bắt đầu cảm thấy khó chịu); và muốn ai đó thốt lên,Ồ, nhưng tác phẩm của ông sẽ tồn tại, ông Ramsay ạ, hoặc một câu đại loại thế. Lúc này, ông bộc lộ sự khó chịu một cách rất rõ ràng khi nói, với đôi chút bức tức, rằng, dù sao đi nữa, Scott (hay là Shakespeare?) sẽ tồn tại trong suốt đời mình. Ông nói điều đó với vẻ bức dọc. Mọi người, bà nghĩ, đều cảm thấy hơi không thoải mái mà không biết vì sao. Thế rồi Minta Doyle, người có bản năng tốt đẹp, nói một cách tháu cáy, vô lý, rằng cô ta không tin rằng có bất cứ một ai thật sự thích đọc Shakespeare. Ông Ramsay dứt khoát bảo (nhưng tâm trí ông đã lại bỏ đi xa) rằng có rất ít người thích nó nhiều như họ nói. Nhưng, ông nói thêm, dù sao đi nữa cũng có một số vở kịch có phẩm chất đáng kể, và bà Ramsay thấy rằng dù sao thì mọi chuyện sẽ ổn ở thời điểm này; ông ấy sẽ cười chế giễu Minta, và cô ta, bà Ramsay thấy, nhận ra sự nôn nao cực độ của ông ấy về bản thân mình, và sẽ, theo cách riêng của cô, khi thấy rằng ông ấy được quan tâm tới, ca ngợi ông ấy, bằng cách này hay cách khác. Nhưng bà ước rằng điều đó sẽ là không cần thiết: có lẽ chính do lỗi của bà mà điều đó trở nên cần thiết. Dù sao thì lúc này bà được tự do để lắng nghe những gì Paul Rayley đang cố nói, về những cuốn sách mà người ta đã đọc khi còn bé. Chúng tồn tại, anh ta nói. Anh ta đã đọc một số tác phẩm của Tolstoi^[29] ở trường. Có một cuốn anh ta luôn nhớ, nhưng anh ta đã quên mất cái tựa. Những cái tên Nga thật không thể nhớ nổi, bà Ramsay bảo. “Vronsky,” Paul nói. Anh ta nhớ nó vì anh ta luôn nghĩ rằng nó là một cái tên đẹp đối với một gã bất lương. “Vronsky,” bà Ramsay nói; “Ồ, ANNA KARENINA,” nhưng điều đó không đưa họ đi xa cho lắm; những cuốn sách không phải là sở trường của họ, nhưng tất cả đã rồi tung lên, Tôi nói có đúng không nhỉ? Tôi có tạo được ấn tượng tốt không nhỉ? nói cho cùng, người ta biết nhiều về chính mình hơn là về Tolstoi, trong khi, điều Paul đã nói là về một sự

kiện, đơn giản là vậy, không phải về bản thân anh ta, không gì khác. Như tất cả những người ngốc nghếch, anh ta có một chút khiêm tốn, một sự quan tâm tới điều mà bạn đang cảm nhận, ít ra đó là một trong những nét mà bà thấy hấp dẫn. Bây giờ anh ta đang suy nghĩ, không về bản thân anh ta hay về Tolstoi, mà là, bà có thấy lạnh hay không, bà có cảm thấy một cơn gió lùa, bà có muốn một quả lê không.

Không, bà nói, bà không muốn một quả lê. Thật sự bà đã theo dõi đĩa trái cây (mà không nhận ra điều đó) một cách ghen tị, hy vọng rằng sẽ không có ai sờ tới nó. Ánh mắt bà đã lướt qua lại giữa những đường cong và bóng đổ của mấy thứ trái cây, giữa màu tím phong phú của những quả nho phía dưới, rồi lại lướt lên cái chóp giống như sừng của cái vỏ sò, tạo thành một màu vàng ruộm nổi lên trên màu tím mọng, một nét cong nổi lên trên đường tròn, không hề biết vì sao bà lại nhìn như thế, hoặc vì sao mỗi lần bà làm như thế, bà cảm thấy càng lúc càng thanh thản; cho tới khi, ồ, thật đáng tiếc nếu họ làm điều đó - một bàn tay đưa ra, cầm lấy một quả lê, và phá hỏng toàn bộ mọi thứ. Bà nhìn Rose với niềm thông cảm. Bà nhìn Rose đang ngồi giữa Jasper và Prue. Thật lạ lùng khi một đứa trẻ lại làm được điều đó!

Thật lạ lùng khi nhìn chúng ngồi đó, xếp thành hàng, lũ trẻ của bà, Jasper, Rose, Prue, Andrew, hầu như im lặng, nhưng có một câu chuyện đùa nào đó của riêng chúng đang tiếp diễn, bà đoán, từ đôi môi mấp máy của chúng. Đây là một cái gì đó hoàn toàn cách biệt với mọi thứ khác, một cái gì đó mà chúng tích trữ để cười to với nhau trong phòng chúng. Đó không phải là về cha của chúng, bà hy vọng. Không, bà nghĩ là không. Là điều gì vậy, bà tự hỏi, hơi buồn phiền, vì với bà dường như chúng sẽ cười rộ lên khi bà không có mặt ở đó. Có tất cả những thứ đang tích tụ phía sau những gương mặt khép kín, lặng lẽ như mặt nạ đó, vì chúng không hòa nhập một cách dễ dàng; chúng như những người quan sát, những giám định viên, hơi cao hơn hoặc tách biệt khỏi những người lớn. Nhưng khi nhìn Prue tối nay, bà thấy bây giờ điều này không hoàn toàn đúng về nó. Nó chỉ mới bắt đầu, mới chuyển động, mới đi xuống. Ánh nến nhạt nhòa rọi lên gương mặt nó, như thể tương phản lại sự rực rỡ của Minta, một sự kích động nào đó, một trạng thái dự phòng về hạnh phúc đã phản chiếu lại trong nó, như thể vầng thái dương ái tình của những người đàn

ông và những người phụ nữ đang ló dạng từ mép tấm khăn trải bàn, và không hề biết đó là gì, Prue cúi người về phía nó và chào nó. Prue vẫn tiếp tục nhìn Minta, một cách e thẹn, nhưng tò mò, khiến bà Ramsay nhìn từ người này sang người kia và nói, thầm nhủ với Prue trong đầu, Một ngày nào đó con sẽ hạnh phúc như cô ấy. Con sẽ hạnh phúc hơn, bà nói thêm, vì con là con gái của mẹ, ý bà là thế; con gái của bà phải hạnh phúc hơn con gái của những người khác. Nhưng bữa tối đã qua. Đã tới lúc phải đi. Chúng chỉ chơi đùa với những thứ trong đĩa của chúng. Bà sẽ đợi cho tới khi chúng đã cười to với câu chuyện nào đó mà chồng bà đang kể. Ông ấy đang nói đùa với Minta về một con thú cưng. Rồi bà sẽ đứng lên.

Bà thích Charles Tansley, bà nghĩ, một cách đột ngột; bà thích kiểu cười to của anh ta. Bà thích anh ta vì đã nổi giận như thế với Paul và Minta. Bà thích sự ngượng nghịu lúng túng của anh ta. Nói rõt lại, ở chàng trai trẻ này có nhiều thứ. Còn Lily, bà nghĩ, đặt chiếc khăn ăn bên cạnh đĩa của mình, cô ta luôn có một câu chuyện vui nào đó của riêng mình. Người ta không bao giờ phải bận tâm về Lily. Bà chờ đợi. Bà nhét cái khăn ăn xuống dưới mép đĩa. Chà, giờ thì họ đã xong chưa nhỉ? Không. Câu chuyện đó đã dẫn tới một câu chuyện khác. Đêm nay chồng bà đang trong tâm trạng hưng phấn, và mong muốn, bà đoán, làm hòa với ông già Carmichael sau vụ đĩa xúp, đã kéo ông ta lại gần, họ đang kể chuyện về một người nào đó mà cả hai đều biết ở trường đại học. Bà nhìn khung cửa sổ, nơi lúc này những ánh nến đã cháy sáng hơn khiến cho những tấm kính trở thành đen sẫm, và khi nhìn về phía bên ngoài đó, những giọng nói lọt đến tai bà một cách thật lạ lùng, như thể chúng là những giọng nói trong một buổi lễ ở nhà thờ, vì bà không nghe được những từ. Một tràng cười rộ lên và rồi một giọng nói (của Minta) trỗi lên đơn độc, nhắc cho bà nhớ tới những người đàn ông và những cậu bé đang hét to những từ Latin trong một buổi lễ ở một nhà thờ Chính thống giáo La Mã nào đó. Bà chờ đợi. Chồng bà lên tiếng. Ông ấy đang lặp lại một điều gì đó, và bà biết đó là thơ, nhờ vào nhịp điệu và sự rung động của những vui buồn trong giọng của ông:

Ra đây, trèo dốc khu vườn^[30],

Hoa hồng thắm nở chập chờn bướm ong,

Ra nào, Luriana Lurilee.

Những từ đó (bà đang nhìn ra cửa sổ) nghe như thể chúng đang trôi nổi bập bềnh giống như những bông hoa trên mặt nước ngoài kia, cắt lìa khỏi tất cả bọn họ, như thể không có ai đọc chúng lên, mà là tự thân chúng đã bước vào cuộc hiện tồn.

Mọi cuộc đời [chúng ta] đã sống qua

Mọi cuộc đời sẽ la cà mai sau

Ngập tràn những bóng cây cao

Ngập tràn những lá thay màu thời gian.

Bà không biết chúng có nghĩa là gì, nhưng, giống như âm nhạc, những từ ngữ đó dường như được nói lên bằng chính giọng nói của bà, nằm bên ngoài bản thể của bà, đang thoát ra một cách rất dễ dàng và tự nhiên những gì đã diễn ra trong tâm trí bà suốt cả buổi chiều tối hôm nay trong lúc bà đã nói những điều khác hẳn. Bà biết, không cần phải nhìn quanh, rằng mọi người ngồi quanh bàn đang lắng nghe giọng nói ấy lên tiếng:

Ta tự hỏi, hỏi tự ta

Dường như em với hay là với em,

Lurinana, Lurilee

với cùng niềm an ủi và sự hân hoan mà bà đã có, như thế, cuối cùng đây là một điều để nói ra một cách tự nhiên, đây là giọng nói của chính họ đang thoát nên lời.

Nhưng giọng nói đã dừng. Bà nhìn quanh. Bà tự buộc mình đứng lên. Augustus Carmichael đã đứng lên và, vừa giữ chiếc khăn ăn của ông ta khiến nó trông giống như một cái váy trắng dài, ông vừa ngâm nga:

Các vì vương đế rảo qua,

Vó câu lướt thắm cỏ và đồng xanh,

Tuyết tùng, lá cọ xênh xang.

Lurianna, Lurilee

và khi bà đi ngang qua ông ta, ông ta khẽ xoay về phía bà lặp lại những từ cuối:

Lurianna, Lurilee,

và cúi đầu chào bà như thể để tỏ lòng kính trọng. Không hề biết vì sao, bà cảm thấy rằng ông ta thích bà hơn bao giờ trước đó; và với một cảm giác khuây khỏa và biết ơn, bà đáp lại cái chào của ông và bước qua cánh cửa mà ông đang mở ra cho bà.

Bây giờ nhất thiết phải mang mọi thứ tiến xa thêm một bước nữa. Với đôi chân đặt trên thềm nhà, bà chờ đợi một lúc lâu hơn trong cái cảnh tượng đang biến mất dần ngay cả khi bà đang nhìn, và rồi, khi bà di chuyển, nắm lấy cánh tay của Minta và rời khỏi căn phòng, nó đã thay đổi; nó tự tạo cho nó một dáng hình khác hẳn; nó đã, bà biết, ngoái nhìn lại nó lần cuối, trở thành quá vắng.

18.

Như thường lệ, Lily nghĩ. Luôn có điều gì đó phải được thực hiện vào đúng phóc thời điểm đó, một điều mà bà Ramsay đã quyết định vì những lý do của riêng bà rằng phải làm ngay lập tức, khi mọi người đang đứng quanh nói chuyện vui, như lúc này, không thể quyết định rằng họ có nên đi vào phòng hút thuốc, vào phòng khách hay là lên những căn gác áp mái hay chẳng. Thế rồi người ta thấy bà Ramsay đứng đó, giữa cái đám ồn ào huyền não này, đang tay khoác tay với Minta, chợt nhớ sức ra rằng, “Phải, giờ chính là thời điểm cho điều đó,” và thế là với vẻ bí mật bà bỏ đi ngay lập tức để làm điều gì đó một mình. Và ngay sau khi bà đi một cuộc tan rã diễn ra; họ vẫy tay chào nhau, đi theo những con đường khác nhau, ông

Bankes khoác tay Charles Tansley và đi ra trước hiên nhà để kết thúc cuộc thảo luận chính trị họ đã bắt đầu trong bữa ăn tối, và do đó đã xoay chuyển hẳn toàn bộ thế cân bằng của buổi chiều hôm, khiến cho sức nặng rơi theo một chiều khác hẳn, như thế, Lily nghĩ, vừa nhìn họ đi vừa nghe thấy một đôi từ gì đó về chính sách của đảng Lao động, họ đã lên tới chỗ cầu thang và đang gánh vác những gánh nặng của mình; sự thay đổi từ thơ ca sang chính trị khiến cô sửng sờ như thế; vậy là ông Bankes và Charles Tansley đã đi lên gác trong ánh đèn đơn độc. Bà ấy đi đâu, Lily tự hỏi, mà nhanh thế?

Trên thực tế bà chẳng chạy mà cũng chẳng vội vàng gì; thật sự bà đi khá chậm. Bà cảm thấy muốn đứng yên trong giây lát sau tất cả những câu chuyện cà riềng cà tỏi đó, và chọn lọc ra một điều riêng biệt; điều có ý nghĩa quan trọng nhất; để tách riêng nó ra, cách ly nó; xóa sạch khỏi nó mọi cảm xúc và những điều vật vãnh, giữ nó như thế trước mặt bà, và mang nó vào một tòa án nơi những vị quan tòa áo đỏ mà bà đã dựng nên ngồi quanh để quyết định những điều này. Nó tốt hay là xấu, nó đúng hay là sai? Tất cả chúng ta sẽ đi tới đâu? vân vân. Thế rồi bà vươn thẳng người lên sau cú sốc đó, níu lấy những nhánh cây du ở mé ngoài để đứng vững tại vị trí của mình. Thế giới của bà đã đổi thay: họ rất yên lặng. Sự kiện này đã cho bà một nhận thức về sự chuyển động. Tất cả phải nằm trong vòng trật tự. Bà phải có quyền đó và quyền đó, bà nghĩ, chấp nhận một cách vô tình phẩm giá của sự lặng lẽ của cây du. Và giờ đây một lần nữa tầng cao của những nhánh du dâng lên (như mũi của một con tàu nhô lên trên một lượn sóng) khi có một cơn gió thổi ào qua. Trời lộng gió (bà đứng một lát để nhìn ra). Trời lộng gió khiến đôi lúc những chiếc lá quét sượt qua một vì sao, và chính bản thân những vì sao dường như cũng đang lay động, lung linh và cố tỏa sáng lập lòe giữa những rìa nhánh lá. Vâng, điều đó đã được thực hiện xong, đã hoàn tất; và giống như mọi thứ đã hoàn tất, trở nên nghiêm trang. Lúc này khi người ta nghĩ tới nó, gạt bỏ đi cuộc chuyện trò cà riềng cà tỏi và cảm xúc, dường như nó đã luôn là vậy, chỉ được biểu lộ ra vào lúc này và như thế đó, đẩy mọi thứ về trạng thái vững bền. Cho dù họ sống đến bao lâu, bà nghĩ, họ cũng sẽ tiếp tục quay trở lại với cái đêm này; vầng trăng này; cơn gió này; ngôi nhà này; và cả với bà nữa. Ý nghĩ này làm bà khoan khoái vì nó điểm đúng vào chỗ nhạy cảm nhất của bà, khi nghĩ trái tim của họ quanh co

ngoắt ngoéo biết bao, bất kể họ sống bao lâu, bà cũng sẽ se sợi chỉ hồng; và này, và này, và này, bà nghĩ, bước lên cầu thang, cười lớn, nhưng một cách đáng yêu, với chiếc ghế sofa ở đầu cầu thang (của mẹ bà), với cái ghế xích đu (của cha bà); với tấm bản đồ quần đảo Hebrides. Tất cả những thứ đó sẽ hồi sinh trở lại trong cuộc đời của Paul và Minta; “vợ chồng nhà Rayley” bà thử nhẩm lại cái tên mới; và cảm nhận, với bàn tay đặt trên năm đấm cửa phòng lũ trẻ, sự hòa đồng cảm giác với những người khác mà cảm xúc mang lại đó, như thể những bức vách tường trở nên mỏng manh đến nỗi trên thực tế tất cả chỉ cùng chung một dòng (đó là một cảm giác khuây khỏa và hạnh phúc), và những chiếc ghế, những cái bàn, những tấm bản đồ, là của bà, là của họ, của ai không phải là điều quan trọng, và Paul và Minta sẽ thực hiện nó khi bà đã chết.

Bà thận trọng xoay năm đấm cửa để nó không kêu lên cọt kẹt, và bước vào, hơi mím nhẹ đôi môi, như để tự nhắc nhở rằng bà không được nói lớn tiếng. Nhưng ngay khi bước vào phòng bà nhận thấy, với sự bức mình, rằng sự thận trọng của bà là không cần thiết. Lũ trẻ chưa ngủ. Đây là điều đáng bức nhất. Mildred cần cẩn thận hơn. Kia là thằng James đang tỉnh rụi và con bé Cam đang ngồi thẳng đơ, còn Mildred thì đang rời khỏi giường với đôi chân trần, đã gần mười một giờ và tất cả vẫn đang chuyện gẫu. Có chuyện gì thế? Lại là cái xương sọ gổm ghiếc đó. Bà đã bảo Mildred mang nó đi, nhưng dĩ nhiên là Mildred đã quên bég đi rồi, và bây giờ con Cam lẫn thằng James đang tỉnh rụi như sáo, cãi cộ nhau, khi lẽ ra chúng đã phải ngủ từ nhiều giờ trước đó. Cái gì đã ám vào Edward khi gửi cho chúng cái xương sọ gổm ghiếc này vậy nhỉ? Bà thật ngốc khi cho phép chúng đóng đinh treo nó lên đó. Nó được treo lên rất nhanh, Mildred nói, và Cam không thể ngủ khi có nó trong phòng, còn thằng James thì hét lên nếu bà ta chạm vào nó.

Cam phải đi ngủ (Cam bảo cái xương sọ đó có những cái sừng to tướng) - phải đi ngủ và mơ tới những cung điện xinh đẹp, bà Ramsay vừa nói vừa ngồi xuống giường bên cạnh nó. Nó có thể nhìn thấy những cái sừng trong khắp phòng, Cam nói. Đúng thế. Ở bất cứ nơi nào họ để đèn (và James không thể ngủ nếu không có đèn) sẽ luôn có một cái bóng ở đâu đó.

“Nhưng, Cam à, con nghĩ xem, nó chỉ là một con heo già,” bà Ramsay nói, “một con heo đẹp màu đen giống như những con heo ở trang trại.” Nhưng Cam nghĩ cái xương sọ là một vật kinh khủng, cứ chìa sừng về phía nó từ khắp nơi trong phòng.

“Thôi được,” bà Ramsay nói, “chúng ta sẽ che nó lại.” Cả bọn theo dõi bà đi tới cái tủ ngăn, lần lượt mở nhanh những cái ngăn kéo, và khi không tìm được thứ gì khả dĩ, bà nhanh nhẹn tháo tấm khăn choàng của mình ra quấn quanh cái xương sọ, quấn quanh, quấn quanh, sau đó bà quay lại chỗ Cam, đặt đầu bà lên chiếc gối bên cạnh Cam và bảo rằng bây giờ trông cái sọ thật đáng yêu; những bà tiên sẽ yêu thích nó như thế nào; nó giống như một cái tổ chim; nó giống như một ngọn núi mà bà từng thấy ở nước ngoài, với những thung lũng, những bông hoa, những chiếc chuông reo lên lanh lảnh, những con chim hót líu lo, những con dê và linh dương nhỏ nhắn và... Bà có thể thấy những lời ngân nga trầm bổng của bà vang vọng trong lại trong tâm trí của Cam, và Cam lặp lại theo bà, rằng nó giống như một ngọn núi, một cái tổ chim, một khu vườn, có nhiều con linh dương nhỏ nhắn như thế nào, và đôi mắt nó mở ra, khép lại. Bà tiếp tục nói, đều đều hơn, ngân nga trầm bổng hơn, vô lý hơn, rằng nó phải khép mắt lại và ngủ và mơ về những ngọn núi, những thung lũng, và mọi vật đáng yêu như thế nào, bà bảo, chậm chậm ngẩng đầu lên và nói một cách máy móc hơn, cho tới khi bà ngồi thẳng lưng lên và thấy rằng Cam đã ngủ thiếp đi.

Bây giờ, bà nói khẽ, băng qua chỗ giường của James, cả nó cũng phải ngủ đi, vì, thấy không, cái sọ lợn lòi vẫn còn ở đó; họ đã không chạm vào nó; họ đã thực hiện điều mà James muốn; nó hoàn toàn không hề bị ai làm tổn thương ở đó. Thằng bé chắc chắn rằng cái sọ vẫn còn ở đó dưới tấm khăn choàng. Nhưng nó muốn hỏi bà thêm một điều. Ngày mai họ có đi ra ngọn hải đăng không?

Không, không phải ngày mai, nhưng sẽ sớm thôi, bà hứa với nó; nếu ngày một đẹp trời. Nó rất ngoan ngoãn. Nó nằm xuống. Bà kéo chăn trùm cho nó. Nhưng nó sẽ không bao giờ quên, bà biết, và bà thấy giận Charles Tansley và chồng bà, và tự giận bản thân, vì bà đã nâng cao những hy vọng của nó. Rồi khi đưa tay tìm tấm khăn choàng và nhớ ra rằng bà đã

quấn nó quanh cái sọt lợn lòi, bà đứng lên, kéo cánh cửa sổ xuống vài phân, nghe tiếng gió, hít sâu một hơi cái không khí đêm man mát lạnh rất đối bình thường, lẩm bẩm chào Mildred và rời khỏi căn phòng, để cho cái chốt cửa chậm chậm luồn vào ổ khóa và đi ra ngoài.

Hy vọng anh ta sẽ không ném âm những cuốn sách của mình xuống sàn nhà trên đầu bọn trẻ, bà nghĩ, vẫn còn bực mình khi nghĩ tới Charles Tansley. Vì không đứa nào trong số chúng ngủ ngon giấc cả; chúng là những đứa trẻ dễ bị kích động, và vì anh ta đã nói những điều như thế về ngọn hải đăng, với bà dường như anh ta sẽ vụng về quét cùi chỗ đánh đổ một chồng sách khỏi bàn ngay khi chúng vừa say ngủ. Vì bà cho rằng anh ta lên tầng trên để làm việc. Song trông anh ta quá cô quạnh; song bà cảm thấy nhẹ nhõm khi anh ta đi; song anh ta lại đáng ngưỡng mộ đối với chồng bà; song thái độ cư xử của anh ta cần được cải thiện; song bà thích tiếng cười của anh ta - nghĩ tới điều này, trong lúc đang xuống cầu thang, bà nhận ra rằng giờ đây bà có thể nhìn thấy vầng trăng qua cửa sổ cầu thang - vầng trăng trung thu vàng óng ả - và quay lại, và họ nhìn thấy bà, đang đứng bên trên họ trên cầu thang.

“Đó là mẹ tôi,” Prue nghĩ. Vâng; Minta nên nhìn vào người; Paul nên nhìn vào người. Đó là chính bản thân sự vật, cô cảm thấy, như thể chỉ có duy nhất một người như thế trên đời; mẹ của cô. Và từ chỗ đã hoàn toàn trưởng thành, một khoảnh khắc trước đó, khi trò chuyện với những người khác, cô lại trở thành một đứa trẻ con, và những gì họ đang làm là một trò chơi, và mẹ cô sẽ ủng hộ hay coi thường trò chơi đó, cô tự hỏi. Cho rằng đây là một cơ hội để Minta, Paul và Lily nhìn thấy bà, cảm thấy việc có bà là một vận may đặc biệt biết bao, và cảm thấy cô sẽ không bao giờ trưởng thành và không bao giờ rời khỏi mái nhà ra sao, cô nói, như một đứa trẻ, “Chúng con đã nghĩ tới việc đi xuống chỗ bãi biển để ngắm những lượn sóng.”

Ngay tức khắc, không vì lý do nào cả, bà Ramsay trở nên giống như một cô gái tuổi đôi mươi, đầy vẻ vui tươi nhí nhảnh. Một tâm trạng say sưa đột nhiên choán ngập trong bà. Tất nhiên họ phải đi, bà kêu lên, cười to; và nhanh nhẹn chạy xuống mấy bậc thang cuối, bà bắt đầu quay từ người này sang người khác, cười to, kéo đôi cánh tay của Minta choàng

quanh người bà và bảo rằng bà chỉ ước gì bà cũng có thể đi cùng, và họ có về trễ lắm hay không, có ai trong số họ có đồng hồ hay không?

“Vâng, Paul có,” Minta nói. Paul rút một cái đồng hồ bằng vàng xinh đẹp ra khỏi một cái bao da linh dương nhỏ để khoe với bà. Và khi đưa nó ra trước mặt bà, anh ta cảm thấy, “Bà ấy biết hết mọi chuyện. Mình không cần nói gì cả.” Anh ta vừa khoe cái đồng hồ vừa nói với bà, “Tôi đã thực hiện chuyện đó rồi, bà Ramsay ạ. Tôi chịu ơn bà về tất cả những chuyện đó.” Và khi nhìn cái đồng hồ vàng nằm trong bàn tay anh ta, bà Ramsay cảm thấy, Minta thật cực kỳ may mắn biết bao! Cô ta sắp lấy một người đàn ông có một cái đồng hồ bằng vàng đựng trong một cái túi da linh dương!

“Ước gì tôi có thể đi với các cháu!” bà kêu lên. Nhưng bà bị ngăn lại bởi một điều gì đó mạnh mẽ đến nỗi bà không bao giờ nghĩ tới việc tự hỏi rằng đó là gì. Dĩ nhiên là bà không thể nào đi với họ. Nhưng bà rất muốn đi, nếu như không có chuyện khác, và buồn cười với sự ngớ ngẩn trong ý nghĩ của mình (thật may mắn biết bao khi lấy một người đàn ông có một cái túi da linh dương để đựng một cái đồng hồ) bà đi vào một căn phòng khác, nơi chồng bà đang ngồi đọc sách, với một nụ cười mỉm trên môi.

19.

Dĩ nhiên, bà tự nhủ khi bước vào phòng, bà phải tới đây để đạt được một điều mà bà muốn. Trước hết bà muốn ngồi xuống một cái ghế riêng biệt bên dưới một ngọn đèn riêng biệt. Nhưng bà còn muốn một cái gì hơn thế nữa, dù bà không biết, không thể nghĩ ra điều bà muốn là gì. Bà nhìn chồng mình (vừa giơ chiếc tất lên và bắt đầu đan), và thấy rằng ông không muốn bị cắt ngang - đó là điều rất rõ ràng. Ông đang đọc một cuốn sách nào đó khiến ông xúc động rất nhiều. Ông hơi nhếch miệng cười và bà biết rằng ông đang kiểm soát cảm xúc của mình. Ông lật vội các trang sách. Ông đang diễn lại nó - có lẽ ông đang nghĩ bản thân mình là nhân vật trong cuốn sách. Bà tự hỏi đó là cuốn gì. Ô, bà thấy đó là một trong những cuốn của ông già Walter, bà điều chỉnh lại bóng của ngọn đèn để

ánh sáng rơi xuống chiếc tất đang đan. Vì Charles Tansley từng nói rằng (trông như thể bà đang mong đợi nghe thấy tiếng những cuốn sách rơi đánh sầm trên sàn nhà bên trên), từng nói rằng mọi người không còn đọc Scott nữa. Lúc đó chồng bà nghĩ, “Đó là điều mà họ sẽ nói về tôi;” vì thế ông đi tìm một trong mấy cuốn sách đó. Và nếu ông đi tới kết luận “Điều đó đúng” về những gì Tansley nói, ông sẽ chấp nhận ý kiến đó về Scott. (Bà có thể thấy rằng ông đang cân nhắc, suy xét, đối chiếu điều này với cuốn sách ông đang đọc.) Nhưng không phải là về bản thân ông ấy. Ông luôn luôn không thoải mái với bản thân. Điều đó khiến bà thấy khổ sở. Ông luôn luôn lo lắng về những cuốn sách của mình - người ta có đọc chúng không, chúng có hay không, vì sao chúng không thể hay hơn, mọi người nghĩ gì về tôi? Không thích nghĩ về ông như thế, và tự hỏi nếu họ đã mời khách ăn tối thì tại sao ông lại bức bối khi họ nói về danh vọng và sự tồn tại của những cuốn sách, tự hỏi không biết lũ trẻ có chế giễu điều đó hay không, bà kéo mạnh chiếc tất, và mọi nét chạm đẹp để như được tủa tốt từ những dụng cụ bằng thép hiện ra quanh đôi môi và vầng trán của bà, và bà trở nên thính lặng như một thân cây đã bị quăng quật và run rẩy và giờ đây, khi gió đã ngưng, từng chiếc lá một lại trở nên tĩnh tại.

Dù đó có là bất cứ điều gì thì cũng không quan trọng, bà nghĩ. Một người đàn ông vĩ đại, một cuốn sách vĩ đại, danh vọng - ai có thể nói được? Bà chẳng biết mô tê gì về việc đó. Nhưng đó là cái cách của ông ấy với chính ông ấy, sự chân thật của ông ấy - chẳng hạn trong bữa ăn tối bà đã suy nghĩ một cách hoàn toàn bản năng, Giá mà ông ấy nói! Bà hoàn toàn tin tưởng vào ông ấy. Và gạt bỏ tất cả những thứ này, như một người lặn xuống và lướt qua khi thì một túm rong, khi thì một cọng rơm, khi thì một bọt nước, bà lại cảm thấy, trong lúc ngày càng chìm sâu xuống, như bà đã cảm thấy trong sảnh khi những người khác đang trò chuyện, Có một điều gì đó mà tôi muốn - một điều gì đó mà tôi đã tới để nhận lấy, và bà cảm thấy ngày càng xuống sâu hơn, hoàn toàn không biết đó là gì, với đôi mắt nhắm nghiền. Bà đợi một lát, vừa đan vừa tự hỏi, và một cách chậm rãi, những ngôn từ mà họ đã ngâm nga trong bữa ăn tối hiện lên, “Hoa hồng thắm nở chập chờn bướm ong,” bắt đầu trôi giạt từ phía này sang phía kia tâm trí của bà một cách nhịp nhàng, và khi chúng trôi giạt bênh bồng, những ngôn từ đó, như những ngọn đèn nhỏ tỏa bóng,

một đỏ, một xanh trời, một vàng, thấp sáng bóng tối trong tâm trí bà, và đường như rời khỏi nơi trú ngụ của chúng ở đó để bay ngang qua, ngang qua, hoặc để hét to lên và được vang vọng lại; thế là bà quay lại và sờ tay lên chiếc bàn bên cạnh để tìm một cuốn sách.

Mọi cuộc đời đã sống qua

Mọi cuộc đời sẽ la cà mai sau

Ngập tràn những bóng cây cao

Ngập tràn những lá thay màu thời gian,

bà lẩm bẩm, cài đôi kim đan vào chiếc tất. Rồi bà mở cuốn sách ra và bắt đầu đọc rải rác đó đây, và trong lúc làm như thế, bà cảm thấy như đang trèo lui, trèo tới, di động dưới những cánh hoa uốn mình bên trên bà, khiến bà chỉ biết đây là màu trắng hay đây là màu đỏ. Thoạt tiên bà không biết những từ ngữ đó có ý nghĩa gì hết.

Hướng về đây, hỡi mọi thủy thủ bị dập vùi tươi tắn,

hãy hướng về đây những mảnh ván thông mọc cánh của các chàng, [\[31\]](#)

bà đọc và lật sang trang, thân hình khẽ lắc lư, quanh qua lộn lại ở chỗ nọ chỗ kia, từ dòng này sang dòng khác, như từ một nhánh cây này sang nhánh khác, từ một bông hoa màu đỏ và trắng sang một bông hoa khác, cho tới khi một âm thanh nhỏ đánh thức bà - tiếng chồng bà vỗ đùi. Ánh mắt họ gặp nhau trong một giây; nhưng họ không muốn nói với nhau. Họ không có gì để nói, tuy nhiên dường như có một điều gì đó đã chuyển dịch từ ông ấy sang bà. Chính là cuộc sống, là sức mạnh của nó, là sự hài hước tốt cùng, bà biết, đã khiến cho ông ấy phải vỗ đùi. Đừng cắt ngang tôi, dường như ông ấy đang nói, đừng nói gì hết; cứ ngồi yên đó. Và ông tiếp tục đọc. Đôi môi ông mấp máy. Nó phủ đầy ông. Nó củng cố ông. Ông đã quên sạch tất cả những xích mích, những bực mình bé nhỏ ban tối, rằng ông đã chán không thể tả thế nào khi phải ngồi yên trong lúc mọi người cứ ăn uống như không bao giờ kết thúc, rằng ông rất bực vợ mình, rất giận và phiền lòng khi họ làm ngơ những cuốn sách của ông

như thế chúng không hề tồn tại. Nhưng giờ đây, ông cảm thấy, chẳng có chi là quan trọng việc ai đã đạt tới mẫu tự Z (nếu tư tưởng chạy như một bảng chữ cái từ A đến Z). Một người nào đó sẽ đạt tới nó - nếu không phải là ông, thì sẽ là một người khác. Sức mạnh và sự minh mẫn của người đàn ông này, cảm giác của ông ta đối với những điều đơn giản trực tiếp, những người ngư dân này, sinh vật già nua khốn khổ bị phát cuồng trong căn nhà tranh của Mucklebackit^[32] khiến ông có cảm giác cường tráng, nhẹ nhõm đến nỗi ông cảm thấy mình đã thức tỉnh và chiến thắng và không thể ngăn được đôi dòng lệ. Giơ cuốn sách lên cao hơn một chút để che mặt lại, ông để cho chúng thoải mái tuôn rơi và lắc đầu từ bên này sang bên kia, hoàn toàn quên đi bản thân (nhưng không quên một hoặc hai phản ánh về đạo lý và những cuốn tiểu thuyết Pháp và tiểu thuyết Anh và đôi bàn tay của Scott bị trói chặt nhưng cái nhìn của ông có lẽ cũng chân xác như cái nhìn của người khác), hoàn toàn quên đi những mối bận tâm và thất bại của riêng ông với việc Steenie tội nghiệp bị chết chìm và nỗi u sầu của Mucklebackit (Scott đã đạt tới chỗ hay nhất của mình ở đó), với niềm hân hoan lạ lùng và cảm giác tràn trề sinh lực mà nó mang tới cho ông.

Được, cứ để họ cải thiện dựa trên điều đó, ông nghĩ khi kết thúc chương sách. Ông cảm thấy như đã tranh luận với một người nào đó, và đã thắng thế. Họ không thể cải thiện dựa trên điều đó, bất kể họ có nói gì đi nữa; và vị trí của riêng ông càng trở nên an toàn hơn. Những tình nhân là những thứ vớ vẩn, ông nghĩ, một lần nữa thu thập toàn bộ mọi thứ trong tâm trí lại. Đó là thứ vớ vẩn, đó là loại hạng nhất, ông nghĩ, đặt điều nọ cạnh điều kia. Nhưng ông phải đọc lại nó một lần nữa. Ông không thể nhớ toàn bộ hình dáng của các sự vật đó. Ông phải tạm hoãn lại sự phán xét của mình. Vì thế ông quay sang ý nghĩ khác - nếu những gã thanh niên không quan tâm tới tác giả này, lẽ tự nhiên họ cũng chẳng quan tâm chi tới ông. Người ta không nên than phiền, ông Ramsay nghĩ, cố dập tắt niềm khao khát được than phiền với vợ ông rằng những gã thanh niên không ngưỡng mộ ông. Nhưng ông đã xác định; ông sẽ không làm phiền bà nữa. Tối đây ông nhìn bà đọc sách. Trông bà rất bình an, đang đọc. Ông thích nghĩ rằng mọi người đã đi khỏi hết và chỉ còn lại một mình ông với bà. Tổng thể của cuộc đời không cốt ở việc lên giường với một người

đàn bà, ông nghĩ, quay lại với Scott và Balzac, với tiểu thuyết Anh và tiểu thuyết Pháp.

Bà Ramsay ngẩng đầu lên, và, như một người đang trong một giấc ngủ vật vờ, dường như muốn nói rằng nếu ông muốn bà thức giấc thì bà sẽ thức, sẽ thật sự thức, nhưng nếu không, có lẽ bà sẽ ngủ tiếp, chỉ thêm một chút nữa, chỉ thêm một chút nữa? bà đang trèo lên những nhánh cây kia, theo cách này cách khác, đặt tay vào một đóa hoa này rồi vào đóa khác.

Cũng không ca tụng màu đỏ như son của hoa hồng, ^[33]

Bà đọc, và vừa đọc bà vừa trèo lên, bà cảm thấy, tới tận ngọn, tới tận đỉnh. Thật mãn nguyện biết bao! Thật thư thái biết bao! Tất cả những chuyện tầm thường nhỏ mọn của ngày hôm đó đã bị hút chặt vào khối nam châm này; tâm trí bà cảm thấy trong lành, thanh sạch. Và nó kia rồi, toàn vẹn một cách bất ngờ; bà giữ nó trong đôi bàn tay, đẹp đẽ và hữu lý, trong trẻo và toàn vẹn, đây - bài thơ sonnet.

Nhưng bà cũng nhận thấy chồng bà đang nhìn bà. Ông ấy đang mỉm cười với bà, một cách giễu cợt, như thể ông đang chế nhạo bà một cách nhẹ nhàng về việc ngủ gật trong ánh ngày rộng mở, nhưng cùng lúc đó ông đang thầm nghĩ, Cứ đọc tiếp đi. Bây giờ bà không có vẻ buồn bã nữa, ông nghĩ. Và ông tự hỏi, bà đang đọc cái gì, và phóng đại sự thiếu hiểu biết, sự giản dị của bà lên, vì ông thích nghĩ rằng bà không thông minh, không có chút kiến thức sách vở nào. Ông tự hỏi không biết bà có hiểu những gì mình đang đọc hay không. Có lẽ không, ông nghĩ. Bà xinh đẹp lạ lùng. Dường như với ông vẻ đẹp của bà đang tăng lên, nếu điều đó có thể xảy ra.

Nhưng trời đông dường như thanh lạnh, và em xa khuất

Ta đã đùa vui với những điều này như với bóng hình em, ^[34]

bà kết thúc.

“Sao hả?” bà nói, mơ màng vọng lại nụ cười của ông, ngẩng lên từ cuốn sách.

Ta đã đùa vui với những điều này như với bóng hình em,

bà lẩm bẩm, đặt cuốn sách lên bàn.

Chuyện gì đã xảy ra, bà tự hỏi khi cầm món đồ đan lên, kể từ lúc bà nhìn thấy ông ngồi một mình? Bà nhớ tới việc trang điểm; và việc nhìn thấy vầng trăng; Andrew đã đưa đĩa của nó lên quá cao trong bữa ăn; nỗi phiền muộn bởi điều William đã nói; những con quạ trên mấy thân cây; cái ghế sofa ở đầu cầu thang; lũ trẻ còn thức; Chalres Tansely đang đánh thức chúng với việc đánh rơi sách của anh ta - Ồ, không, bà đã tự tưởng tượng ra điều đó; và việc Paul có một cái túi da linh dương để đựng đồng hồ. Bà sẽ nói chuyện nào với ông đây?

“Họ đã đính hôn,” bà nói, bắt đầu đan, “Paul và Minta.”

“Tôi cũng đoán thế,” ông nói. Không có gì nhiều để nói về chuyện đó. Tâm trí ông vẫn đang di động lên xuống, lên rồi lại xuống với bài thơ; ông vẫn còn cảm thấy rất cường tráng, rất quả quyết, sau khi đọc về đám tang của Steenie. Vì thế họ ngồi im lặng. Rồi bà bắt đầu nhận thức rằng bà muốn ông nói một điều gì đó.

Bất cứ điều gì, bất cứ điều gì, bà nghĩ, tiếp tục đan. Bất cứ điều gì cũng tốt.

“Thật tuyệt biết bao khi lấy một người đàn ông có một cái túi da linh dương để đựng cái đồng hồ của anh ta,” bà nói, vì đó là kiểu nói đùa mà họ đã có cùng nhau.

Ông khịt mũi. Ông cảm nhận về cuộc đính hôn này cũng giống như ông luôn cảm nhận về bất cứ một cuộc đính hôn nào; cô gái có vẻ tốt quá mức đối với chàng thanh niên đó. Dần dà, một ý nghĩ hiện ra trong đầu bà, vì sao người ta lại muốn mọi người lấy nhau? Giá trị, ý nghĩa của mọi sự là gì? (Mỗi từ họ nói bây giờ hẳn sẽ là đúng) Hãy nói một điều gì đó đi, bà nghĩ, chỉ mong nghe thấy giọng nói của ông ấy. Vì cái bóng đó,

cái đang phủ kín lấy họ đã bắt đầu, bà cảm thấy, tiến tới gần quanh bà một lần nữa. Hãy nói bất cứ điều gì, bà khẩn khoản, nhìn ông ấy, như thể cầu xin giúp đỡ.

Ông im lặng, kéo tới kéo lui cái chốt trên sợi dây đồng hồ, nghĩ về những cuốn tiểu thuyết của Scott và của Balzac. Nhưng xuyên qua những bức vách hoàng hôn của sự thân mật của họ, vì họ đang nhích lại gần nhau, một cách bất giác, đến cạnh nhau, rất gần, bà có thể cảm thấy tâm trí của ông ấy như một bàn tay giơ lên che khuất đi tâm trí của bà; và bây giờ những ý nghĩ của bà đã chuyển sang trạng thái bồn chồn mà ông ấy không thích - “sự bi quan” như ông ấy gọi - dù ông ấy không nói gì, chỉ đưa tay lên trán, hất một lọn tóc lên, rồi để cho nó rơi xuống lại.

“Bà sẽ không hoàn tất được đôi vớ đó trong đêm nay,” ông ấy nói, chỉ tay vào chiếc tất. Đó là điều mà bà mong muốn - sự nghiêm khắc trong giọng ông ấy như có ý quở trách bà. Nếu ông ấy nói rằng có thái độ bi quan là sai thì có lẽ nó sai, bà nghĩ; cuộc hôn nhân đó rốt cục sẽ ổn thỏa.

“Không,” bà đáp, trải chiếc tất ra trên đôi đầu gối của mình, “Tôi sẽ hoàn thành nó.”

Và rồi gì nữa? Vì bà cảm thấy rằng ông ấy vẫn đang nhìn bà, nhưng cái nhìn của ông đã biến đổi. Ông ấy muốn một điều gì đó - muốn cái điều mà bà luôn thấy khó mà cho ông ấy được; muốn bà nói rằng bà yêu ông ấy. Không, bà không thể thực hiện điều đó được. Ông ấy tìm ra cái để chuyện trò dễ dàng hơn bà nhiều. Ông ấy có thể nói về nhiều thứ - bà không bao giờ có thể. Vì thế, tự nhiên là ông ấy luôn luôn nói về mọi thứ, và rồi vì một nguyên do nào đó ông ấy chợt nhận ra điều này, và sẽ trách móc bà. Ông ấy gọi bà là một phụ nữ vô tâm; bà chẳng bao giờ nói với ông ấy rằng bà yêu ông ấy. Nhưng chuyện không phải như vậy - không phải như vậy. Chỉ là vì bà không bao giờ có thể nói điều mà bà cảm thấy. Có phải trên áo ông ấy không có một vụn bánh nào không? Có phải bà không thể làm điều gì cho ông ấy? Bà nhồm dậm, đứng bên cạnh cửa sổ với chiếc tất màu nâu đỏ trong tay, phần để quay mặt đi khỏi ông ấy, phần vì bà chợt nhớ ra biển về đêm thường đẹp thế nào. Nhưng bà biết rằng ông ấy cũng đã quay đầu lại khi bà quay đi; ông ấy đang ngăm nhìn

bà. Bà biết rằng ông ấy đang nghĩ bụng, Em xinh đẹp hơn bao giờ hết. Và bà tự cảm thấy mình xinh đẹp. Em sẽ nói với tôi dù chỉ một lần rằng em yêu tôi chứ? Ông ấy đang nghĩ điều đó, vì ông ấy đã bị đánh thức, về những gì với Minta và những cuốn sách của ông ấy, và vào cuối ngày họ đã cãi nhau về việc ra ngọn hải đăng. Nhưng bà không thể làm điều đó; bà không thể nói câu đó. Thế là, biết rằng ông ấy đang nhìn mình, thay vì nói bất cứ điều gì bà quay lại, giơ món đồ đang đan lên, và nhìn ông. Và khi nhìn ông bà bắt đầu mỉm cười; vì dù bà không hề nói một lời nào, ông ấy biết, tất nhiên là ông ấy biết, rằng bà yêu ông ấy. Ông ấy không thể chối bỏ điều đó. Và bà mỉm cười nhìn ra phía ngoài cửa sổ và nói (vừa tự nhủ với mình, Không có gì trên đời có thể sánh với niềm hạnh phúc này) - “Vâng, ông nói đúng. Ngày mai trời sẽ ẩm ướt. Ông sẽ không đi được.” Và bà nhìn ông mỉm cười. Vì một lần nữa bà lại chiến thắng. Bà không nói ra điều đó: thế nhưng ông ấy biết.

THỜI GIAN QUA

1.

“Chà, chúng ta phải chờ xem tương lai ra sao,” ông Bankes nói, bước vào từ ngoài hiên.

“Trời tối quá không nhìn được,” Andrew nói, đi lên từ bãi biển.

“Hầu như không thể nói đâu là biển và đâu là đất liền nữa,” Prue nói.

“Chúng ta cứ để sáng đèn ở đó hử?” Lily hỏi khi họ cởi áo khoác ra ở bên trong nhà.

“Không,” Prue bảo, “nếu mọi người đều ở trong nhà.”

“Andrew,” cô gọi với, “cứ tắt đèn trong sảnh đi nhé.”

Những ngọn đèn dầu lần lượt bị thổi tắt đi, chỉ có ông Carmichael, do muốn nằm đọc *Virgil*^[35] thêm một lúc, vẫn còn để sáng cây nến của mình.

2.

Thế là với tất cả những ngọn đèn đã tắt mặt trăng chìm xuống, một cơn mưa nhỏ gõ nhịp trên mái nhà, và bóng tối mênh mang bắt đầu buông. Đường như không có gì có thể thoát khỏi cơn lũ bóng tối tràn trề đang luồn vào những lỗ khóa và khe hở, cuộn tròn những tấm màn che cửa sổ, tiến vào những căn phòng ngủ, nuốt chửng một cái chậu và cái bình chỗ này, một lọ hoa thược dược đỏ và vàng chỗ nọ, những cạnh sắc và hình khối vững chắc của một cái tủ ngăn chỗ kia. Không chỉ những đồ đạc biến đi; mà hầu như không còn lại một thân hình hay tâm trí nào để

người ta có thể bảo, “Đây là anh ấy,” hay “Đây là cô ấy.” Thỉnh thoảng một bàn tay lại giơ lên như thể vớ lấy một vật gì đó, né tránh một vật gì đó, hoặc ai đó rên lên, cười to lên như đang chia sẻ một chuyện vui với khoảng hư vô.

Không có gì khuấy động trong phòng khách, phòng ăn hay trên cầu thang. Chỉ có những luồng không khí, bị tách khỏi cơn gió (nói cho cùng ngôi nhà đã cũ nát rồi) đang luồn qua những bản lề han rỉ và những thứ đồ gỗ, lượn quanh những góc nhà và thám thính những phòng ốc trong nhà.

Hầu như người ta có thể hình dung ra chúng khi chúng lướt vào phòng khách, hỏi han nhau và hỏi đùa với những miếng giấy dán tường đang bay phần phật, rằng bọn kia lơ lửng ở đó thêm bao lâu nữa thì sẽ rơi xuống? Rồi quét nhẹ lên những bức tường, chúng đâm chiêu lướt qua như muốn hỏi những đóa hồng đỏ và vàng trên giấy dán tường rằng các bạn có sẽ phai phai đi chẳng, và thăm dò (một cách khế khàng, vì chúng có thể tùy nghi sử dụng thời gian) những lá thư bị xé trong sọt đựng giấy vụn, những bông hoa, những quyển sách, tất cả những thứ giờ đây phơi mở ra với chúng và đang hỏi, Chúng là đồng minh? Chúng là kẻ thù? Chúng sẽ tồn tại bao lâu?

Với vết chân nhọt nhọt của nó trên cầu thang và tấm thảm, một tia sáng ngẫu nhiên - từ một vì sao không bị che khuất, từ một con tàu lang thang nào đó, hay thậm chí từ ngọn hải đăng - dẫn đường cho chúng. Với vết chân nhọt nhọt của tia sáng trên cầu thang và tấm thảm, những luồng không khí nhỏ lượn lên cầu thang và lướt vi vu quanh những cửa phòng ngủ. Nhưng chắc chắn chúng phải dừng lại ở đây. Bất cứ thứ gì khác cũng có thể tàn lụi và biến mất, còn cái nằm ở đây thì bất biến. Ở đây, người ta có thể nói tới những ánh sáng lướt qua đó, những làn không khí quờ quạng mà bạn không thể chạm vào hay hủy hoại đang thở và lướt bên trên chiếc giường đó. Từ bên trên, một cách yếu ớt, ma quái, như thể chúng có những ngón tay bằng lông vũ-ánh sáng và thứ ánh sáng bên bĩ của những chiếc lông vũ, chúng nhìn, một lần, vào những đôi mắt nhắm, những ngón tay nắm hờ, yếu ớt cuộn y phục của họ lên rồi biến mất. Cứ thế, ồn ào, vi vút, chúng lướt lên khung cửa sổ cầu thang, những căn phòng ngủ của những người hầu, những ngăn buồng của các căn phòng

áp mái; quay trở xuống, nhuộm trắng những quả táo trên bàn ăn, chạm vào những cánh hoa hồng, sờ vào bức tranh trong khung vẽ, quét qua tấm thảm và cuốn một ít cát lên sàn nhà. Cuối cùng, chúng ngưng nghỉ, gom tụ lại, cùng thốt lên một tiếng thở dài; cùng rít lên một giọng than van vô mục đích mà một cánh cửa nào đó trong nhà bấp đáp lại; chúng tỏa rộng ra; không chứa nhận gì cả; rồi thối đóng sầm cánh cửa.

[Tối đây, Carmichael, người đang đọc Virgil, thối tắt ngọn nến. Trời đã quá nửa đêm.]

3.

Nhưng rốt cuộc một đêm là gì? Một không gian ngăn ngủi, nhất là khi bóng tối mờ đi quá sớm, những con chim cất tiếng hót quá sớm, một con gà trống gáy lên, hay một màu xanh nhợt nhạt hiện nhanh, như một chiếc lá xoay vòng trong vũng xoáy. Tuy nhiên, đêm vẫn tiếp nối đêm. Mùa đông gom cất chúng và phân phát chúng đồng đều, với những ngón tay không mệt mỏi. Chúng kéo dài; chúng tối tăm. Một số đêm treo cao những hành tinh trong trẻo, những chiếc đĩa sáng ngời. Những chiếc lá mùa thu, bị tàn phá là thế, vẫn lấp lánh ánh sáng của những lá cờ tươi tắn ngời lên trong màn ảm đạm của những khung cửa nhà thờ, nơi những chữ cái bằng vàng trên những phiến đá hoa diển tả cái chết trong chiến trận và những nắm xương ngả trắng bị đốt cháy như thế nào ở xứ Ấn Độ xa xôi. Những chiếc lá thu sáng lấp lánh dưới ánh trăng vàng, thứ ánh sáng của những đêm rằm, thứ ánh sáng làm chín mọng khả năng lao động, làm mềm đi những gốc rễ, và đưa sóng phủ xanh bờ cát.

Giờ đây, dường như xúc động với sự ăn năn và tất cả những cần lao của con người, đức thánh linh đã rẽ tấm màn che và để lộ ra phía sau đêm một con thỏ rừng đứng thẳng, đơn độc, nổi bật; sóng vỗ; con thuyền bồng bênh; những thứ mà nếu chúng ta xứng đáng sẽ luôn là của chúng ta. Nhưng chao ôi, đức thánh linh đã giật phăng sợi dây, kéo lại bức màn; ngài không hài lòng; ngài che đi những kho báu của mình trong một cơn mưa đá, và phá tan chúng, làm lẫn lộn chúng đến nỗi dường như sự bình

thần của chúng sẽ không bao giờ quay lại hoặc chúng ta sẽ không bao giờ gom những mảnh vụn của chúng lại thành một tổng thể hoàn hảo hoặc đọc trong những mảnh rải rác những dòng chữ rõ ràng của chân lý được nữa. Vì sự ăn năn của chúng ta chỉ đáng cho một thoáng nhìn; sự cần lao của chúng ta chỉ hoãn lại được phút giây.

Đêm bây giờ đầy gió và sự tàn phá; cây cối ngã nghiêng và những chiếc lá bay tơi tả khắp đó đây cho tới khi phủ đầy bãi cỏ và nằm chồng chất lên nhau trong những máng xối, những ống dẫn nước mưa bị nghẹt và những con đường mòn rải rác. Ngay biển cả cũng trở trần và tự vỡ tung, và một kẻ đang ngủ bất kỳ nào đó sẽ tưởng tượng rằng anh ta có thể tìm thấy trên bãi biển một lời giải đáp cho những ngờ vực của mình, một sự sẻ chia cho nỗi niềm hiu quạnh của mình, vứt đi bộ quần áo ngủ của anh ta rồi một mình đi xuống để tản bộ trên mặt cát, chẳng có hình ảnh nào giống với sự phức vụ và sự sẵn sàng siêu thoát dễ dàng đến trong tay để đem trật tự lại cho đêm và làm cho thế giới phản ánh hạn độ của linh hồn. Bàn tay đó co quắp lại trong tay anh ta; giọng nói đó găm lên trong đôi tai anh ta. Có vẻ như trong một tình trạng rối rắm như thế sẽ chẳng ích gì khi hỏi màn đêm những câu hỏi cái gì, vì sao, bởi đâu, những câu hỏi đã thôi thúc kẻ ngủ ngon rời khỏi giường để tìm kiếm một lời giải đáp.

[Ông Ramsay, bị trượt ngã trên một hành lang vào một buổi sáng u ám, đã duỗi đôi tay của ông ra, nhưng bà Ramsay đã chết khá đột ngột vào đêm hôm trước, đôi tay ông, dù đã duỗi ra, chỉ chạm vào cõi hư vô.]

4.

Thế là với ngôi nhà trống rỗng, những cánh cửa khóa chặt và những tấm thảm cuộn lại, những làn gió nhẹ tản mát ấy, những cảnh vệ tiên phong của các đoàn quân lớn, ào ào thổi vào, quét qua những tấm ván trần, nhấm nhẵn và tủa thành hình rẽ quạt, chẳng gặp thứ gì trong căn phòng ngủ hay phòng khách vốn đã hoàn toàn ghi nhận chúng ngoài những vật treo tường bay phần phật, những đồ gỗ kê cọt kẹt, những chân bàn trần

trụi, những cái chảo và đồ sứ đã đóng đầy căn cầu, xỉn mờ, nứt vỡ. Những thứ mọi người đã bỏ rơi lại - một đôi giày, một cái mũ đi săn, vài chiếc váy và áo khoác bạc màu trong tủ quần áo - chỉ có những thứ đó mới còn lưu giữ hình dáng con người và biểu thị trong nỗi trống vắng rằng chúng đã từng được khoác mang và làm cho sống động ra sao; những bàn tay đã từng bận rộn với những cái khuy và móc áo ra sao; tấm gương đã từng ôm giữ một gương mặt ra sao; đã từng ôm giữ một thế giới bên ngoài trong đó một hình dáng xoay chuyển, một bàn tay vụt hiện, cánh cửa mở ra, lũ trẻ ùa vào nhốn nháo; và ùa ra ngoài trở lại. Bây giờ, ngày nối tiếp ngày, ánh sáng biến chuyển hình ảnh sắc nét của nó trên bức tường đối diện, như một bông hoa phản chiếu trên mặt nước. Chỉ có bóng của những hàng cây ngả nghiêng trong gió đang rập người trên tường, và trong khoảnh khắc làm tối đi cái vũng ánh sáng phản quang; hoặc chỉ những bóng chim bay ngang, tạo thành một vệt nhòa chậm chạp lướt qua nền phòng ngủ.

Về yêu kiều và sự tĩnh lặng ngự trị và cùng nhau tạo thành hình dáng của chính nó, một hình thức mà từ đó đời sống đã lìa xa; sự quạnh hiu giống như một vũng nước xa xa mờ nhạt dưới ánh chiều tà, được nhìn thấy từ cửa sổ một toa tàu, một vũng nước biến đi nhanh đến nỗi hầu như người ta không thể tước đoạt đi sự quạnh hiu của nó, dù đã nhìn thấy nó một lần. Về yêu kiều và sự tĩnh lặng nắm chặt tay nhau trong phòng ngủ giữa những chiếc bình bị che khuất, những chiếc ghế trùm kín, thậm chí nỗi tò mò của ngọn gió, và tiếng ồn khe khẽ của những làn gió biển nhẹ ẩm ướt đang cọ xát, khụt khịt và lặp lại những câu hỏi của chúng - “Các bạn có phai nhòa đi không? Các bạn có tàn lụi đi không? - cũng hầu như không thể quấy nhiễu sự thanh bình, sự lãnh đạm, bầu không khí vẹn nguyên thuần khiết, như thể câu hỏi mà chúng đặt ra hầu như không cần thiết phải được đáp lại rằng: chúng tôi vẫn còn đây.

Dường như không gì có thể phá vỡ hình ảnh đó, làm suy đồi sự trinh trắng đó, hoặc làm náo động tấm áo choàng lung linh của sự im lặng mà, hết tuần này sang tuần khác, trong căn phòng trống rỗng, đã đan dệt vào chính nó tiếng lũ chim kêu vọng lại, tiếng còi tàu hú, tiếng vi vu rì rào của những cánh đồng, tiếng chó sủa, tiếng người la hét, và cuộn chúng quanh phòng trong im lặng. Chỉ có một lần một tấm ván ngã xuống đầu

cầu thang; một lần vào lúc nửa đêm với một tiếng âm âm, một sự gầy đổ, như sau hàng bao nhiêu thế kỷ im lìm, một tảng đá tách ra khỏi ngọn núi và lao nhanh xuống lưng, một nếp gấp của tấm khăn choàng bung ra và đu đưa qua lại. Rồi sự thanh bình lại bao trùm; và cái bóng chập chờn; ánh sáng sùng kính nghiêng mình tới hình ảnh của chính nó trên tường phòng ngủ; và bà McNab, xé toạt bức màn im lặng với đôi bàn tay đã nhúng vào chậu giặt, nghiền nát nó với đôi ủng đã nghiêng trên đá sỏi, tới đó theo chỉ thị để mở mọi cánh cửa sổ ra và quét dọn những căn phòng ngủ.

5.

Khi đang bước chòng chành (vì bà lắc lư như một con tàu trên biển) và đảo mắt quanh (vì bà không nhìn thẳng vào một thứ nào cả mà chỉ liếc qua, một cái liếc mắt mang tính phản kháng sự khinh miệt và giận dữ của thế gian - bà biết rằng mình kém thông minh), khi bám lấy thành cầu thang đu người lên những bậc thang và khi tập tễnh bước từ phòng này sang phòng khác, bà cất tiếng hát. Trong khi đang lau chùi tấm gương dài và liếc mắt nhìn thân hình lắc lư lão đảo của mình, một âm thanh phát ra từ đôi môi bà - một câu hát nào đó mà có lẽ hai mươi năm trước từng rất vui nhộn trên sân khấu, từng được ngân nga và nhảy múa theo, nhưng giờ đây, phát ra từ một người đàn bà giúp việc răng rụng sạch, mũ trùm đầu, nó đã bị tước đi ý nghĩa, như chính bản thân giọng nói của sự ngờ nghệch, sự hóm hỉnh và sự kiên trì, nó trầm xuống rồi lại vút lên cao, khiến trong lúc vừa lão đảo bước vừa quét dọn, lau chùi, dường như bà muốn thốt lên rằng việc thức giấc và đi ngủ lại, việc lôi mọi thứ ra và thu cất chúng vào trở lại, là một nỗi buồn sâu và phiền muộn dài đặc biết bao. Cái thế giới mà bà đã biết suốt gần bảy mươi năm qua thật chẳng dễ dàng hay thoải mái chút nào. Bà mệt nhọc cúi đầu. Vừa quỳ gối rên rầm bên dưới giường để quét những tấm ván bà vừa tự hỏi, nó sẽ kéo dài bao lâu nữa? Nhưng khi lại nhồm người đứng lên, lại liếc nhìn vào gương mặt của chính bà, những nỗi buồn của chính bà, đang đứng đó há mồm trong tấm gương, mỉm nụ cười ngây ngô vô mục đích, lại bắt đầu nhẹ nhàng và tập tễnh bước, dỡ những tấm thảm lên, đặt những

món đồ sứ xuống, nghiêng mắt nhìn vào gương, rớt cuộc như thế bà đã tìm được niềm an ủi, như thế một niềm hy vọng bất khả tu chính nào đó đã thật sự quyen quanh bài hát buồn bã của bà. Át hẳn đã có những viễn cảnh hân hoan khi nói chuyện với con cái của bà (thế nhưng hai đứa là thứ hèn kém và một đứa đã từ bỏ bà) ở chỗ chậu giặt, khi đang uống ở quán rượu; khi đang lật những mảnh báo cắt ra trong ngăn kéo của bà. Át hẳn đã có một sự phân tách nào đó của bóng tối, một dòng chảy nào đó dưới những chiều sâu tăm tối mà qua đó ánh sáng đủ sức phát lộ ra trên gương mặt đang cười trong tấm gương và khiến bà lẩm nhẩm hát một bài ca cũ trên sân khấu khi một lần nữa quay về với công việc của mình. Kể thần bí, kể nhìn xa trông rộng, khi đi trên bãi biển trong một đêm trời đẹp, khi khuấy động một vũng nước nhỏ, khi nhìn một tảng đá, khi tự hỏi mình “Tôi là ai,” “Đây là cái gì?” đã đột ngột nhận được một câu trả lời hạ cố (họ không thể nói đó là gì) khiến họ thấy ấm lòng trong màn sương giá lạnh và thấy an ủi trong cơn quạnh quẽ. Nhưng bà McNab lại tiếp tục uống và lẩm nhẩm chuyện tầm phào như trước.

6.

Mùa xuân không còn chiếc lá nào để nhiều lộng, trần trụi và rục rĩ như một trinh nữ hung dữ với sự trinh bạch của mình, ngạo mạn với sự thuần khiết của mình, nằng nặc dài trên những cánh đồng, mắt mở to cảnh giác và hoàn toàn hờ hững với những gì mà những kẻ chứng kiến đã thực hiện hay suy nghĩ.

[Prue Ramsay, tựa vào cánh tay của cha mình, đã được trao đi trong hôn lễ. Mọi người bảo, còn chi xứng lứa vừa đôi hơn thế? Và, họ nói thêm, trông nàng thật xinh đẹp biết bao!]

Khi mùa hạ tới gần, khi những buổi chiều tà dài ra, những tưởng tượng lạ lùng nhất đã xuất hiện ở những kẻ thao thức và tràn trề hy vọng đang đi trên bãi biển và quậy tung vũng nước, về việc xác thịt biến thành những nguyên tử bị cuốn đi trong gió, về những vì sao lấp lánh trong tim họ, về vách núi, biển, mây và bầu trời được mang tới một cách cố tình và

tập hợp nhau lại ở bên ngoài những viển tượng rải rác của nội tâm. Trong những tấm gương đó, những tâm trí của con người, trong những vũng nước bắn khoan đó, mà bên trong là những đám mây và hình dáng biến chuyển không ngừng, những giấc mơ vẫn kéo dài dai dẳng, và người ta không thể nào cưỡng lại dự báo lạ lùng mà mỗi con mòng biển, mỗi đóa hoa, cây cối, mỗi người đàn ông và phụ nữ, và chính bản thân trái đất dường như đang bày tỏ (nhưng sẽ rút lui lập tức nếu bị đặt câu hỏi) rằng sự tốt lành đang thắng lợi, hạnh phúc đang chiếm ưu thế, trật tự đang ngự trị; hoặc cưỡng lại sự kích động khác thường muốn đi khắp đó đây để tìm kiếm một sự tốt lành tuyệt đối, một tinh thể hoặc cảm xúc mãnh liệt nào đó, xa biệt với những lạc thú từng được biết và những thứ hấp dẫn quen thuộc, một thứ gì đó xa lạ với những quy trình của cuộc sống trong nhà, đơn độc, cứng rắn, rục rở, như một viên kim cương trên cát, thứ sẽ mang lại an toàn cho người sở hữu chủ. Ngoài ra, trở nên mềm mại và tuân phục, mùa xuân, với những con ong bay vo ve và những con muỗi mắt đang nhẩy múa của nàng, đã khoác lên người tấm áo choàng, che mắt lại, ngoảnh đầu đi, và giữa những bóng dáng lướt qua, giữa những cơn mưa nhỏ, dường như đã thủ đắc thêm một tri kiến về những nỗi u sầu của con người.

[Prue Ramsay qua đời vào mùa hè năm đó vì một cơn bạo bệnh liên quan tới việc sinh nở, một tấn thảm kịch, mọi người bảo, vì mọi thứ đều đầy hứa hẹn lạc quan.]

Và giờ đây trong mùa hè oi bức, ngọn gió lại cử những tên lính dọ thám của mình dạo quanh ngôi nhà lần nữa. Những con ruồi dẹt thành một tấm lưới trong những căn phòng tràn ánh nắng; những ngọn cỏ, đã nhú lên sát bên cửa sổ trong đêm, khe khẽ vỗ lên lớp kính cửa. Khi màn đêm buông xuống, luồng ánh sáng của ngọn hải đăng, đã từng đáp xuống tấm thảm một cách uy quyền trong bóng tối, lại thực hiện theo khuôn mẫu cũ, giờ đây nó xuất hiện trong một thứ ánh sáng mùa xuân mềm dịu hơn hòa lẫn với ánh trăng lóng lánh, như thể nó tỏ bày sự quan tâm, lén lút nấn ná lẫn khân, nhìn ngó và lại hiện ra một cách thương yêu. Nhưng chính trong cơn lẳng động của sự chăm sóc thương yêu này, khi luồng ánh sáng dài đổ bóng lên giường, tảng đá bị xé toạc ra; một nếp khác của tấm khăn choàng chùng lỏng; nó treo lơ lửng đọng đưa ở đó. Suốt những đêm hè

ngắn ngủi và ngày hè dài dằng dặc, khi những căn phòng dường như thắm thì với tiếng vọng của những cánh đồng và tiếng vo ve của lũ ruồi, lá cờ đuôi nheo dài nhẹ nhàng ve vẩy đong đưa một cách vô mục đích. Trong khi đó mặt trời tỏa nắng chặn cửa những căn phòng và phủ đầy chúng với những lớp bụi mù vàng đến nỗi khi bà McNab bước vào và loạng choạng rào quanh, lau chùi, quét dọn, trông bà như một con cá miến nhiệt đới đang bơi qua lòng nước bị những ngọn gió mặt trời xuyên thủng.

Nhưng dù mùa hè có vẻ như triền miên trong giấc ngủ, muộn hơn sau đó cũng xuất hiện những âm thanh đáng ngại giống như những tiếng búa gỗ nhịp nhàng lên lớp nỉ, mà với sự chấn động lặp đi lặp lại của chúng tấm khăn choàng càng trở nên lỏng lẻo hơn và những cái tách uống trà rạn vỡ. Thỉnh thoảng một cái ly kêu leng keng trong tủ chạn như thể một gã khổng lồ nào đó vừa hét to lên giận dữ đến nỗi những cái cốc vại nằm bên trong một cái tủ cũng rung lên. Rồi sự im lặng lại buông xuống; và rồi, đêm nối tiếp đêm, và đôi khi vào đúng giữa trưa khi những đóa hoa hồng đẹp rạng rỡ và ánh sáng rọi lên bức tường hình dáng rõ ràng của nó, dường như có tiếng của một vật gì đó rơi đánh sầm xuống sự im lặng này, sự lãnh đạm này, sự vẹn nguyên này.

[Một quả đạn đại bác nổ. Hai mươi hoặc ba mươi chàng trai tan xác ở Pháp, Adrew Ramsay nằm trong số đó. Trời đất thương tình, anh chết ngay lập tức.]

Mùa hè năm đó, những ai đã từng đi xuống thả bộ trên bãi biển và hỏi trời biển rằng chúng đã thuật lại thông điệp gì hay chúng đã khăng nhận viễn cảnh nào phải cân nhắc xét suy giữa những dấu hiệu thông thường của tặng vật thiêng liêng - ánh hoàng hôn trên biển, ánh bình minh xanh nhạt, trăng lên, những con thuyền nổi lên trên vầng trăng, và lũ trẻ làm những cái bánh bằng bùn hoặc chơi ném chọi nhau bằng những túm cỏ - có một cái gì đó đã vượt khỏi sự hài hòa với cảnh thanh bình vui vẻ này. Chẳng hạn, sự xuất hiện lặng lẽ của một con tàu màu xám tro, đến, rồi đi; có một vết nhơ màu đỏ tía trên mặt biển êm đềm như thể có gì đó đã sừng phồng lên và chảy máu một cách vô hình bên dưới. Cứ như thể các chỉ báo này khuấy động những suy ngẫm siêu phàm nhất và dẫn tới

những kết luận thuận lợi nhất trong cuộc tản bộ của họ. Khó mà bỏ qua chúng; khó mà phủ nhận ý nghĩa quan trọng của chúng trong cảnh vật, khó mà tiếp tục kinh ngạc thấy rằng vẻ đẹp bên ngoài đã phản chiếu lại vẻ đẹp nội tâm như thế nào khi người ta thả bước trên bờ biển.

Thiên nhiên có bổ sung thêm cho những gì con người đã đề ra? Nó có hoàn thành cái mà anh ta đã bắt đầu không? Với sự tự mãn tương đương, nó nhìn thấy sự bất hạnh của anh ta, sự hèn hạ của anh ta và sự đau đớn kinh khủng của anh ta. Nhưng rồi có phải giấc mơ đó - về việc sẻ chia, về việc hoàn thành, về việc tìm ra trong sự cô quạnh trên bãi biển một lời giải đáp - chỉ là một phản ảnh trong một tấm gương, còn bản thân tấm gương chỉ là một bề mặt thủy tinh hình thành trong sự thụ động khi những sức mạnh cao cả hơn nằm thiếp ngủ bên dưới? Nôn nóng, thất vọng nhưng miễn cưỡng phải đi (vì vẻ đẹp đang chào mời quyến dụ và có những lời an ủi của nó), không thể tản bộ trên bãi biển; không thể chịu đựng nổi sự an ủi; tấm gương đã vỡ tan.

[Mùa xuân ấy ông Carmichael tung ra một tập thơ với một thành công ngoài mong đợi. Cuộc chiến tranh, mọi người bảo, đã làm sống lại mối quan tâm của họ đối với thi ca.]

7.

Đêm nối tiếp đêm, hè qua đông đến, sự hoành hành của những cơn bão, sự tĩnh lặng như tờ của ngày trời đẹp (đã từng có ai đó lắng nghe không), từ những căn phòng bên trên của ngôi nhà trống chỉ có thể nghe thấy tiếng giăng giật của những tia chớp lóe khổng lồ, khi những cơn gió và những lượn sóng nô đùa và cưỡi lên nhau như những bầy thủy quái phi lý trí luôn thay hình đổi dạng, và lao sầm vào bóng đêm hay ánh sáng ban ngày (vì đêm và ngày, tháng và năm cùng lướt bên nhau một cách phi hình thể) trong những trò chơi ngốc nghếch cho tới khi dường như vũ trụ cũng vật vã đổ nhào trong sự hỗn mang bạo tàn và khát vọng vô mục đích của chính nó.

Vào mùa xuân những bồn hoa trong vườn, vốn mọc đầy những loài cây dại do gió mang tới, lại vui tươi rực rỡ như xưa. Hoa violet và hoa thủy tiên nở rộ. Nhưng sự tĩnh lặng và rặng rờ của ngày cũng lạ lùng không kém sự hỗn loạn và náo động của đêm, với những hàng cây đứng đó, những loài hoa cỏ đứng đó, nhìn về phía trước chúng, nhìn lên, thế nhưng không thấy gì cả, không có mắt, và quá kinh hoàng.

8.

Cho rằng chẳng có tổn hại gì, vì gia đình ấy sẽ không tới, không bao giờ tới nữa, có người nói thế, và có lẽ ngôi nhà sẽ bị phát mãi vào ngày lễ thánh Mi-sen, bà McNab khom người xuống nhổ một bó hoa để mang vào nhà cắm. Bà đặt chúng lên bàn trong lúc quét dọn. Bà rất yêu thích các loài hoa. Bỏ phí chúng thật là một điều đáng tiếc. Giả dụ ngôi nhà bị bán đi (bà đứng chống nạnh trước tấm gương) nó sẽ muốn trông ra vẻ - nó sẽ muốn thế. Nó đã ở đó suốt bao năm qua chẳng có một bóng người nào lai vãng. Những cuốn sách và vật dụng đã cũ kỹ mốc meo, do cuộc chiến và và do khó tìm ra sự giúp đỡ, bà không thể giữ cho nó sạch sẽ như mong muốn được. Việc giữ cho nó được gọn gàng ngăn nắp lúc này nằm ngoài khả năng của một cá nhân. Bà đã quá già. Đôi chân bà luôn đau nhức. Mấy cuốn sách đó cần được đem ra phơi nắng trên thảm cỏ; vữa trát tường tróc rơi đầy trong sảnh; ống máng xối đã bị nghẹt ở phía trên cửa sổ phòng đọc sách khiến nước chảy vào phòng; thảm lót sàn đã hoàn toàn hư hỏng. Nhưng những người đó phải tự mình đến; họ nên cử ai đó tới đây xem xét. Vì áo quần vẫn còn nằm trong những cái tủ; họ đã để lại quần áo trong tất cả các phòng ngủ. Bà phải làm gì với chúng đây? Những đồ đạc quần áo của bà Ramsay đầy lũ nhậy. Vị phu nhân tội nghiệp! Bà ấy sẽ chẳng bao giờ muốn có chúng nữa. Bà ấy đã chết, họ bảo thế; cách đây nhiều năm, ở London. Có một chiếc áo choàng cũ màu xám mà bà ấy hay mặc để làm vườn (bà McNab sờ nhẹ nó bằng mấy ngón tay). Bà có thể nhìn thấy bà ấy đi lên con đường dẫn vào nhà với mớ đồ giặt, nghiêng người xuống những luống hoa (quang cảnh khu vườn giờ đây thật đáng thương, mọi thứ đã trở nên hỗn độn, và những con thỏ lao thẳng vào bện từ những luống hoa) - bà có thể nhìn thấy bà

ấy với một đĩa trong số lũ trẻ bên cạnh trong chiếc áo choàng xám đó. Có những đôi giày và ủng; một cái bàn chải và một cây lược còn nằm lại trên bàn trang điểm, như thể bà ấy từng mong đợi sẽ trở về ngay trong ngày mai. (Bà ấy đã chết rất đột ngột, họ bảo thế.) Có lần lẽ ra họ đã tới nhưng phải hoãn lại, do chiến tranh, và việc đi lại thời buổi này rất khó khăn; suốt bao năm qua họ đã không tới; chỉ gửi tiền cho bà; nhưng không bao giờ viết thư, không bao giờ tới, và mong đợi sẽ thấy rằng mọi thứ vẫn như lúc họ rời bỏ chúng, ôi chao! Vì sao cái bàn trang điểm lại đầy những đồ đạc vậy chứ (bà kéo chúng ra), những chiếc khăn tay, những dải ruy băng. Phải, bà có thể nhìn thấy bà Ramsay đi lên con đường dẫn vào nhà với mớ đồ giặt trong tay.

“Chào bà McNab,” bà ấy nói.

Bà ấy có một phong thái vui vẻ. Tất cả mọi cô gái đều thích bà ấy. Nhưng, than ôi, đã có nhiều thay đổi kể từ dạo ấy (bà đóng ngăn kéo lại); nhiều gia đình đã mất đi người thân yêu nhất của mình. Thế là bà ấy đã chết; và cậu Andrew bị giết; và cả cô Prue cũng đã chết, họ bảo thế, với đứa con đầu lòng của cô ấy; nhưng mọi người đều mất mát một ai đó trong những tháng năm này. Giá cả tăng vọt một cách đáng xấu hổ, và cũng chưa hề hạ xuống. Bà có thể nhớ bà ấy trong chiếc áo choàng xám rất rõ ràng.

“Chào bà McNab,” bà ấy nói, và bảo người đầu bếp để dành một đĩa xúp súp cho bà - cứ định ninh rằng bà cần tới nó, để mang cái giỏ nặng đó suốt con đường trở ra thị trấn. Giờ đây bà có thể nhìn thấy bà ấy, đang khom người bên những luống hoa; nhạt nhòa và lung linh, như một tia sáng màu vàng hay vòng tròn ở đầu một cái kính viễn vọng, một quý bà trong chiếc áo choàng màu xám, đang cúi người trên những luống hoa, đi vẩn vơ trên tường phòng ngủ, đứng trên bàn trang điểm, băng qua giá rửa mặt, trong khi bà tập tễnh lê bước, quét dọn, vươn thẳng người. Tên của người đầu bếp là gì nhỉ? Mildred? Marian? - một cái tên gì đó đại loại thế. Ôi chao, bà đã quên rồi - bà đã quên đi mọi thứ. Tính tình nồng nhiệt, như mọi phụ nữ tóc đỏ. Họ đã cười ngất nghẻo với nhau biết bao lần. Bà luôn được tiếp đón ân cần trong nhà bếp. Bà đã làm cho họ cười vui, quả vậy. Mọi chuyện hồi ấy đều tốt đẹp hơn bây giờ.

Bà thở dài; có quá nhiều công việc cho một người phụ nữ. Bà lắc đầu qua bên này rồi bên khác. Phòng này từng là phòng của lũ trẻ. Sao vậy, ở đây mọi thứ đều ảm thấp; vữa trát tường đã tróc rơi. Họ muốn gì mà treo một cái sọ lợn lòi ở đó không biết? cả nó cũng đã mốc meo. Và chuột đầy nhóc trong các căn phòng áp mái. Mưa dột vào nhà. Nhưng họ chẳng bao giờ cử người tới; chẳng bao giờ tới. Một số ổ khóa đã hư, thế nên những cánh cửa cứ mở ra đóng lại đánh sầm. Bà cũng chẳng thích lên đây vào buổi xế chiều chút nào. Bà thở than, rên rĩ. Bà đóng sập cánh cửa lại. Bà xoay chiếc chìa khóa trong ổ khóa, và bỏ lại ngôi nhà cô độc, cửa khóa then cài im ỉm.

9.

Ngôi nhà đã bị bỏ lại; ngôi nhà đã trở nên hoang vắng không người. Nó bị bỏ lại như chiếc vỏ sò trên một đồi cát và bị những hạt cát khô vùi lấp khi giờ đây cuộc sống đã từ bỏ nó. Đường như đêm dài đã chập chùng chặn nẻo; Đường như những làn gió lẻ vi vu, những hơi thở lẫn mò, lạnh và ẩm ướt, đã chiến thắng. Những cái chảo han rỉ, và những tấm thảm mục nát. Lũ cóc mò mẫm vào nhà. Tấm khăn choàng đang đưa phấp phới lại qua một cách lười nhát vô mục đích. Một cây kế đâm rễ vào những ô ngăn trong tủ chạn. Lũ chim én làm tổ trong phòng khách; nền nhà vương vãi những cọng rơm; vữa trát tường rơi từng mảng lớn; những chiếc rui nhà nằm trần trụi; lũ chuột tha dần món này món nọ để gặm nhấm phía sau những tấm ván ốp tường. Những con nhộng nở thành bướm đốm nâu và bò lổm ngổm phía ngoài kính cửa sổ. Cây anh túc nảy mầm giữa những lùm hoa thược dược; bãi cỏ nhấp nhô gợn sóng với những lớp cỏ cao; những cây atisô to lớn nhô cao giữa những bụi hoa hồng; một cây thược dược nở hoa giữa luống cải bắp; vào những đêm đông, tiếng gõ khe khẽ vào cửa sổ của một loài cỏ dại trở thành một tiếng lộp độp đều đều từ những thân cây cứng cáp và những cụm thạch nam gai vốn đã từng biến toàn bộ căn phòng thành một màu xanh vào mùa hạ.

Giờ đây sức mạnh nào có thể ngăn cản được sự sinh sôi nảy nở, sự vô tình của tự nhiên? Giấc mơ của bà McNab về một vị phu nhân, một đứa trẻ, một đĩa xúp sữa chẳng? Nó đã lướt trên những bức tường như một đốm nắng và biến mất. Bà đã khóa cửa lại; bà đã ra đi. Việc này nằm ngoài khả năng của một người phụ nữ, bà bảo. Họ chẳng hề cử người tới. Họ chẳng hề viết thư. Những thứ đồ đạc đang mục nát dần trong những ngăn kéo trên kia - thật đáng tiếc khi bỏ lại chúng như thế, bà bảo. Nơi chốn đó đã tan hoang hủy hoại. Chỉ có tia sáng của ngọn hải đăng thâm nhập vào những căn phòng trong giấy lát, gửi cái nhìn đột ngột của nó lên những chiếc giường và bức vách trong bóng tối mùa đông, bình thản nhìn cây kế và lũ chim én, lũ chuột và những cộng rơm. Giờ đây không gì có thể chống lại chúng; giờ đây không có gì nói với chúng là không. Mặc cho gió thổi; mặc cho cây anh túc tự nảy mầm và cây thược được kết bạn với những lùm cải bắp. Mặc cho lũ chim én làm tổ trong phòng khách, cây kế đâm rễ vào những ngăn tủ, và lũ bướm bướm sưỡi nắng trên lớp vải bọc phai màu của những chiếc ghế bành. Mặc cho những cái ly vỡ và những thứ đồ sứ nằm lăn lóc trên bãi cỏ và bị cỏ dại che khuất mất.

Vì giờ đây cái giờ khắc ấy, sự ngập ngừng ấy đã đến rồi, khi ánh bình minh run rẩy và bóng đêm dừng lại, khi nếu một chiếc lông chim đáp xuống mặt cân thì nó sẽ chìm xuống. Chỉ một chiếc lông chim, và ngôi nhà, đang chìm, đang rơi, hẳn sẽ xoay mình lao xuống những chiều sâu bóng tối. Trong những căn phòng đổ nát, những kẻ đi cắm trại sẽ đốt lửa đun những chiếc ấm của mình; những cặp tình nhân sẽ tìm nơi trú ẩn ở đó, nằm trên những tấm ván trần; và người chăn cừu cất bữa trưa của anh ta trên những chồng gạch, và gã lang thang nằm ngủ với chiếc áo khoác cuộn quanh người để xua đi cái lạnh. Rồi mái nhà hẳn cũng sẽ sụp đổ xuống; những bụi thạch nam và độc cần sẽ phủ kín những lối đi, bậc thêm và cửa sổ; sẽ đâm chồi nảy lộc, không đồng đều nhưng mạnh mẽ trên ụ đất, cho tới khi một kẻ xâm phạm nào đó, bị lạc đường, chỉ có thể được kể cho nghe câu chuyện bởi một cây loa kèn đuốc nằm giữa những bụi tầm ma, hoặc một mảnh đồ sứ trong bụi độc cần, rằng nơi đây trước kia đã có người từng sống; nơi đây từng có một ngôi nhà.

Nếu chiếc lông chim đã rơi, nếu nó đã đẩy nhẹ mặt cân xuống, toàn bộ ngôi nhà hẳn sẽ lao xuống những chiều sâu để nằm trên lớp cát lãng quên. Nhưng có một lực lượng nào đó đang hoạt động; một cái gì đó không có ý thức cao cho lắm; một cái gì đó đã đảo mắt liếc qua, một cái gì đó đã tập tễnh lắc lư lui tới; một cái gì đó không được thôi thúc bởi một nghi thức trang trọng hay một bài hát nghiêm trang để thực hiện công việc của nó. Bà McNab rên rỉ; bà Bast thở than. Họ đã già; người họ đã cứng đờ; chân họ thì đau nhức. Cuối cùng họ đã tới với những chổi và xô; họ phải làm việc. Đột nhiên, một trong những tiểu thư đã viết: bà McNab có thấy rằng ngôi nhà đã sẵn sàng chưa, bà có thực hiện xong việc đó chưa; thực hiện xong chưa; quá là vội vã. Có thể họ sẽ tới đó để nghỉ hè; đã từ bỏ mọi thứ để tới đó lần sau chót; mong rằng sẽ thấy mọi thứ y như lúc họ để lại chúng. Chậm chạp và đau đớn, với chổi và xô, lau chùi, cọ rửa, bà McNab và bà Bast ở lại với sự mệt mỏi điêu tàn; cứu vớt từ cái vũng Thời gian lúc này đang nhanh chóng khép lại bên trên họ khi thì một cái chậu, khi thì một cái tủ chặn; thu hồi lại từ sự lãng quên một sáng nọ tất cả những cuốn tiểu thuyết Waverley và một bộ ấm tách uống trà; và vào buổi chiều phục hồi lại cho mặt trời và không khí một tấm chăn lò sưởi bằng đồng và một đồ lò bằng thép. George, con trai của bà Bast, tìm bắt những con chuột và cắt cổ. Họ gọi thợ sửa nhà tới. Vào cuộc với tiếng cọt két của những chiếc bản lề và tiếng kêu rít của những cái chốt cửa, tiếng gõ đập inh tai vào những đồ gỗ đã trơ phồng vì ẩm mốc, dường như một cuộc sinh nở khó nhọc nào đó đã diễn ra, khi hai người phụ nữ, khom xuống, đứng lên, rên rỉ, hát hò, gõ đập ồn ào, lúc thì trên thang gác, khi thì dưới tầng hầm. Ôi chao, họ bảo, rõ là một công việc ra trò!

Thỉnh thoảng họ uống trà trong phòng ngủ hay trong phòng đọc sách; ngưng tay vào giữa trưa với bộ mặt lem luốc, và đôi bàn tay già nua của họ co rúm lại, tê rần vì những cái cán chổi. Thả người xuống ghế, họ ngấm nghĩa khi thì sự huy hoàng đang ngự trị trên những cái vôi nước; khi thì sự chiến thắng có tính chất gay go hơn, từng phần hơn trên những dây sách dài, trước kia đen bóng như lông quạ, nhưng giờ đây đã bạc phếch, sinh sôi đầy những nấm mốc xanh và những con nhện lén lút đầy bí mật. Một lần nữa, khi cảm nhận hơi ấm của trà trong người mình, chiếc viễn vọng kính lại tự lắp vào mắt của bà McNab, và giữa một vòng ánh sáng,

bà nhìn thấy quý ông lớn tuổi đó, gầy như một chiếc que, đang lắc khế đầu khi bà ấy đi lên với mớ quần áo giặt, đang trò chuyện với chính mình trên bãi cỏ, bà cho là vậy. Ông ấy chưa bao giờ để ý tới bà. Người thì nói ông ấy đã chết; người thì lại nói bà ấy đã chết. Vậy ai nói đúng đây? Cả bà Bast cũng không biết chắc. Cậu trai trẻ đã chết. Điều đó thì bà chắc chắn. Bà đã đọc tên cậu ta trong báo.

Đã có một người đầu bếp, Mildred, Marian, một cái tên đại loại thế - một người đàn bà tóc đỏ, tính tình nhanh nhẩu hết như bà, nhưng cũng tốt bụng nữa, nếu bạn biết cách xử sự với bà ta. Họ đã cười to với nhau biết bao lần. Bà ta đã để dành một đĩa xúp cho Maggie; đôi khi là một mẩu đùi lợn muối; dù là chuyện gì thì cũng đã qua rồi. Họ đã sống ổn trong những ngày tháng đó. Họ đã có mọi thứ họ muốn (một cách lém lỉnh, vui vẻ, với tách trà nóng trong bụng, bà lần gỡ cuộn len ký ức của mình trong lúc ngồi trong cái ghế bành đan bằng cành liễu gai cạnh tấm chắn lò của căn phòng dành cho lũ trẻ). Luôn có khá nhiều việc, những người trong cái nhà này, đôi khi có tới hai mươi người ở, và họ rửa ráy tắm giặt cho tới quá nửa đêm.

Bà Bast (bà chưa hề biết họ; vào thời gian đó bà sống ở Glasgow) vừa đặt tách trà của mình xuống vừa tự hỏi, họ treo cái xương sọ lợn lòi trên đó để làm gì nhỉ? Chắc chắn là nó đã bị bắn ở một vùng ngoại quốc nào đó.

Có thể là thế, bà McNab nói, tiếp tục rong ruổi với những ký ức của mình; họ có bạn hữu ở những nước phía đông; những quý ông sống ở đó, những vị phu nhân mặc đồ dạ hội; bà đã có lần nhìn thấy họ qua cửa phòng khách, tất cả đang ngồi ăn tiệc tối. Bà dám bảo rằng cả thầy có tới hai mươi người bọn họ với những vòng trang sức, và bà đã đề nghị ở lại để giúp dọn rửa, có thể cho tới sau nửa đêm.

Ái chà, họ sẽ thấy rằng nó đã thay đổi, bà Bast nói. Bà nghiêng người ra ngoài cửa sổ. Bà quan sát George con trai bà đang cắt cỏ. Cũng có thể họ sẽ hỏi, người ta đã làm gì với nó? cứ xem ông già Kennedy được cho là từng đảm nhiệm nó ra sao, và rồi cái chân ông ta đã trở nên rất tệ sau khi ông ta bị té từ trên xe ngựa xuống; và có lẽ đã không có ai suốt một năm

hay hơn; rồi tới Davie Macdonald, và có thể hạt giống đã được gửi tới, nhưng ai có thể nói đã bao giờ chúng được gieo xuống hay chưa? Họ sẽ thấy rằng nó đã đổi thay.

Bà quan sát con trai bà cắt cỏ bằng chiếc liềm. Anh là một kẻ rất tuyệt cho công việc - một trong những con người lặng lẽ. Chà, bà cho là họ phải tiếp tục với mấy cái tủ. Họ đứng lên.

Cuối cùng, sau những ngày lao khổ trong nhà, cắt cỏ và đào xới bên ngoài, họ tháo những tấm khăn lau khỏi mấy cánh cửa sổ, khép chúng lại, tra chìa khóa vào khắp cả nhà; cửa trước cũng được đóng sầm lại; mọi việc đã xong xuôi.

Và giờ đây, như thế việc lau chùi quét dọn và cắt xén cỏ đã nhấn chìm nó đi, giai điệu mơ hồ ấy lại cất lên, cái thứ âm nhạc liên miên không dứt mà lỗi tai thoáng nắm bắt được nhưng rồi lại để nó rụng rơi đi ấy; một tiếng chó sủa, một tiếng cừu be be; rải rác không đều, miên man chẳng dứt, thế nhưng theo cách nào đó lại có quan hệ với nhau; tiếng vo ve của một côn trùng, tiếng lao xao của cỏ đã cắt, không tách rời nhưng theo cách nào đó lại phụ thuộc vào nhau; tiếng bay o o của một con bọ hung, tiếng cọt két của một cái bánh xe, lớn, nhỏ, nhưng lại liên quan với nhau một cách bí ẩn; những âm thanh mà lỗi tai gắng sức gắn lại chúng lại với nhau và luôn luôn mấp mé với sự hài hòa, nhưng chúng không bao giờ được hoàn toàn nghe thấy, không bao giờ hài hòa trọn vẹn, và rồi cuộc, vào chiều tối, những âm thanh đó lần lượt nối tiếp nhau lịm tắt, sự hài hòa chững lại, và thỉnh thoảng buông xuống. Với ánh hoàng hôn những đường nét rõ rệt mất đi, và như sương mù đang dâng lên, lặng lẽ giảng giảng, lặng lẽ lan trải, cơn gió hiện ra; thế giới nhẹ nhàng thả lỏng thân hình và nằm xuống ngủ, tối tăm không chút ánh sáng nào, ngoại trừ màu xanh thẫm đẫm qua màn lá, hay ánh nhợt nhạt trên những bông hoa trắng trong luống hoa bên cửa sổ.

[Một xế chiều tháng 9, Lily Briscoe nhờ người mang hành lý của mình tới ngôi nhà. Ông Carmichael cũng tới trên cùng một chuyến tàu.]

10.

Thế rồi thanh bình thật sự đã đến. Những thông điệp bình an loang như hơi thở từ biển vào bờ cát. Đừng bao giờ phá vỡ giấc ngủ của nó nữa, ru nó sâu hơn vào sự nghỉ ngơi, và khẳng nhận bất cứ những gì mà những kẻ mộng mơ thấy một cách thiêng liêng, mơ thấy một cách thông thái - nó còn thắm thì điều gì khác nữa - Lily Briscoe đặt đầu mình lên chiếc gối trong căn phòng yên tĩnh sạch sẽ và nghe thấy biển. Qua cánh cửa sổ mở, giọng nói về vẻ đẹp của thế gian vọng đến thì thắm, quá khế khàng để có thể nghe thấy đích xác những gì nó nói - nhưng có gì là quan trọng nếu như ý nghĩa chỉ giản đơn? Nó đang van nài những người đang ngủ (ngôi nhà đã đầy người trở lại; bà Beckwith đang ở đó, cả ông Carmichael nữa) rằng nếu thật sự họ sẽ không đi xuống bãi biển thì ít nhất cũng nên vén bức màn lên và nhìn ra. Khi ấy họ sẽ thấy đêm tím đang buông xuống; đầu đội vương miện; vương trượng nạm ngọc; và một đứa trẻ con có thể nhìn vào mắt nó như thế nào. Và nếu họ vẫn ngần ngừ (Lily mệt nhoài vì chuyến hành trình và gần như ngủ ngay lập tức; nhưng ông Carmichael vẫn còn đọc sách dưới ánh nến), nếu họ vẫn nói không, rằng vẻ kỳ diệu của nó chỉ là hơi nước, rằng sương còn có nhiều quyền năng hơn nó, và họ thích ngủ hơn; khi đó giọng nói không hề than phiền hay tranh luận mà chỉ khế khàng cất lên bài ca của nó. Những lượn sóng vỗ khế khàng (Lily nghe thấy chúng trong giấc ngủ); ánh sáng cũng rơi xuống khế khàng (dường như chúng đi qua mắt của cô). Và tất cả trông rất giống với những cảnh tượng trước đây, ông Carmichael nghĩ, khép cuốn sách lại.

Thật sự giọng nói lại tiếp tục cất lên, khi những bức màn bóng tối đã trùm lên ngôi nhà, lên bà Beckwith, lên ông Carmichael và Lily Briscoe, khiến họ nằm với nhiều lớp bóng tối trong mắt họ, vì sao không chấp nhận điều này, hài lòng với điều này, bằng lòng và ưng chịu? Tiếng thở dài của biển nhịp nhàng vỗ ra quanh những hòn đảo vỗ về họ; bóng đêm bao trùm họ; không có gì phá vỡ giấc ngủ của họ, cho tới khi những con chim bắt đầu hót và ánh bình minh dật những giọng hót mong manh của chúng vào sắc trắng của nó, một cỗ xe ngựa nghiêng bánh trên đường, một con chó đang sữa đầu đó, mặt trời nhấc những tấm màn cửa lên, phá

vỡ tấm mạng trên mắt họ, và Lily Briscoe cựa quậy trong giấc ngủ. Cô nắm chặt lấy tấm chăn như một kẻ đang rơi nắm chặt vào túm cỏ trên bờ vực. Mắt cô mở to. Cô đã lại ở đây rồi, cô nghĩ, ngồi thẳng người lên trên cái giường. Tỉnh thức.

NGỌN HẢI ĐĂNG

1.

Vậy thì nó có nghĩa là gì, tất cả những thứ này có nghĩa là gì? Bị bỏ lại một mình, Lily Briscoe tự hỏi cô có nên đi xuống bếp để lấy một tách cà phê khác hay cứ chờ đợi ở đây. Nó có nghĩa là gì? - đó là một khẩu hiệu bất gặp tình cờ từ một cuốn sách nào đó, đang lỏng lẻo gắn vào ý nghĩ của cô, vì trong buổi sáng đầu tiên này với gia đình Ramsay cô không thể cô đúc lại những cảm giác của mình mà chỉ có thể làm vang lên một cụm từ để phủ kín khoảng trống trong tâm trí cô cho tới khi những tưởng tượng hảo huyền này co lại. Vì thật sự cô đã cảm thấy gì khi quay trở lại sau bấy nhiêu năm qua và bà Ramsay thì đã chết? Không gì cả, không gì cả - cô không thể diễn tả được bất cứ điều gì.

Cô đã tới muộn đêm qua khi tất cả đều bí ẩn, tối tăm. Giờ thì cô đã tỉnh thức, ngồi ở chỗ cũ của mình bên chiếc bàn điểm tâm, nhưng chỉ một mình. Trời cũng còn sớm lắm, chưa tới tám giờ. Sẽ có cuộc hành trình - họ sẽ đi ra ngọn hải đăng, ông Ramsay, Cam và James. Lẽ ra họ nên đi rồi mới phải - họ phải bắt kịp thủy triều hay thứ gì đó. Cam chưa chuẩn bị sẵn sàng James cũng chưa chuẩn bị, Nancy quên đặt mua bánh sandwich, còn ông Ramsay thì nổi cáu lên và đã dùng dùng bỏ ra khỏi phòng.

“Đi bây giờ thì có ích gì chứ?” ông ấy đã quát lên.

Nancy đã biến mất. Ông ấy kia rồi, đang đi qua lại trước hiên nhà trong cơn thịnh nộ. Dường như người ta có thể nghe thấy tiếng những cánh cửa đóng sầm lại và những giọng nói đang kêu gọi trong khắp ngôi nhà. Ngay lúc đó Nancy lao vào, nhìn quanh với một vẻ lạ lùng pha lẫn giữa sự bàng hoàng và tuyệt vọng, “Phải gửi cái gì ra ngọn hải đăng đây?” như thể cô ta đang ép buộc mình làm một điều mà cô ta chẳng mong gì có thể thực hiện được.

Thật ra thì người ta phải gửi cái gì ra ngọn hải đăng! Vào bất kỳ lúc nào khác Lily hẳn có thể đề nghị một cách hợp lý các thứ như trà, thuốc lá và những tờ báo. Nhưng dường như sáng nay mọi thứ đều kỳ quặc khác thường đến nỗi một câu hỏi như câu hỏi của Nancy - Phải gửi cái gì ra ngọn hải đăng? - cũng mở tung những cánh cửa tâm trí đang đui đờ qua lại và khiến cho người ta cứ phải hỏi một cách ngớ ngẩn, Phải gửi cái gì đây? Phải làm cái gì đây? Nói cho cùng, vì sao người ta lại ngồi ở đây chứ?

Ngồi một mình (vì Nancy lại đã đi ra ngoài) giữa những ly tách sạch sẽ trên cái bàn dài, cô cảm thấy bị cắt lìa khỏi những người khác, và chỉ có thể tiếp tục ngắm nhìn, tự hỏi. Ngôi nhà này, nơi chốn này, buổi sáng này, tất cả dường như đều xa lạ đối với cô. Cô cảm thấy ở đây cô chẳng có mối gắn bó nào, chẳng có một mối liên quan nào với nó, bất cứ điều gì có thể xảy ra, và bất cứ điều gì đã xảy ra, một bước chân ở bên ngoài, một giọng nói cất lên (“Nó không có ở trong tủ, nó nằm ở đầu cầu thang,” ai đó đang kêu lên) đều là một câu hỏi, như thể mối liên kết thường ngày ràng buộc mọi sự vật lại với nhau đã bị cắt đứt, và chúng bị trôi giạt bênh bồng khắp nơi này nơi khác. Thật vô mục đích, thật hỗn độn, thật phi thực tế, cô vừa nghĩ vừa nhìn vào tách cà phê đã cạn. Bà Ramsay đã chết; Andrew đã bị giết chết; Prue cũng đã chết - dù cô lặp lại mãi, những điều này cũng không gọi lên trong cô một cảm giác nào. Và tất cả chúng tôi đã tề tựu với nhau trong một ngôi nhà như thế này, vào một buổi sáng như thế này, cô nói, nhìn ra ngoài cửa sổ. Đó là một ngày đẹp trời yên tĩnh.

Đột nhiên ông Ramsay ngẩng đầu lên khi bước ngang qua và nhìn thẳng vào cô với tia mắt đại cuồng của một kẻ quẩn trí thế nhưng rất sắc sảo, như thể ông ta đã nhìn thấy bạn, trong một giây, lần đầu tiên, mãi mãi; và cô vờ như đang uống tách cà phê đã cạn của mình để trốn khỏi ánh mắt của ông ta - để thoát khỏi sự đòi hỏi của ông ta, để gạt sang bên thêm giây lát nữa cái nhu cầu khẩn thiết ấy. Ông ta lắc đầu với cô, và bước tiếp (“Đơn độc,” cô nghe ông ta nói, “bỏ mạng,” cô nghe ông ta nói) và hết như mọi thứ khác trong buổi sáng lạ lùng này, những lời đó trở thành những biểu tượng, tự viết chúng ra trên khắp những bức tường xanh

xám. Giá mà cô có thể đặt chúng lại bên nhau, cô cảm thấy, viết chúng ra thành một câu nào đó, hẳn cô sẽ có thể đi tới chân lý của mọi sự vật. Ông già Carmichael nhẹ nhàng bước vào phòng, lấy cà phê cho mình, rồi lại cầm tách cà phê đi ra ngoài để ngồi trong ánh nắng. Sự phi thực tế thật đáng sợ; nhưng nó cũng vô cùng phần khích. Sẽ đi ra ngọn hải đăng. Nhưng người ta phải gửi cái gì ra ngọn hải đăng? Bỏ mạng. Đơn độc. Ánh đèn xanh xám trên bức tường đối diện. Những khoảng không gian trống vắng. Những thứ này là một số thứ trong các bộ phận, nhưng làm sao để gắn chúng lại với nhau? cô tự hỏi. Như thể bất cứ một sự gián đoạn nào đó cũng có thể phá vỡ cái hình dáng mong manh mà cô đang xây dựng trên chiếc bàn, cô quay lưng về phía cửa sổ để ông Ramsay không nhìn thấy mặt cô. Cô phải chạy trốn tới một nơi nào đó, được yên thân ở một nơi nào đó. Đột ngột cô sức nhớ ra. Cách đây mười năm trước, khi cô đang ngồi đó đã từng có một hình vẽ nhánh cây hay chiếc lá trên tấm khăn trải bàn, và cô đã nhìn nó trong một khoảnh khắc mang tính phát hiện. Đã từng có một rắc rối về cảnh nền phía trước của một bức tranh. Phải dời cái cây vào giữa, cô đã nói thế. Cô đã chẳng bao giờ hoàn thành bức tranh đó. Cô sẽ vẽ bức tranh đó ngay bây giờ. Nó đã khuấy động tâm trí cô suốt bao năm qua. Những bức tranh của cô ở đâu? cô tự hỏi. Phải, những bức tranh của cô. Đêm qua cô đã để chúng lại trong sảnh. Cô sẽ bắt tay vào việc ngay lập tức. Cô nhanh nhẹn đứng lên, trước khi ông Ramsay quay lại.

Cô tự lấy cho mình một cái ghế đầu. Cô cầm cái giá vẽ lên rìa bãi cỏ, không quá gần chỗ ông Carmichael, với những cử động chính xác của một cô gái già. Phải, mười năm trước cô cũng đã đặt cái giá vẽ chính xác ở chỗ này. Kia là bức tường; hàng giậu, thân cây. Vấn đề là một mối quan hệ nào đó giữa những khối hình đó. Cô đã cưu mang nó trong tâm trí suốt bấy nhiêu năm qua. Dường như giải pháp cho cô đã xuất hiện rồi; giờ đây cô biết cô muốn làm gì.

Nhưng với ông Ramsay đang đi về phía cô, cô không thể làm gì cả. Mỗi lần ông ta tới gần - ông ta đang đi qua lại trước sân hiên - sự đổ vỡ tới gần, sự hỗn độn tới gần. Cô không thể vẽ. Cô khom người xuống, cô quay lưng đi; cô nhặt miếng giẻ này lên; cô nặn ống màu kia ra. Nhưng tất cả những gì cô làm đều nhằm mục đích né tránh ông ta trong giây lát.

Ông ta khiến cô chẳng thể làm được việc gì hết. Vì nếu cô cho ông ta một cơ hội nhỏ nhất, nếu ông ta thấy cô rảnh rang trong giây lát, nhìn về phía ông trong giây lát, ông ta sẽ tới gần cô, thốt lên, như ông ta đã nói đêm qua, “Cô sẽ thấy chúng tôi đã đổi thay nhiều.” Đêm qua ông ta đã đứng lên, dừng lại trước mặt cô, và nói như thế. Tất cả bọn chúng ngồi, nhìn chăm chăm và câm lặng, sáu đứa trẻ mà họ từng gọi là những vị vua và những hoàng hậu của nước Anh - Đỏ, Xanh, Xấu tính, Tàn nhẫn - cô cảm thấy chúng giận dữ thế nào dưới lớp vỏ lặng im đó. Bà già Beckwith tốt bụng đã nói một câu gì đó hợp tình hợp cảnh. Nhưng đó là một ngôi nhà chứa đầy những niềm đam mê không có chút dây mơ rễ má gì với nhau - cô đã cảm nhận điều đó suốt buổi chiều tối. Và trên chóp đỉnh của sự hỗn độn này ông Ramsay đã đứng lên, cầm chặt tay cô và nói: “Cô sẽ thấy chúng tôi đã đổi thay nhiều” và chẳng ai trong số chúng nhúc nhích hay nói gì; mà chỉ ngồi đó như thế chúng buộc phải để cho ông ta nói thế. Chỉ có James (hẳn nhiên là Kẻ hay sừng sủa) cau mày nhìn ngọn đèn dầu; còn Cam thì cuộn chiếc khăn tay quanh ngón tay nó. Rồi ông ta nhắc chúng rằng ngày mai họ sẽ đi ra ngọn hải đăng. Chúng phải có mặt sẵn sàng, trong sạch, vào lúc bảy giờ ba mươi. Rồi khi đã đặt tay lên cửa ông ta dừng lại; ông ta quay sang chúng. Chúng có muốn đi không? ông ta hỏi. Nếu chúng dám bảo rằng Không (ông ta có một lý do nào đó để mong muốn điều đó) hẳn ông ta sẽ tự gieo người một cách bí hiểm về phía sau, vào lòng nước đắng của nỗi niềm tuyệt vọng. Ông ta rất có tài với kiểu đóng kịch như thế. Trông ông ta giống như vị vua bị lưu đày. James nói Có một cách gan lì. Cam ập úng một cách khốn khổ. Vâng, ồ, vâng, cả hai đứa chúng nó sẽ sẵn sàng, chúng nói. Và điều này khiến cô thấy khó chịu, chính đây mới là một tấn thảm kịch - chứ không phải những tấm vải liệm, cát bụi, áo tang; nhưng trẻ con bị ép buộc, tinh thần chúng yếu mềm. James mười sáu tuổi, còn Cam, mười bảy, có lẽ thế. Cô đã nhìn quanh tìm một ai đó không có mặt, có lẽ là bà Ramsay. Nhưng chỉ có bà Beckwith tốt bụng đang lật những bức phác họa của cô dưới ánh đèn. Thế rồi, một mỗi, tâm trí cô vẫn tiếp tục dâng lên hạ xuống cùng biển cả, những mùi vị của những nơi chốn đó sau cuộc vắng mặt dài xâm chiếm lấy cô, những cây nến lung linh trong mắt cô, cô đã đánh mất bản thân và đi xuống dưới nhà. Đó là một đêm tuyệt diệu, đầy sao sáng; tiếng sóng nổi lên khi họ đi lên thang gác; vầng trăng to lớn xanh xao làm họ

ngạc nhiên khi họ đi qua cửa sổ cầu thang. Cô đã ngủ thiếp đi ngay lập tức.

Cô gắn chặt tấm vải sạch vào khung vẽ, như một tấm chắn, mong manh, nhưng cô hy vọng đủ sức mạnh vật chất để tránh khỏi ông Ramsay và sự đòi hỏi của ông ta. Cô gắng hết sức nhìn vào bức tranh của mình khi ông ta quay lại; cái đường nét đăng kia, cái hình khối đăng kia. Nhưng đó không phải là vấn đề. Cứ mặc cho ông ta ở cách đó năm mươi bộ, cứ mặc cho ông ta không nói gì với bạn, cứ mặc cho ông ta thậm chí không nhìn thấy bạn, ông ta trải lan, ông ta thẳng thẽ, ông ta ép buộc. Ông ta thay đổi mọi thứ. Cô không thể nhìn thấy màu sắc; cô không thể nhìn thấy những đường nét; thậm chí khi ông ta quay lưng về phía cô, cô chỉ có thể nghĩ, Nhưng ông ta sẽ đi xuống chỗ mình trong khoảnh khắc, và đòi hỏi - một điều gì đó mà cô cảm thấy cô không thể cho ông ta được. Cô vứt bỏ một cây cọ, cô chọn một cây khác. Chừng nào lũ trẻ mới ra tới? Chừng nào tất cả bọn họ lên đường? cô bồn chồn. Người đàn ông đó, cô nghĩ, cơn giận bùng lên trong lòng, không bao giờ cho đi, người đàn ông đó chỉ lấy từ kẻ khác. Mặt khác, cô buộc phải cho đi. Bà Ramsay đã cho đi. Cho đi, cho đi, cho đi, bà ấy đã qua đời - và đã để lại tất cả những chuyện này. Thật sự, cô đang nổi giận với bà Ramsay. Với chiếc cọ đang run khẽ trong mấy ngón tay cô nhìn hàng giậu, bậc thềm, bức tường. Đó là tất cả những gì bà Ramsay đã tạo dựng. Bà ấy đã qua đời. Còn đây là Lily, bốn mươi tư tuổi, đang lãng phí thời gian của mình, không thể làm được một điều gì, đứng đó, chơi đùa với công việc vẽ vời, chơi đùa với một thứ mà người ta không buồn rở tới, và tất cả đều là lỗi của bà Ramsay. Bà ấy đã chết. Bậc thềm mà bà ấy thường ngồi trống rỗng. Bà ấy đã chết.

Nhưng vì sao cứ lặp đi lặp lại điều này mãi thế? Vì sao cứ luôn phải cố gắng mang lại một cảm giác nào đó mà cô chưa từng có? Trong việc này có một cái gì đó đầy bóng bở.

Tất cả đều khô cằn: tất cả đều héo úa: tất cả đã được sử dụng. Lẽ ra họ không nên mời cô; lẽ ra cô không nên tới. Người ta không thể lãng phí thời gian ở cái tuổi bốn mươi tư, cô nghĩ. Cô ghét chơi đùa với công việc vẽ tranh. Một chiếc cọ, một vật rất phụ thuộc trong một thế giới đầy

xung đột, điều tàn, hỗn độn - là thứ mà người ta không chơi đùa với nó, thậm chí một cách cố tình: cô ghét cay ghét đắng nó. Nhưng ông ta đã ép cô. Cô sẽ không chạm tới tấm vải của mình, dường như ông ta nói thế khi đang hướng về phía cô, cho tới khi cô cho tôi điếu mà tôi muốn ở cô. Ông ta đây rồi, một lần nữa tới gần sát cô, một cách tham lam, điên cuồng. Được, Lily nghĩ trong nỗi tuyệt vọng, buông lỏng bàn tay phải xuống hông, sẽ đơn giản hơn khi cứ để mặc cho nó trôi qua. Chắc chắn cô có thể mô phỏng từ ký ức cái ánh sáng rạng rỡ, sự hân hoan vô bờ bến, sự tự đầu hàng mà cô từng nhìn thấy trên gương mặt của rất nhiều người phụ nữ (chẳng hạn, trên nét mặt của bà Ramsay) khi chúng sáng bừng lên trong một trạng thái mê ly của niềm đồng cảm, của niềm vui đối với sự tưởng thưởng mà họ nhận được vào một dịp như thế này - cô có thể nhớ về mặt của bà Ramsay - dù cô không thể hiểu nguyên nhân của nó, rõ ràng nó đã trao tặng cho họ niềm hạnh phúc tối cao nhất mà bản chất con người có thể dung nạp. Ông ta đây rồi, đang dừng lại bên cạnh cô. Cô sẽ cho ông ta thứ mà cô có thể.

2.

Dường như cô đã khế nhãn mặt, ông nghĩ. Trông cô hơi èo uột, gầy gò, nhưng không phải không hấp dẫn. Ông thích cô. Trước kia đã có đôi câu chuyện gẫu về việc kết hôn giữa cô và William Bankes, nhưng rồi chẳng có gì xảy ra cả. Vợ ông rất mến cô. Ông cũng đã hơi nổi cáu chút ít vào bữa điểm tâm. Thế rồi, thế rồi - đây là một trong những khoảnh khắc khi mà một nhu cầu vô thức lớn lao thúc giục ông tới gần bất kỳ một người phụ nữ nào, để buộc họ, ông không quan tâm bằng cách nào, nhu cầu của ông quá lớn, trao cho ông cái mà ông muốn: sự cảm thông.

Có ai đó chăm sóc cho cô không? ông nói. Cô có mọi thứ cô muốn hay không?

“Ồ, cảm ơn, có mọi thứ,” Lily đáp một cách bồn chồn. Không; cô không thể làm được điều đó. Lẽ ra cô nên thoát ngay lập tức ra khỏi một làn sóng đòi hỏi sự cảm thông đang rộng mở nào đó: áp lực lên cô quá lớn.

Nhưng cô đã bị mắc kẹt lại. Có một khoảnh khắc tạm dừng đáng sợ. Cả hai cùng nhìn ra biển. Vì sao cô ta lại nhìn ra biển khi mình đang ở đây, ông Ramsay nghĩ. Cô hy vọng trời sẽ lặng để họ có thể đặt chân lên ngọn hải đăng, cô nói. Ngọn hải đăng! Ngọn hải đăng! Nó thì có đáng gì tới điều này? ông nghĩ một cách nôn nóng. Ngay lúc đó, với sự thôi thúc của một ngọn lửa bản năng (vì thật sự ông không thể kềm chế bản thân thêm nữa), từ ông bật ra một tiếng rên khiến bất kỳ một phụ nữ nào trên khắp thế gian này đều phải làm một điều gì đó, phải nói một điều gì đó - tất cả, ngoại trừ chính bản thân tôi, Lily nghĩ, tự giấu mình một cách cay đắng, tôi không phải là một phụ nữ mà là một mụ gái già khô héo, xấu tính, cau có, cứ cho là thế.

[Ông Ramsay thở dài hết mực. Ông chờ đợi. Chẳng lẽ cô ta không nói gì sao? Chẳng lẽ cô ta không thấy cái mà ông muốn ở cô ta sao? Rồi ông nói rằng ông có một lý do đặc biệt khi muốn đi ra ngọn hải đăng. Vợ ông thường gửi cho những người ở đó những thứ đồ dùng. Có một thằng bé tội nghiệp bị mắc lao hạch ở hông, con trai của người gác hải đăng. Ông thở dài một cách thâm trầm. Ông thở dài một cách đầy ý nghĩa. Tất cả những gì Lily muốn là dòng nước lũ khổ đau này, cơn đói khát vô độ đối với sự cảm thông này, sự đòi hỏi cô phải hoàn toàn tự đầu hàng ông ta này - và thậm chí khi đó ông ta cũng có đủ những nỗi buồn để buộc cô phải cung ứng mãi - sẽ lìa bỏ cô, sẽ chệch sang hướng khác (cô vẫn tiếp tục nhìn về phía ngôi nhà, hy vọng có một sự can thiệp) trước khi nó cuốn trôi cô theo dòng chảy của nó.

“Những chuyển đi như thế,” ông Ramsay nói, đưa ngón chân cái di di lên mặt đất, “rất chi là cực nhọc.” Lily vẫn không nói gì. (Cô ta là một gốc cây, cô ta là một tảng đá, ông tự nhủ với mình.) “Chúng rất đổi mệt mỏi,” ông nói và nhìn, với một ánh nhìn yếu ớt, vào đôi bàn tay đẹp của mình, khiến cô thấy buồn nôn (ông ta đang đóng kịch, cô cảm thấy, cái con người vĩ đại này đang diễn xuất). Thật là kinh khủng, thật là sỗ sàng. Bọn trẻ sẽ không bao giờ đến hay sao, cô tự hỏi, vì cô không thể gánh chịu nỗi gánh nặng buồn thương to lớn này, không thể chống đỡ nổi những tầng tầng lớp lớp khổ đau triu nặng này thêm một phút giây nào nữa (ông ta đã khoác lên một bộ tịch cực kỳ bi đát; thậm chí ông ta còn hơi lão đảo một chút khi đứng đó.)

Cô vẫn không thể nói được gì; dường như toàn bộ chân trời đã quét đi sạch trơn những đối tượng để nói; cô chỉ có thể cảm nhận, một cách kinh ngạc, khi ông Ramsay đứng đó, rằng cái nhìn chăm chú của ông ta dường như đã rơi một cách buồn thảm ra sao lên lớp vỏ ngập nằng và làm cho nó bạc màu đi, và buông trùm một lớp màn nhiều đen lên trên hình dáng hồng hào, gà gât và hoàn toàn thỏa mãn của ông Carmichael, người đang đọc một cuốn tiểu thuyết Pháp trên một cái ghế xếp, như thể một sự tồn tại đang phô trương những phong dật của nó như thể trong một thế giới đau thương đủ để khơi gợi lên những ý nghĩ ảm đạm nhất. Cô nhìn ông ta, dường như ông đang nói, hãy nhìn tôi đây này; và thật ra, trong suốt thời gian đó ông đang cảm thấy, Hãy nghĩ tới tôi, hãy nghĩ tới tôi. Ôi chao, giá mà cái thân hình to lớn đó có thể lướt qua chỗ họ, Lily ao ước; giá mà lúc này cô chỉ cảm cái giá vẽ của mình cách ông ấy chừng một hai thước Anh thôi; một người đàn ông, bất kỳ người đàn ông nào, phải khống chế sự tuôn trào này, ngăn chặn những lời than van này. Là một phụ nữ, cô đã khơi gợi ra cảnh tình kinh khủng này; là một phụ nữ, lẽ ra cô phải biết cách xử lý nó. Thật là mất thể diện, về mặt giới tính, khi cứ đứng đó lặng câm. Người ta nói - người ta đã nói gì nhỉ? - Ô, ông Ramsay! Ông Ramsay thân mến! Đó là điều mà mẫu người như vị phu nhân già Beckwith sẽ nói ngay lập tức, một cách hợp tình hợp cảnh. Nhưng, không. Họ đứng đó, tách biệt khỏi phần còn lại của thế gian. Cảm xúc thương thân trách phận mệnh mông của ông ta và sự đòi hỏi được cảm thông của ông ta đổ tuôn và trải rộng ra trong những vũng nước dưới chân họ, và tất cả những gì cô đã làm, cô là một kẻ tội lỗi đáng thương, là kéo mép váy của mình sát hơn vào hai mắt cá chân để không bị ướt. Cô đứng đó trong lặng im tuyệt đối, nắm chặt cây cọ vẽ của mình.

Không thể nào có đủ lời để ca tụng đất trời! Cô nghe thấy có tiếng ồn trong nhà. Hẳn là James và Cam sắp ra tới. Nhưng, như thể biết rằng thời gian của mình đang thu ngắn lại, ông Ramsay cố trút lên hình dáng lẻ loi của cô cái áp lực lớn lao của nỗi đau đã tập trung lại của ông; tuổi tác của ông; sự mong manh yếu đuối của ông; sự cô quạnh của ông. Đột nhiên, đang lắc lắc đầu một cách nôn nóng trong cơn bực dọc - vì nói cho cùng, người phụ nữ nào có thể cưỡng lại ông? - ông nhận ra rằng đây

Ủng của ông chưa cột lại. Đó là một đôi Ủng đáng chú ý, Lily nghĩ, nhìn xuống chúng: có những hình chạm khắc, to lớn; như mọi thứ ông Ramsay mang khoác trên người, từ chiếc cà vạt mòn xơ xác cho tới cái áo khoác chỉ còn phân nửa số nút, hiển nhiên là của chính ông ta. Cô có thể nhìn thấy chúng bước vào phòng ông ta, thể hiện sự bi ai, cáu kỉnh, xấu tính, mê hoặc, trong khi ông vắng mặt.

“Một đôi Ủng thật đẹp!” cô kêu lên cảm thán. Cô thấy xấu hổ với chính mình. Ca ngợi đôi Ủng của ông ta trong khi ông ta yêu cầu cô an ủi linh hồn của mình; khi ông ta đã đưa ra cho cô thấy đôi bàn tay rướm máu, trái tim tan nát của ông ta, và van cầu cô thương hại chúng, cô lại thốt lên một cách vui vẻ, “A, nhưng ông mang một đôi Ủng thật đẹp!” Xứng đáng, cô biết, và cô ngẩng lên, mong đợi sẽ nhận được một tiếng gầm đột ngột đầy cáu gắt.

Thay vì thế, ông Ramsay mỉm cười. Những lớp vải liệm áo tang, những nét yếu đuối đã rơi xuống khỏi ông. À, phải, ông ta nói, đưa chân lên cho cô nhìn, chúng là loại Ủng hạng nhất. Cả nước Anh chỉ có một người làm ra những đôi Ủng như thế này. Những chiếc Ủng nằm trong số những lời nguyện rửa chính của nhân loại, ông ta nói. ‘Những người thợ làm Ủng cho rằng công việc của họ là hành hạ và làm què quặt đôi chân của người ta,’ ông cảm thán. Họ cũng là những con người ngoan cố và bảo thủ nhất. Ông ta đã mất một phần tốt đẹp nhất trong tuổi trẻ của mình để giúp cho những đôi Ủng được làm ra đúng như nên được làm. Ông ta muốn cô nhận xét rằng (ông ta nhắc bàn chân phải rồi bàn chân trái của mình lên) cô chưa bao giờ nhìn thấy những đôi Ủng may theo hình dạng đó. Chúng cũng được làm bằng loại da tốt nhất thế giới. Hầu hết da giày đều chỉ là giấy nâu và bìa cứng. Ông ta nhìn một cách mãn nguyện xuống một bàn chân, vẫn còn giơ lơ lửng trong không khí. Cô cảm thấy chúng đã từng tới một hòn đảo tràn ánh nắng nơi thanh bình cư ngụ, sự sáng suốt ngự trị và mặt trời chiếu sáng mãi mãi, hòn đảo hạnh phúc của những đôi Ủng tốt. Tim cô ấm lên với ông ta. “Bây giờ để tôi xem cô có thể cột thắt nút hay không nhé,” ông ta nói. Ông ta phản bác cách cột yếu ớt của cô. Ông ta chỉ cho cô thấy phát kiến của chính ông ta. Khi cô đã cột dây rồi, nó không bao giờ bị sút ra. Ông thắt nút cho giày cô ba lần và tháo ra ba lần.

Vì sao chính vào khoảnh khắc hoàn toàn không thích đáng này, khi ông đang khom lưng xuống đôi giày của cô, cô bị dày vò với sự cảm thông ông ta đến nỗi cô cũng khom người xuống, máu dồn lên mặt cô, và khi nghĩ tới sự nhẫn tâm của mình (cô đã gọi ông ta là một diễn viên đang đóng kịch), cô lại thấy mắt mình rưng lệ? Dường như với cô ông ta là một con người thâm thương vô hạn. Ông ta thất nút. Ông ta mua ủng. Ông ta chẳng nhận được sự trợ giúp nào trong cuộc hành trình sắp tới. Nhưng lúc này, khi cô muốn nói một điều gì đó, lẽ ra đã có thể nói một điều gì đó, Cam và James ra tới. Chúng xuất hiện trước sân hiên. Chúng tới, chậm rãi, sánh bước bên nhau, một đôi trẻ nghiêm trang, sầu muộn.

Nhưng vì sao chúng lại đi tới với cái vẻ như thế? Cô không thể không cảm thấy bức chùng; hẳn là chúng có thể tới một cách vui tươi hơn; chúng có thể cho ông ta cái mà bây giờ khi chúng xuất hiện cô sẽ không còn cơ hội để cho ông ta nữa. Vì cô cảm thấy một sự trống rỗng đột ngột; một tâm trạng thất vọng. Cảm nhận của cô đã đến quá muộn; nó đã sẵn sàng; nhưng ông ta không còn cần nó nữa. Ông đã trở thành một người đàn ông rất chững chạc, rất tôn quý, một người không cần gì ở cô hết. Cô cảm thấy mất mặt. Ông ta đeo một cái ba lô trên vai. Ông ta chia các gói ra - có một số gói được cột lại một cách sơ sài trong giấy nâu. Ông ta trao cho Cam một cái áo choàng. Ông ta có mọi dáng vẻ của một vị chỉ huy đang chuẩn bị cho một cuộc viễn chinh. Thế rồi ông ta quay lưng dẫn đường với bước chân vững chắc đúng kiểu nhà binh, với đôi ủng tuyết diệu đó và những cái gói bọc giấy nâu trên vai, đi xuống con đường mòn với bọn trẻ theo sau. Trông như thể định mệnh đã hiến dâng chúng cho một sự nghiệp trang nghiêm, và chúng lên đường, vẫn còn đủ trẻ để tuân theo sự dẫn dắt của cha chúng, một cách phục tùng, nhưng nét nhột nhật trong mắt chúng khiến cô cảm thấy rằng chúng đã im lặng gánh chịu một nỗi thống khổ nào đó vượt khỏi tuổi tác của chúng. Cứ thế họ đi qua lề bãi cỏ, và với Lily, dường như cô đang quan sát một đám diễu hành, được dẫn dắt bởi một áp lực cảm giác chung nào đó, khiến cho nó, dù chệch choạc và loạng choạng, vẫn là một nhóm người có ràng buộc với nhau và tạo cho cô một ấn tượng lạ lùng. Lịch sự, nhưng đầy khoảng cách, ông Ramsay giơ tay lên chào cô khi họ đi qua.

Một gương mặt lạ lùng, cô nghĩ, ngay lập tức nhận ra rằng niềm cảm thông mà cô không được yêu cầu cho đi đang khiến cô băn khoăn không biết nên thể hiện ra sao. Điều gì khiến nó trở thành như thế? Sự suy tư, hết đêm này sang đêm khác, cô cho là thế - về tính hiện thực của những cái bàn nhà bếp, cô bổ sung thêm, nhớ tới cái biểu tượng mà có lần Andrew đã nói với cô khi cô mơ hồ không rõ ông Ramsay suy tư về điều gì. (Cậu ấy đã bị một mảnh đạn pháo giết chết ngay tại chỗ, cô sức nhớ ra.) Cái bàn ăn đó là một thứ gì đó phi thực tế, chân phương; một thứ gì đó trần trụi, cứng, không có tính trang trí. Nó chẳng có màu sắc nào cả; nó chỉ toàn là những cạnh và góc; nó đơn giản một cách không thỏa hiệp. Nhưng ông Ramsay luôn dán mắt vào nó, không bao giờ cho phép bản thân xao lãng hay bị đánh lừa, cho tới khi gương mặt của ông ta cũng trở nên hốc hác và khắc khổ và dự phần vào cái vẻ đẹp không trang sức đã gây cho cô một ấn tượng sâu sắc này. Thế rồi cô nhớ lại rằng (cô vẫn còn đứng ở chỗ ông ta đã bỏ cô lại, với cây cọ trong tay) những nỗi lo âu đã gặm nhấm ăn mòn nó - một cách không cao quý cho lắm. Hẳn là ông ta đã có những nghi vấn về cái bàn đó, cô cho là vậy; cái bàn đó có phải là một cái bàn thật sự không; nó có xứng với thời gian ông ta bỏ ra cho nó không; rốt cuộc ông ta có thể phát hiện ra nó không. Ông ta đã có nhiều nghi vấn, cô cảm thấy thế; không thì hẳn ông ta đã ít hỏi mọi người hơn. Đó là điều mà đôi khi họ đã trao đổi muộn vào ban đêm, Lily đoán thế; và sáng hôm sau trông bà Ramsay có vẻ mệt mỏi, còn cô thì nổi giận với ông ta vì một điều nhỏ nhặt phi lý nào đó. Nhưng giờ thì ông ta chẳng còn ai để nói về cái bàn đó, về những chiếc ủng hay những nút thắt của ông ta; ông ta giống như một con sư tử đang tìm kiếm ai đó để ăn tươi nuốt sống, và gương mặt ông ta có cái nét tuyệt vọng đó, sự phóng đại đó, cái nét mặt đã khiến cho cô phải cảnh giác, đã khiến cho cô phải kéo mép váy cuộn quanh đôi chân. Và rồi, cô nhớ lại, sự hồi sinh đột ngột, ánh lửa đột ngột (khi cô ca ngợi đôi ủng của ông), sự khôi phục một cách đột ngột sinh khí và mối quan tâm tới những sự vật bình thường của con người, mọi thứ đó cũng đã trôi qua và biến đổi (vì ông ta luôn luôn thay đổi và chẳng hề che đậy điều gì hết) thành cái giai đoạn chung cuộc đó. Điều này thật mới mẻ đối với cô và đã khiến cho cô thấy xấu hổ về sự cáu kỉnh của chính mình, cô thừa nhận, như thế khi biểu lộ những âu lo và tham vọng của mình, niềm hy vọng được cảm thông và niềm mong muốn được ca ngợi của mình, ông ta đã thâm nhập vào một cõi miền nào

đó khác, bị cuốn vào một cuộc chuyện trò câm lặng, như thế bởi sự hiểu kỳ, với chính ông ta hay một người khác, ở đầu cái đám diễu hành nhỏ bé đã vượt khỏi tầm mắt người ta đó. Một gương mặt thật khác thường! Cánh cổng đóng sầm lại.

3.

Thế là họ đã đi, cô nghĩ, thở dài nhẹ nhõm và thất vọng. Niềm cảm thông của cô dường như bị ném trở lại vào cô, lao vụt như một bụi gai ngang qua mặt cô. Cô cảm thấy bị phân tách một cách lạ lùng, như thể một phần của cô đã bị hút ra ngoài kia - hôm nay là một ngày tĩnh lặng, mù sương; sáng nay trông ngọn hải đăng như nằm ở một khoảng xa tít tắp; ngọn còn lại đã tự gắn nó ở đây, trên bãi cỏ, một cách vững trãi, gan lì. Cô thấy như thể bức vẽ của mình đang bênh bồng nổi lên và nằm đó trắng toát, không thỏa hiệp, ngay trước mặt cô. Với cái nhìn lãnh đạm, dường như nó đang trách móc cô về tất cả những trạng thái vội vã và bối rối này; sự điên rồ và lãng phí cảm xúc này, nó nhắc nhở cô một cách quyết liệt và trải rộng ra trong tâm trí cô đầu tiên là một sự thanh bình, vì những cảm giác hỗn loạn của cô đã lũ lượt tràn ra khắp cánh đồng (ông ta đã đi khỏi và cô đã rất tiếc cho ông ta và đã chẳng nói gì), và rồi sự trống rỗng. Cô thần thờ nhìn vào bức vẽ với cái nhìn trắng toát không thỏa hiệp của nó, rồi chuyển từ bức vẽ tới khu vườn. Có một cái gì đó (cô đứng nheo nheo đôi mắt Trung Hoa nhỏ xíu trên gương mặt nhàn nheo), một cái gì đó mà cô nhớ có liên quan tới những đường nét cắt ngang trải dọc kia, và tới cái hình khối của hàng giậu với khoảng không gian trống màu xanh trời và nâu như một cái hang vốn đã từng nằm trong tâm trí của cô; đã thắt một nút dây trong tâm trí của cô khiến cô bất giác nhận ra mình đang vẽ bức tranh đó, đang đưa mắt nhìn lướt qua nó, và tháo gỡ cái nút thắt trong trí tưởng trong lúc làm những việc linh tinh như đi xuống phố Brompton, hay chải tóc. Nhưng có sự khác nhau một trời một vực giữa việc thành thạo hoạch định ở bên ngoài bức vẽ với việc thật sự cầm lấy cọ và quét nhát cọ đầu tiên.

Cô đã chọn sai cọ trong tâm trạng bối rối khi có sự hiện diện của ông Ramsay, và cái giá vẽ của cô, được cắm xuống đất một cách bồn chồn, đã nằm sai góc độ. Và giờ đây khi cô đã chỉnh lại nó cho đúng và do đó đã giảm đi những cảnh vật lạc đề và những thứ không thích đáng đã lôi kéo sự chú ý của cô và làm cho cô nhớ cô là một người như thế nọ thế kia, có những quan hệ thế nọ thế kia với mọi người, cô đã làm chủ lại bàn tay của mình và nhắc cọ lên. Nó run rẩy một lúc giữa không trung trong một trạng thái mê ly đau đớn nhưng phấn khích. Bắt đầu từ đâu? - vấn đề là đặt nhát cọ đầu tiên ở điểm nào Một đường nét đặt lên bức vẽ sẽ đưa cô tới vô số nguy cơ, tới những quyết định tức thời và không thể thay đổi. Tất cả những gì có vẻ giản đơn trong ý tưởng ngay lập tức trở thành phức tạp trong thực hành; vì những lượn sóng tự định hình cho chúng một cách đối xứng từ đỉnh vách núi, nhưng đối với người đang bơi chúng bị phân tách bởi những vịnh dốc và những mỏm đá ngẫu bọt sóng. Tuy nhiên, cứ phải đánh liều; nhát cọ đã được thực hiện.

Với một cảm giác lạ lùng về thể chất, như thể cô bị thúc ép phải bước lên phía trước đồng thời phải lui lại phía sau, cô lia nhanh nhát cọ quyết định đầu tiên. Chiếc cọ hạ xuống. Nó lấp lánh ánh nâu trên khung vải trắng, nó để lại một vết chạy dài. Cô thực hiện nó lần thứ hai - lần thứ ba. Và cứ ngưng nghỉ, chấm phá như thế, cô thủ đắc được một chuyển động nhịp nhàng như nhảy múa, như thể những lúc ngưng nghỉ là một phần của giai điệu và những nhát cọ khác, và tất cả đều gắn kết với nhau; cứ thế, dùng cọ, đưa cọ một cách nhẹ nhàng và nhanh nhẹn, cô vạch lên bức vẽ những nét nâu bồn chồn run rẩy nhưng cố định ngay sau khi chúng được dựng quanh một khoảng không gian (cô cảm thấy nó lù lù tiến về phía cô. Ở dưới lòng trứng của một lượn sóng cô nhìn thấy lượn sóng kế tiếp dựng lên ngày càng cao hơn bên trên cô. Bởi lẽ còn có cái gì dữ dội hơn khoảng không gian đó nữa? Cô lui lại để nhìn nó và trầm nghĩ, ở đây lại một lần nữa cô lại rút ra khỏi những chuyện tầm phào, ra khỏi cuộc sống, ra khỏi cái cộng đồng người để đối diện với tên cự thủ ghê gớm của mình - cái điều khác này, chân lý này, hiện thực này đột nhiên xâm chiếm lấy cô, nổi lên lồ lộ ở phía sau những ngoại diện và lôi cuốn sự chú ý của cô. Cô cảm thấy nửa phần bất đắc dĩ nửa phần miễn cưỡng. Tại sao cứ phải luôn bị lôi kéo chú? Tại sao không rời bỏ trong thanh bình, để nói chuyện với ông Carmichael trên bãi cỏ? Dẫu sao đi nữa

đây cũng là một hình thức giao lưu thú vị. Những đối tượng đáng tôn thờ khác đều hài lòng với sự tôn sùng; đàn ông, phụ nữ, Thượng đế, tất cả đều đáng để người ta quy gối phủ phục; nhưng cái hình thức này chỉ như hình dáng của một ngọn đèn trắng lơ mờ đổ bóng lên một cái bàn đan bằng cành liễu gai, kích động người ta chiến đấu không ngừng, thách thức người ta đến với một trận chiến mà trong đó người ta buộc phải là người chiến bại. Trước khi đem dòng đời đổi lấy sự tập trung vào công việc vẽ tranh, luôn luôn có những khoảnh khắc cô cảm thấy mình trần trụi (cô cũng không biết là nó nằm trong bản chất hay trong giới tính của cô) khi mà cô cũng hết như một linh hồn chưa ra đời, một linh hồn bị tước đi thân thể, ngại ngần trên một chóp đỉnh lộng gió nào đó và phơi trần ra mà không có một sự bảo vệ nào trước mọi nỗi ngờ vực. Vậy vì sao cô lại thực hiện nó? Cô nhìn vào bức vẽ, nhẹ nhàng phác những đường nét di động. Nó sẽ được treo trong phòng ngủ của các cô hầu gái. Nó sẽ bị cuộn lại và nhét xuống dưới một cái ghế tràng kỷ. Vậy thì thực hiện nó có ích gì không, và cô nghe thấy một giọng nói nào đó đang bảo rằng cô không thể vẽ tranh, rằng cô không thể sáng tạo, như thể cô đã bị cuốn theo một trong những dòng chảy thói quen mà trong đó sau một thời gian nhất định kinh nghiệm sẽ hình thành trong tâm trí, khiến cho người ta lặp lại những ngôn từ mà không còn chút ý thức nào về người đã phát ngôn chúng đầu tiên.

Không thể vẽ tranh, không thể viết, cô lẩm bẩm một cách đều đều, bản khoản cân nhắc xem kế hoạch phản công của cô sẽ là gì. Vì khối hình đang lù lù trước mặt cô; nó nhô ra; cô cảm thấy nó đang áp lên nhãn cầu mình. Thế rồi, như thể một thứ chất lỏng nào đó cần thiết cho sự bôi trơn các bộ phận cơ thể của cô đã tự động phun ra, cô bắt đầu nhúng cọ một cách ngẫu nhiên vào những sắc xanh trời và nâu, di động chiếc cọ từ nơi này sang nơi khác, nhưng giờ đây nó nặng hơn và lướt đi chậm hơn, như thể nó đã được hạ xuống trong một nhịp điệu nào đó đang dẫn dắt cô (cô tiếp tục nhìn hàng giậu, và bức vẽ) và đủ mạnh để cuốn cô theo dòng chảy của nó. Hẳn nhiên cô đã đánh mất ý thức về những sự vật bên ngoài, về tên của cô, tính cách của cô, ngoại hình của cô, và việc ông Carmichael có ở đó hay không, tâm trí cô tiếp tục ném lên từ những chiều sâu của nó những cảnh quan, những cái tên, những câu nói, những hồi ức và những ý tưởng, như một vòi nước phun vọt ra trên khoảng không gian

trắng gay go đáng sợ đang trừng mắt đỏ, trong lúc cô phác họa nó với những màu xanh lá và xanh trời.

Charles Tansley thường nói, cô nhớ, rằng phụ nữ không thể vẽ, không thể viết. Anh ta đã mò đến từ phía sau cô, đứng sát cạnh bên cô, một điều mà cô rất ghét, khi cô vẽ bà ấy từ chính chỗ này. “Thuốc rê,” anh ta nói “năm xu một ao-xơ,” phô trương sự nghèo túng của anh ta, những nguyên tắc của anh ta. (Những cuộc chiến tranh đã rút mất cái ngòi nữ tính của cô. Những kẻ vô phúc tội nghiệp, người ta nghĩ, những kẻ vô phúc khổ khổ của cả hai giới tính.) Anh ta luôn kẹp một cuốn sách dưới nách - một cuốn sách màu tím. Anh ta “làm việc”. Anh ta ngồi, cô nhớ, làm việc trong ánh nắng chói chang. Trong bữa ăn tối anh ta thường ngồi ngay giữa tầm mắt. Nhưng nói cho cùng, cô ngẫm nghĩ, có một cảnh tượng đẹp đẽ trên bãi biển. Người ta phải nhớ tới nó. Đó là một buổi sáng gió nhiều. Tất cả bọn họ đều đi xuống bãi biển. Bà Ramsay ngồi viết thư cạnh một tảng đá. Bà ấy viết, viết mãi. ‘Ồ,’ bà ấy nói, ngẩng lên nhìn một cái gì đó đang nổi bênh bồng trên biển, “Có phải đó là một cái giỏ bắt tôm hùm không? Có phải đó là một con thuyền bị lật úp không?” Bà ấy bị cận thị nặng đến mức không thể nhìn thấy, thế rồi Charles Tansley bỗng trở nên dễ thương như anh ta có thể tỏ ra. Anh ta bắt đầu chơi trò lia đá trên mặt nước. Họ chọn những viên đá dẹt nhỏ màu đen và lia chúng trên những lớp sóng. Thỉnh thoảng bà Ramsay ngẩng lên nhìn qua đôi kính và cười to trên họ. Họ đã nói gì cô không còn nhớ, chỉ nhớ cô và Charles đã chơi trò lia đá và đột nhiên rất hòa hợp với nhau, còn bà Ramsay thì quan sát họ. Cô ý thức rất rõ chuyện đó. Bà Ramsay, cô nghĩ, bước lùi lại và nheo mắt. (Hắn bức vẽ đã thay đổi cấu trúc khá nhiều so với khi bà ấy ngồi trên bậc thềm với James. Hắn phải có một cái bóng.) Khi cô nghĩ tới việc mình và Charles Tansley chơi trò lia đá và toàn bộ cảnh vật trên bãi biển, theo cách nào đó dường như nó phụ thuộc vào cảnh bà Ramsay ngồi dưới tảng đá, với một tập giấy trên đầu gối, đang viết những lá thư. (Bà ấy viết vô số thư và đôi khi gió cuốn chúng đi và cô cùng Charles chỉ vớt được một tờ từ dưới biển.) Nhưng linh hồn con người có một quyền năng to lớn biết bao! cô nghĩ. Hình ảnh người phụ nữ đó ngồi viết thư dưới tảng đá khiến mọi chuyện trở nên đơn giản; khiến cho những cơn giận, những bức dọc rụng rơi đi như những mảnh giẻ cũ; cô gom nhặt trong ký ức chuyện này chuyện nọ, cả cảnh tượng này, và nhận ra từ sự

ngốc nghếch và thù hận đáng thương (cô và Charles đã cãi cọ nhau, đấu khẩu với nhau một cách thù hận và ngu ngốc) này một điều gì đó - chẳng hạn cảnh tượng này trên bờ biển, cái khoảng khắc này của tình bạn và sự mến ư nhau - điều còn sót lại sau bấy nhiêu năm. Cô chìm vào đó để tái hiện lại ký ức của cô về anh ta, và nó ở lại đó trong tâm trí, tác động đến người ta gần như một tác phẩm nghệ thuật.

“Như một tác phẩm nghệ thuật,” cô lặp lại, nhìn từ bức vẽ sang những bậc thềm phòng khách rồi lại nhìn bức vẽ. Cô phải nghỉ một lát. Và, trong lúc ngồi nghỉ, lơ đãng nhìn từ vật này sang vật nọ, cái câu hỏi cũ đã không ngớt lướt ngang bầu trời linh hồn, cái câu hỏi mênh mông, phổ quát vốn có khuynh hướng tự định danh chính nó vào những khoảnh khắc như thế này, khi cô đang thả lỏng những giác quan đã quá căng thẳng, lại đứng sững nhìn xuống cô, dừng lại bên cô, che tối xâm phía trên cô. Ý nghĩa của cuộc đời là gì? Chỉ thế thôi - một câu hỏi giản đơn; một câu hỏi có khuynh hướng tiến tới gần người ta hơn theo năm tháng. Sự khải huyền vĩ đại không bao giờ đến. Thay vì thế, có những phép màu nho nhỏ hàng ngày, những điều soi sáng, những que diêm lóe lên bất chợt trong bóng tối; chuyện này là một. Chuyện này, chuyện kia, và chuyện khác; bản thân cô và Charles Tansley và những con sóng vỗ bờ; bà Ramsay đã gắn họ lại với nhau; bà Ramsay bảo, “Cuộc sống đứng lặng nơi đây”; bà Ramsay đã tạo ra từ cái giây phút đó một cái gì vĩnh viễn) - câu nói này mang bản chất của một sự khải huyền. Giữa những thứ hỗn độn vẫn có một hình thù; sự trôi qua lướt chảy miên viễn không ngừng này (cô nhìn những đám mây đang trôi và những chiếc lá đang chao động) đã gắn sâu vào sự vững bền ổn định. Cuộc sống đứng lặng nơi đây, bà Ramsay đã nói thế. “Bà Ramsay! Bà Ramsay!” cô lặp đi lặp lại. Cô mang ơn mọi thứ ở bà.

Tất cả đều thình lặng. Dường như chưa có ai đi lại trong ngôi nhà. Cô nhìn nó đang thiếp ngủ ở đó trong ánh nắng ban mai với những cánh cửa sổ màu xanh trời và xanh lá và những chiếc lá phản chiếu ánh mặt trời lấp loáng. Ý nghĩ mơ hồ về bà Ramsay của cô dường như đang cộng hưởng với ngôi nhà lặng lẽ này; làn khói này; bầu không khí ban mai trong lành này. Cô hy vọng sẽ không có ai mở cửa sổ hoặc đi ra khỏi nhà. Nhà nhạt mơ hồ và không có thật, nó thuần khiết và gây phấn khích

một cách không ngờ. Cô hy vọng sẽ không có ai mở cửa sổ hoặc đi ra khỏi nhà, nhờ thế cô sẽ được để yên để tiếp tục suy nghĩ, tiếp tục vẽ tranh. Cô quay sang bức vẽ. Bị thôi thúc bởi một cảm giác lạ lùng nào đó, bởi nỗi khó chịu về sự cảm thông mà cô không thể trút đi, cô thả bước tới cuối bãi cỏ để xem thử cô có thể nhìn thấy cái nhóm nhỏ đó lên thuyền ra khơi ở bãi biển dưới kia hay không. Dưới đó, giữa những con thuyền nhỏ bênh bồng, một số với những cánh buồm cuộn lại, một số chầm chậm lướt đi, vì tiết trời yên tĩnh, có một con thuyền hơi tách biệt với số kia. Thậm chí bây giờ cánh buồm mới được kéo lên. Cô nhất quyết rằng ở đó, trong con thuyền nhỏ hoàn toàn im lặng và rất xa đó, ông Ramsay đang ngồi với Cam và James. Lúc này họ đã căng buồm; lúc này, sau khi cờ hiệu phấp phới và im lặng, cô quan sát con thuyền đang khoan thai tìm lối ngang qua những con thuyền khác để ra khơi.

4.

Những cánh buồm vỗ nhẹ trên đầu họ. Nước reo róc rách và vỗ vào hai mạn thuyền bất động đang ngủ lơ mơ trong ánh nắng. Thỉnh thoảng những cánh buồm lại gợn lên khi có một làn gió nhẹ, nhưng nếp gợn lăn tăn chỉ lướt qua chúng rồi ngưng bật. Con thuyền chẳng chuyển động chút nào. Ông Ramsay ngồi ở giữa thuyền. Ông sẽ nôn nóng trong một lúc, James nghĩ, Cam nghĩ, nhìn cha chúng, người ngồi giữa chúng ngay giữa con thuyền (James lái thuyền, Cam ngồi một mình dưới mái vòm cuối thuyền) với đôi chân gập sát lại. Ông ghét sự lể mề. Đúng vậy, sau một hai giây bồn chồn, ông nói một câu gay gắt gì đó với con trai của Macalister, người vừa lòi cặp mái chèo ra và bắt đầu chèo. Nhưng cha chúng, chúng biết, sẽ chẳng bao giờ hài lòng cho tới khi họ lướt đi như bay. Ông sẽ tiếp tục ngóng tìm một cơn gió, bồn chồn, lẩm bẫm những câu gì đó mà Macalister và con trai ông ta sẽ nghe hóng được, và cả hai cảm thấy khó chịu kinh khủng. Ông đã bắt chúng đi. Ông đã ép buộc chúng đi. Trong cơn giận dữ, chúng hy vọng rằng gió sẽ không bao giờ nổi lên, rằng ông sẽ bị cản trở với mọi lý do có thể xảy ra, vì đã buộc chúng đi trái với ý nguyện của chúng.

Suốt quãng đường xuống bãi biển chúng đã cùng nhau nấn ná ở phía sau, dù ông cứ như ra lệnh cho chúng, “bước vội lên, bước vội lên,” mà không cần phải nói ra. Đầu chúng cúi gằm, đầu chúng như bị ấn xuống bởi một cơn bão không biết xót thương. Chúng không thể nói với ông. Chúng phải đi; chúng phải theo ông. Chúng phải đi sau lưng ông, vác theo những cái gói giấy nâu. Nhưng chúng đã thể nguyện, trong im lặng, khi đang dẫn bước, sẽ đứng sát bên nhau và thực hiện một thỏa ước lớn lao - chống lại sự chuyên chế cho tới chết. Thế rồi chúng ngồi ở đó, mỗi người ở một đầu thuyền, trong im lặng. Chúng không nói gì cả, chỉ thỉnh thoảng nhìn ông đang ngồi đó với đôi chân gập sát lại, nhả nhó bồn chồn, xuyết xoa ta thán, lẩm bẩm với chính mình, và nôn nóng đợi một cơn gió thổi. Và chúng hy vọng trời sẽ lặng. Chúng hy vọng ông sẽ bị cản trở. Chúng hy vọng toàn bộ chuyến đi sẽ thất bại, và chúng được đưa trở lại bãi biển, với những cái gói của chúng.

Nhưng lúc này, khi con trai của Macalister đã chèo được một quãng, những cánh buồm bắt đầu phồng lên, con thuyền tăng tốc, duỗi ra và lao tới. Ngay lập tức, như thể một sự căng thẳng nào đó đã được cởi bỏ đi, ông Ramsay duỗi thẳng hai chân, lôi cái bao nhỏ đựng thuốc lá ra, trao nó cho Macalister với một tiếng lẩm bẩm, và cảm thấy hoàn toàn mãn nguyện, chúng biết, vì chúng đã gánh chịu mọi thứ. Giờ đây chúng sẽ lướt đi suốt nhiều giờ như thế này, và ông Ramsay sẽ hỏi già Macalister một câu - có lẽ về cơn bão lớn vào mùa đông trước - và già Macalister sẽ trả lời, và họ sẽ cùng phì phèo cái ống điếu của mình, già Macalister sẽ cầm lấy một sợi chèo nhúng hắc ín, thắt lại hoặc tháo ra một nút, người con trai sẽ câu cá và chẳng bao giờ nói với ai lời nào. James sẽ buộc phải để mắt theo dõi cánh buồm. Vì nếu nó quên, cánh buồm sẽ dùm dó và run rẩy, con thuyền sẽ chậm lại, và ông Ramsay sẽ nói một cách cau kỉnh “Coi chừng! Coi chừng!” và già Macalister sẽ chậm chạp xoay người trên chỗ ngồi của mình. Thế rồi chúng nghe thấy ông Ramsay hỏi gì đó về cơn bão lớn hồi dịp lễ Giáng sinh. “Nó thổi đến, cuốn quanh chỗ đó,” già Macalister nói, mô tả cơn bão lớn hồi Giáng sinh năm trước, khi mười con tàu đã phải dạt vào vịnh để trú ẩn, và ông ta đã nhìn thấy “một ở đó, một ở đó, một ở đó” (ông ta chậm rãi chỉ vòng quanh cái vịnh. Ông Ramsay quay đầu nhìn theo.) Ông ta đã nhìn thấy bốn người đàn ông đeo trên cột buồm. Thế rồi nó biến đi. “Và cuối cùng chúng tôi đã tống cổ nó

đi,” ông ta tiếp tục (nhưng trong cơn giận và sự im lặng của mình chúng chỉ thoáng nghe thấy một từ ở đoạn này đoạn khác trong lúc ngồi ở hai đầu của con thuyền, hợp nhất lại bởi thỏa ước chiến đấu với sự chuyên chế cho tới chết của chúng). Cuối cùng họ đã tống cơn bão đi, họ đã thả chiếc thuyền cứu hộ, và họ đã tống cổ nó qua chỗ đó - Macalister kể lại câu chuyện; và dù chúng chỉ nghe thấy một từ vào lúc này lúc khác, chúng ý thức được trong suốt thời gian đó về cha chúng - ông nghiêng người tới trước ra sao, ông hòa giọng với già Macalister ra sao; vừa phì phèo ống điếu vừa nhìn chỗ này chỗ nọ mà Macalister chỉ, ông đã thưởng thức ý nghĩ về cơn bão và cái đêm tăm tối đó và những người ngư dân đang chống chọi ở đó ra sao. Ông muốn rằng những người đàn ông phải lao khổ và đổ mồ hôi trên bãi biển lộng gió ban đêm; căng bắp thịt và khối óc ra để chống lại những lượn sóng và cơn gió; ông thích những người đàn ông lao động như thế, còn những người phụ nữ thì trông nom nhà cửa, và ngồi trong nhà bên cạnh những đứa bé đang say ngủ, trong khi những người đàn ông chết đuối ngoài kia trong một cơn bão. James có thể nói như thế, Cam có thể nói như thế (chúng nhìn ông, chúng nhìn nhau), từ cái hất đầu, cái vẽ cảnh giác của ông, từ tiếng rung trong giọng nói của ông và cách ông pha trộn một chút giọng Tô cách Lan vào giọng của mình, như tự xem mình là một nông dân khi ông hỏi Macalister về mười một con tàu đã phải dạt vào vịnh trong một cơn bão. Ba chiếc đã bị chìm.

Ông kiêu hãnh nhìn về phía những nơi Macalister chỉ; và Cam nghĩ, cảm thấy tự hào về ông mà hoàn toàn không biết vì sao, giá mà ông có ở đó hẳn ông sẽ hạ thủy chiếc thuyền cứu hộ, hẳn ông sẽ đi tới chỗ tàu bị đắm, Cam nghĩ. Nhưng nó sức nhớ ra. Còn có thỏa ước; để chống lại sự chuyên chế cho tới chết. Nỗi đau khổ của chúng đè nặng lên chúng. Chúng đã bị ép buộc; chúng đã bị áp chế. Ông đã hạ gục chúng một lần nữa với vẻ u sầu và thẩm quyền của mình, buộc chúng phải thực hiện theo lệnh của ông, lên đường ra ngọn hải đăng, trong buổi sáng đẹp trời này, mang theo những cái gói này, bởi vì ông muốn thế; phải tham dự vào những nghi lễ tưởng niệm những người đã chết mà ông tiến hành chỉ vì niềm vui thú của riêng mình, điều mà chúng ghét, do đó chúng đã dùng dằng nán lại sau ông, mọi niềm vui thú của ngày hôm nay đã bị phá hỏng.

Phải, gió lại nổi lên. Con thuyền nghiêng mình, mặt nước bị chẻ mạnh và rơi xuống thành những thác màu xanh, những bong bóng nước, những màn bụi nước. Cam nhìn xuống lớp bọt sóng, nhìn xuống biển với mọi kho báu của nó, tốc độ của nó khiến Cam như bị thôi miên, và mối ràng buộc giữa Cam và James hơi chùng xuống đôi chút. Nó đã lỏng ra đôi chút. Cam bắt đầu suy nghĩ, Nó đi thật nhanh. Chúng ta đang đi đâu đây? Và sự chuyển động đã thôi miên Cam, trong khi James, mắt dán chặt vào cánh buồm và chân trời, lái thuyền một cách dứt khoát. Nhưng trong lúc lái thuyền nó bắt đầu nghĩ rằng nó có thể bỏ trốn; nó có thể từ bỏ tất cả những chuyện này. Họ sẽ đổ bộ lên đâu đó; và khi đó sẽ được tự do. Cả hai đứa nhìn nhau trong giây lát, cùng có một cảm nhận về việc bỏ trốn, và tâm trạng hơn hở đến cùng với tốc độ và sự đổi thay. Nhưng làn gió cũng làm nảy sinh trong ông Ramsay một tâm trạng phấn khích tương tự, khi già Macalister quay người để ném sợi dây qua mạn thuyền, ông la lớn,

“Chúng ta bỏ mạng,” và lại la lên lần nữa, “đơn độc từng người.”^[36] Thế rồi với cơn bộc phát của sự ăn năn hay e thẹn thường lệ của mình, ông đứng bật dậy, vẫy tay về hướng bờ biển.

“Nhìn ngôi nhà nhỏ kia,” ông nói, chỉ tay, muốn Cam nhìn theo. Nó nhô lên một cách miễn cưỡng và nhìn. Nhưng đó là gì? Nó không còn có thể nhận ra rằng trên sườn đồi kia là ngôi nhà của họ. Tất cả trông rất xa xôi, thanh bình và kỳ lạ. Bờ biển dường như được tinh lọc, xa xăm, không có thật. Khoảng cách nhỏ mà họ đi được đã đưa họ ra xa nó và tạo cho nó cái vẻ thay đổi đó, cái vẻ tĩnh mịch đó, của một điều gì đó đã lùi xa mà trong đó người ta không còn bất kỳ vai trò nào nữa cả. Có phải đó là nhà của họ không? Nó không thể nhìn thấy được.

“Nhưng tôi còn bị nhấn chìm hơn anh ấy^[37],” ông Ramsay lẩm bẩm. Ông đã phát hiện ra ngôi nhà, và trong khi nhìn nó, ông cũng nhìn thấy chính mình ở đó; ông nhìn thấy chính mình đang đi trước sân hiên, đơn độc. Ông đi qua đi lại giữa những bồn hoa; và với chính ông, dường như ông quá già nua lụm cụp. Ngồi trên thuyền, ông cũng còng lưng xuống, thu người lại, ngay lập tức đóng vai diễn của mình - vai diễn của một người đàn ông đơn lẻ, góa vợ, bị tước đoạt; và do đó tập hợp lại trước mặt ông

những đám người đồng cảm với ông; trình diễn cho chính ông, trong khi ngồi trong thuyền, một màn bi kịch nhỏ; một màn bi kịch đòi hỏi ông sự hom hem lụ khụ, sự kiệt sức và nỗi u sầu (ông giơ hai bàn tay lên và nhìn vào sự gầy guộc của chúng, để khẳng định giấc mơ của mình), và rồi ông đã nhận được thật nhiều mối cảm thông của những người phụ nữ, ông tưởng tượng họ sẽ vỗ về ông và cảm thông ông ra sao, và trong khi cảm nhận trong giấc mơ của ông một phản ảnh nào đó của niềm hoan lạc tuyệt vời từ sự cảm thông của những người phụ nữ, ông thở dài, khe khẽ thốt lên với giọng náo nùng:

Nhưng tôi còn bị nhấn chìm hơn anh ấy

trong những vực thẳm sâu dưới một biển thẳm hung tàn,

khiến cho tất cả bọn họ nghe thấy những lời than van đó. Cam hơi giật mình ở chỗ ngồi của nó. Câu thơ làm Cam bị sốc - nó làm Cam nổi giận. Cử động đó đánh thức cha nó; và ông rùng mình, bừng tỉnh, kêu lên: “Nhìn kia! Nhìn kia” một cách khẩn thiết đến nỗi cả James cũng quay đầu lại nhìn về phía hòn đảo. Tất cả bọn họ đều nhìn. Họ nhìn về phía hòn đảo.

Nhưng Cam không thể nhìn thấy gì cả. Nó nghĩ tất cả những con đường và bãi cỏ, dày và gấn chặt vào cuộc sống mà họ từng trải qua ở đó, đã mất đi: đã bị xóa nhòa; đã là dĩ vãng; không có thật, và bây giờ điều này mới là có thật; con thuyền và cánh buồm đầy những mảnh vá; Macalister với đôi khuyên tai của ông ta; tiếng ồn của những lượn sóng - tất cả những thứ này mới có thật. Nghĩ tới đây, nó lẩm bẩm với chính mình, “Chúng ta bỏ mạng, đơn độc từng người,” vì những lời của cha nó cứ bùng nổ, bùng nổ mãi trong tâm trí nó. Khi thấy ánh nhìn khá mơ hồ của nó, cha nó bắt đầu trêu nó. Nó không biết những phương hướng trên chiếc la bàn hay sao? ông hỏi. Nó không biết phân biệt hướng bắc với hướng nam hay sao? Nó có thật sự nghĩ rằng họ sống ngay ở đó hay không? Rồi ông lại giơ tay chỉ cho nó chỗ có ngôi nhà của họ, bên cạnh những cây kia. Ông muốn nó cố trở nên chính xác hơn, ông nói: “Nói cho cha biết - hướng đông ở đâu, hướng tây ở đâu?” ông nói, một cách vừa chế giễu vừa phiến trách nó, vì ông không thể hiểu nổi trạng thái tinh thần của bất kỳ một ai, không hoàn toàn điên loạn, lại không biết những

hướng của la bàn. Thế nhưng nó không biết. Và nhìn ánh mắt đăm đăm đầy vẻ mơ hồ của nó, giờ đây có vẻ hơi hoảng sợ, đang dán vào một nơi chẳng có ngôi nhà nào, ông Ramsay quên đi giấc mơ của mình; việc ông đã đi qua đi lại giữa những bông hoa trên sân hiên ra sao; việc đôi cánh tay đó đã duỗi về phía ông ra sao. Ông nghĩ, phụ nữ luôn là thế đó; sự mơ hồ trong tâm trí họ thật vô phương cứu chữa; đó là một điều mà ông không bao giờ có thể hiểu nổi; nhưng nó là thế đó. Nó đã từng là thế với bà ấy - vợ ông. Họ không thể xác định một cách rõ ràng bất kỳ điều gì trong tâm trí họ. Nhưng ông đã sai khi nổi giận với nó; ngoài ra, không phải là ông cũng khá thích sự mơ hồ ấy ở những người phụ nữ hay sao? Nó là một phần của vẻ đáng yêu lạ lùng của họ. Mình sẽ làm cho nó mỉm cười với mình, ông nghĩ. Trông nó có vẻ hoảng sợ. Nó rất lặng lẽ. Ông nắm chặt những ngón tay, và quyết định rằng giọng nói, vẻ mặt và tất cả những cử chỉ biểu hiện nhanh của ông, cái đã từng thuộc vào quyền tùy nghi sử dụng của ông trong việc làm cho mọi người thương hại ông và ca ngợi ông suốt những năm qua phải được tiết giảm đi. Ông sẽ làm cho nó mỉm cười với ông. Ông sẽ tìm một điều gì đó giản đơn để nói với nó. Nhưng là điều gì? Bởi lẽ, bị cuốn chặt vào công việc của mình như ông đã từng trước đó, ông đã quên đi cái cách chuyện trò mà người ta nói. Có một con chó con. Họ có một con chó con. Hôm nay ai trông chừng con chó vậy? ông hỏi. Phải, James nghĩ một cách tàn nhẫn, nhìn mái đầu của chị nó nổi lên trên tấm buồm, giờ thì chị ấy sẽ nhượng bộ. Mình sẽ bị bỏ rơi và một mình đơn độc chống lại sự chuyên chế. Thỏa ước sẽ được để lại cho nó thực hiện. Cam sẽ không bao giờ chống lại sự chuyên chế cho tới chết, nó nghĩ một cách dứt khoát, quan sát nét mặt của chị nó, buồn, đôi hờn, nhân nhượng. Và như đôi lúc vẫn xảy ra, khi một đám mây hạ xuống một sườn đồi xanh ngát, trọng lực giảm đi, ngọn đồi nằm đó buồn rầu âm ỉ giữa tất cả mọi ngọn đồi xung quanh, và như thể bản thân những ngọn đồi cũng phải trầm tư về số phận của kẻ bị mây che khuất, kẻ trở nên tối tăm, hoặc với lòng thương hại, hoặc với niềm hân hoan hiềm ác đối với nỗi hoang mang của nó: giờ đây Cam cũng cảm thấy chính mình bị che phủ lên khi nó ngồi đó giữa những người bình thần, cương quyết, tự hỏi làm cách nào để trả lời câu hỏi của cha nó về con chó con; làm cách nào để cưỡng lại sự khẩn nài của ông - hãy tha thứ cho cha, hãy quan tâm tới cha; trong khi James, kẻ làm ra luật, với những bản khắc của sự minh triết vĩnh cửu trên đầu gối nó (bàn tay đặt trên bánh lái

của nó đã trở thành biểu tượng đối với Cam) đang nói, Hãy chống lại ông ta. Chiến đấu với ông ta. Nó nói một cách rất chính đáng; rất công minh. Bởi lẽ chúng phải chiến đấu với sự chuyên chế cho tới chết, Cam nghĩ. Trong số những phẩm chất của con người nó tôn trọng sự công bằng nhất. Đứa em trai của nó gần giống như thần thánh, còn cha nó giống như kẻ van xin. Và nó đã nhân nhượng điều này, nó nghĩ, trong lúc ngồi ở giữa họ, vừa nhìn đắm đắm vào bờ biển mà tất cả mọi phương hướng đều xa lạ đối với nó, vừa nghĩ thầm, bãi cỏ, sân hiên và ngôi nhà giờ đây đã bị san bằng và thanh bình ngự trị ở đó ra sao.

“Jasper,” nó phụng phịu nói. Anh ấy sẽ lo cho con chó con.

Và nó sẽ đặt tên con chó là gì? cha nó khẳng khẳng. Hồi còn bé ông từng có một con chó, gọi là Frisk. Chị ấy sẽ nhượng bộ, James nghĩ, khi nó quan sát về mặt chị nó, một vẻ mặt mà nó nhớ. Họ nhìn xuống món đồ đan hay thứ gì đó của họ, nó nghĩ thầm. Rồi đột nhiên họ ngẩng lên. Có một ánh chớp màu xanh, nó nhớ, và rồi ai đó đang ngồi với nó phá lên cười, đầu hàng, và nó thấy rất giận. Hẳn đó chính là mẹ nó, James nghĩ, đang ngồi trên một chiếc ghế thấp, với cha nó đứng nhìn xuống. Nó bắt đầu tìm kiếm trong những chuỗi ấn tượng vô tận mà thời gian đã làm lắng xuống, từng trang một, từng nếp gấp một trong óc não nó, một cách khẽ khàng, miên man; trong những cảnh tượng, những âm thanh; những giọng nói, thô lỗ, rỗng tuếch, ngọt ngào; và những tia sáng lướt qua, và tiếng chổi sột soạt; tiếng rì rào và sự lặng im của biển, một người đàn ông đã đi qua đi lại rồi dừng phắt lại, ngay bên trên họ. Đồng thời, nó nhận thấy, Cam nhúng những ngón tay xuống nước, nhìn chằm chặp vào bờ biển và không nói lời nào. Không, chị ấy sẽ không đầu hàng, nó nghĩ; chị ấy thì khác, nó nghĩ. Thôi được, nếu Cam không trả lời ông, ông sẽ không làm phiền nó nữa, ông Ramsay quyết định, sờ soạng trong túi để tìm một cuốn sách. Nhưng nó sẽ trả lời ông; nó mong muốn, một cách nồng nhiệt, dời được một chướng ngại vật nào đó đang nằm trên lối nó và nói rằng,Ồ, phải, Frisk. Con sẽ gọi nó là Frisk. Thậm chí nó còn muốn nói, Cái con chó đã một mình tìm được đường đi trên mặt trăng đó tên là gì nhỉ? Nhưng dù nó cố đến mấy, nó chỉ có thể nghĩ sẽ không nói gì giống như thế, vẫn hung dữ và trung thành với thỏa ước, thế nhưng vẫn chuyển sang được cho cha nó, theo một cách khiến James không hề ngờ

vực, một dấu hiệu riêng tư về tình yêu nó cảm thấy đối với ông. Cứ thế nó suy nghĩ, bàn tay nhúng xuống nước (lúc này con trai của Macalister đã câu được một con cá thu, và nó nằm giãy dụa trên sàn tàu với đôi mang rỉ máu), vì thế nó vừa suy nghĩ vừa nhìn James đang hướng mắt một cách bình thần vào tấm buồm, hoặc thỉnh thoảng liếc mắt trong giây lát về phía chân trời, em không bị phôi trăn ra trước điều này, trước áp lực và cảm giác bị phân hóa này, sự cảm dỗ lạ lùng này. Cha nó đang sờ soạng trong túi; trong giây lát ông ấy sẽ tìm thấy cuốn sách. Không có ai thu hút nó hơn thế; đôi bàn tay ông đẹp, và hai bàn chân ông, giọng nói của ông, những từ ngữ của ông, sự vội vã của ông, tính khí của ông, sự kỳ quặc của ông, niềm đam mê của ông, câu nói thẳng tuột trước mặt mọi người của ông, chúng ta bỏ mạng, đơn độc từng người, và vẻ xa vắng của ông. (Ông đã mở cuốn sách ra.) Nhưng điều vẫn không thể tha thứ được, nó nghĩ, ngồi thẳng lên và quan sát con trai của Macalister đang gỡ lưỡi câu ra khỏi mang của một con cá khác, là sự mù lòa thô lỗ và sự chuyên chế của ông, cái đã đầu độc tuổi thơ của nó và khơi dậy những cơn bão đặng cay, khiến cho thậm chí giờ đây nó vẫn tỉnh giấc giữa đêm khuya, run lên vì giận và nhớ tới một mệnh lệnh nào đó của ông; một sự láo xược nào đó: Hãy làm điều này,” “Hãy làm điều nọ,” sự thống trị của ông: câu nói “Hãy phục tùng cha” của ông.

Thế là nó không nói gì cả mà chỉ nhìn một cách buồn bã và gan lì về phía bờ biển đang khoác trên mình tấm áo khoác thanh bình; như thế những người ở đó đã ngủ say, nó nghĩ; tự do như khói, tự do đến và đi như những hồn ma. Họ không có nỗi đau khổ nào ở đó, nó nghĩ.

5.

Phải, đó là thuyền của họ, Lily Bricoe xác quyết khi đứng trên rìa bãi cỏ. Đó là con thuyền với những cánh buồm nâu ngả xám mà lúc này cô thấy đang vươn dài thân hình trên mặt nước và băng ngang qua vịnh. Ông ta ngồi đó, cô nghĩ, và hai đứa nhỏ hoàn toàn im lặng. Và cả cô cũng không thể chạm tới ông ấy. Niềm cảm thông mà cô không trao cho ông được đè nặng lên cô. Nó khiến cô khó mà vẽ được.

Cô luôn luôn thấy ông có vẻ khó chịu. Cô chưa bao giờ ca ngợi ông trước mặt ông, cô nhớ. Và điều đó giảm thiểu mối quan hệ của họ xuống một mức trung tính, gần như là đồng tính nam, trong đó không có yếu tố giới tính đã khiến cho cách cư xử của ông đối với Minta rất đổi hào hoa. Ông thường hái cho Minta một bông hoa, cho cô ấy mượn sách của mình. Nhưng ông ta có thể tin rằng Minta sẽ đọc chúng hay không? Cô ta lúi lúi khắp vườn, gán chúng lên những nhánh lá để đánh dấu địa điểm.

“Ông có nhớ không, ông Carmichael?” cô muốn hỏi như thế khi nhìn người đàn ông lớn tuổi. Nhưng ông đã kéo chiếc mũ xuống quá nửa trán của mình; ông đang ngủ, hoặc đang mơ, hoặc đang nằm đó để chộp bắt những ngôn từ, cô cho là vậy.

“Ông có nhớ không?” cô muốn hỏi thế khi đi ngang qua ông ta, lại nghĩ tới bà Ramsay trên bãi biển; cái thùng tôn nhô lên xuống; và những tờ giấy bay tung tóe. Vì sao sau bấy nhiêu năm cái cảnh tượng ấy vẫn còn sống sót, quẩn quanh, sáng rực lên, có thể nhìn thấy tới chi tiết cuối cùng, với tất cả những gì trước và sau nó đều trống trơn, suốt hàng nhiều, hàng nhiều dặm?

“Đó có phải là một con thuyền không? Đó có phải là một cái phao không?” bà ấy thường hỏi thế. Lily lặp lại, và quay trở về với bức vẽ của mình một cách miễn cưỡng. Lạy trời, vấn đề của khoảng trống vẫn còn, cô nghĩ, lại cầm lấy cọ. Nó nhìn cô trờ trờ. Toàn bộ hình khối của bức tranh lấy lại thế cân bằng dựa vào sức nặng đó. Ở bề mặt nó có thể xinh xắn, rực rỡ, mượt mà và hòa quyện, màu này tan chảy vào màu kia như những màu sắc trên một cánh bướm; nhưng bên dưới tấm vải phải được kẹp chặt lại với những ốc vít bằng sắt. Nó là một vật mà bạn có thể làm xáo động với hơi thở của mình; và là một vật mà bạn không thể lúi lúi ra với cả một đàn ngựa. Cô bắt đầu đặt lên một vệt đỏ, một vệt xám và bắt đầu vẽ dần tới cái chỗ trống ở đó. Đồng thời, dường như cô đang ngồi bên cạnh bà Ramsay trên bãi biển.

“Đó có phải là một con thuyền không? Đó có phải là một cái phao không?” bà Ramsay nói. Và bà ấy bắt đầu lúng lúng xung quanh để tìm cặp kính. Rồi bà ấy ngồi xuống khi đã tìm thấy nó, lặng im, nhìn ra biển.

Và Lily, vẫn vẽ đều đặn, cảm thấy như thể một cánh cửa đã mở ra, người ta bước vào và đứng im lặng nhìn quanh trong một nơi chốn giống như một tòa thánh đường cao, rất tăm tối, rất trang nghiêm. Những tiếng la hét vọng đến từ một thế giới rất xa xăm. Những con tàu hơi nước biến mất trong những cột khói trên đường chân trời.

Charles ném những viên đá cho chúng nhảy cách quãng trên mặt sóng.

Bà Ramsay ngồi im lặng. Bà ấy vui mừng, Lily nghĩ, vì được nghỉ ngơi trong im lặng, không phải giao tiếp chuyện trò; nghỉ ngơi trong tâm trạng tuyệt đối không quan tâm tới những mối quan hệ con người. Ai biết được chúng ta là ai, chúng ta cảm thấy điều gì? Ai biết được ngay cả vào phút giây thân mật, Đây là tri thức? Vậy những sự vật có hư hại đi không? Có thể bà Ramsay đã hỏi thế (dường như điều này rất thường xảy ra, khi bà ngồi im lặng bên cạnh cô). Như vậy chúng ta có nhiều biểu hiện hơn không? Ít ra khoảnh khắc ấy dường như phong phú đến lạ lùng. Bà ấy khoét một cái lỗ nhỏ trong cát rồi che nó lại bằng cách chôn vào nó sự hoàn hảo của khoảnh khắc ấy. Giống như một giọt bạc mà trong đó người ta nhúng và mạ sáng bóng tối của dĩ vãng.

Lily bước lui lại để nhìn bức vẽ của mình ở khoảng cách xa. Đây là một con đường kỳ lạ để dẫn bước, cái công việc vẽ tranh này. Người ta đi, đi mãi, xa hơn, cho tới khi cuối cùng dường như người ta đứng trên một một mẫu ván hẹp, hoàn toàn cô độc, giữa biển khơi. Và khi cô nhúng cọ vào màu sơn xanh da trời, cô cũng chìm vào cái quá khứ ở đó. Lúc này bà Ramsay đứng lên, cô nhớ. Đã tới giờ quay về nhà - giờ ăn trưa. Và cả bọn cùng đi bộ lên từ bãi biển, cô đi sau với William Bankes, còn Minta thì ở phía trước họ với một cái lỗ trong chiếc tất của cô ta. Cái lỗ tròn nho nhỏ trên gót chân son dường như đang khoe mình trước mắt họ hay sao ấy! Trong chừng mực mà cô có thể nhớ, dù chẳng hề nói gì về nó, William Bankes đã xót xa vì nó biết bao! Với ông, nó mang ý nghĩa của sự thủ tiêu nữ tính, của sự bẩn thỉu vô trật tự, khi những người hầu bỏ đi và những chiếc giường không được dọn dẹp lúc giữa trưa - tất cả những thứ mà ông ta ghét cay ghét đắng nhất. Ông có một kiểu rùng mình và xòe rộng những ngón tay ra như thể để che đi một đối tượng khó coi mà lúc này

ông đang thực hiện - ông giơ bàn tay ra che trước mặt. Minta bước dần lên phía trước, và có lẽ Paul gặp cô ấy và cô ấy cùng Paul đi vào vườn.

Gia đình Rayleys, Lily Briscoe nghĩ, bóp mạnh ống sơn màu xanh lá. Cô tập hợp những ấn tượng của mình về gia đình Rayley. Cuộc sống của họ hiện ra trước mắt cô trong một chuỗi cảnh tượng; một, trên cầu thang lúc bình minh. Paul đã về nhà và đi ngủ sớm; Minta về muộn. Và kia là Minta, đầu đội vòng hoa, người đẩy màu sắc lòe loẹt, đứng trên cầu thang vào lúc ba giờ sáng. Paul đi ra trong bộ pyjama, cầm theo một cái que cời lò để phòng khi có trộm. Minta đang ăn một cái bánh sandwich, đứng ở giữa cầu thang cạnh một cửa sổ, trong ánh bình minh nhợt nhạt, và trên tấm thảm có một lỗ thủng. Nhưng họ đã nói gì? Lily tự hỏi, như thể bằng cách nhìn cô có thể nghe thấy họ. Minta tiếp tục ăn bánh, một cách bức dọc, trong lúc Paul nói một câu gì đó thô bạo, xỉ vả cô ta, bằng một giọng trầm thì để không đánh thức hai thằng nhóc. Anh ta thì khô héo, u buồn; cô ta thì rục rĩ, vô tâm. Vì mọi thứ đã chùng xuống sau khoảng một năm đầu; cuộc hôn nhân đã trở nên khá tồi tệ.

Và điều này, Lily nghĩ, đưa cô quẹt lên lớp sơn xanh lá, cái điều đã tạo nên nhiều màn kịch về họ, là cái mà chúng ta gọi là “hiểu biết” mọi người, “suy nghĩ” về họ, “yêu mến” họ! Chẳng có từ nào đúng cả; cô đã bịa ra nó; nhưng đó cũng chính là những gì cô biết về họ. Cô tiếp tục đào sâu con đường của mình vào bức vẽ, vào quá khứ.

Một lần khác, Paul bảo anh ta “đã đánh cờ trong những tiệm cà phê.” Cô đã xây dựng nên toàn bộ một cấu trúc tưởng tượng dựa trên lời nói đó. Cô nhớ, khi anh ta nói thế, cô đã nghĩ tới cái cách anh ta kéo chuông gọi người phục vụ ra sao, và cô nói, “Bà Rayley đã đi ra ngoài rồi anh ạ,” và anh ta quyết định rằng anh ta cũng sẽ không về nhà. Cô nhìn thấy anh ta ngồi trong góc của một chốn thăm sâu nào đó nơi khói thuốc bám chặt vào những cái ghế nhung đỏ, và những người bồi bàn đều biết mặt bạn, và anh ta đánh cờ với một người đàn ông nhỏ thó làm nghề buôn trà và sống ở Surbiton, đó là tất cả những gì Paul biết về người đó. Thế rồi Minta ra ngoài khi anh ta về nhà và đã có cái màn kịch trên cầu thang, khi anh ta cầm cây que cời lò để phòng kẻ trộm (chắc chắn là cũng để dọa cô ta nữa) và nói một cách rất cay đắng, rằng cô ta đã hủy hoại cuộc

đời anh ta. Dù gì đi nữa, khi cô ghé xuống thăm họ ở một ngôi nhà gần Rickmansworth, mọi thứ đã căng thẳng một cách khủng khiếp. Paul kéo cô ra vườn để nhìn những con thỏ rừng Bỉ mà anh ta nuôi, và Minta đi theo họ, hát véo von, đặt cánh tay lên vai anh ta để anh ta không thể kể gì với cô được.

Minta thấy chán ngán vì những con thỏ, Lily nghĩ. Nhưng Minta không bao giờ bộc lộ bản thân. Cô ta không bao giờ nói những câu như thế về việc đánh cờ trong các tiệm cà phê. Cô ta quá có ý thức, quá thận trọng. Nhưng phải tiếp tục câu chuyện của họ - giờ thì họ đã vượt qua thời kỳ nguy hiểm. Cô đã ở lại với họ một thời gian vào mùa hè năm ngoái, chiếc xe bị hỏng và Minta phải đưa tận tay anh ta những thứ dụng cụ. Anh ta ngồi trên đường chữa chiếc xe, và cái cách cô ta đưa cho anh ta những thứ dụng cụ - một cách tháo vát, thẳng thắn, thân thiện - chứng minh rằng mọi chuyện giờ đây đã ổn. Họ không còn “yêu nhau” nữa; không, anh ta đã cặp với một người đàn bà khác, một phụ nữ nghiêm túc, với mái tóc thắt bím và cái hộp trên tay (Minta đã mô tả cô ta một cách thoải mái, gần như ngưỡng mộ), thường dự những cuộc họp và chia sẻ những quan điểm của Paul (họ đã ngày càng trở nên dứt khoát hơn) về mức thuế trị giá đất đai và thuế vốn. Không những phá vỡ cuộc hôn nhân, mối liên minh đó đã điều chỉnh nó lại cho đúng đắn. Họ là những người bạn tuyệt vời của nhau, rõ là thế, khi anh ta ngồi trên đường và cô ta trao cho anh ta những thứ dụng cụ.

Câu chuyện về vợ chồng nhà Rayley là thế đó, Lily nghĩ. Cô tưởng tượng mình đang kể nó với bà Ramsay, người rất hiếu kỳ muốn biết chuyện gì đã xảy đến với vợ chồng họ. Cô có một cảm giác thắng lợi nho nhỏ khi kể với bà Ramsay rằng cuộc hôn nhân đó không phải là một thành công.

Nhưng những người đã chết, Lily nghĩ, đã tạo ra một chương ngại nào đó trong bản phác họa của cô khiến cô phải tạm dừng và suy ngẫm, bước lui lại một bước, ôi, những người đã chết! cô lẩm bẩm, người ta thương hại họ, người ta gạt họ ra bên lề, thậm chí người ta còn hơi khinh thường họ. Họ phụ thuộc vào lòng thương hại của chúng ta. Bà Ramsay đã nhạt nhòa tan biến, cô nghĩ. Chúng ta có thể gạt bỏ những mong ước của bà ấy, cải thiện những ý tưởng hạn chế, lỗi thời của bà ấy. Bà ấy

ngày càng lùi ra xa khỏi chúng ta. Một cách đầy chế giễu, dường như cô trông thấy bà ở cuối hành lang của những tháng năm và nói, một trong những điều phi lý nhất, “Hãy kết hôn, hãy kết hôn đi! (bà ấy đang ngồi rất thẳng trong buổi ban mai với lũ chim bắt đầu kêu chiêm chiếp trong khu vườn bên ngoài). Và người ta phải nói với bà rằng, Tất cả đã đi ngược lại với những ước muốn của bà. Họ hạnh phúc như thế đó; tôi hạnh phúc như thế này. Cuộc sống đã thay đổi hoàn toàn. Với nó, toàn bộ con người của bà, ngay cả vẻ đẹp của bà, cũng đã trong khoảnh khắc trở thành khô khan và cổ hủ. Trong một khoảnh khắc, Lily đứng đó, với ánh mặt trời hun nóng trên lưng, nhớ lại đôi vợ chồng Rayleys, chiến thắng trước bà Ramsay, người không bao giờ biết Paul đi tới những tiệm cà phê và có một cô người tình; không bao giờ biết anh ta đã ngồi trên đất và Minta đã trao cho anh ta những thứ dụng cụ như thế nào; không bao giờ biết cô đứng đây vẽ tranh, chưa hề kết hôn, ngay cả với William Bankes như thế nào.

Bà Ramsay đã hoạch định ra việc đó. Có lẽ giá như bà ấy còn sống, bà ấy sẽ thúc ép nó xảy ra. Trong mùa hè năm đó ông ấy đã là “người đàn ông tốt nhất”. Ông ấy đã là “nhà khoa học đứng đầu ở lứa tuổi của ông ta, chồng tôi bảo thế.” Ông ấy còn là “William khốn khổ - Tôi rất buồn lòng khi tôi tới thăm ông ta và chẳng thấy thứ gì xinh đẹp trong nhà ông ta - không có ai để cắm những bông hoa.” Thế là họ đã được sắp xếp di đạo với nhau, và người ta đã bảo với cô, với sự châm biếm mơ hồ khiến cho bà Ramsay trượt qua những kẻ tay của người ta, rằng cô có một đầu óc khoa học; cô yêu các loài hoa; cô rất chính xác. Sự đam mê kỳ lạ này của bà ấy đối với hôn nhân là thứ gì vậy? Lily tự hỏi, bước tới gần rồi lại lùi ra xa khỏi cái giá vẽ của mình.

(Đột nhiên, cũng đột nhiên như một vì sao lướt vụt qua bầu trời, một ánh sáng đỏ lập lòe chợt bùng cháy trong tâm trí cô, che phủ lên Paul Rayley, phát ra từ anh ta. Nó cất lên như một ngọn lửa được đốt lên để đánh dấu một ngày lễ kỷ niệm nào đó của những người hoang dã trên bãi biển. Cô nghe thấy tiếng gầm rú và tiếng nổ rầm rắc. Toàn thể mặt biển suốt nhiều dặm cong biến thành màu đỏ và vàng. Một mùi rượu vang trộn lẫn với nó và làm cho cô say sưa ngây ngất, vì một lần nữa cô lại cảm thấy niềm khao khát liêu lĩnh được quăng mình ra khỏi vách núi và bị chết

chìm trong khi tìm kiếm một cây trâm ngọc cài đầu trên bờ biển. Tiếng gầm rú và nổ rầm rắc đẩy lùi cô với nỗi sợ hãi và phẫn nộ, như thể trong lúc nhìn thấy vẻ diệu kỳ và sức mạnh của nó cô cũng nhìn thấy nó ngổn ngáo cái kho báu của ngôi nhà một cách tham lam, kinh tởm như thế nào, và cô căm ghét nó. Nhưng về mặt một cảnh tượng, một sự rục rĩ, nó vượt khỏi mọi thứ mà cô từng trải nghiệm, và bốc cháy hết năm này sang năm khác như một ngọn lửa hiệu trên một hoang đảo nằm ở rìa biển, người ta chỉ cần nói “yêu thương” và ngay lập tức, như nó xảy ra lúc này, ngọn lửa của Paul lại cất cao lên. Rồi nó chìm xuống và cô cười phá lên, tự nhủ với mình, “gia đình Rayley”; Paul đã tới những tiệm cà phê và đánh cờ như thế nào.)

Dù sao, cô chỉ thoát thân được trong đường tơ kẻ tóc, cô nghĩ. Cô đã từng nhìn vào tấm khăn trải bàn, cô đã nảy ra ý định sẽ dời cái cây vào chính giữa và không bao giờ cần phải kết hôn với bất kỳ ai, và cô đã cảm thấy một niềm hân hoan to lớn. Cô cảm thấy giờ đây cô đã có thể đứng lên trước bà Ramsay - một sự thể hiện lòng tôn kính đối với quyền lực lạ lùng mà bà Ramsay có đối với cô. Hãy làm điều này, bà ấy bảo, và người ta thực hiện nó. Ngay cả cái bóng của bà ấy ở cửa sổ với James cũng chứa đầy quyền lực. Cô nhớ William Bankes đã bị sốc như thế nào bởi sự hờ hững của cô đối với ý nghĩa quan trọng của mẹ và con trai. Cô không ngưỡng mộ vẻ đẹp của họ sao? ông ấy nói. Nhưng William, cô nhớ, đã lắng nghe cô với đôi mắt trẻ thơ đầy minh triết của ông khi cô giải thích vì sao đó không phải là sự bất kính: vì sao một ánh sáng ở đó lại cần một bóng râm ở đó, vân vân. Cô không định miệt thị một chủ đề mà, họ đã nhất trí, Raphael đã xử lý một cách tuyệt vời. Cô không phải là người cay độc. Hoàn toàn trái lại. Nhờ đầu óc khoa học của mình ông ấy đã hiểu - một bằng chứng về trí thông minh vô vụ lợi đã làm cho cô hài lòng và đã an ủi cô vô hạn. Khi đó người ta có thể nói một cách nghiêm túc về công việc vẽ tranh với một người đàn ông. Thật ra, tình bạn của ông đã từng là một trong những niềm vui của đời cô. Cô yêu mến William Bankes.

Họ từng tới cung điện Hamton Court và, như một quý ông tuyệt hảo, ông luôn để cho cô có đủ thời gian để rửa tay, trong lúc ông đi lững thững dọc bờ sông. Điều đó mang tính điển hình cho mối quan hệ của họ. Nhiều

điều không cần phải nói ta. Lúc đó họ đi chậm rãi qua những khoảnh sân trong, và thường thức, hết mùa hè này sang mùa hè khác, những tỷ lệ cân xứng và những loài hoa, và ông thường kể cho cô nghe nhiều thứ, về thuật phối cảnh, về kiến trúc, khi họ đang thả bước, và ông thường dừng lại để nhìn một loài cây, hay cảnh vật trên hồ, và vui thích ngắm nhìn một đứa trẻ con - (đây là nỗi đau to lớn của ông - ông không có con gái) với một vẻ xa xăm mơ hồ khá tự nhiên đối với một người đàn ông đã dành nhiều thời gian trong phòng thí nghiệm đến nỗi khi bước ra ngoài đường như thế giới đã làm ông ta choáng váng, thế nên ông chậm chậm bước, giơ bàn tay lên che mắt và dừng lại, đầu hơi ngửa ra, chỉ để hít một hơi không khí. Rồi ông kể cho cô nghe vợ của mình như thế nào vào kỳ nghỉ của bà; ông phải mua một tấm thảm mới cho cầu thang. Có lẽ bà sẽ đi với ông để mua một tấm thảm mới cho cầu thang. Và có lần một điều gì đó đã dẫn dắt ông nói về gia đình Ramsay và ông đã nói khi ông nhìn thấy bà ấy lần đầu bà ấy đã đội một cái mũ xám như thế nào; lúc ấy bà ấy chưa quá mười chín hoặc hai mươi. Bà ấy xinh đẹp lạ lùng. Ông đã đứng đó nhìn xuống đại lộ ở điện Hamton Court như thể ông có thể nhìn thấy bà ấy giữa những vòi phun nước.

Lúc này cô nhìn vào bậc thềm phòng khách. Cô nhìn thấy, qua đôi mắt của William, hình dáng một người phụ nữ, thanh bình và im lặng, với đôi mắt nhìn xuống. Bà ấy ngồi im lặng, suy tư (hôm đó bà ấy mặc đồ màu xám, Lily nghĩ). Đôi mắt bà ấy hạ thấp. Bà ấy chẳng bao giờ ngược chúng lên. Phải, Lily nghĩ, nhìn một cách đầy dự tính, mình phải nhìn thấy bà ấy với dáng vẻ như thế, nhưng không phải với quần áo màu xám; cũng không quá lặng lẽ, không quá trẻ trung, không quá an bình. Nhân vật hiện ra một cách dễ dàng. Bà ấy xinh đẹp lạ lùng, như William đã nói. Nhưng vẻ đẹp không phải là tất cả. Vẻ đẹp có điều bất lợi này - nó hiện ra quá dễ dàng, hiện ra quá hoàn hảo. Nó làm cuộc sống trở nên bất động - nó đóng băng cuộc sống. Người ta quên đi những lo âu nhỏ nhỏ; vẻ ửng hồng, vẻ xanh xao, một sự bóp méo lạ lùng nào đó, một ánh sáng hay bóng râm nào đó, khiến cho nét mặt trở nên không thể nhận ra trong giây lát thế nhưng lại bổ sung thêm một phẩm chất mà sau đó người ta sẽ nhìn thấy mãi. Làm mịn tất cả các thứ dưới lớp vỏ bọc của vẻ đẹp là công việc giản đơn hơn. Nhưng trông bà ấy như thế nào, Lily tự hỏi, khi bà ấy đội cái mũ thợ săn hươu lên trên đầu, khi chạy băng qua

lớp cỏ, hay khi đang khiển trách Kennedy, người làm vườn? Ai có thể nói cho cô biết? Ai có thể giúp cô?

Ngược với ý nguyện của mình, cô đã lại trở lên trên bề mặt, và nhận thấy mình hơi tách rời khỏi bức tranh, đang nhìn ông Carmichael, với chút ít bối rối, như thể nhìn vào một vật không có thật. Ông ta nằm trên ghế với đôi bàn chân lại trên bụng, không đọc, cũng không ngủ, mà đang phơi nắng như một sinh vật đã no ứ với sự tồn tại. Cuốn sách của ông ta đã rơi lên mặt cỏ.

Cô muốn đi thẳng tới ông ta và nói, “Ông Carmichael!” Khi đó ông ta sẽ nhìn lên một cách nhân hậu như thường lệ, với đôi mắt mơ hồ xanh màu khói của mình. Nhưng người ta chỉ có thể đánh thức mọi người nếu biết mình muốn nói gì với họ. Và cô muốn nói không chỉ một điều mà là mọi thứ. Những ngôn từ bé nhỏ đã phá tung ý nghĩ và chia cắt nó ra không nói lên được điều gì cả. “Về cuộc sống, về cái chết; về bà Ramsay” - không, cô nghĩ, người ta không thể nói gì khi chẳng có ai. Sự khẩn thiết của thời điểm đó luôn luôn bỏ lỡ điểm xuất phát của nó. Những ngôn từ dạt ra tứ phía và chạm quá thấp vào các đối tượng. Thế rồi người ta từ bỏ nó; thế rồi ý tưởng lại chìm xuống; thế rồi người ta trở nên giống như hầu hết những người ở lứa tuổi trung tuần, thận trọng, kín đáo, với những nếp nhăn giữa hai mắt và một vẻ e sợ thường xuyên. Bởi vì làm sao người ta có thể diễn tả thành lời những cảm xúc của cơ thể? diễn tả sự trống rỗng trong đó? (Cô đang nhìn vào những bậc thềm phòng khách; trông chúng trống vắng lạ lùng.) Đó là cảm giác cơ thể của người ta chứ không phải tâm trí của người ta. Những cảm giác vật chất gắn liền với cái vẻ trần trụi của những bậc thềm đột nhiên đã trở nên cực kỳ gây khó chịu. Việc muốn mà không có được trút lên toàn bộ cơ thể của cô một độ cứng, một sự trống rỗng, một sự căng thẳng. Và rồi muốn và không có - muốn và muốn - điều đó vò xé con tim biết bao, vò xé nó hết lần này sang lần khác! Ôi, bà Ramsay! Cô lặng lẽ kêu lên, với cái bản thể ngồi bên cạnh con thuyền, tới cái ý niệm trừu tượng đã tạo thành từ bà ấy, người phụ nữ mặc đồ màu xám đó, như thể để xỉ vả bà ấy vì đã ra đi, và sau khi đã ra đi, lại trở về lần nữa. Dường như rất an toàn khi nghĩ về bà ấy. Hồn ma, không khí, hư không, một thứ mà bạn có thể đùa vui một cách dễ dàng và an toàn vào bất cứ lúc nào trong ngày hay đêm, bà ấy đã từng

là thế, và rồi đột nhiên bà ấy thò tay ra và vò xé trái tim như vậy. Đột nhiên, những bậc thềm trống vắng, những nếp diềm của chiếc ghế bên trong, con chó con đang nhào lộn trước hiên, toàn bộ những âm ba và tiếng thầm thì của khu vườn trở nên giống như những đường cong nét lượn uốn quanh một trung tâm của sự trống vắng hoàn toàn.

“Nó có nghĩa là gì? Làm thế nào ông có thể giải thích tất cả những điều này?” cô muốn nói, một lần nữa quay sang ông Carmichael. Vì trong buổi sớm mai này, toàn thế giới dường như đã tan loãng ra thành một vùng tư duy, một bể sâu hiện thực, và người ta gần như có thể tưởng tượng rằng nếu như ông Carmichael nói, chẳng hạn, một giọt nước mắt nhỏ nhoi sẽ xé toang mặt vùng nước. Và rồi? Một điều gì đó sẽ nảy sinh. Một bàn tay sẽ lộ lên, một lưỡi dao sẽ lóe sáng. Tất nhiên đó là điều phi lý.

Một nhận thức kỳ lạ chợt đến với cô, rằng nói cho cùng, ông ta đã nghe thấy những điều mà cô không thể nói ra. Ông ta là một cụ già bí hiểm, với cái vệt vàng trên bộ râu, và thi ca của ông ta, và những nan đề của ông ta, lướt đi một cách thanh thản qua một thế giới thỏa mãn mọi mong muốn của ông ta, khiến cô nghĩ ông ta chỉ cần thò tay xuống ngay tại chỗ ông ta đang nằm trên bãi cỏ để câu lên bất cứ thứ gì mình muốn. Cô nhìn bức tranh của mình. Đó hẳn là câu trả lời của ông, giả dụ thế - “cô” và “tôi” và “bà ấy” trôi qua và biến mất như thế nào; không có gì ở lại; tất cả đổi thay; nhưng những ngôn từ thì không, bức tranh thì không. Thế nhưng hẳn nó sẽ được treo trong những căn phòng áp mái, cô nghĩ; hẳn nó sẽ bị cuộn lại và nhét xuống dưới một chiếc trường kỷ; thế nhưng dù là vậy, dù ngay cả đối với một bức tranh như thế, điều đó là có thật. Người ta có thể nói thế, về bức tranh nguệch ngoạc này, chứ không phải về bức tranh thật sự đó, có lẽ, nhưng nó cố đạt đến cái gì, cô sắp sửa nói rằng để nó “tồn tại mãi mãi”; ngay cả đối với chính cô, những từ đó cũng có vẻ quá khoắc lác không thể nói ra dù là chỉ bóng gió không diễn đạt bằng lời; khi nhìn vào bức tranh, cô kinh ngạc thấy rằng cô không thể trông thấy nó. Đôi mắt cô ngập tràn một chất lỏng nóng hổi (thoạt tiên cô không nghĩ tới những giọt nước mắt) mà, không hề tác động đến nét kiên quyết của đôi môi cô, chúng làm cho bầu không khí quánh lại và lăn tròn xuống đôi má của cô. Cô hoàn toàn kiểm soát được bản thân mình -Ồ, phải! - theo mọi cách khác. Vậy thì phải chăng cô đã khóc vì bà Ramsay

mà không hề có chút ý thức gì về bất kỳ nỗi bất hạnh nào? Một lần nữa, cô hướng về ông già Carmichael. Vậy thì nó là cái gì? Nó có nghĩa là gì? Những sự vật có thể thò những bàn tay của chúng ra để kẹp chặt lấy người ta hay không? Lưỡi dao có thể cắt đứt không? nắm tay có tóm lấy không? Không một sự hướng dẫn nào, không nơi trú ẩn nào, nhưng tất cả đều mâu nhiệm, và việc nhảy từ chóp đỉnh của một tòa tháp vào không trung nữa? Có thể nào, ngay cả đối với những người cao tuổi, đây chính là cuộc đời? - đầy kinh ngạc, bất ngờ, ẩn số? Trong một khoảnh khắc, cô cảm thấy nếu cả hai người bọn họ đứng lên, ở đây, ngay bây giờ, trên bãi cỏ, và yêu cầu một lời giải thích, rằng vì sao nó ngăn ngủi như thế, vì sao nó bất khả lý giải như thế; nói một cách mạnh bạo, như hai con người được trang bị đầy đủ mà không có thứ gì có thể ẩn trốn được khỏi họ có thể nói ra, khi đó vẻ đẹp sẽ cuộn bản thân nó lại; khoảng trống sẽ tràn đầy; những đường nét uốn lượn trống rỗng đó sẽ tạo thành hình dáng; nếu họ hét đủ to bà Ramsay sẽ quay về. “Bà Ramsay!” cô kêu to, “Bà Ramsay!” Những giọt lệ lăn xuống mặt cô.

6.

[Con trai của Macalister nhặt một trong số các con cá lên và cắt ra một mẫu vuông vắn để mắc vào lưỡi câu. Cái cơ thể bị từng xẻo ấy (nó vẫn còn sống) bị ném trở lại xuống biển.]

7.

“Bà Ramsay!” Lily kêu lên, “Bà Ramsay!” Nhưng chẳng có gì xảy ra. Nỗi đau gia tăng. Sự thống khổ có thể khiến người ta trở thành một kẻ đại khờ đến mức đó, cô nghĩ. Dù sao thì ông già cũng không nghe thấy cô. Ông vẫn nhàn từ, bình thản - nếu người ta chọn cách nghĩ đó, siêu phàm. Tạ ơn trời đất, không có ai nghe thấy cô hét lên tiếng kêu nhức nhối đó, ngưng nỗi đau lại, ngưng lại! Rõ ràng cô chưa rũ bỏ hết những tri giác của mình. Không có ai nhìn thấy cô bước ra khỏi mảnh ván của cô để

bước vào lòng nước của sự hủy diệt. Cô vẫn còn là một cô gái già eò uột, đang cầm một cây cọ vẽ.

Và giờ đây nỗi đau của niềm mong muốn và cơn giận đặng cay (đã được triệu hồi về ngay khi cô nghĩ cô sẽ không bao giờ cảm thấy buồn cho bà Ramsay nữa. Cô có thấy nhớ bà trong lúc uống những tách cà phê vào bữa điểm tâm không? Không hề có) đã chậm chạp giảm đi; và trong nỗi thống khổ còn lại của họ, như thuốc giải độc, một niềm an ủi tự làm dịu đi chính nó, và cũng thế, nhưng bí ẩn hơn, cảm giác rằng về một ai đó ở đâu đây, về bà Ramsay, đã làm nhẹ đi trong chốc lát gánh nặng mà thế giới đã đặt lên cô, bà nhẹ nhàng ở lại bên cạnh cô và rồi (vì đây là bà Ramsay với mọi vẻ đẹp của mình) đặt lên trán mình một vòng hoa trắng mà với nó bà ấy đã ra đi. Lily lại nặn ống sơn. Cô tấn công vào vấn đề của hàng giậu. Thật lạ lùng khi cô nhìn thấy bà ấy rất rõ ràng, đang bước với sự nhanh nhẹn thường lệ băng qua những cánh đồng rồi biến mất giữa những nếp gấp tím tím và mềm mại của chúng, giữa những cụm hoa lan dạ hương hay hoa huệ. Đây là một sự đánh lừa nào đó của đôi mắt người họa sĩ. Vì suốt nhiều ngày sau khi cô nghe tin bà ấy chết cô đã nhìn thấy bà ấy như vậy: đặt vòng hoa của bà ấy lên trán và lên đường một cách mù quáng cùng với bạn đồng hành của bà ấy, một cái bóng lướt ngang qua những cánh đồng. Cảnh tượng ấy, tiết điệu ấy, có quyền năng an ủi vô về. Bất kỳ cô ở nơi đâu, đang vẽ ở đây trong miền quê hay ở London, ảo ảnh ấy sẽ đến với cô, và đôi mắt cô, hơi khép hờ, tìm kiếm một thứ gì đó để làm chỗ dựa cho ảo ảnh của mình. Cô nhìn xuống đoàn tàu hỏa, chiếc xe buýt hai tầng; lấy một nét từ vai hay gò má; nhìn vào những cánh cửa sổ đối diện, vào phố Piccadilly với những đèn treo vào chiều tối. Tất cả đã từng là một phần của những cánh đồng của cái chết. Nhưng luôn luôn một cái gì đó - có thể là một gương mặt, một giọng nói, một chú bé bán báo đang rao to STANDARD, THE NEWS - xuyên tới, đánh thức cô, đòi hỏi và cuối cùng nhận được một cố gắng chú ý, khiến cho ảo ảnh ấy phải được tái hiện liên miên. Lúc này, một lần nữa, bị thôi thúc bởi một nhu cầu mang tính bản năng nào đó về khoảng cách và màu xanh, cô nhìn xuống cái vịnh bên dưới, đang tạo thành những cồn nhỏ từ những lượn sóng xanh lam, và những cánh đồng đá của những khoảng không gian tím ngắt, một lần nữa cô lại sực tỉnh như thường lệ bởi một điều gì đó không thích hợp. Có một chấm nâu ở giữa vịnh. Đó là một con

thuyền. Phải, cô nhận ra điều đó trong nháy mắt. Nhưng thuyền của ai? Thuyền của ông Ramsay, cô tự đáp. Ông Ramsay; người đàn ông đã bước ngang qua cô, với bàn tay giơ cao, cách biệt, dẫn đầu một nhóm người, với đôi ủng đẹp của ông ta, đòi hỏi ở cô sự cảm thông mà cô đã chối từ. Lúc này con thuyền đã băng ngang vịnh được nửa phần đường.

Ngoài trừ một làn gió thoảng qua đây đó, buổi sáng đẹp trời đến mức biển cả và bầu trời như liền một dải, như thể những cánh buồm bị dính lên bầu trời cao vợi vợi, hoặc những đám mây đã hạ xuống mặt biển. Một con tàu hơi nước ngoài khơi xa phun lên bầu không trung một luồng khói lớn đang thướt tha uốn éo, như thể không trung là một cái lưới thép mịn nắm bắt lại mọi sự vật và giữ chúng một cách mềm mại trong những mắt lưới của nó, chỉ khe khẽ lắc lư chúng từ bên này sang bên khác. Và như vẫn đôi lúc xảy ra những khi thời tiết rất tốt, những vách đá trông như thể ý thức được về những con tàu, và những con tàu trông như thể ý thức được về những vách đá, như thể chúng gửi cho nhau một thông điệp nào đó của riêng chúng. Vì có đôi khi trông rất gần với bờ biển, sáng hôm nay ngọn hải đăng có vẻ như nằm trong một làn sương mù ở một khoảng xa tít tắp.

“Giờ này họ đang ở đâu?” Lily nghĩ, nhìn ra biển. Ông ấy ở đâu, người đàn ông lớn tuổi đã lặng lẽ đi ngang qua cô, với cái gói giấy nâu kẹp dưới cánh tay? Con thuyền đang ở giữa vịnh.

8.

Họ không cảm nhận được một điều ở đó, Cam nghĩ, nhìn về phía bờ biển đang dâng lên và rơi xuống, dần trở nên xa hơn và thanh bình hơn. Bàn tay nó vạch một con đường trên biển, vì tâm trí nó đang ghép những xoáy nước và những vệt xanh xanh vào những mô hình, và lạnh cóng và che thân bằng lớp vải liệm, lang thang trong tưởng tượng giữa thế giới trong lòng nước nơi những con trai ngọc bám từng chùm vào những cành san hô trắng, nơi trong ánh sáng xanh một sự đổi thay chợt bao trùm lên

toàn bộ tâm trí của người ta và cơ thể nửa phần trong suốt của người ta trùm kín dưới một tấm áo choàng xanh.

Thế rồi gió xoáy uể oải cuộn quanh bàn tay nó. Tiếng nước róc rách ngừng bật; thế giới trở nên đầy những âm thanh nho nhỏ lao xao vi vút. Người ta nghe thấy những lượn sóng vỗ ra và vỗ vào mạn thuyền như thể họ đang thả neo trong cảng. Mọi thứ trở nên rất gần với người ta. Vì cánh buồm mà James đã dán mắt vào cho tới khi nó trở thành một con người mà James biết rõ đã hoàn toàn chùng xuống; họ đã dừng lại, nhìn quanh quất chờ đợi một cơn gió nổi lên dưới ánh mặt trời nóng rực, nhiều dặm cách xa bờ biển, nhiều dặm cách xa ngọn hải đăng. Mọi thứ trong toàn thế giới dường như đứng sững lại. Ngọn hải đăng trở nên bất động, và đường nét của bờ biển xa trở nên cố định. Mặt trời ngày càng nóng hơn và dường như mọi người nhích tới rất gần nhau để cảm thấy sự hiện diện của người kia, mà họ gần như đã quên hẳn. Sợi dây câu của Macalister rơi thẳng xuống biển. Ông Ramsay tiếp tục đọc sách với đôi chân gập lại.

Ông đang đọc một cuốn sách nhỏ sáng loáng có bìa lốm đốm như trứng chim choi choi. Thỉnh thoảng, khi họ chờ ở đó trong sự tĩnh lặng khó chịu đó, ông lại lật một trang sách. James cảm thấy mỗi trang được lật với một cử chỉ khác thường như nhắm vào nó; khi thì quả quyết, khi thì ra lệnh; khi thì để làm cho mọi người thấy thương hại ông; và suốt thời gian đó, khi cha nó đọc sách và lật hết trang này sang trang khác của quyển sách nhỏ đó, James vẫn lo sợ cái giây phút khi ông ngẩng lên và nói một cách gay gắt với nó về điều này hay điều khác. Vì sao họ lại nấn ná ở đây? ông sẽ hỏi thế, hoặc một câu nào đó vô lý tương tự. Và nếu ông ta làm thế, James nghĩ, thì mình sẽ cầm lấy một con dao và đâm vào tim ông ta.

Nó luôn luôn duy trì cái biểu tượng cũ này về việc cầm lấy một con dao và đâm vào tim cha nó. Chỉ có điều bây giờ nó đã lớn hơn, và đang ngồi nhìn chằm chằm cha nó trong một cơn giận dữ bất lực, không phải là ông ta, cái người đang đọc ấy, là người mà nó muốn giết, mà là cái đã bất ngờ tấn công nó - có lẽ ông ấy cũng không biết: cái con yêu quái cánh đen dữ tợn bất ngờ xuất hiện đó, với cái mỏ và bộ móng vuốt cứng và lạnh lẽo,

cứ bầu sâu, bầu sâu vào bạn (nó có thể cảm thấy cái mở trên đôi chân trần của nó, nơi con quái thú đó đã tấn công khi nó còn là một đứa bé) rồi biến đi, và ông ấy lại hiện ra, một ông già, rất buồn, đang đọc sách. Nó sẽ giết cái đó, nó sẽ đâm vào tim cái đó. Bất cứ điều gì nó làm - (và nó sẽ làm bất cứ điều gì, nó cảm thấy, nhìn vào ngọn hải đăng và bờ biển phía xa) dù nó là thương gia, làm trong một nhà băng, một luật sư, một lãnh đạo công ty, nó sẽ chiến đấu với cái đó, nó sẽ truy lùng và nghiền nát cái đó - sự bạo ngược, sự chuyên chế, nó gọi cái đó như thế - việc buộc mọi người làm điều mà họ không muốn làm, tước đoạt quyền được nói của họ. Làm sao bất kỳ ai trong số chúng có thể nói, Nhưng tôi sẽ không đi, khi ông ấy nói, Hãy ra ngọn hải đăng. Hãy làm điều này. Hãy lấy cho tôi cái đó. Đôi cánh đen dang rộng, và cái mỏ cứng cắn xé. Thế rồi ở phút giây kế tiếp ông ấy ngồi đó đọc sách; và ông ấy có thể ngẩng lên nhìn - người ta không bao giờ biết được - một cách hoàn toàn hợp lý. Ông ấy có thể nói chuyện với Macalister. Ông ấy có thể dúi một đồng sovereign vào bàn tay lạnh cứng như băng của một bà cụ nào đó trên phố, James nghĩ, ông ấy có thể hét toáng lên ở một cuộc thi đấu thể thao nào đó của các ngư dân; ông ấy có thể vẫy hai tay trong không khí với niềm phấn khích. Hoặc ông ấy có thể ngồi im như thóc ở đầu bàn từ đầu chí cuối bữa ăn tối. Phải, James nghĩ, trong lúc con thuyền chòng chành và nấn ná ở đó dưới ánh nắng nóng bỏng; có một mảnh đất hoang đầy tuyết và đá rất quanh quẽ; và nó thường tới đó thăm, thường là rất muộn, khi cha nó nói gì đó hay làm gì đó khiến những người khác ngạc nhiên, ở đó chỉ có hai cặp dấu chân; của chính nó và của cha nó. Chỉ riêng họ biết nhau. Vậy thì sự khiếp sợ này, sự căm ghét này là cái gì? Lần giở trong nhiều trang mà dĩ vãng đã gấp lại trong nó, nhìn vào trung tâm của cái khu rừng đó, nơi ánh sáng và bóng tối xen kẽ với nhau đến nỗi mọi hình dáng đều méo mó đi, và người ta mò mẫm, khi thì với ánh mặt trời chói mắt, khi thì với bóng tối phủ quanh, nó tìm kiếm một hình ảnh để xoa dịu, tháo gỡ và gột giữa cảm giác của nó thành một hình thù cụ thể. Cứ cho là khi đó, giống như một đứa bé ngồi bất lực trong một cái xe đẩy hay trên đầu gối ai đó, nó đã từng nhìn thấy một toa xe nghiêng qua bàn chân của một ai đó một cách ngu dốt và vô tội? Cứ cho là nó đã nhìn thấy bàn chân trước hết, trong lớp cỏ, mịn màng và nguyên vẹn; thế rồi bánh xe lăn qua; và cũng bàn chân đó, tím bầm, nát vụn. Nhưng cái bánh xe thì vô tội. Vì thế giờ đây, khi cha nó bước nhanh xuống hành lang dựng đầu chúng dậy vào

buổi sớm mai để đi ra ngọn hải đăng, cái bánh xe lại lăn qua, trên bàn chân nó, trên bàn chân của Cam, trên bàn chân của bất kỳ ai. Còn người ta thì ngồi và quan sát nó.

Nhưng nó đang nghĩ tới bàn chân của ai, và tất cả những chuyện này đã xảy ra trong khu vườn nào? Vì người ta đã có bố cục cho những cảnh tượng đó; những cây cối mọc ở đó; những loài hoa; một ánh sáng cụ thể; một vài nhân vật. Mọi thứ có xu hướng xác lập bản thân nó trong một khu vườn nơi không có một thứ nào trong cảnh thắm đậm này. Không có ai trong cảnh tượng này vung tay múa chân; mọi người nói bằng một giọng bình thường. Họ vào ra suốt ngày. Có một bà cụ hay nói chuyện tầm phào trong nhà bếp; và mọi cửa chớp đều bị gió mở ra khép lại; mọi thứ đều thổi tung; mọi thứ đều lớn lên; và trên tất cả những chén đĩa và những lọ hoa cao đỏ và vàng tỏa nhánh, một chiếc mạng che mặt rất mỏng được vén lên, như một chiếc lá nho, vào buổi tối. Mọi vật trở nên tĩnh lặng hơn và tối tăm hơn vào buổi tối. Nhưng tấm mạng che mặt giống chiếc lá đẹp đến nỗi những ngọn đèn vén nó lên, những giọng nói vò nhàu nó; Jame có thể nhìn thấy xuyên qua nó một hình dáng đang khom xuống, nghe, tới gần, đi ra xa, một chiếc váy nào đó kêu sột soạt, một sợi xích nào đó kêu xúng xoảng.

Chính trong thế giới này cái bánh xe đã lăn qua chân của người kia. Một cái gì đó, nó nhớ, vẫn ở lại bay lượn trong bầu không khí, một cái gì đó khô cằn và sắc nhọn hạ xuống ngay ở đó, như một lưỡi dao, một thanh đao, đập mạnh qua những lá những hoa của ngay cả cái thế giới hạnh phúc đó, làm cho nó co quắp lại và rơi xuống.

“Trời sẽ mưa,” nó nhớ cha nó đã nói. “Con sẽ không thể ra ngọn hải đăng được.”

Khi đó ngọn hải đăng là một tòa tháp bạc mù sương với một con mắt màu vàng đột ngột và nhẹ nhàng mở ra vào chiều tối. Còn bây giờ...

James nhìn ngọn hải đăng. Nó có thể nhìn thấy những tảng đá trắng bạc màu mưa nắng; cái tháp, bình dị và thẳng tắp; nó có thể nhìn thấy những đường vạch trắng và đen; nó có thể nhìn thấy cánh cửa sổ ở đó; thậm chí

nó có thể nhìn thấy những đồ giặt giũ đang được trải ra phơi trên những tảng đá. Vậy đó có phải là ngọn hải đăng không, có phải nó đấy không?

Không, cái kia cũng là ngọn hải đăng. Vì không có cái gì chỉ đơn giản là một thứ. Ngọn hải đăng kia cũng có thật. Đôi khi khó mà nhìn thấy nó qua vịnh. Vào chiều tối người ta nhìn lên và thấy con mắt mở ra khép lại và ánh sáng dường như chạm tới họ trong khu vườn ngập ánh nắng trong lành nơi họ đang ngồi.

Nhưng nó tự cảnh tỉnh mình. Bất kỳ lúc nào nó nói “họ” hay “một người” và rồi bắt đầu nghe thấy tiếng sột soạt của ai đó tới gần, tiếng lanh canh của ai đó đang đi ra, nó trở nên cực kỳ nhạy cảm với sự hiện diện của người nào đó có thể có mặt trong phòng. Bây giờ đó là cha nó. Sự căng thẳng là chính xác. Vì trong giây lát nữa nếu không có gió, cha nó sẽ gập cuốn sách lại và nói: “Chuyện gì đang xảy ra vậy? Chúng ta nấn ná ở đây để làm gì, hử?” giống như có lần trước đây ông ấy đã mang lưỡi dao của mình xuống chỗ họ ở hiên nhà và mẹ nó đã cứng cả thân người, và nếu có một lưỡi rìu trong tầm tay, một con dao, hay bất cứ vật gì có một cái mũi nhọn, nó sẽ vớ ngay lấy và đâm xuyên qua tim cha nó. Mẹ nó đã cứng cả thân người, và rồi, cánh tay bà chùng xuống, khiến nó cảm thấy bà không còn lắng nghe nó nữa, bằng cách nào đó bà đã đứng lên và đi ra, bỏ lại nó ở đó, bất lực, lối bạch, ngồi trên sàn nhà với một cây kéo nằm chặt trong tay.

Chẳng có chút hơi gió nào nổi lên. Nước lao xao và róc rách trong đáy thuyền nơi ba hoặc bốn con cá thu đang ve vẩy đuôi lên xuống trong một vũng nước không đủ sâu để che phủ chúng. Ông Ramsay (nó gần như không dám nhìn ông) có thể sực tỉnh vào bất cứ lúc nào, khép cuốn sách lại và nói một câu gì đó khó nghe; nhưng lúc này thì ông đang đọc, vì thế James tiếp tục suy nghĩ tiếp một cách vụng trộm, như thể nó đang lén lút đi xuống cầu thang trên đôi chân trần, sợ sẽ đánh thức một con chó giữ nhà với tiếng ván kêu cọt kẹt, Mẹ nó trông như thế nào, ngày hôm đó bà đã đi đâu? Nó bắt đầu đi theo bà từ phòng này sang phòng khác và cuối cùng họ đi tới một căn phòng có ánh sáng màu xanh, như thể ánh phản chiếu phát ra từ nhiều chén đĩa sứ, bà ấy nói chuyện với ai đó; nó lắng nghe bà ấy nói. Bà ấy nói chuyện với một người hầu, chỉ đơn giản nói

bất cứ điều gì chợt nảy ra trong đầu của bà. Chỉ mỗi mình bà nói lên sự thật; chỉ riêng với mình bà nó có thể nói ra điều đó. Đó là nguồn gốc của sức hấp dẫn bất diệt của bà đối với nó, có lẽ thế; bà là một người mà người ta có thể nói những gì chợt nảy ra trong đầu của mình. Nhưng trong suốt thời gian nghĩ về mẹ nó, nó vẫn ý thức rằng cha nó đang đi theo ý nghĩ của nó, quan sát nó, khiến nó run lên và nao núng. Cuối cùng nó thôi không suy nghĩ nữa.

Nó ngồi đó với bàn tay đặt trên bánh lái trong ánh nắng, nhìn chăm chăm vào ngọn hải đăng, không còn hơi sức để cử động, không còn hơi sức để búng đi những hạt sỏi khốn khổ đã chất chồng lên tâm trí nó. Dường như có một sợi dây thừng trói chặt nó ở đó, và cha nó đã thắt cái nút lại và nó chỉ có thể thoát thân bằng cách cầm lấy một con dao cắt phăng sợi dây đi... Nhưng vào lúc đó cánh buồm chậm chạp căng tròn lên, chậm chạp ngậm đầy hơi gió, con thuyền dường như tự lắc mạnh thân hình của nó, rồi chuyển động một cách lơ mơ trong giấc ngủ, và rồi nó tỉnh giấc, lao vút qua những lớp sóng. Có một sự nhẹ nhõm đến lạ lùng. Tất cả bọn họ dường như lại tách ra khỏi nhau và tự tìm thoải mái, sợi dây câu căng nghiêng qua mạn thuyền. Nhưng cha nó không sức tĩnh. Ông chỉ giơ cao bàn tay phải lên không khí một cách bí ẩn, rồi để nó rơi lại xuống đầu gối như thể ông đang điều khiển một bản giao hưởng bí mật nào đó.

9.

Biển không có một vết gợn, Lily Briscoe nghĩ, vẫn đứng nhìn ra vịnh. Biển trải dài như dải lụa qua cái vịnh. Khoảng cách có một sức mạnh lạ lùng; họ đã bị nó nuốt chửng mất, cô cảm thấy, họ đã ra đi mãi mãi; họ đã trở thành một phần bản chất của những sự vật. Trời thật yên tĩnh, trời thật lạnh lẽ. Bản thân con tàu hơi nước đã biến mất, nhưng luồng khói lớn vẫn còn treo trong không trung, gục xuống như một lá cờ ảo não trong phút giây từ biệt.

10.

Thì ra trông nó như thế, cái hòn đảo ấy, Cam nghĩ, một lần nữa khỏa những ngón tay của nó qua những lớp sóng. Nó chưa bao giờ nhìn hòn đảo từ ngoài biển khơi trước đó. Nó nằm như thế trên biển, đúng vậy, với một vệt lõm ở giữa và hai vách đá lởm chởm, và biển quét vào đó, trải lan ra hàng nhiều, hàng nhiều dặm ở hai phía của hòn đảo. Nó rất nhỏ nhoi; mang hình gì đó giống như một chiếc lá cắm ngược đầu xuống. Thế là chúng tôi lấy một con thuyền nhỏ, nó nghĩ, bắt đầu kể cho chính nó nghe một câu chuyện phiêu lưu mạo hiểm về việc tẩu thoát khỏi một con tàu đắm. Nhưng với biển đang lướt qua những ngón tay của nó, một cảnh rong biển biến mất phía sau họ, nó không muốn kể cho nó nghe câu chuyện một cách nghiêm túc; điều nó muốn là cái cảm giác phiêu lưu và trốn thoát, vì nó nghĩ, trong lúc con thuyền vẫn lướt tới, cha đã nổi giận ra sao về những hướng của chiếc la bàn, sự ngoan cố của James về thỏa ước, và nỗi khổ của chính nó, tất cả đã trôi qua, tất cả đã thành quá vãng, tất cả đã chảy tuôn về xa khuất. Vậy tiếp đến là gì nữa? Họ đang đi đâu đây? Từ bàn tay nó, lạnh cóng như băng, nhúng sâu trong biển, bắn vọt lên một vòi nước của niềm hân hoan về sự thay đổi, về sự tẩu thoát, về cuộc phiêu lưu (rằng nó sẽ còn sống, rằng nó sẽ tới đó). Và những giọt nước rơi xuống từ vòi nước của niềm hân hoan bất ngờ và không suy tính này vung vãi đó đây trên bóng tối, trên những hình dáng mơ hồ trong tâm trí nó; những hình dáng của một thế giới chưa được nhận ra nhưng chuyển xoay di động trong bóng tối của chúng, bắt lấy ở nơi này nơi khác một tia sáng; Hy Lạp, Rome, Constantinople. Dù nhỏ bé và mang hình dáng như một chiếc lá xoay ngược đầu với những lớp nước óng ánh vàng chảy ập vào bên trong và xung quanh nó, nó có một vị trí trong vũ trụ hay chẳng, Cam giả sử - ngay cả cái hòn đảo nhỏ nhoi ấy? Quý ông lớn tuổi trong phòng đọc sách có thể nói cho nó biết, nó nghĩ thầm. Đôi khi nó cố tình đi lạc từ ngoài vườn vào để bắt gặp họ trong đó. Họ ở đó (có thể là ông Carmichael hay ông Bankes đang ngồi với cha nó) ngồi đối diện nhau trong những cái ghế bành thấp. Họ lật sột soạt những trang của tờ THE TIMES trước mặt khi nó từ vườn đi vào, mọi thứ đều rối tung, về một điều gì đó mà ai đó đã nói về đức Chúa, hoặc nó nghe thấy rằng người ta đã đào được một con voi mamut ở một đường phố London, hoặc tự hỏi Napoleon giống cái gì. Thế rồi họ cầm lấy những tờ báo với những bàn tay sạch sẽ (họ mặc đồ màu xám; họ có mùi của cây thạch nam) và cùng nhau xem lướt qua những hình ảnh, lật

những trang giấy, vắt chéo chân và thỉnh thoảng nói một câu gì đó rất ngắn gọn. Để tỏ ra thoải mái nó cũng sẽ lấy một cuốn sách từ trên kệ và đứng đó, quan sát cha nó viết, rất đều đặn, rất gọn gàng, từ phía này sang phía kia tờ giấy, thỉnh thoảng lại ho khe khẽ hoặc nói ngắn gọn một điều gì đó với quý ông lớn tuổi ngồi đối diện. Và đứng đó với cuốn sách mở ra, nó nghĩ rằng ở đây người ta có thể để cho đi bất cứ điều gì, người ta có thể trải rộng ý nghĩ ra như một chiếc lá trên mặt nước; và nếu mọi chuyện tốt đẹp, giữa những quý ông lớn tuổi đang phì phèo thuốc lá, và tờ THE TIMES vẫn kêu sột soạt, thì mọi thứ đều ổn. Và khi quan sát cha nó viết trong phòng đọc sách, nó nghĩ (lúc này đang ngồi trong thuyền) ông không phải là người hảo huyền hay một bạo chúa và không muốn làm cho bạn thương hại ông. Thật ra, nếu ông nhìn thấy nó đang đứng đó đọc sách, ông sẽ hỏi nó, nhẹ nhàng như bất cứ người nào có thể, Có thứ gì mà ông không thể cho nó hay không?

Sợ rằng điều này có thể sai, nó nhìn ông đang đọc cuốn sách với cái bìa sáng bóng và lốm đốm như trứng chim choi choi, Không; đúng là thế. Giờ đây khi nhìn ông, nó muốn nói lớn với James. (Nhưng James đang dán mắt vào cánh bướm.) Ông ấy là một kẻ hung ác hay châm chọc, James sẽ nói thế. Ông ấy đưa câu chuyện xoay quanh bản thân mình và những cuốn sách của mình, James sẽ nói thế. Ông ấy tự cao tự đại không thể khoan thứ nổi. Tệ hơn tất cả, ông ấy là một bạo chúa. Nhưng hãy nhìn kia! nó nói, nhìn về phía ông. Hãy nhìn ông lúc này. Nó nhìn ông đang đọc cuốn sách nhỏ với đôi chân gập lại; nó biết cuốn sách có những trang màu vàng nhạt đó nhưng không biết trong đó viết gì. Cuốn sách rất nhỏ; được in rất khít; trên tờ để trắng đầu sách, nó biết, ông đã viết rằng ông đã tiêu 50 quan Pháp cho bữa ăn tối; rượu vang nhiều quá; ông đã cho người hầu bàn nhiều quá; tất cả được cộng lại ở dưới cuối trang giấy. Nhưng nó không biết cái thứ được viết trong cuốn sách mà đã lặn ra khỏi túi của ông là thứ gì. Những gì ông nghĩ, không ai trong số chúng biết được. Nhưng ông đắm mình vào cuốn sách đến nỗi khi ông ngẩng lên trong thoáng chốc như lúc này, thì không phải là để nhìn bất cứ thứ gì; mà là để nắm bắt một ý tưởng nào đó một cách chính xác hơn. Khi thực hiện xong điều đó, tâm trí ông lại trở về với cuốn sách, và ông tiếp tục đắm mình vào việc đọc. Ông đọc, nó nghĩ, như thể ông đang hướng dẫn một điều gì đó, hoặc đang dỗ ngọt một bầy cừu, hoặc đang cố trèo lên một

con đường mòn nhỏ hẹp; đôi khi ông đi nhanh và thẳng, rẽ lối đi xuyên qua những bụi gai, và đôi khi dường như một cành cây vụt trúng ông, một bụi gai làm ông lòa mắt, nhưng ông không để cho bản thân thoái chí nản lòng bởi điều đó; ông tiếp tục đi, lật hết trang này tới trang khác. Và nó tiếp tục kể cho chính nó nghe một câu chuyện về việc thoát thân khỏi một con tàu đắm, vì nó đang an toàn, trong lúc ông ngồi ở đó; an toàn như nó từng cảm thấy khi nó len lén đi vào từ ngoài vườn và lấy một cuốn sách xuống, và quý ông lớn tuổi đột nhiên hạ thấp trang báo xuống, nói một câu gì đó rất ngắn gọn từ mép trên tờ báo về tính cách của Napoleon.

Cam nhìn lại qua biển về phía hòn đảo. Nhưng chiếc lá đã mất đi hình dáng của nó. Nó rất nhỏ bé; nó rất xa xăm. Bây giờ biển quan trọng hơn là bờ. Sóng nước bủa vây quanh họ, dỗi lên đập xuống, với một khúc gỗ chìm xuống dưới một lượn sóng; một con mòng biển đang cưỡi lên lưng một con khác. Quanh đây, nó nghĩ, khỏa những ngón tay của nó trong lòng nước, có một con thuyền đã bị đắm, nó thăm thì một cách mơ màng, nửa mê nửa tỉnh, chúng ta bỏ mạng từng người, đơn độc biết bao.

11.

Phụ thuộc rất nhiều, Lily nghĩ, nhìn ra mặt biển hầu như không có một vết gợn nào, mềm mại đến nỗi những cánh bướm và những đám mây cũng chìm vào màu xanh của nó, phụ thuộc rất nhiều, cô nghĩ, vào khoảng cách: vào việc mọi người ở gần chúng ta hay cách xa chúng ta; vì cảm giác của cô đối với ông Ramsay đã đổi thay khi ông đi thuyền ngày càng xa hơn qua cái vịnh. Dường như nó kéo dài, trải dài ra; dường như ông ta ngày càng trở nên xa xôi. Dường như ông và các con ông bị nuốt chửng mất trong màu xanh ấy, khoảng cách ấy; nhưng ở đây, trên bãi cỏ, ngay trong tầm tay với, ông Carmichael đột nhiên nói lầm bầm. Cô cười phá lên. Ông chộp lấy cuốn sách từ mặt cỏ. Ông ổn định lại tư thế trong cái ghế của mình, rít thuốc và phì phèo nhả khói như một loài quái thú biển khơi nào đó. Điều này hoàn toàn khác hẳn, vì ông ở rất gần. Và giờ đây một lần nữa tất cả lại lặng im. Giờ này họ phải rời khỏi giường rồi, cô đoán, nhìn về phía ngôi nhà, nhưng chẳng có gì xuất hiện ở đó. Nhưng

rồi cô chợt nhớ ra, họ luôn luôn chuồn mất ngay sau khi bữa ăn kết thúc, để lo liệu công việc của chính họ. Tất cả chỉ có thể, cộng với sự im ắng này, sự trống vắng này, và sự không có thật này của thời khắc sớm mai. Đó là cái cách đôi khi xảy ra của những sự vật, cô nghĩ, ngẩn ngừ trong giây lát rồi nhìn lên những cánh cửa sổ dài lấp loáng và làn khói xanh lam: chúng đã trở nên lười nhát trước khi thói quen quay tròn ngang qua bề mặt của chúng, người ta cảm thấy cùng một sự không có thật đó, điều này thật đáng kinh ngạc; cảm thấy một cái gì đó hiện lên. Cuộc sống rực rỡ nhất vào lúc đó. Người ta có thể ở trong một tâm trạng dễ chịu. May thay người ta không cần phải nói, rất mạnh mẽ, cô băng qua bãi cỏ để chào bà cụ Beckwith, người đang bước ra tìm một góc để ngồi, “Ồ, chào bà Beckwith! Thật là một ngày đáng yêu! Bà sẽ cả gan ngồi trong ánh nắng chứ? Jasper đã giấu mất mấy cái ghế. Để tôi tìm cho bà một cái!” và tất cả những thứ chuyện phiếm còn lại như thường lệ. Người ta không cần phải nói gì hết. Người ta lướt đi, người ta lắc mạnh cánh buồm của mình (có khá nhiều chuyển động trong vịnh, những con thuyền đang xuất phát) giữa những sự vật, bên ngoài những sự vật. Không phải là sự trống vắng mà là sự tràn đầy. Dường như cô đang chìm tới miêng trong một loại vật chất nào đó, chuyển động và trôi nổi bênh bồng và chìm vào nó, thế nhưng lòng nước này sâu thẳm khôn dò. Có rất nhiều cuộc đời đã đổ tràn vào nó. Cuộc đời của gia đình Ramsay; cuộc đời của lũ trẻ; và thêm vào mọi con người, mọi sự vật linh tinh. Một người đàn bà đi giặt với cái giỏ của mình; một con quạ, một cây hoa loa kèn đuốc; những sắc tím và sắc xanh-xám của các loài hoa: một cảm giác chung nào đó đã tập hợp toàn bộ các thứ lại với nhau.

Có lẽ đây là một cảm giác nào đó về sự trọn vẹn mà, cách đây mười năm, hầu như cũng đứng ngay ở chỗ cô đang đứng bây giờ, nó đã khiến cho cô nói rằng cô phải yêu lấy chốn này. Tình yêu có muôn hình vạn trạng. Có thể có những cặp tình nhân mà quà tặng của họ được chọn ra từ những nguyên tố của các sự vật và được đặt lại bên nhau, và do vậy đã trao cho họ một sự toàn vẹn không phải của họ trong đời sống, tạo ra một cảnh tượng nào đó, hoặc sự gặp gỡ tao ngộ của mọi người (giờ đây tất cả đã ra đi và cách biệt), một trong những điều kết tụ toàn cầu lại đó mà bên trên nó tư tưởng kéo dài lây lất, và tình yêu vui thú nô đùa.

Đôi mắt cô dừng lại trên cái đốm màu nâu - con thuyền buồm của ông Ramsay. Họ sẽ tới ngọn hải đăng trước giờ ăn trưa, cô đoán. Nhưng gió đã lại nổi lên, và, khi bầu trời hơi đổi khác, biển cả hơi đổi khác và những con thuyền chuyển dời vị trí, cái quang cảnh mà trong phút giây trước đó dường như đã bất động một cách huyền diệu giờ đây lại khiến cô cảm thấy không hài lòng. Con gió đã cuốn làn khói lan ra; có một điều gì đó trái với ý muốn về vị trí của những con tàu.

Sự mất cân xứng ở đó dường như đã đánh đổ một sự hài hòa nào đó trong tâm trí cô. Cô cảm thấy một nỗi buồn khổ mơ hồ. Điều đó được xác nhận khi cô quay sang bức tranh của mình. Cô đã lãng phí mất cả buổi sáng. Bởi lẽ dù với bất kỳ lý do gì cô cũng không thể đạt tới cái ranh giới cân bằng mong manh giữa hai lực lượng đối đầu; ông Ramsay và bức tranh; cái nào là cần thiết. Có lẽ đã có gì đó sai ở phác thảo? Có phải, cô tự hỏi, đường nét của bức tường muốn bị phá vỡ, có phải hình khối của những cây cối quá nặng nề? Cô mỉm cười một cách mỉa mai; bởi lẽ, không phải chính cô đã nghĩ, khi mới bắt đầu, rằng cô đã giải quyết được rắc rối của mình hay sao?

Vậy thì vấn đề là gì? Cô phải nắm bắt được một điều gì đó đang lảng tránh cô. Nó đã lảng tránh cô khi cô nghĩ về ông Ramsay; bây giờ nó lảng tránh cô khi cô nghĩ về bức tranh của mình. Những tiết điệu hiện ra. Những viễn cảnh hiện ra. Những bức tranh đẹp. Những tiết điệu đẹp. Nhưng cái mà cô muốn nắm bắt chính là sự khó chịu trong cân não; chính bản thân cái đó, trước khi nó tạo nên bất cứ thứ gì. Nắm lấy cái đó và bắt đầu lại từ đầu; nắm lấy cái đó và bắt đầu lại từ đầu; cô nói một cách tuyệt vọng, một lần nữa cảm bản thân mình xuống một cách vững chắc trước cái giá vẽ. Nó là một thiết bị khốn khổ, một thiết bị thiếu năng, cô nghĩ, cái dụng cụ để vẽ hay để cảm nhận của con người này; nó luôn luôn bị hỏng vào phút giây trọng yếu; một cách oanh liệt, người ta phải ép nó tiếp tục. Cô nhìn chăm chú, cô cau mày. Có hàng giậu, chắc chắn thế rồi. Nhưng người ta chẳng thu hoạch được gì bởi việc van nài khẩn thiết. Người ta chỉ thu hoạch được một cái nhìn trùng trùng trong con mắt từ việc nhìn vào đường nét của bức tường, hay từ việc suy nghĩ - bà ấy đội một cái mũ màu xám. Bà ấy đẹp lạ lùng. Cứ mặc cho việc gì sẽ đến cứ đến, cô nghĩ. Bởi vì có những giây phút mà người ta không thể

suy nghĩ hay cảm nhận gì được hết. Và nếu người ta không thể suy nghĩ hay cảm nhận gì được hết, cô nghĩ, thì người ta ở nơi đâu?

Ở đây trên bãi cỏ, trên mặt đất, cô nghĩ, ngồi xuống, và đưa chiếc cọ về thăm dò một khóm chuối lá nhỏ. Vì bãi cỏ rất lổm chổm. Ngồi đây trong thế gian này, cô nghĩ, vì cô không thể giữ bỏ được cảm giác rằng sáng nay mọi thứ đang diễn ra lần đầu tiên, cũng có lẽ là lần cuối cùng, giống như một khách du hành, dù đang ngủ mơ màng gà gật, vẫn biết khi nhìn ra cửa sổ toa tàu, rằng lúc này anh ta phải nhìn, vì anh ta sẽ không bao giờ nhìn thấy lại lần nữa thị trấn đó, cỗ xe lửa đó, hay người đàn bà đang lao động trên đồng đó. Bãi cỏ là thế gian; họ đã tụ họp nhau lại ở đây, trên cái trạm dừng đầy hứng khởi này, cô nghĩ, nhìn ông già Carmichael, người dường như đang chia sẻ những ý nghĩ của cô (dù suốt thời gian đó họ không nói lời nào). Và có lẽ không bao giờ cô nhìn thấy ông ta lần nữa. Ông ấy đã già. Cô mỉm cười nhìn chiếc dép lê đu đưa trên bàn chân ông ta, nhớ rằng ông cũng đã trở nên nổi tiếng. Mọi người bảo rằng thơ của ông “rất diễm lệ”. Họ tới và xuất bản những thứ ông đã viết cách đây bốn mươi năm. Giờ đã có một người nổi tiếng tên là Carmichael, cô mỉm cười, tự hỏi một con người có thể mang bao nhiêu hình dáng, trông ông ta thế nào trong những tờ báo không biết, nhưng ở đây ông vẫn cùng là một con người như trước. Trông ông vẫn vậy - chỉ có tóc bạc hơn xưa.

Phải, trông ông vẫn vậy, nhưng có ai đó đã nói, cô nhớ lại, rằng khi ông nghe tin Andrew Ramsay chết (cậu ấy bị giết trong vòng một giây bởi một viên đạn pháo; lẽ ra cậu ấy có thể trở thành một nhà toán học vĩ đại) ông Carmichael đã “đánh mất hết mọi quan tâm đến cuộc đời.” Nó có nghĩa là gì - câu nói đó? cô tự hỏi. Không phải ông ấy đã từng bước qua Quảng trường Trafalga với một chiếc gậy to hay sao? Không phải ông ấy đã từng lật hết trang này sang trang khác mà không hề đọc chúng khi ngồi một mình trong căn phòng của mình ở quận St. John’s Wood hay sao? Cô không biết ông đã làm những gì khi nghe tin Andrew bị giết chết, nhưng cô cảm thấy mọi thứ vẫn vậy trong con người ông. Họ chỉ lăm bằm với nhau trên những bậc cầu thang; họ ngẩng lên nhìn bầu trời và nói trời sẽ đẹp hoặc trời sẽ không đẹp. Nhưng đây là một phương cách để biết mọi người, cô nghĩ: để biết khái quát chứ không phải chi tiết, để ngồi trong vườn của người ta và nhìn lên những sườn đồi tím ngắt chạy dài xuống

cánh đồng thạch nam ở phía xa xa. Cô biết ông theo cách đó. Cô biết rằng theo cách nào đó ông đã đổi thay. Cô chưa từng đọc thơ của ông. Cô nghĩ cô biết nó diễn tiến ra sao: một cách chậm rãi và vang động. Nó dày dặn và chính chắn. Nó nói về sa mạc và lạc đà. Nó nói về cây cọ và ánh hoàng hôn. Nó cực kỳ băng quơ; nó nói đôi điều gì đó về cái chết; nó nói rất ít về tình yêu. Ở ông có một sự thiếu quan tâm tới con người. Ông muốn rất ít ở những người khác. Không phải ông đã luôn luôn đi lảo đảo một cách khá kỳ quặc qua cửa sổ phòng khách với một tờ báo nào đó kẹp dưới nách, cố tránh né bà Ramsay, người mà vì lý do nào đó ông không thích hay sao? Vì lý do đó, dĩ nhiên, bà ấy đã luôn cố chặn ông lại. Ông sẽ cúi đầu chào bà ấy. Ông sẽ dừng lại một cách miễn cưỡng và cúi chào một cách thâm trầm. Khó chịu vì ông không muốn bất cứ thứ gì ở mình, bà Ramsay sẽ hỏi ông (Lily có thể nghe thấy tiếng bà ấy) rằng ông có muốn một cái áo khoác, một tấm chăn, một tờ báo hay không? Không, ông không muốn gì hết. (Tới đây ông cúi chào.) Có một phẩm chất nào đó ở bà ấy mà ông không thích lắm. Có lẽ đó là vẻ hách dịch của bà, sự quả quyết của bà, một cái gì đó quá đơn giản ở bà. Bà rất thẳng thắn.

(Một tiếng động thu hút sự chú ý của cô về hướng cửa sổ phòng khách - tiếng cọt két của một cái bản lề. Cơn gió nhẹ đang đùa với cánh cửa.)

Hẳn phải có những người không thích bà ấy lắm, Lily nghĩ (Phải; cô nhận ra rằng bậc thêm phòng khách trống rỗng, nhưng nó chẳng có tác động gì đối với cô, Giờ đây cô không cần bà Ramsay.) - Những người cho rằng bà ấy quá dứt khoát, quá mạnh mẽ.

Có lẽ vẻ đẹp của bà ấy cũng làm cho người khác khó chịu nữa. Thật đơn điệu biết bao, họ bảo, và luôn là thế! Họ thích một kiểu người khác hơn - kiểu người da ngăm, sôi nổi. Rồi bà ấy yếu đuối đối với đức ông chồng của mình. Bà ấy để cho ông ấy bày ra những màn kịch đó. Rồi bà ấy kín đáo. Chẳng ai biết đích xác điều gì đã xảy ra cho bà ấy. Và (để quay lại với ông Carmichael và sự không thích của ông) người ta không thể tưởng tượng được cảnh bà Ramsay đứng vẽ tranh, nằm đọc sách, suốt cả buổi sáng trên bãi cỏ. Đó là điều không tài nào tưởng tượng nổi. Không thốt ra lời nào, dấu hiệu duy nhất của mục đích của bà ấy là một cái giỏ trên cánh tay, bà ấy ra thị trấn, tới gặp những người nghèo, ngồi trong một

phòng ngủ nhỏ bé ngọt ngào nào đó. Lily rất thường xuyên nhìn thấy bà lặng lẽ đi ra giữa một cuộc chơi, một cuộc thảo luận nào đó, với cái giỏ trên cánh tay, người rất thẳng. Bà ấy đã ghi chú giờ về của mình. Bà ấy đã suy nghĩ, nửa cười to (bà rất cẩn thận với những cái tách uống trà), nửa cảm động (vẻ đẹp của bà làm người ta nín thở), rằng những đôi mắt khép lại trong đau đớn đã nhìn vào mình. Mình đã ở đó với họ.

Và rồi bà Ramsay sẽ bực mình vì ai đó về muộn, hoặc bơ không tươi, hoặc ấm trà bị sứt mẻ. Và trong suốt thời gian khi bà nói rằng bơ không được tươi, người ta sẽ nghĩ tới những ngôi đền Hy Lạp, và cái đẹp đã đến với họ trong căn phòng nhỏ ngọt ngào đó. Bà không bao giờ nói về chuyện đó - bà lên đường, đúng giờ, ngay lập tức. Bản năng của bà là đi, một bản năng giống như những con én hướng về nam, những cây atisô hướng tới mặt trời; là hướng sự không thể sai lầm của mình tới loài người, làm tổ trong trái tim của nó. Và bản năng này, như mọi bản năng, khá khó chịu đối với những ai không chia sẻ nó; như với ông Carmichael, có lẽ, như với chính cô, tất nhiên. Có một nhận thức nào đó trong cả hai người bọn họ về sự vô hiệu quả của hành động, uy thế của tư tưởng. Việc ra đi của bà là một sự chỉ trích đối với họ, mang tới một khúc quanh khác cho thế giới, khiến họ buộc phải phản kháng khi nhìn thấy thiên kiến của chính họ biến mất, phải chộp lấy những thứ đang biến dần đi đó. Charles Tansley cũng đã làm điều đó: nó là một phần của lý do tại sao người ta không thích anh ta. Anh ta đánh đổ những sự cân xứng trong thế giới của người ta. Và điều gì đã xảy đến với anh ta, cô tự hỏi, thưa khoảng một cách lười nhát những cây chuối lá với chiếc cọ của mình. Anh ta đã nhận được học bổng nghiên cứu sinh của mình. Anh ta đã lấy vợ; anh ta sống ở khu Golder's Green.

Trong thời gian chiến tranh, có một hôm cô đã bước vào một sảnh đường và nghe thấy anh ta nói.

Anh ta đang kịch liệt phản đối một điều gì đó: anh ta đang lăng mạ ai đó. Anh ta đang thuyết giảng về tình huynh đệ. Và tất cả những gì cô nghĩ là làm thế nào anh ta có thể yêu được cái loại người của anh ta, kẻ không phân biệt nổi bức tranh này với bức tranh khác, kẻ đã đứng sau lưng cô hút thuốc rê (“năm xu một ao-xơ, cô Briscoe ạ”) và cho rằng nhiệm vụ

của mình là nói với cô rằng đàn bà không thể viết, đàn bà không thể vẽ, khi anh ta cũng chẳng tin tưởng mấy vào điều đó mà chỉ vì một nguyên do kỳ quặc nào đó? Anh ta đứng đó trên cái bực, gầy gò, mặt đỏ au, giọng khàn khàn, đang rao giảng tình yêu (có những con kiến đang bò loanh quanh giữa những cây chuối lá mà cô đánh động với cây cọ của mình - những con kiến đỏ, năng động, bóng loáng, khá giống Charles Tansley). Cô đã nhìn một cách mỉa mai từ chỗ ngồi của mình trong cái sảnh đường trống hết phân nửa khi anh ta đang bơm tình yêu vào cái chồn giá lạnh đó, và đột nhiên, cái thùng tô nô cũ, hoặc bất cứ thứ gì cũng được, đang trồi sục lên xuống giữa những lượn sóng, còn bà Ramsay thì đang tìm kiếm đôi kính của mình giữa những hòn đá cuội. “Úi chà! Thật là phiền hà! Lại mất nữa rồi. Đừng bận tâm, anh Tansley ạ. Tôi mất đến cả ngàn đôi mỗi mùa hè ấy chứ,” khi nghe tới đó anh ta ấn chiếc cằm của mình xuống cổ áo trở lại, như thể e sợ phải ủng hộ cho một sự phóng đại như thế, nhưng lại có thể chịu đựng được điều đó ở bà, người mà anh ta thích, và mỉm cười rất dễ thương. Hẳn anh ta phải đủ tin cậy ở bà để thổ lộ về một trong những chuyến đi dài đó khi mọi người bị phân tán và anh ta đi bộ về một mình. Anh ta tự dạy học em gái mình, bà Ramsay đã kể cho cô nghe. Niềm tin cậy của anh ta thật lớn lao. Ý tưởng của chính cô về anh ta thật kỳ cục, cô biết rất rõ, tiếp tục đưa cọ khuấy động những cây chuối lá. Nói cho cùng, phân nửa những nhận thức của người ta về người khác đều kỳ cục. Chúng phục vụ cho những mục đích riêng của bản thân người ta. Với cô anh ta là một cái bung xung. Cô phát hiện ra mình đang đánh vào hai bệ sườn gầy guộc của anh ta khi cô nổi nóng. Nếu cô muốn nghĩ nghiêm túc về anh ta thì cô phải viện tới những lời của bà Ramsay, nhìn anh ta qua đôi mắt của bà ấy.

Cô dựng một ngọn núi nhỏ cho lũ kiến leo lên. Cô khiến chúng trở nên cuồng loạn trong cơn do dự bởi sự can thiệp này vào vũ trụ của chúng. Một số chạy lối này, số khác lối kia.

Người ta muốn có tới năm mươi đôi mắt để nhìn, cô suy ngẫm. Năm mươi đôi mắt cũng chưa đủ để nhìn khắp người phụ nữ đó, cô nghĩ. Trong số chúng, phải có một đôi hoàn toàn mù tịt đối với vẻ đẹp của bà. Người ta muốn có một giác quan nào đó bí mật nhất, biến hóa khôn lường như không khí, một giác quan để nhìn qua những lỗ khóa và bao

quanh bà ấy ở nơi bà ngồi đan, chuyện trò, im lặng một mình bên trong cửa sổ; một giác quan sử dụng chính nó và tích lũy dần, như không khí duy trì luồng khói của con tàu chạy hơi nước, những ý tưởng của bà, những tưởng tượng của bà, những ước vọng của bà. Hàng giậu có ý nghĩa gì đối với bà ấy, khu vườn có ý nghĩa gì đối với bà ấy, một lượn sóng vỗ toang có ý nghĩa gì đối với bà ấy? (Lily ngẩng lên, như cô đã thấy bà Ramsay ngẩng lên; cả cô cũng nghe thấy tiếng sóng ập vào bờ.) Và rồi cái gì đã khuấy động và run rẩy trong tâm trí bà ấy khi lũ trẻ reo lên, “Cú đó thế nào? Cú đó thế nào?” khi đang chơi bóng cri-kê? Bà sẽ dừng đan giây lát. Bà sẽ nhìn chăm chú. Rồi bà sẽ lại tiếp tục, và đột nhiên ông Ramsay đứng phắt lại trong lúc đang bước qua trước mặt bà và một chấn động kỳ lạ nào đó chạy xuyên khắp người bà và dường như gây cho bà một nỗi âu lo sâu sắc khi ông ấy dừng ở đó, khom người xuống bà, nhìn xuống bà. Lily có thể nhìn thấy ông ấy.

Ông ấy vươn tay ra và kéo bà rời khỏi ghế. Theo cách nào đó dường như ông ấy đã từng làm điều này trước kia; như thể ông ấy đã có lần cúi xuống với cùng cung cách đó và kéo bà lên khỏi một con thuyền nằm cách bờ vài phân Anh trên một hòn đảo nào đó, đã yêu cầu rằng các quý bà nên được các quý ông giúp lên bờ như vậy. Một cảnh tượng lỗi thời, đòi hỏi rất sát sao phải có những chiếc váy phồng và những chiếc quần dài bó ống. Để cho ông ấy giúp mình, bà Ramsay đã nghĩ (Lily giả sử) giờ đã tới lúc rồi. Phải, bà sẽ nói điều đó bây giờ. Phải, bà sẽ lấy ông ấy. Và bà bước một cách chậm rãi, lặng lẽ lên bờ. Có lẽ bà ấy chỉ nói một từ duy nhất, vẫn để yên bàn tay mình trong tay ông ấy. Tôi sẽ lấy anh, có thể bà đã nói thế, với bàn tay trong tay ông ấy; nhưng không nói thêm gì nữa. Hết lượt này sang lượt khác, cùng một sự run rẩy đã chuyển dịch lại qua giữa họ - hiển nhiên là vậy, Lily nghĩ, dọn phẳng một con đường cho lũ kiến. Cô không bịa đặt; cô chỉ cố trải phẳng ra một điều gì đó bị gấp lại mà nhiều năm trước cô đã tiếp nhận; một điều gì đó cô đã nhìn thấy. Bởi lẽ trong sự thô nhám và rối ren của cuộc sống đời thường, với tất cả lũ trẻ đó vây quanh, tất cả những người khách đó, người ta đã liên tục có một cảm giác về sự lặp đi lặp lại - về một vật rơi xuống nơi một vật khác đã rơi, và như vậy đã hình thành nên một tiếng vọng ngân vang trong không trung và làm cho nó tràn ngập những âm ba chao động.

Nhưng sẽ là một sai lầm nếu đơn giản hóa mối quan hệ của họ, cô nghĩ, hình dung họ bước đi, tay trong tay, ngang qua ngôi nhà kính như thế nào. Đó không phải là sự tẻ nhạt đơn điệu của hạnh phúc - bà ấy với những cơn bốc đồng và tính nóng nảy; ông ấy với những cái rùng mình và vẻ âu sầu.Ồ, không. Cửa phòng ngủ sẽ đóng sầm vào lúc sớm mai. Ông ấy sẽ rời khỏi bàn trong cơn nóng giận. Ông ấy sẽ ném vệt cái đĩa ăn của mình qua cửa sổ. Rồi xuyên khắp ngôi nhà sẽ có một cảm giác về những cánh cửa đóng sầm và những tấm màn che rung động, như thể một cơn giông đang thổi qua và mọi người chạy vụt đi, cố gắng một cách vội vã để cột chặt những cánh cửa sập và đưa mọi thứ về trạng thái ổn định. Cô đã gặp Paul Rayley vào một ngày như thế trên cầu thang. Họ đã cười, cười ngặt nghẽo, như một đôi bạn nhỏ, tất cả là do ông Ramsay, khi phát hiện ra một con sâu tai trong ly sữa của mình đã ném tung tất cả các thứ qua không khí ra sân hiên bên ngoài. “Một con sâu tai,” Prue lẩm bẩm, kinh hoàng, “trong sữa của ông ấy.” Những người khác có thể phát hiện ra những con rết. Nhưng ông ấy đã dựng lên quanh mình một bức rào thiêng, và chiếm lĩnh không gian với một thái độ oai nghiêm đến nỗi một con sâu tai trong sữa của ông trở thành một con quái vật.

Nhưng nó làm bà Ramsay mệt mỏi, nó khiến bà hơi sợ hãi - những cái đĩa bay vù vù và những cánh cửa đóng đánh sầm. Và đôi khi giữa họ buông xuống những khoảng im lặng dài khắc nghiệt, khi, trong một trạng thái tinh thần khiến cho Lily khó chịu - nửa buồn rầu, nửa phẫn uất - dường như bà không thể vượt qua cơn giông tố một cách bình thản, hoặc cười to lên khi họ cười to, mà vẫn tỏ ra mệt mỏi, có lẽ để che giấu điều gì đó. Bà suy nghĩ ủ ê và ngồi im lặng. Sau một thời gian, ông ấy sẽ len lén tới quần quanh gần những nơi có mặt bà - đi vẫn vơ bên dưới cửa sổ nơi bà ngồi viết thư hay trò chuyện, vì bà sẽ tỏ ra bận rộn khi ông ấy đi ngang, và lảng tránh ông, vờ như không nhìn thấy ông ấy. Rồi ông ấy sẽ trở nên mềm như lụa, hòa nhã, lịch sự, và cố lấy lòng bà theo cách đó. Tuy nhiên bà vẫn giữ khoảng cách, và lúc này bà sẽ khẳng định trong một thời cơ ngắn ngủi những niềm kiêu hãnh và những thái độ mà vẻ đẹp của bà đáng được hưởng nhưng nói chung là bà hoàn toàn không có; sẽ quay đầu đi; sẽ liếc nhìn qua vai, luôn luôn với Minta, Paul hay William Bankes bên cạnh. Cuối cùng, đứng ở phía ngoài nhóm với bộ dạng của một chó săn sói sắp chết đói (Lily đứng lên khỏi bãi cỏ và nhìn vào những bậc thềm,

vào khung cửa sổ nơi bà đã nhìn thấy ông ấy), ông ấy sẽ gọi tên bà, chỉ một lần, hết như một con sói đang sủa trong tuyết, nhưng bà vẫn ngoảnh mặt đi; và ông ấy sẽ gọi thêm lần nữa, lần này có cái gì đó trong giọng điệu làm bà xao xuyến, bà sẽ đi tới với ông ấy, đột ngột rời bỏ tất cả bọn họ, và họ sẽ cùng nhau thả bước giữa những cây lê, những luống cải bắp, những luống mâm xôi. Họ phải cùng giải tỏa vấn đề. Nhưng với thái độ nào và những ngôn từ nào? Họ giữ gìn phẩm giá trong mối quan hệ này đến nỗi cô, Paul và Minta sẽ phải quay mặt đi, che giấu sự hiếu kỳ và khó chịu của mình, bắt đầu hái hoa, ném bóng, chuyện gẫu, cho tới giờ ăn tối, và họ kia rồi, ông ấy ở một đầu bàn, bà ở đầu còn lại, như thường lệ.

“Vì sao một người nào đó trong các cô cậu không chọn học ngành thực vật học?... Với tất cả những cái cẳng tay cẳng chân đó vì sao một trong số các cô cậu...?” Họ sẽ trò chuyện như thường lệ, cười rộ lên giữa đám trẻ con. Tất cả sẽ như thường lệ, chỉ trừ một rung động nào đó, như của một lưỡi dao trong không khí, đến và đi giữa họ, như thể cái cảnh tượng thường ngày của lũ trẻ ngồi quanh những đĩa xúp của chúng đã tự làm tươi mới lại bản thân nó trong mắt họ sau thời gian đi giữa hàng cây lê và cải bắp. Đặc biệt, Lily nghĩ, bà Ramsay sẽ liếc nhìn Prue. Cô bé ngồi ở giữa các anh chị em, dường như luôn luôn bận bịu, và khi thấy rằng mọi sự đều ổn thỏa cô bé hầu như không thốt ra một lời nào. Prue hẳn đã tự trách mình nhiều biết bao về con sâu tai trong sữa đó! Mặt cô bé đã trắng bệch ra khi ông Ramsay ném đĩa của mình qua cửa sổ! Cô bé đã ủ rũ biết bao dưới những cuộc im lặng dài giữa họ! Dù sao đi nữa, dường như bây giờ mẹ cô sẽ bù đắp lại cho cô; bảo đảm với cô rằng mọi chuyện đều tốt đẹp; hứa với cô rằng một trong những ngày sắp tới niềm hạnh phúc này sẽ là của cô. Tuy nhiên, Prue chỉ hưởng thụ nó không tới một năm tròn.

Cô để cho những nhánh hoa rơi khỏi giỏ của bà ấy, Lily nghĩ, nheo mắt và lùi lại như thể để nhìn vào bức tranh, tuy nhiên cô không chạm vào nó, với toàn thể những tính năng của cô đang nằm trong một trạng thái thôi miên, đóng băng một cách hời hợt ở bên trên nhưng lại chuyển động ở bên dưới với tốc độ cực cao.

Cô để cho những nhánh hoa rơi khỏi giỏ của bà ấy, tung rắc vung vãi chúng lên mặt cỏ, và, một cách miễn cưỡng và do dự, nhưng không hề thối mắc hay than phiền - phải chăng cô không có tính năng tuân phục một cách trọn vẹn? - cả cô cũng đi. Xuôi những cánh đồng, băng qua những thung lũng, trắng, trải đầy hoa - đó là cái cách mà cô sẽ vẽ. Những ngọn đồi thật khắc khổ. Đầy những đá; dốc đứng. Những lượn sóng ì ầm trên những tảng đá bên dưới. Họ đi, cả ba người bọn họ cùng đi, bà Ramsay bước hơi nhanh ở phía trước, như thể bà mong đợi gặp ai đó ở một góc quanh.

Đột nhiên cánh cửa sổ mà cô đang nhìn chột bạc phếch đi bởi một ánh sáng nào đó ập vào từ phía sau nó. Vậy là cuối cùng ai đó đã đi vào phòng khách; ai đó đang ngồi trên ghế. Lạy Trời, cô cầu nguyện, cứ để họ ngồi yên đó và đừng có loạng quạng đi ra để trò chuyện với cô. May mắn thay, kẻ nào đó không cần biết vẫn ngồi yên bên trong; đã yên vị bởi một vận may nào đó để tạo thành một cái bóng lạ lùng hình tam giác trên bậc thềm. Nó làm cho cấu trúc của bức tranh thay đổi chút ít. Thật thú vị. Nó có thể hữu dụng. Tâm trạng của cô lại quay về với cô. Người ta phải tiếp tục nhìn mà không hề giảm xả cường độ cảm xúc một giây nào, sự xác quyết không thể bị trì hoãn, không thể bị đánh lừa. Người ta phải kẹp chặt cái cảnh tượng đó - như thế - trong một cái ê-tô, không để cho một thứ gì xâm nhập vào và làm hỏng nó. Người ta muốn, cô nghĩ, nhúng chiếc cọ một cách chủ tâm, ở cùng một cấp độ với kinh nghiệm bình thường, để cảm nhận một cách giản đơn đó là một cái ghế, đó là một cái bàn, thế nhưng cũng đồng thời, Nó là một phép mầu, nó là một trạng thái mê ly. Rốt cuộc vấn đề đã có thể giải quyết rồi. A, nhưng chuyện gì đã xảy ra? Một gợn sóng trắng nào đó lướt lên trên tấm kính cửa sổ. Hẳn là không khí đã khuấy đảo một dải viền ren nào đó trong phòng. Quả tim cô đập dồn dập, túm lấy cô và dày vò cô.

“Bà Ramsay! Bà Ramsay!” cô kêu lên, cảm thấy nỗi kinh hoàng cũ đã quay trở lại - muốn và muốn và không có. Cô có thể tạo ra sự tĩnh lặng đó không? Và rồi, lặng lẽ, như thể cô đã kiểm chế được, cả cái đó cũng trở thành một phần của kinh nghiệm bình thường, cùng một cấp độ với cái ghế, với cái bàn.

Bà Ramsay - đó là một phần của sự tốt đẹp hoàn hảo của bà - ngồi đó hoàn toàn đơn giản, trong chiếc ghế, đang đẩy tới kéo lui đôi kim để đan chiếc tất màu nâu đỏ, hất cái bóng của mình xuống bậc thềm. Bà đang ngồi, ở đó.

Và như thế cô có một điều gì đó muốn sẻ chia, thế nhưng hầu như không thể rời khỏi giá vẽ của mình, tràn ngập trong tâm trí cô điều mà bà ấy đang suy nghĩ, điều mà bà ấy đang nhìn, Lily bước ngang qua ông Carmichael tới rìa bãi cỏ, vẫn giữ cây cọ trong tay. Giờ này con thuyền ở đâu? Và ông Ramsay? Cô cần ông ta.

12.

Ông Ramsay gần như đã đọc xong. Một bàn tay hờ hững đặt trên trang giấy như thể để sẵn sàng lật nó ngay vào khoảnh khắc ông hoàn tất nó. Ông ngồi ở đó, đầu để trần, với ngọn gió thổi tung mái tóc, phơi trần một cách khác thường với mọi thứ. Trông ông rất già nua. Trông ông, James nghĩ, như đang để cho mái đầu mình khi thì nổi lên trên ngọn hải đăng, khi thì nổi lên trên vùng nước đang chạy về phía cửa biển, giống như một tảng đá lâu đời nằm trên cát; trông như thể ông đã trở thành, về mặt vật chất, điều luôn luôn nằm sau lưng tâm trí của hai chị em nó - sự lẻ loi cô độc đó, điều mà đối với cả hai chúng nó là chân lý về mọi sự vật.

Ông đang đọc rất nhanh, như thể ông nôn nóng đi tới kết thúc. Thật sự, lúc này họ đã tới rất gần ngọn hải đăng. Nó lù lù đứng đó, bình dị và thẳng tắp, trắng và đen chói sáng, và người ta có thể nhìn thấy những đợt sóng vỡ toang thành những mảnh trắng giống như gương vỡ bên trên những tảng đá. Người ta có thể nhìn thấy những đường nét và nếp hằn trên những tảng đá. Người ta có thể nhìn thấy những khung cửa sổ một cách rõ ràng; có một chấm trắng trên một trong số chúng, và một túm cỏ xanh nho nhỏ trên tảng đá. Một người đàn ông xuất hiện và nhìn họ qua một lớp kính rồi lại đi vào. Vậy là trông nó như thế đó, James nghĩ, ngọn hải đăng mà người ta đã nhìn thấy qua cái vịnh suốt bấy nhiêu năm qua;

nó là một cái tháp đơn sơ trên một tảng đá trọc. Nó làm James hài lòng. Nó khẳng nhận một cảm giác khó hiểu nào đó của James về tính cách của chính mình. Những quý phu nhân già, nó nghĩ, hình dung tới khu vườn ở nhà, đang kéo lê ghế của họ quanh bãi cỏ. Bà cụ Beckwith, chẳng hạn, luôn bảo rằng nó xinh đẹp làm sao, dễ thương làm sao và họ nên rất tự hào, nên rất hạnh phúc, nhưng thật ra, James nghĩ, nhìn ngọn hải đăng đứng đó trên tảng đá, nó không giống như vậy. Nó nhìn cha nó đang đọc một cách say sưa với đôi chân gập sát lại. Họ đã chia sẻ tri thức đó. “Chúng ta đang đi phía trước một cơn bão lớn - chúng ta phải chìm,” nó bắt đầu tự nói với chính mình, hơi lớn tiếng, một cách chính xác giống như cha nó nói.

Dường như không có ai thốt lời nào trong suốt hàng thế kỷ. Cam thấy mệt vì cứ nhìn biển mãi. Những chùm phao đen đen nho nhỏ đã trôi lại phía sau; những con cá đã chết trong đáy thuyền. Cha nó vẫn đang đọc, và James nhìn ông ấy, còn nó thì nhìn James, và chúng thể rằng chúng sẽ chiến đấu với sự chuyên chế cho tới chết, và ông ấy tiếp tục đọc, hoàn toàn không biết những gì chúng nghĩ. Ông thoát thân như vậy đấy, Cam nghĩ. Phải, với vầng trán to và cái mũi to, giữ chắc cuốn sách lốm đốm của ông ở trước mặt, ông đã tẩu thoát. Bạn có thể thử đặt tay lên ông, nhưng rồi như một con chim, ông dang rộng đôi cánh, tung người bay lên để trú ngụ xa khỏi tầm tay bạn ở đâu đó xa xôi trên một gốc cây quanh quẽ. Nó nhìn khoảng trải rộng mênh mông của biển. Hòn đảo đã trở nên nhỏ bé đến mức trông nó không còn giống một chiếc lá chút nào. Trông nó giống như chóp của một tảng đá mà một lượn sóng nào đó to hơn số còn lại sẽ phủ trùm lên. Thế nhưng trong sự mong manh của nó là tất cả những con đường mòn đó, những dãy nhà đó, những phòng ngủ đó - tất cả mọi thứ không tài nào đếm xuể đó. Nhưng giống như ngay trước lúc ngủ thiếp đi, mọi sự vật tự đơn giản hóa chúng khiến cho chỉ một trong tất cả những chi tiết nhiều vô số đó có quyền năng khẳng định nó, cũng thế, Cam cảm thấy, khi nhìn mơ màng về phía hòn đảo, tất cả những con đường mòn, những dãy nhà và những căn phòng ngủ đang nhạt nhòa và biến mất, và không để lại gì ngoài một chiếc lư hương xanh nhạt đang đu đưa một cách nhịp nhàng từ bên này sang bên kia tâm trí nó. Nó là một khu vườn treo; nó là một thung lũng, đầy các loại chim, và các loài hoa cỏ, và những con linh dương... Nó đang ngủ thiếp đi.

“Tới rồi đây,” ông Ramsay nói, đột ngột khép cuốn sách lại.

Tới đâu? Tới cuộc phiêu lưu kỳ thú nào? Cam giật mình tỉnh giấc. Lên bờ ở nơi đâu, trèo lên nơi nào? Ông sẽ dắt chúng đi đâu? Bởi lẽ sau sự im lặng mênh mang của ông những lời đó đã làm cho chúng giật mình. Nhưng thật phi lý. Ông thấy đói, ông bảo. Đã tới giờ ăn trưa, ngoài ra, nhìn kìa, ông nói. “Đó là ngọn hải đăng. Chúng ta gần tới nơi rồi.”

“Cậu ấy làm rất tốt,” Macalister nói, khen ngợi James. “Cậu ấy đã lái thuyền rất vững.”

Nhưng cha nó không bao giờ khen nó, James nghĩ một cách dứt khoát.

Ông Ramsay mở gói giấy ra và chia cho chúng những cái bánh sandwich. Giờ thì ông hạnh phúc, trong lúc ăn bánh mì và pho mát với những người ngư dân này. Hẳn là ông thích sống trong một căn nhà thôn dã và đi thơ thẩn trên bến cảng, la lối chuyện trò với những ông già khác, James nghĩ, quan sát ông xắt cục pho mát thành những lát mỏng với con dao bỏ túi.

Điều này đúng, chính nó đây rồi, Cam tiếp tục cảm nhận khi nó nhìn quả trứng đã luộc kỹ của mình. Giờ đây nó cảm thấy như thể nó đang ở trong phòng đọc sách khi những ông già đang đọc báo THE TIMES. Giờ đây mình có thể tiếp tục suy nghĩ những gì mình thích, và mình sẽ không rơi ra khỏi vách núi hay bị chết chìm, vì ông ấy đang ở đó, đưa mắt dõi theo mình, nó nghĩ.

Trong lúc đó họ đang lướt dọc bên cạnh những tảng đá, nhanh đến mức tâm trạng của ai cũng phấn khích - dường như họ đang làm hai việc trong cùng một lúc; vừa ăn bữa trưa ở đây dưới ánh mặt trời đồng thời cũng vừa tạo ra sự an toàn trong một cơn bão sau một vụ đắm tàu. Nước có tồn tại không? Những thứ thực phẩm dự phòng có tồn tại không? Cam tự hỏi mình, kể cho nó nghe một câu chuyện nhưng đồng thời biết rằng cái gì là sự thật.

Chẳng bao lâu nữa họ sẽ rời khỏi cuộc đời, ông Ramsay đang nói với già Macalister, nhưng con cái họ sẽ nhìn thấy những điều kỳ lạ. Macalister

bảo ông tròn bảy mươi lăm vào tháng Ba vừa rồi; ông Ramsay thì bảy mươi mốt. Macalister bảo ông chưa từng đi bác sĩ lần nào; ông chưa rụng một cái răng nào. Và đó là cái cách mà tôi thích con cái tôi sống - Cam chắc chắn đó là điều mà cha nó đang thầm nghĩ vì ông đã ngăn nó đừng ném một cái bánh sandwich xuống biển và bảo nó, như thể ông đang nghĩ về những người ngư dân và cách sống của họ, rằng nếu nó không muốn ăn nữa thì nên cất cái bánh lại vào gói. Nó đừng nên lãng phí. Ông nói điều đó một cách minh nhiên, như thể ông biết rõ những điều xảy ra trên thế gian đến nỗi nó cất cái bánh vào ngay, thế rồi ông lấy từ gói của mình ra một cái bánh gừng và trao cho nó, như thể ông là một ông lớn Tây Ban Nha đang trao cho một phu nhân bên cửa sổ một đóa hoa (cử chỉ của ông hào hoa phong nhã làm sao). Ông ăn mặc xoàng xĩnh, giản dị, đang ăn bánh mì và pho mát; thế nhưng ông đang chỉ huy chúng trong một cuộc viễn chinh mà họ có thể sẽ chết chìm, đó là tất cả những gì nó biết.

“Đó là nơi con tàu bị đắm,” con trai của già Macalister đột ngột nói.

Có ba người người bị chết đuối tại nơi chúng ta đang đi qua, ông già nói. Chính ông đã từng nhìn thấy họ đeo bám đu đưa trên chiếc cột buồm. Và ông Ramsay đưa mắt nhìn quanh chỗ đó, James và Cam e rằng ông sẽ bật thốt lên:

Nhưng tôi còn bị nhấn chìm hơn anh ấy,

và nếu ông làm thế, chúng không thể chịu nổi; chúng sẽ hét to lên; chúng không thể chịu đựng thêm một sự bùng nổ khác của cảm xúc nồng nàn đang sôi sục trong ông; nhưng chúng ngạc nhiên khi tất cả những gì ông nói là ‘Chà’, như thể ông nghĩ cho chính bản thân mình. Nhưng tại sao cứ âm ỉ lên vì chuyện đó. Những người đàn ông chết đuối trong một cơn bão là lẽ tự nhiên, đó cũng là một sự vụ hoàn toàn chính đáng, và những đáy biển thăm sâu (ông rắc những vụn bánh từ miếng giấy gói bánh qua chỗ chúng) nói cho cùng cũng chỉ là nước mà thôi. Thế rồi sau khi đốt tàu thuốc lên ông lấy cái đồng hồ bỏ túi ra. Ông chăm chú nhìn nó; có lẽ ông đang làm một phép tính toán học nào đó. Cuối cùng ông hoan hỉ nói:

“Tuyệt lắm!” James đã lái thuyền như một thủy thủ con nhà nòi.

Thấy không! Cam nghĩ, lặng lẽ hướng mắt về phía James. Cuối cùng em đã đạt được nó rồi. Bởi nó biết rằng đây là điều mà James hằng mong đợi, và nó cũng biết rằng giờ đây, khi đã đạt được điều đó rồi, James sẽ hài lòng đến nỗi nó sẽ không nhìn cô hay cha nó hay bất kỳ ai nữa. Nó ngồi ở đó, lưng rất thẳng, bàn tay đặt trên bánh lái, trông hơi hờn dỗi và cau có. Nó hài lòng đến nỗi nó sẽ không cho bất kỳ ai chia sẻ một may mắn nào trong niềm hân hoan của nó. Cha nó đã khen ngợi nó. Chúng đã phải nghĩ rằng ông cực kỳ thờ ơ lãnh đạm. Nhưng giờ thì em đã đạt được điều đó rồi, Cam nghĩ.

Họ đã trở buồm chạy vát, và họ đang nhanh chóng lướt đi một cách sôi nổi trên những lớp sóng đông đưa, lắc lư họ từ bên này sang bên kia với một sự nhịp nhàng và hồ hởi lạ lùng bên ngoài rặng đá ngầm. Ở phía bên trái là một dãy đá tảng hiện ra nâu nâu dưới làn nước mỏng và ngày càng trở nên xanh hơn, còn ở bên phải là một tảng đá cao, một lượn sóng vỗ triền miên và phun trào lên một cột nhỏ những giọt nước rào rào rơi xuống như mưa. Người ta có thể nghe thấy tiếng nước vỗ và tiếng tí tách của những giọt nước đang rơi, và một âm thanh rì rào to nhỏ phát ra từ những lượn sóng đang cuộn tròn nô giỡn và vỗ vào những tảng đá như thể chúng là những sinh vật hoang dã, những sinh vật hoàn toàn tự do, tung tăng và nhào lộn và nô đùa như thế này mãi mãi.

Lúc này họ có thể nhìn thấy hai người trên ngọn hải đăng, đang quan sát họ và chuẩn bị đón tiếp họ.

Ông Ramsay cài lại nút áo khoác và xắn ống quần lên. Ông cầm lấy cái gói giấy nâu lớn được gói lại một cách sơ sài mà Nancy đã chuẩn bị và đặt nó lên đầu gối mình. Ông ngồi trong tư thế sẵn sàng cho cuộc lên bờ như thế, ngoái nhìn lại hòn đảo. Với đôi mắt viễn thị của mình có lẽ ông có thể nhìn thấy cái hình dáng như chiếc lá thu nhỏ ở đầu kia của một chiếc đĩa bằng vàng một cách rõ ràng. Ông có thể nhìn thấy gì? Cam tự hỏi. Với nó tất cả đều nhòa nhạt mơ hồ. Lúc này ông đang nghĩ gì? nó tự hỏi. Ông tìm kiếm cái gì mà chăm chú, mà dăm dăm, mà lặng lẽ vậy? Chúng quan sát ông, cả hai đứa chúng nó, đang ngồi đầu trần với cái gói giấy trên đầu gối, nhìn dăm dăm vào cái hình dáng xanh xanh mơ hồ trông như làn hơi nước của một vật gì đó đã tự bốc cháy tan tành. Cha muốn

gì? cả hai đứa muốn hỏi. Cả hai đều muốn nói, Hãy hỏi xin chúng con bất cứ điều gì và chúng con sẽ trao nó cho cha. Nhưng ông không hỏi xin chúng bất kỳ thứ gì cả. Ông ngồi và nhìn về phía hòn đảo và có lẽ đang nghĩ bụng, Chúng ta bỏ mạng, đơn độc từng người, hoặc có lẽ ông đang nghĩ, Ta đã chạm tới nó rồi. Ta đã tìm ra nó; nhưng ông không nói lời nào.

Rồi ông đội mũ lên đầu.

“Mang những cái gói đó nhé,” ông nói, hất đầu chỉ về phía những thứ mà Nancy đã gói ghém chuẩn bị cho họ mang ra ngọn hải đăng. “Những cái gói cho những người gác hải đăng,” ông nói. Ông nhồm dậy và đứng trong khoang thuyền, rất thẳng và cao, đứng vậy, James nghĩ, như thể ông đang nói, “Không có Thượng đế,” và Cam nghĩ, như thể ông sắp nhảy lên không trung, và cả hai đứa nhồm lên đi theo ông khi ông phóng lên tầng đá, một cách nhẹ nhàng, như một chàng trai trẻ.

13.

“Hắn ông ấy phải tới nơi rồi,” Lily nói lớn, đột nhiên cảm thấy một nhòai. Bởi vì ngọn hải đăng đã gần như trở nên vô hình, đã tan chảy vào một làn sương mù xanh ngát, và nỗ lực nhìn vào nó, nỗ lực suy nghĩ về việc ông ấy lên bờ ở đó, cả hai như đã trở thành một, kéo giãn thân thể và tâm hồn cô đến mức tối đa.Ồ, nhưng cô cảm thấy nhẹ nhõm. Bất cứ thứ gì mà cô muốn trao cho ông ấy khi ông ấy rời khỏi cô lúc sáng nay, cuối cùng cô cũng đã trao nó cho ông ấy.

“Ông ấy đã lên bờ,” cô nói lớn. “Chuyến đi đã hoàn thành.” Thế rồi, nhồm người lên, khẽ phì phèo tẩu thuốc, ông lão Carmichael đứng bên cạnh cô, trông như một vị thần dị giáo già nua, râu tóc bờm xờm, với những sợi cỏ trong tóc và cây đinh ba (thật ra nó chỉ là cuốn tiểu thuyết Pháp) trong tay. Ông đứng bên cô trên rìa bãi cỏ, thân hình to lớn khể lể lư, và nói, tay đưa lên che mắt: “Họ sẽ lên bờ,” và cô cảm thấy rằng cô đã đúng.

Họ không cần phải nói. Họ đã suy nghĩ về cùng những điều giống nhau và ông đã đáp lời cô mà không cần cô phải hỏi ông bất cứ điều gì. Ông đứng đó như thể ông đang dang rộng đôi tay bên trên mọi yếu đuối và đau khổ của loài người; cô nghĩ ông đang quan sát, một cách khoan thứ và trầm ẩn, cái định mệnh chung cuộc của họ. Giờ thì ông đã tìm ra duyên cớ, cô nghĩ, khi bàn tay ông chậm chạp buông xuống, như thể cô đã nhìn thấy ông buông rơi từ chiều cao vĩ đại của ông một vòng hoa violet và lan nhạt quang, nó chậm rãi chao động rồi cuối cùng đáp xuống mặt đất.

Một cách nhanh nhẹn, như thể cô được nhắc nhở bởi một điều gì ở đó, cô quay sang bức tranh của mình. Nó nằm đó - bức tranh của cô. Vàng, với tất cả những sắc xanh dương và xanh lá, những đường nét chạy lên và ngang dọc, nỗ lực vươn tới một cái gì đó. Nó sẽ được treo trong những căn phòng áp mái, cô nghĩ, nó sẽ bị hủy diệt. Nhưng điều đó có quan trọng gì cơ chứ? cô tự hỏi, một lần nữa nâng cọ lên. Cô nhìn những bậc thềm; chúng trống rỗng; cô nhìn vào bức tranh của mình; nó mờ mờ. Với một cảm xúc mãnh liệt, như thể cô đã nhìn thấy nó một cách rõ ràng trong một thoáng giây, cô vạch một nét ở đó, ngay chính giữa. Nó đã được thực hiện xong; nó đã hoàn tất. Vàng, cô nghĩ, đặt chiếc cọ xuống trong một cảm giác mệt mỏi cực độ, tôi đã có viễn tượng của mình.



CHÚ THÍCH

^[1] Henrik Johan Ibsen (1828-1906): kịch tác gia Na Uy, được xem là cha đẻ của kịch nói hiện đại.

[2] Trích từ bài thơ *Cuộc đột kích của Lữ đoàn Khinh kỵ binh* (The Charge of the Light Brigade) của nhà thơ Anh Alfred Tennyson viết năm 1854 về trận chiến ở Balaclava trong cuộc chiến tranh Crimean (1853-1856) giữa Nga và quân đồng minh gồm Pháp, Anh, Ottoman và Sardinia. Trong các chương sau (chủ yếu là Chương 6), dòng ý thức của ông Ramsay hướng tới những suy ngẫm bắt nguồn từ bài thơ này, nhất là ở khổ cuối của nó, nói về sự vinh quang bất tử của những người lính, mở rộng ra là của những người làm khoa học.

[3] Trích từ bài thơ *Cuộc đột kích của Lữ đoàn Khinh kỵ binh*.

^[4] Theo một ý kiến trên internet thì từ này đồng nghĩa với jasmine (hoa
lài).

[5] Trích từ bài thơ *Cuộc đột kích của Lữ đoàn Khinh kỵ binh*.

^[6] (tiếng Ý Monte Vesuvio, tiếng Latin Mons Vesuvius) một ngọn núi lửa ở phía đông tỉnh Naples, nước Ý.

[7] The Graces: Ba cô con gái của Vương thần Zeus và nữ thần Eurynome gồm: Agaia, Euphrosyne và Thalia (Thần thoại Hy Lạp).

[8] Thể thơ mà những chữ cái đầu của bài thơ nếu được ghép lại sẽ tạo thành một từ, thông thường là một danh từ riêng chỉ người, địa điểm...

[\[9\]](#) John *Locke* (1632-1704) triết gia Anh.

[\[10\]](#) David *Hume* (1711-1776) triết gia, sử gia, kinh tế gia Tô Cách Lan.

[\[11\]](#) George *Berkeley* (1685-1753) triết gia Ái Nhĩ Lan.

[\[12\]](#) Thomas *Carlyle* (1795-1881) giáo sư, sử gia, nhà văn châm biếm Tô Cách Lan.

[13] Ở đây người dịch bỏ qua một cụm từ: “*If they had charades,*” vì không thể dịch cho phù hợp với ngữ nghĩa của đoạn kế tiếp. Rất mong được các bậc cao minh chỉ giáo để hoàn chỉnh thêm.

[\[14\]](#) David *Hume* (1711-1776): triết gia, nhà kinh tế học và nhà sử học người Scotland.

[15] Dòng đầu bài thơ “To Jane: The Invitation” của nhà thơ Anh Percy Bysshe Shelley (1792-1822).

[\[16\]](#) Ngày thứ Sáu ngay trước lễ Phục sinh.

[\[17\]](#) Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni (1475-1564) thường gọi tắt là Michelangelo, nghệ sĩ người Ý đa tài (kiến trúc sư, họa sĩ, điêu khắc gia, thi sĩ, kỹ sư).

[\[18\]](#) *Giotto* di Bondone (1267-1337), thường được gọi tắt là Giotto, họa sĩ và kiến trúc sư người Ý.

^[19] Tiziano Vecelli hoặc Tiziano Vecellio (1473/1490-1576) thường gọi là Titian, họa sĩ Ý, dẫn đầu trường phái Venetian của phong trào Phục hưng Ý.

[\[20\]](#) Charles Robert Darwin (1809-1882) nhà tự nhiên học người Anh, tác giả Học thuyết Tiến hóa.

[\[21\]](#) Bút hiệu của Mary Anne Evans (1819-1980), tiểu thuyết gia Anh.

[22] Trong nguyên tác là “ở lứa tuổi bốn mươi” (at forty), nhưng theo người dịch có lẽ ở đây tác giả có sự sơ sót, vì ở Chương 9 - Phần Một, tác giả đã cho chúng ta biết rằng Lily 33 tuổi, và ở Chương 1 - Phần Ba, (10 năm sau) tuổi của Lily là bốn mươi bốn. Vì vậy, lứa tuổi ba mươi mới thật sự phù hợp.

^[23] Tên thật là François-Marie Arouet (1694-1778), nhà văn, triết gia Pháp.

[\[24\]](#) Anne Louise Germaine de Staël-Holstein (1766-1817) thường gọi là Madame de Staël, nữ văn sĩ Pháp gốc Thụy Sĩ sinh sống ở Paris.

[\[25\]](#) Archibald Philip Primrose (1847-1929): Thủ tướng Anh, còn gọi là Archibald Primrose (1847-1851) và Lord Dalmeny (1851-1868).

[\[26\]](#) Thomas Creevey (1768-1838) chính trị gia Anh.

[\[27\]](#) Loạt tiểu thuyết lịch sử của văn hào Walter Scott (1771-1832)

[\[28\]](#) Jane Austen (1775-1817) nữ tiểu thuyết gia Anh.

[\[29\]](#) Lev Nikolayevich Tolstoy (1828-1910) đại văn hào Nga.

[30] Đây là những câu thơ trích từ bài “*Luriana Lurilee*” của Charles Isaac Elton (1839 - 1900), luật gia, chính trị gia, nhà khảo cổ người Anh. Bài thơ này được xuất bản lần đầu vào năm 1945, 18 năm sau khi Virginia Woolf viết *To the Lighthouse* (1927). (Ở đây, người dịch xin phép chỉ tạm dịch mấy câu thơ trên dựa vào ý chính để thể hiện tốt nhất ngữ cảnh của đoạn này, thể lục bát được lựa chọn vì âm điệu du dương dễ nghe của nó phù hợp với các miêu tả liên quan của nữ văn sĩ Virginia Woolf.)

[\[31\]](#) Câu thơ mở đầu bài “Sirens’ Song” (Bài hát của những mỹ nhân ngư) của nhà thơ Anh William Browne (1591-1643).

[32] Nhân vật trong tiểu thuyết *The Antiquary* (Nhà khảo cổ) của thi văn hào Tô Cách Lan Walter Scott (1771-1832).

[33] Trong “Sonnet 98” của thi hào kiêm kịch tác gia Anh William Shakespeare (1564-1616)

[34] Trong “Sonnet 98” của thi hào kiêm kịch tác gia Anh William Shakespeare (1564-1616)

[35] Publius Vergilius Maro (70-19 tr.CN) - nhà thơ La Mã cổ đại.

[\[36\]](#) Trích bài thơ *The Castaway* của nhà thơ Anh William Cowper (1731-1800)

[\[37\]](#) Trích bài thơ *The Castaway* của nhà thơ Anh William Cowper (1731-1800)